

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THUỶ LỢI**



**KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMF)
CHO
DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (MD-ICRSL)
và
DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG
HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (GEF-
ICRSL)**

Hà Nội, tháng 03 năm 2016

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
BAN QUẢN LÝ TRUNG ƯƠNG CÁC DỰ ÁN THUỶ LỢI**



KHUNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (ESMF)

CHO

**DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (MD-ICRSL)**

và

**DỰ ÁN HỖ TRỢ KỸ THUẬT CHO DỰ ÁN CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG
HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (GEF-
ICRSL)**

Hà Nội, tháng 7 năm 2017

MỤC LỤC

MỤC LỤC	3
DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT.....	5
DANH SÁCH BẢNG.....	6
DANH SÁCH HÌNH.....	6
1. GIỚI THIỆU CHUNG	7
1.1. Tóm tắt về dự án	7
1.2. Mục đích của ESMF	7
1.3. Phạm vi của ESMF	8
2. MÔ TẢ DỰ ÁN.....	9
2.1. Mục tiêu phát triển và các hợp phần của dự án	9
2.2. Vùng ảnh hưởng/hưởng lợi của dự án.....	13
2.3. Các loại hình dự kiến của các TDA.....	13
2.4. Tổ chức thực hiện dự án	16
3. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ LUẬT LỆ CÓ LIÊN QUAN.....	19
3.1. Khung chính sách luật lệ của Việt Nam	19
3.2. Các chính sách an toàn của WB được áp dụng cho dự án.....	22
3.3. Hải hòa chính sách đánh giá môi trường	28
4. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI DO THỰC HIỆN DỰ ÁN.....	33
4.1. Các phát hiện chính trong REA và RSA	33
4.2. Tác động tích cực.....	35
4.3. Tác động tiêu cực.....	37
4.3.1. Trong quá trình chuẩn bị	37
4.3.2. Trong quá trình xây dựng	38
4.3.3. Trong quá trình vận hành.....	41
4.3.4. Tóm tắt các tác động tích lũy	42
5. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI	43
6. THỦ TỤC RÀ SOÁT, THÔNG QUA VÀ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN.....	47
6.1. Mục tiêu và cách tiếp cận.....	47
6.2. Sàng lọc CSAT và đánh giá tác động.....	48
6.3. Chuẩn bị các tài liệu CSAT	49
6.4. Xem xét, thông qua và công bố thông tin tài liệu CSAT	49
6.5. Thực hiện, giám sát và báo cáo	50
7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	50
7.1. Trách nhiệm thực hiện ESMF	50
7.2. Chế độ báo cáo	51
7.3. Tích hợp ESMF vào Sổ tay thực hiện dự án	52
8. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT	52
8.1. Đánh giá năng lực	52
8.2. Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật	53
9. KINH PHÍ THỰC HIỆN ESMF	54

10. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI	56
10.1. Cơ chế giải quyết khiếu nại của các TDA.....	56
10.2. Dịch vụ giải quyết khiếu nại của WB (GRS).....	57
11. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESMF	57
11.1. Tham vấn cộng đồng về ESMF	58
11.2. Công bố thông tin	58
PHỤ LỤC 1. VÙNG DỰ ÁN VÀ CÁC TIỂU DỰ ÁN NĂM ĐẦU	59
A1.1. Tổng quan.....	59
A1.2. Các rủi ro và thách thức chính của Đồng bằng	60
A1.3. Tóm tắt 04 TDA năm đầu	62
A1.4. Các chỉ số phát triển của các TDA giai đoạn 2	82
PHỤ LỤC 2. SÀNG LỌC, KIỂM TRA VÀ CÁC BIỂU MẪU CSAT	86
A2.1. Các tiêu chí kỹ thuật để sàng lọc và phân loại TDA.....	86
A2.2. Kiểm tra sàng lọc CSAT và Biểu mẫu	88
PHỤ LỤC 3. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ ESIA VÀ ESMP CHO CÁC TDA.....	98
Phụ lục 3a: Hướng dẫn kỹ thuật trong việc chuẩn bị ESIA và ESMP.....	98
A3.1. Chuẩn bị báo cáo ESIA	98
A3.2. Chuẩn bị báo cáo ESMP	102
A3.3. Hướng dẫn tham vấn cộng đồng	108
A3.4. Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch quản lý vật liệu nạo vét	108
A3.5. Chuẩn bị EIA/EPP theo yêu cầu của Việt Nam.....	112
Phụ lục 3 (b): Hướng dẫn đánh giá tác động tích lũy	113
B3.1. Phương pháp đánh giá tác động tích lũy	113
B3.2. Tác động của việc nâng cấp hoặc xây mới các cơ sở hạ tầng	114
B3.3. Tác động của việc nạo vét	115
B3.4. Tác động do xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước và kiểm soát lũ ở thượng nguồn	115
B3.5. Tác động của việc áp dụng các mô hình sinh kế vùng thượng nguồn	116
Phụ lục 3 (c): Hướng dẫn đánh giá xã hội.....	125
C3.1. Giải quyết tính dễ bị tổn thương về khí hậu và môi trường.....	125
C3.2. Giải quyết tính dễ bị tổn thương về xã hội.....	125
PHỤ LỤC 4. (a) QUY TẮC THỰC HÀNH MÔI TRƯỜNG (ECOP)	129
A4.1. Các vấn đề xã hội và môi trường trong quá trình xây dựng	129
A4.2. Khung chính sách và quy định của Việt Nam.....	130
A4.3. Yêu cầu giám sát và báo cáo	132
PHỤ LỤC 4 (b): ECOPs CHO HOẠT ĐỘNG XÂY LẬP NHỎ.....	143
PHỤ LỤC 5. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬT HẠI.....	149
A5.1. Mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của PMP	149
A5.2. Các chính sách, quy định và tổ chức có liên quan đến thuốc trừ sâu và IPM	151
A5.3. Cân nhắc kỹ thuật	155
A5.4. Hướng dẫn kỹ thuật IPM cho lúa và ngô	158
PHỤ LỤC 6. MẪU ĐĂNG KÝ KHIẾU NẠI.....	163
PHỤ LỤC 7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	164

DANH SÁCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

BAH	:	Bị ảnh hưởng
BĐKH	:	Biến đổi khí hậu
BOD	:	Nhu cầu oxi sinh học
CEMP	:	Kế hoạch quản lý môi trường của nhà thầu
CDC	:	Ban Phát triển Cộng đồng
CPMU	:	Ban quản lý dự án Trung ương
CSAT	:	Chính sách an toàn
CSC	:	Tư vấn giám sát xây dựng
CPO	:	Ban quản lý Trung ương các dự án Thuỷ lợi
DARD	:	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn
DONRE	:	Sở Tài nguyên và Môi trường
DMDP	:	Kế hoạch quản lý vật liệu nạo vét
ĐBSCL	:	Đồng bằng sông Cửu Long
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
ECO	:	Cán bộ môi trường
ECOP	:	Quy tắc thực hành môi trường
EM	:	Người dân tộc thiểu số
EMDP	:	Kế hoạch triển dân tộc thiểu số
EMPF	:	Khung phát triển dân tộc thiểu số
ES	:	Cán bộ giám sát môi trường
ESIA	:	Đánh giá tác động môi trường và xã hội
ESMP	:	Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội
ESMF	:	Khung quản lý môi trường và xã hội
HTTL	:	Hệ thống thuỷ lợi
ICMB10	:	Ban quản lý dự án Thuỷ lợi 10
IEMC	:	Tư vấn giám sát môi trường độc lập
IMA	:	Tư vấn giám sát độc lập
IPM	:	Quản lý dịch hại tổng hợp
MD-ICRSL	:	Chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long
MD-ICRSLP	:	Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và Sinh kế bền vững đồng bằng sông Cửu Long
NTTS	:	Nuôi trồng thuỷ sản
PPC	:	Ủy ban nhân dân tỉnh
PPMU	:	Ban quản lý dự án tỉnh

RAP	:	Kế hoạch hành động tái định cư
REA	:	Đánh giá môi trường vùng
RSA	:	Đánh giá xã hội vùng
PCR	:	Tài nguyên văn hóa vật thể
PMF	:	Khung quản lý vật hại
RPF	:	Khung chính sách tái định cư
SEO	:	Cán bộ An toàn và Môi trường
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TDA	:	Tiểu dự án
WB	:	Ngân hàng Thế giới

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1: Các tiểu dự án và kinh phí dự kiến của hợp phần 1	9
Bảng 2.2: Danh sách các TDA thuộc hợp phần 2, 3 và 4 của TDA và TDA năm đầu	15
Bảng 3.1: So sánh sự khác biệt về đánh giá môi trường của Việt Nam với WB và đề xuất giải pháp hài hòa chính sách cho dự án	29
Bảng 6.1: Hướng dẫn áp dụng các phụ lục của ESMF	47
Bảng 7.1: Chế độ báo cáo	51
Bảng 8.1: Đào tạo CSAT trong giai đoạn đầu của dự án	54
Bảng 9.1. Dự toán kinh phí thực hiện ESMF	54

DANH SÁCH HÌNH

Hình 2.1: Vị trí các TDA được đề xuất trong Hợp phần 2, 3, 4 của dự án MD-ICRSL	14
Hình 2.2: Tổ chức thực hiện dự án	18
Hình 6.1: Quy trình xây dựng và phê duyệt tài liệu môi trường và xã hội của các TDA.....	49

1. GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. Tóm tắt về dự án

1. Đồng bằng sông Cửu Long (có diện tích khoảng 40.000 km²) nằm ở cuối của sông Mê Công, phía Tây, Tây Nam và Nam giáp biển (đường bờ biển dài 700 km) là một khu kinh tế và sinh thái quan trọng của Việt Nam. Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có 1 thành phố (TP Cần Thơ) và 12 tỉnh với dân số khoảng 17,5 triệu người vào năm 2014 (chiếm 19,8% dân số cả nước) bao gồm: người Kinh (90%), Khmer (6%), Hoa (2%) và người Chăm. ĐBSCL là khu vực sản xuất lúa gạo, nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm chính của cả nước, tuy nhiên, gần một nửa diện tích của vùng bị ngập khoảng 3-4 tháng mỗi năm và gây khó khăn cho hoạt động sản xuất nông nghiệp và đời sống của người dân. Bên cạnh đó, nguồn nước và phù sa cũng như biến đổi khí hậu (BĐKH) là những yếu tố quan trọng đối với phát triển nông nghiệp ở ĐBSCL. Do địa hình thấp nên ĐBSCL được coi là một khu vực có nguy cơ bị tác động mạnh do BĐKH và nước biển dâng.

2. Chính phủ Việt Nam thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (MARD) và Bộ Tài nguyên và Môi trường (MONRE) đã chuẩn bị một dự án đầu tư có tên là Dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL (MD-ICRSLP hay còn gọi là Dự án), với *mục tiêu tăng cường năng lực quản lý và thích ứng với biến đổi khí hậu thông qua việc cải thiện quy hoạch, thúc đẩy sinh kế bền vững và xây dựng hạ tầng thích ứng với BĐKH tại các tỉnh được lựa chọn ở ĐBSCL*. Các hoạt động của dự án sẽ bao gồm: một số khoản đầu tư cơ sở hạ tầng thủy lợi, các hoạt động phi công trình cùng hỗ trợ kỹ thuật và sẽ được thực hiện thông qua 5 hợp phần: (1) Tăng cường công tác giám sát, phân tích và hệ thống cơ sở dữ liệu; (2) Quản lý lũ ở vùng thượng nguồn; (3) Thích ứng với chuyển đổi mặn ở vùng cửa sông; (4) Bảo vệ ven biển ở vùng bán đảo; và (5) Quản lý dự án và Hỗ trợ thực hiện. Dự án đang được đề xuất để được Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ trong thời gian 6 năm (2017-2022) với tổng kinh phí thực hiện dự án là 370 triệu USD (trong đó vốn Chính phủ là 70 triệu USD và vốn IDA là 300 triệu USD).

1.2. Mục đích của Khung quản lý môi trường và xã hội

3. Nhằm tuân thủ chính sách của WB về đánh giá môi trường (OP/BP 4.01 EA), thì dự án áp dụng cách tiếp cận chương trình bao gồm: các hoạt động đầu tư mà chưa được xác định trong giai đoạn phê duyệt dự án thì việc chuẩn bị và công bố thông tin ESMF là cần thiết để đảm bảo dự án có một kế hoạch và một qui trình cứng để tránh, giảm thiểu đến mức thấp nhất và/hoặc có biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường cũng như xã hội của các hoạt động đầu tư và can thiệp của dự án khi chúng được xác định, lên kế hoạch và thực hiện. Dự án MD-ICRSL được xếp loại A về đánh giá môi trường theo OP/BP 4.01 và 9/10 chính sách an toàn (CSAT) của WB được kích hoạt cho dự án này (xem *Phần 3*). Khung quản lý môi trường và xã hội (ESMF) này được xây dựng dựa vào việc xem xét luật lệ và các quy định có liên quan của chính phủ cũng như các báo cáo và các tài liệu khác nhau liên quan đến điều kiện môi

trường và xã hội ở ĐBSCL và các tỉnh của dự án, khảo sát thực địa và tổ chức các cuộc họp với chính quyền và người dân địa phương, xem xét kết quả của các Báo cáo Đánh giá Môi trường vùng (REA) và Báo cáo Đánh giá Xã hội vùng (RSA) do MARD thực hiện dưới sự hỗ trợ của các tư vấn quốc tế.

4. Nhiệm vụ của ESMF:

- Đánh giá được tác động môi trường và xã hội (tích cực hoặc tiêu cực) tiềm tàng của dự án và đề xuất được biện pháp giảm thiểu nhằm giải quyết hiệu quả các tác động;
- Xây dựng các quy trình và phương pháp luận rõ ràng cho việc lập, xem xét, thông qua và thực hiện các chính sách an toàn môi trường và xã hội của các TDA được tài trợ trong khuôn khổ dự án;
- Xác định được vai trò, trách nhiệm thích hợp và phác thảo các thủ tục báo cáo cần thiết để quản lý, giám sát vấn đề môi trường và xã hội liên quan đến các TDA;
- Xem xét các phương án chọn, các biện pháp để giảm thiểu tác động trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện dự án;
- Xác định được việc nhu cầu đào tạo, nâng cao năng lực và hỗ trợ kỹ thuật là cần thiết để thực hiện thành công những nội dung quy định trong ESMF;
- Xây dựng cơ chế tham vấn cộng đồng và công khai các tài liệu của dự án cũng như cơ chế giải quyết các khiếu nại có thể xảy ra khi thực hiện dự án;
- Thiết lập kinh phí dự án cần thiết để thực hiện các yêu cầu ESMF và cung cấp nguồn lực thực tế để thực hiện ESMF;

1.3. Phạm vi của ESMF

5. Căn cứ vào hướng dẫn chuẩn bị ESMF của dự án do WB tài trợ tại Việt Nam thì các nội dung của ESMF bao gồm: Mô tả dự án (Phần 2); Khung chính sách, luật lệ có liên quan (Phần 3); Các tác động tiềm tàng và biện pháp giảm thiểu (Phần 4); Thủ tục, xem xét, thông qua và thực hiện (Phần 5); Tổ chức thực hiện ESMF (Phần 6); Xây dựng năng lực, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật (Phần 7); Kinh phí thực hiện ESMF (Phần 8); Cơ chế giải quyết khiếu nại (9); và Tham vấn cộng đồng và công khai thông tin ESMF (Phần 10). Ngoài ra, EMSF còn có các phụ lục: Các phụ lục cung cấp thông tin về vị trí vùng dự án và các TDA năm đầu (Phụ lục 1); Biểu mẫu sàng lọc, kiểm tra CSAT (Phụ lục 2); Hướng dẫn chuẩn bị ESIA/ESMP (Phụ lục 3); ECOP (Phụ lục 4); Khung Quản lý vật hại (Phụ lục 5); Biểu mẫu đăng ký khiếu nại (Phụ lục 6); Thực hiện và chế độ báo cáo (Phụ lục 7).

6. Ngoài ESMF ra, còn có hai công cụ chính sách an toàn khác có liên quan sẽ được áp dụng trong quá trình thực hiện dự án. Đầu tiên là các Khung chính sách tái định cư (RPF) cung cấp hướng dẫn chuẩn bị và thực hiện một kế hoạch hành động tái định cư (RAP) phù hợp với các chính sách của Ngân hàng không tự nguyện tái định cư

(OP/BP 4.12) và nó sẽ được áp dụng khi các hoạt động dự án/TDA liên quan đến thu hồi đất, tái định cư và/hoặc giới hạn truy cập đến tài nguyên thiên nhiên. RPF đã được chuẩn bị phù hợp với OP/BP 4.12. Các công cụ thứ hai là Khung phát triển dân tộc thiểu số (EMPF) cung cấp hướng dẫn cho việc tham vấn miễn phí, tham vấn trước và thông báo với người dân tộc thiểu số trong khu vực dự án, chuẩn bị các kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) phù hợp với chính sách của Ngân hàng về người dân tộc thiểu số (OP/BP 4.10) và nó sẽ được áp dụng khi các hoạt động và/hoặc TDA của dự án được thực hiện trong khu vực sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số theo đúng định nghĩa của OP/BP 4.10. EMDP đã được chuẩn bị phù hợp với OP/BP 4.10. Các ESIA, RAP, EMDP của các TDA năm đầu đã được chuẩn bị riêng và trình lên Ngân hàng. Việc sàng lọc và chuẩn bị các tài liệu CSAT của các TDA các năm kế tiếp sau như ESIA, EMP, RAP và EMDP sẽ được thực hiện trong quá trình thực hiện dự án. Công cụ này được chuẩn bị một cách riêng biệt.

2. MÔ TẢ DỰ ÁN

2.1. Mục tiêu phát triển và các hợp phần của dự án

7. Mục tiêu phát triển của dự án là nâng cao năng lực lập kế hoạch thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu, tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu cho các hoạt động quản lý và sử dụng tài nguyên đất và nước tại một số tỉnh được lựa chọn ở khu vực ĐBSCL. Mục tiêu này sẽ đạt được thông qua việc cung cấp các khoản vốn đầu tư, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực cho nông dân ở các tỉnh được lựa chọn ở ĐBSCL và các tổ chức chính phủ ở cấp trung ương và địa phương.

8. Mục tiêu phát triển của dự án đầu tư bổ sung (AF) dùng vốn viện trợ của Quỹ Môi trường Toàn cầu (GEF) cũng giống như mục tiêu của dự án mẹ. Cụ thể là nhằm tới tăng cường năng lực nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo để nâng cao khả năng chống chịu khí hậu cho các hoạt động sinh kế chính, đồng thời giảm phát thải nhà kính ở các tỉnh dự án.

9. Các hoạt động của dự án được thực hiện thông qua 5 hợp phần sau đây:

Hợp phần 1: Tăng cường công tác giám sát, phân tích và hệ thống cơ sở dữ liệu (kinh phí dự kiến là: 48 triệu USD, trong đó vốn IDA là 47,527 triệu USD). Hợp phần này bao gồm 06 tiểu dự án, trong đó có 04 tiểu dự án do Bộ TN&MT thực hiện và 02 tiểu dự án do Bộ NN&PTNT thực hiện. Chi tiết tổng hợp các tiểu dự án của Hợp phần 1 được tổng hợp ở *Bảng 2.1*.

Bảng 2.1: Các tiểu dự án và kinh phí dự kiến của hợp phần 1

Ký hiệu	Tên các tiểu dự án	Địa điểm/Bộ chủ quản	Vốn vay ODA (10 ⁶ USD)	Tổng mức ĐT (10 ⁶ USD)
I	Hợp phần 1 : Đầu tư để tăng cường công tác giám sát, phân tích và hệ thống cơ sở dữ liệu		47,527	48,000

Ký hiệu	Tên các tiểu dự án	Địa điểm/Bộ chủ quản	Vốn vay ODA (10 ⁶ USD)	Tổng mức ĐT (10 ⁶ USD)
HP1-1	Đầu tư nâng cấp và hoàn thiện hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên nước mặt tại Đồng bằng sông Cửu Long	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	9,527	10,000
HP1-2	Nâng cấp, xây dựng mạng quan trắc nước dưới đất Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện biến đổi khí hậu	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	12,650	12,650
HP1-3	Xây dựng Hệ thống giám sát biến động bờ sông, bờ biển khu vực đồng bằng Sông Cửu Long bằng công nghệ viễn thám	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	12,120	12,120
HP1-4	Đầu tư xây dựng Trung tâm dữ liệu vùng đồng bằng sông Cửu Long tích hợp dữ liệu tài nguyên và môi trường của khu vực phục vụ phân tích, đánh giá và hỗ trợ ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	10,000	10,000
HP1-5	Tăng cường năng lực dự báo chuyên ngành phục vụ quản lý vận hành các công trình thủy lợi ở ĐBSCL	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	2,530	2,530
HP1-6	Xây dựng cơ sở dữ liệu hệ thống đê biển, rừng ngập mặn vùng ĐBSCL	13 tỉnh ĐBSCL/Bộ TNMT	0,700	0,700

10. Khoản viện trợ của GEF (ước tính 1,1 triệu USD) sẽ hỗ trợ các hoạt động sau đây trong hợp phần này:

- Hoạt động phân tích bao gồm nghiên cứu thị trường nhằm xác định tiềm năng xuất khẩu, phát triển chuỗi giá trị, tăng cường các dịch vụ khuyến nông và phát triển thương hiệu cho các sản phẩm địa phương tạo ra từ chuyển đổi sang sinh kế chống chịu thông minh với khí hậu;
- Hỗ trợ Liên minh Nghiên cứu vùng ĐBSCL (DRCP) - là một cơ chế đảm bảo phối hợp và hợp tác giữa các cơ quan nghiên cứu nhà nước và các trường đại học;
- Chuẩn bị và cung cấp các khóa học ngắn hạn và xây dựng chương trình học về quản lý đồng bằng thích ứng - bao gồm hỗ trợ kết nghĩa giữa các trường đại học ở ĐBSCL (ví dụ: Đại học Cần Thơ và Đại học An Giang) với các trường đại học quốc tế; và
- Thiết kế các sản phẩm và sự kiện truyền thông nhằm nâng cao nhận thức trong nước về các mô hình chuyển đổi sinh kế cho phép Việt Nam thích ứng với biến đổi khí hậu.

Hợp phần 2: Quản lý lũ ở vùng thượng nguồn (kinh phí dự kiến là: 99,730 triệu USD, trong đó vốn IDA là 78,538 triệu USD).

11. Thượng nguồn có đặc trưng là lũ lớn tự nhiên vào mùa mưa. Việc xây dựng một hệ thống kiểm soát lũ nông nghiệp lớn đã chuyển nước lũ đến các khu vực khác của

ĐBSCL và làm giảm tác dụng có lợi từ lũ trong đó bao gồm: gia tăng độ phì nhiêu cho đất, bổ sung nước ngầm và duy trì hệ sinh thái nước.

12. Mục tiêu chính của Hợp phần này là để bảo vệ và/hoặc nâng cao các tác dụng tích cực của lũ qua biện pháp kiểm soát lũ (giữ lũ) để tăng thu nhập nông thôn và bảo vệ tài sản có giá trị cao ở An Giang và Đồng Tháp. Nội dung của hợp phần này bao gồm i) sử dụng biện pháp kiểm soát lũ (giữ nước lũ) có lợi hơn ở các khu vực nông thôn và cung cấp các lựa chọn thay thế trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản; ii) cung cấp hỗ trợ sinh kế cho nông dân để họ có vụ sản xuất thay thế vụ lúa trong mùa mưa, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản; iii) xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng để bảo vệ tài sản có giá trị cao như thành thị và vườn cây ăn trái và iv) hỗ trợ sử dụng nước hiệu quả trong nông nghiệp vào mùa khô.

13. Các TDA của hợp phần này gồm có tiểu dự án (TDA 1, 2, 3) được đề xuất để giải quyết vấn đề về nâng cao khả năng thoát lũ trong điều kiện lũ đặc biệt lớn Các tiểu dự án này giải quyết cho 2 vùng ngập lũ ở ĐBSCL, trong đó mục tiêu là tăng khả năng thoát lũ ra biển Tây ở vùng tứ giác Long Xuyên, tăng cường không gian chứa lũ và không cản lũ, làm chậm lũ ở vùng Đồng Tháp Mười.

14. Khoản viện trợ GEF (ước tính 1,6 triệu USD) có thể được sử dụng trong hợp phần này để (i) xác định, đánh giá và lựa chọn các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu, giúp giải quyết các thách thức ở vùng thượng nguồn đồng bằng; (ii) xác định các mô hình AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu (mô hình dựa trên lũ) và các biện pháp ngăn giữ lũ đã qua kiểm tra và đánh giá về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; và (iii) phát triển các sản phẩm kiến thức cụ thể về các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu và có khả năng nhân rộng toàn vùng thượng nguồn đồng bằng.

Hợp phần 3: Thích ứng với chuyển đổi độ mặn vùng Cửa sông (*kinh phí dự kiến là: 108,234 triệu USD, trong đó vốn IDA là 81,131 triệu USD*).

15. Sông Cửu Long chia thành 8 nhánh chảy ra Biển Đông thông qua tiểu vùng cửa sông. Khu vực này có đặc trưng tự nhiên là dòng chảy thấp trong mùa khô cho phép nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền. Trong hai mươi năm qua, hệ thống nước ngọt khép kín được thiết kế để sản xuất lúa đã được xây dựng trong vùng này bao gồm: các khu lấn biển lớn bao quanh bởi các con đê và các cống kiểm soát mặn. Tính bền vững lâu dài của chiến lược này sẽ có vấn đề do sự giảm sút lượng nước trong mùa khô và mực nước biển dâng. Ngoài ra, nông dân đang chuyển đổi nhanh sang nuôi tôm có lãi suất cao hơn dọc theo bờ biển, thường đi kèm với việc tàn phá rừng ngập mặn, ô nhiễm môi trường chưa kiểm soát được, hạ tầng còn manh mún và dễ bị tác động bởi triều cường.

16. Hợp phần này nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nuôi trồng thủy sản (NTTS) bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống tại vùng ven biển. Các hoạt động sẽ bao gồm: i) xây dựng hệ thống phòng hộ ven biển bao gồm các loại kè, đê bao và rừng ngập mặn, ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi và nông nghiệp dọc theo vùng ven biển để tăng tính linh hoạt và bền vững cho

NTTS và thích ứng với thay đổi độ mặn; iii) hỗ trợ cho nông dân để chuyển đổi (nếu cần) sang các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như rừng ngập mặn kết hợp nuôi tôm, lúa-tôm, và các hoạt động NTTS khác; và iv) hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu bằng cách tạo điều kiện sử dụng nước hiệu quả trong mùa khô.

17. Các hoạt động cụ thể của hợp phần này bao gồm 04 TDA (TDA 4, 5, 6, 7), với hướng tiếp cận từ các thách thức phía biển, khi xâm nhập mặn lên cao, việc thích ứng với kinh tế mặn và đầu tư hạ tầng đảm bảo linh hoạt, kết hợp với các hạ tầng đã được đầu tư để chuyển đổi từ nền kinh tế mặn sang kinh tế ngọt, tránh xung đột giữa kinh tế mặn và ngọt. Trong đó tập trung đến việc bảo vệ bờ biển, khôi phục và trồng thêm rừng ngập mặn, phân bố và tổ chức lại sản xuất một cách hợp lý giữa các điều kiện nguồn nước và tài nguyên đất khác nhau. Kết hợp và phát huy tối đa các hệ thống đã được đầu tư như: Bắc Bến Tre, Nam Bến Tre, Nam Măng Thít.

18. Khoản viện trợ GEF (ước tính 1,6 triệu USD) có thể được sử dụng trong hợp phần này để (i) xác định, đánh giá và lựa chọn các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu, giúp giải quyết các thách thức ở vùng cửa sông đồng bằng; (ii) thí điểm các mô hình AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu liên quan tới chuyển đổi độ mặn đã qua kiểm tra và đánh giá về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; và (iii) phát triển các sản phẩm kiến thức cụ thể về các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu và có khả năng nhân rộng toàn vùng cửa sông đồng bằng.

Hợp phần 4: Bảo vệ khu vực bờ biển vùng Bán đảo (*kinh phí dự kiến là: 101,580 triệu USD, trong đó vốn IDA là 82,331 triệu USD*).

19. Ngược lại với vùng cửa sông liền kề, sông Cửu Long không có phân nhánh nào đi qua vùng bán đảo và theo lịch sử thì phần hạ nguồn này là bán đảo bao phủ bởi rừng ngập mặn dày đặc được duy trì bởi lượng mưa cục bộ. Trong những thập kỷ gần đây, có xảy ra bùng nổ về nghề nuôi tôm dọc theo bờ biển mà chủ yếu dựa vào nguồn nước ngầm để duy trì độ mặn thích hợp. Việc khai thác nước ngầm quá mức đã dẫn đến sụt lún đất đai đáng kể. Mật độ rừng ngập mặn tự nhiên đã giảm bớt nhiều, mặc dù vẫn còn một số khu rừng ngập mặn được bảo vệ. Một mạng lưới kênh rộng lớn cũng đã được phát triển để dẫn nước ngọt từ sông Cửu Long vào vùng bán đảo này để sản xuất lúa gạo.

20. Hợp phần này nhằm giải quyết những thách thức liên quan đến xói lở bờ biển, quản lý nước ngầm, cung cấp nước sinh hoạt, NTTS bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống ở các khu vực ven biển, cửa sông của Kiên Giang và Cà Mau. Các hoạt động tiềm năng bao gồm: i) xây dựng/cải tạo đai rừng phòng hộ ven biển bao gồm kết hợp các loại kè, đê bao và vành đai rừng ngập mặn; ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng kiểm soát nước mặn dọc theo vùng ven biển để giúp cho các hoạt động NTTS được linh hoạt và bền vững; iv) kiểm soát lượng nước ngầm sử dụng cho nông nghiệp/thủy sản và phát triển các nguồn nước ngọt để dùng cho sinh hoạt; v) hỗ trợ cho nông dân để giúp họ thực hiện các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như mô

hình rừng ngập mặn – tôm và các hoạt động thủy sản khác và vi) hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích hợp với khí hậu để sử dụng nước hiệu quả.

21. Các hoạt động của hợp phần này gồm 03 TDA (TDA 8, 9, 10), tương tự như vùng Cửa sông, vùng Bán đảo có rủi ro cao về tác động từ phía biển, sụt lún, sạt lở và đặc biệt là thiếu nguồn nước ngọt. Việc đầu tư hạ tầng để phòng tránh sạt lở đê biển Tây, tái tạo và khôi phục hệ thống rừng ngập mặn ven biển Đông và Tây, bố trí và tổ chức lại sản xuất phù hợp và có khả năng thích nghi cao với biến đổi khí hậu là rất cần thiết.

22. Khoản viện trợ GEF (ước tính 1,6 triệu USD) có thể được sử dụng trong hợp phần này để (i) xác định, đánh giá và lựa chọn các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu, giúp giải quyết các thách thức ở vùng bán đảo đồng bằng; (ii) thí điểm các mô hình AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu liên quan tới xói lở bờ biển, khan hiếm nước, và xâm nhập mặn đã qua kiểm tra và đánh giá về tác động kinh tế, xã hội và môi trường; và (iii) phát triển các sản phẩm kiến thức cụ thể về các biện pháp AAWF có tính chống chịu thông minh với khí hậu và có khả năng nhân rộng toàn vùng bán đảo đồng bằng.

Hợp phần 5: Hỗ trợ Quản lý và Thực hiện Dự án (*kinh phí dự kiến là: 12,400 triệu USD, trong đó vốn IDA là 10,472 triệu USD*).

23. Hợp phần này sẽ được chia thành hỗ trợ quản lý dự án và tăng cường năng lực cho MONRE và MARD. Hợp phần này được dự kiến sẽ hỗ trợ các chi phí gia tăng liên quan tới quản lý Dự án và cung cấp các dịch vụ tư vấn để hỗ trợ quản lý dự án tổng thể, quản lý tài chính, đấu thầu, chính sách an toàn, giám sát và đánh giá.

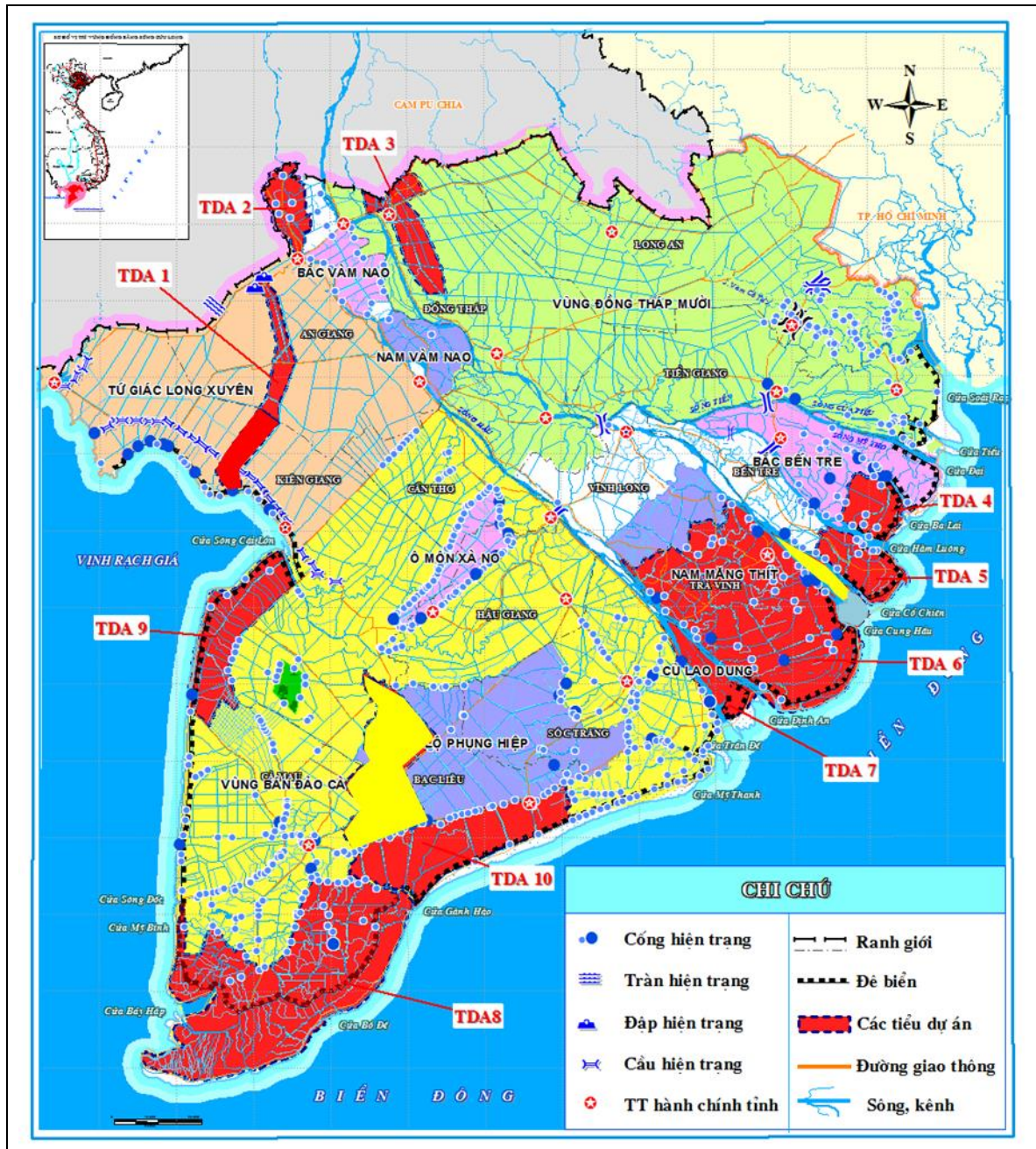
24. Khoản viện trợ GEF (*ước tính 2 triệu USD*) sẽ được sử dụng cho CPMU hiện đang quản lý dự án IDA mẹ. Do đó, hợp phần này sẽ cung cấp chi phí bổ sung nhân sự cho PMU để giám sát cụ thể các hoạt động của dự án viện trợ GEF.

2.2. Vùng ảnh hưởng/hưởng lợi của dự án

25. Khu vực dự án sẽ bao gồm 9 tỉnh: Đồng Tháp và An Giang (vùng thượng nguồn), Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng (vùng cửa sông), và Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau (vùng bán đảo). Vị trí của các TDA được đề xuất trong hợp phần 2, 3, 4 được chỉ ra trong *Hình 2.1*.

2.3. Các loại hình dự kiến của các TDA

26. Hợp phần 1 tập trung vào (i) nâng cấp và mở rộng hệ thống giám sát cho nước ngầm và nước mặt, và nâng cao công nghệ viễn thám, (ii) thiết lập một trung tâm ĐBSCL để tích hợp dữ liệu tài nguyên môi trường và phát triển công cụ mô hình đi kèm; và (iii) thực hiện đánh giá khả năng chống chịu khí hậu của ĐBSCL hỗ trợ cho Chính phủ Việt Nam trong việc ra quyết định về phát triển bền vững trong điều kiện biến đổi khí hậu. Trong hợp phần này có thể phát sinh các hoạt động xây dựng nhỏ như: xây dựng các trạm quan trắc tài nguyên nước và trung tâm phát triển ĐBSCL.



Hình 2.1: Vị trí các TDA được đề xuất trong Hợp phần 2, 3, 4 của dự án MD-ICRSL

27. Hợp phần 2, 3 và 4 của dự án sẽ hỗ trợ đầu tư để (i) cải thiện quản lý tài nguyên nước và trữ lũ; (ii) hỗ trợ các hệ thống nông nghiệp/nuôi trồng thủy sản bền vững thích nghi và linh hoạt theo mùa; (iii) khôi phục rừng ngập mặn và bảo vệ bờ biển và (iv) cải thiện sinh kế ven biển. Mỗi một TDA sẽ đầu tư từ hai loại hình có quy mô nhỏ và vừa trở lên như dưới đây:

- Xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt và đường giao thông nông thôn.
- Khôi phục và gia cố đê bao trong vùng ngập lũ, đê sông đê biển để tạo bãi để phát triển rừng ngập mặn hoặc để kiểm soát lũ/điều tiết mặn và kè bảo vệ chống bão và triều cường.
- Xây dựng các công trình trên tuyến đê biển để điều tiết mặn, hỗ trợ cho việc phát triển các mô hình sinh kế thích hợp.

- Xây dựng cầu cạn và bang tràn để tăng cường khả năng thoát lũ
- Xây dựng, cải tạo hệ thống thủy lợi bao gồm nạo vét kênh mương để tăng khả năng trao đổi nước.
- Xây dựng hồ chứa nước ngọt để cung cấp nước cho sinh hoạt.
- Trồng, khôi phục và bảo vệ rừng ngập mặn.
- Phát triển các mô hình sinh kế có khả năng chống chịu khí hậu thích hợp cho 3 vùng của dự án, bao gồm: trồng lúa nổi, chuyển đổi từ trồng lúa sang các cây trồng có giá trị kinh tế cao khác, các mô hình nuôi thủy sản, tôm - lúa và tôm - rừng.
- Hệ thống nông nghiệp/thủy sản bền vững trong đó bao gồm phân vùng/sử dụng đất và quản lý nguồn nước thích hợp.
- Xây dựng năng lực (bao gồm đào tạo) cho các hoạt động sinh kế cụ thể.

28. Các TDA thuộc Hợp phần 2, 3 và 4 sẽ được thực hiện trong 3 giai đoạn, trong đó có 4 TDA được lựa chọn thực hiện trong năm đầu tiên (bồi đắp). *Bảng 2.2* trình bày danh sách các TDA đề xuất (10 TDA) thực hiện. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện có thể bổ sung thêm các TDA có tính chất tương tự thông qua việc tham vấn chặt chẽ giữa Chính phủ Việt Nam và WB. Các hoạt động trong hợp phần GEF sẽ được thực hiện trong cùng khu vực địa lý của dự án mẹ

Bảng 2.2: Danh sách các TDA thuộc hợp phần 2, 3 và 4 của TDA và TDA năm đầu

TT	Ký hiệu	Tên TDA (tiếng Việt)	Tỉnh	Tên tiếng Anh tương ứng
I	Hợp phần 2 (Vùng Thượng nguồn)			
1	TDA 1	Nâng cao khả năng thoát lũ và thích ứng biến đổi khí hậu cho vùng Tứ giác Long Xuyên	An Giang, Kiên Giang	Enhancing the ability of flood drainage and climate change adaptation for the Long Xuyen Quadrangle
2	TDA 2	Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cũ Long huyện An Phú tỉnh An Giang	An Giang	Enhancing the ability of adaptation and water management for the upper part of Bassac River in An Phu district An Giang province An Giang
3	TDA 3	Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười (các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp)	Đồng Tháp	Improving the ability of flood drainage and developing sustainable livelihoods, climate change adaptation in the Plain of Reed (the northern districts of Dong Thap province)
II	Hợp phần 3 (Vùng cửa sông)			
4	TDA 4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Bến Tre	Infrastructure to develop sustainable livelihoods for people in the coastal area in Ba Tri, Ben Tre to adapt to climate change

TT	Ký hiệu	Tên TDA (tiếng Việt)	Tỉnh	Tên tiếng Anh tương ứng
5	TDA 5	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cải thiện sinh kế cho người dân huyện Bắc Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu	Bến Tre	Infrastructure to improve livelihoods for people and to adapt to climate change in the North Thanh Phu district, Ben Tre province
6	TDA 6	Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long	Trà Vinh, Vĩnh Long	Control water resources to adapt with climate change in South Mang Thit, Tra Vinh, Vinh Long provinces
7	TDA 7	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung	Sóc Trăng	Infrastructure for production transition in accordance with ecological conditions, improving livelihoods, adaptation to climate change in Dung island
III	Hợp phần 4 (Vùng bán đảo)			
8	TDA 8	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm – rừng nhằm cải thiện sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở vùng ven biển tỉnh Cà Mau	Cà Mau	Infrastructure to prevent coastal erosion, supply fresh water and for production of shrimp - forest model to improve livelihoods and adapting to climate change in the coastal area of Ca Mau Province
9	TDA 9	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên	Kiên Giang	Infrastructure to prevent coastal erosion and to support for aquaculture production in An Minh and An Bien districts
10	TDA 10	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Hòa Bình, Đông Hải và TP. Bạc Liêu	Bạc Liêu	Infrastructure for ecological forest protection and development, livelihood improvement, and climate change adaptation in Hoa Binh, Dong Hai, Phuoc Long and Hong Dan districts

29. Vốn GEF sẽ hỗ trợ các hoạt động chính sau đây từ Hợp phần 1 đến 4: i) các nghiên cứu phân tích, nghiên cứu thị trường, các khóa học có chứng chỉ của Liên minh nghiên cứu ĐBSCL trong Hợp phần 1; ii) viện trợ cho nghiên cứu và đổi mới công tác ngăn giữ lũ và quản lý nước (ví dụ như nông nghiệp dựa vào lũ, lúa nổi, các biện pháp AWD, sử dụng đất hợp lý, chuyển từ lúa 3 vụ sang lúa 2 vụ, v.v.) trong Hợp phần 2; iii) viện trợ cho nghiên cứu và đổi mới để giải quyết xâm nhập mặn, xói mòn bờ biển, ô nhiễm nguồn nước (ví dụ phục hồi rừng ngập mặn, trồng lúa chịu mặn, trồng trọt dựa vào nước mặn, hỗ trợ nuôi thủy sản, điều chỉnh sử dụng đất v.v.) trong Hợp phần 3; và iv) viện trợ nghiên cứu và đổi mới để giải quyết xâm nhập mặn, xói mòn bờ biển, lún sụt đất, thiếu nước (ví dụ: rừng ngập mặn, hàng rào tre, quản lý nước phục vụ thủy sản v.v.) trong Hợp phần 4.

2.4. Tổ chức thực hiện dự án

30. **Quản lý chung:** các tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện dự án là MARD, MONRE và UBND 9 tỉnh dự án. Tổ chức thực hiện dự án như sau (xem *Hình 2.2*):

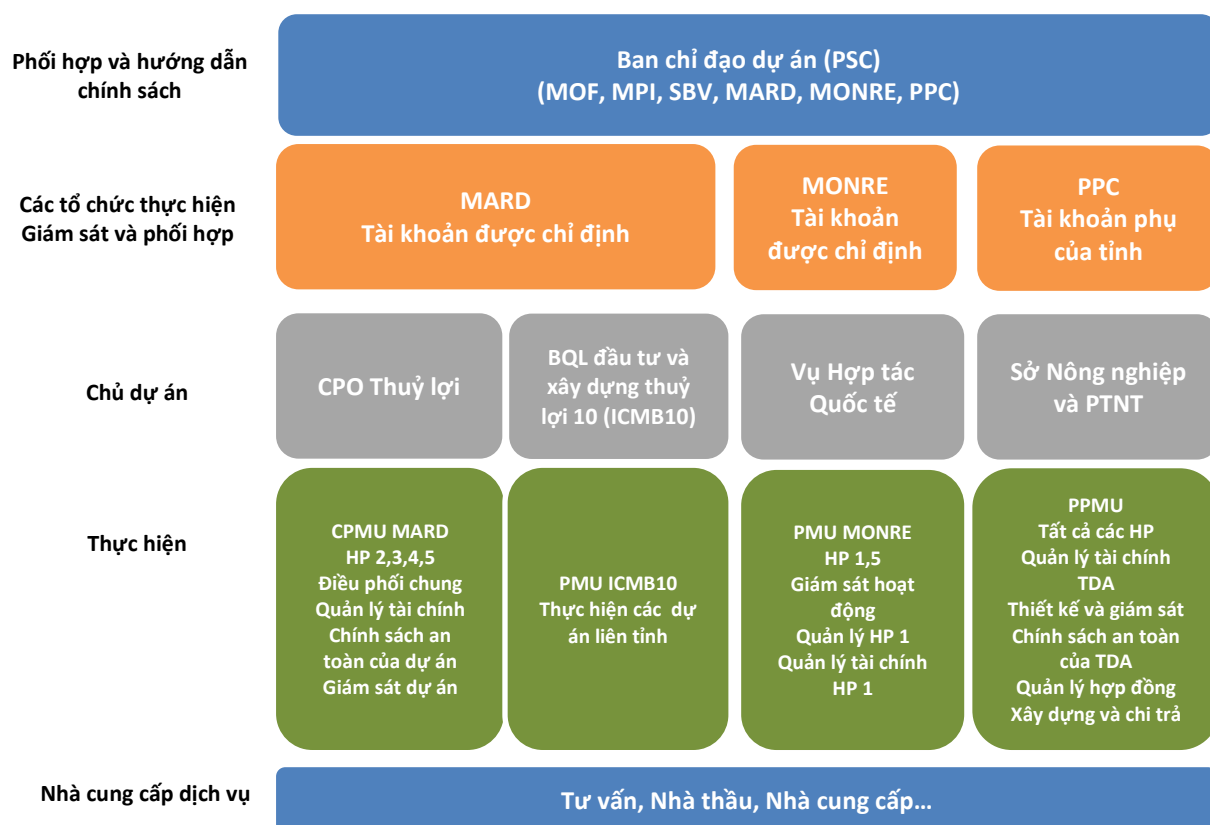
- MARD là cơ quan chủ quản, chịu trách nhiệm chung toàn bộ dự án. MARD chịu trách nhiệm (a) Phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện dự án bao gồm: tổng hợp, phê duyệt kế hoạch phân bổ vốn hàng năm của dự án và uỷ thác cho MONRE cùng các tỉnh dự án để các cơ quan này phê duyệt kế hoạch công tác và ngân sách hàng năm của mình; (b) báo cáo với Chính phủ về tiến độ và hiệu quả thực hiện dự án và (c) phối hợp với các Bộ liên quan, như Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước nhằm tăng cường giải ngân và nâng cao hiệu quả của việc sử dụng nguồn vốn IDA/IBRD.
- **Giám sát dự án.** Ban chỉ đạo dự án (BCĐ) sẽ được thành lập, bao gồm: đại diện của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (MPI), Văn phòng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, MARD, MONRE và Ủy ban nhân dân tỉnh (PPC). BCĐ sẽ được chủ trì bởi một lãnh đạo của MARD và đồng chủ trì bởi MONRE. BCĐ sẽ tổ chức các cuộc họp để xem xét việc thực hiện dự án, hướng dẫn về chính sách và hỗ trợ trong việc phối hợp khi cần thiết. BCĐ sẽ hướng dẫn về mặt chính sách cho cơ quan thực hiện để giải quyết các vấn đề hoặc khó khăn trong quá trình thực hiện dự án. BCĐ sẽ chịu trách nhiệm báo cáo hoạt động của mình cho Bộ trưởng MARD và MONRE.
- Ở cấp tỉnh, PPC có trách nhiệm thực hiện dự án trên địa bàn tỉnh mình. PPC có trách nhiệm: (a) việc phê duyệt kế hoạch công tác hàng năm và ngân sách cho tỉnh; (b) báo cáo với Chính phủ/MARD về tiến độ và hiệu quả thực hiện; (c) hỗ trợ các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (DARD) và Sở Tài nguyên và Môi trường (DONRE) trong việc thực hiện dự án, tăng cường giải ngân và nâng cao hiệu quả trong việc sử dụng vốn IDA/IBRD.

31. *Đối với Hợp phần 1*, MONRE sẽ là cơ quan thực hiện Hợp phần này, Vụ Hợp tác Quốc tế của MONRE sẽ là cơ quan đầu mối và thành lập Ban quản lý dự án (PMU) để tổ chức thực hiện công việc được giao trong suốt dự án và phối hợp với MARD cùng các địa phương trong việc thực hiện, giám sát và đánh giá.

32. *Đối với các Hợp phần 2, 3 và 4*, MARD sẽ giao cho Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) nhiệm vụ Chủ dự án, chịu trách nhiệm điều phối chung các hoạt động của dự án. *Đối với các hợp phần này* sẽ chỉ định Ban Quản lý dự án Trung ương (CPMU) thuộc CPO và thành lập một Nhóm công tác kỹ thuật (TWG) bao gồm: các chuyên gia về thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản từ các cơ quan và các viện nghiên cứu.

- Nhiệm vụ cụ thể của CPO: (a) hỗ trợ kỹ thuật cho các DARD trong quá trình quản lý và thực hiện dự án bao gồm: chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch công tác, kế hoạch mua sắm, kế hoạch giải ngân, giám sát và đánh giá hàng năm, chuẩn bị các

tài liệu CSAT như ESMP, EMDP, RAP...; (b) phát triển và duy trì một hệ thống kế toán cho dự án phù hợp với quy định của chính phủ và IDA; (c) xử lý tất cả các gói thầu cạnh tranh quốc tế (ICB) và lựa chọn nhà thầu quốc tế, cũng như tất cả các vấn đề mua sắm hàng hóa và dịch vụ khác mà Trung ương quản lý hiệu quả hơn so với tỉnh quản lý; (d) giám sát tiến độ và chất lượng của việc thực hiện dự án, tuân thủ CSAT và tác động của dự án để báo cáo MARD và IDA và (e) chuẩn bị đề cương để tái cơ cấu dự án và bổ sung chính sách khi cần thiết để trình Chính phủ và IDA. CPMU dưới sự hỗ trợ của các Nhóm công tác kỹ thuật chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các hợp phần phù hợp với các văn bản khung để xác định tính hợp lệ, tính ưu tiên và tính sẵn sàng của các TDA, cũng như việc tuân thủ CSAT và đánh giá các TDA. Ngoài ra, CPMU sẽ chịu trách nhiệm quản lý chung dự án, bao gồm cả giám sát mua sắm, quản lý tài chính, giám sát, đánh giá và thông tin liên lạc.



Hình 2.2: Tổ chức thực hiện dự án

- Ở cấp tỉnh, các TDA trong hợp phần 2, 3 và 4 sẽ do Ban Quản lý dự án tỉnh (PPMU) chịu trách nhiệm thực hiện các hạng mục trong phạm vi TDA. PPC chỉ định PPMU trực thuộc DARD của tỉnh là cơ quan thực hiện dự án. Đối với các TDA nằm trong phạm vi liên tỉnh thì BQL dự án thủy lợi 10 (ICMB10) thuộc MARD làm chủ đầu tư các tiểu dự án này. Nhiệm vụ chính của PPMU và ICMB10 là: (i) chuẩn bị và xử lý các hoạt động đầu tư của TDA; (ii) chuẩn bị tài liệu thiết kế cơ sở của TDA, tài liệu chính sách an toàn, kế hoạch thực hiện và mua sắm; (iii) thực hiện ủy thác (mua sắm và quản lý tài chính) và thực hiện chính sách an toàn ở cấp TDA; (iv) điều hành và duy trì tài khoản dự án; (v) giám sát và đánh giá việc

thực hiện các TDA. PPMU và ICBM10 sẽ huy động các cán bộ có trình độ và kinh nghiệm trong tất cả các lĩnh vực của TDA, đặc biệt là trong lĩnh vực tín dụng và chính sách an toàn.

- **Giám sát kỹ thuật.** Ở cấp tỉnh, CPMU đặt tại Cần Thơ sẽ chịu trách nhiệm: (i) cung cấp đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị/rà soát các TDA phức tạp hoặc liên tỉnh mà CPO quản lý; (ii) hỗ trợ kỹ thuật cho các DARD khi cần thiết trong quá trình thực hiện các TDA không phức tạp mà được phân cấp cho tỉnh. CPMU cũng sẽ giúp quản lý các TDA ở cấp tỉnh và sẽ bao gồm các chuyên gia từ các lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, BDKH, thủy lợi và môi trường khi cần thiết.

3. KHUNG CHÍNH SÁCH VÀ LUẬT LỆ CÓ LIÊN QUAN

3.1. Khung chính sách luật lệ của Việt Nam

33. Ở Việt Nam, có nhiều luật, nghị định, quy định và chính sách liên quan đến môi trường và xã hội, trong đó các chính sách và luật lệ quan trọng áp dụng cho dự án được tổng hợp dưới đây:

- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014 của Quốc hội quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong việc bảo vệ môi trường.
- Luật đất đai 45/2013/QH13 ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội quy định về chế độ sở hữu đất đai, quyền hạn và trách nhiệm của Nhà nước đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai và thống nhất quản lý về đất đai, chế độ quản lý và sử dụng đất đai, quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đối với đất đai thuộc lãnh thổ của Việt Nam.
- Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2013 của Quốc hội quy định về hoạt động phòng, chống thiên tai, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai, quản lý nhà nước và nguồn lực bảo đảm việc thực hiện phòng, chống thiên tai.
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội quy định về quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra thuộc lãnh thổ Việt Nam.
- Luật số 32/2009/QH12 ngày 18 tháng 06 năm 2009 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa.
- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 của Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2001 quy định về các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; xác định quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với di sản văn hóa ở nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội quy định về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
- Luật bảo vệ và phát triển rừng 29/2004/QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004 của Quốc hội quy định về quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng; quyền và nghĩa vụ của chủ rừng.
- Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10 ngày 29 tháng 06 năm 2001 của Quốc hội.
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
- Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải và phế liệu, thay thế một số điều của Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ quy định về quản lý chất thải rắn.
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai số 45/2013/QH13.
- Nghị định 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về định giá đất. Cung cấp phương pháp định giá đất; điều chỉnh khung giá đất, bảng giá đất, định giá đất cụ thể và tư vấn định giá đất.
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.
- Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại.
- Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2012 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2003 quy định chi tiết thi hành một số điều của pháp lệnh khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.
- Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.
- Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 09 năm 2010 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

- Nghị định số 140/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định việc bảo vệ môi trường trong các khâu lập, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển.
- Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại.
- Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.
- Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 06 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất.
- Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.
- Thông tư số 24/2013/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 05 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.
- Quyết định 1956/2009/QĐ-TTg ngày 17 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể về đào tạo hướng nghiệp cho lao động nông thôn đến năm 2020.
- Quyết định số 52/2012/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ việc làm và đào tạo hướng nghiệp cho nông dân có đất bị Nhà nước thu hồi.

34. Ngoài ra, còn có các quy chuẩn, quy định liên quan đến chất lượng môi trường trong quá trình đánh giá tác động và thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình thực hiện dự án được liệt kê như sau:

- QCVN 01:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống.
- QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.
- QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong đất.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- QCVN 06:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải độc hại trong không khí xung quanh.
- QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.
- QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

- QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.
- QCVN 10:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước biển ven bờ.
- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.
- QCVN 15:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật trong đất.
- QCVN 17:2011/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
- QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu.
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.
- QCVN 43:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích đáy.
- Quyết định 3733/2002/-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế quy định về áp dụng 21 tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe lao động.

3.2. Các chính sách an toàn của WB được áp dụng cho dự án

35. Chính sách an toàn của WB được áp dụng cho MD-ICRSLP đó là: (i) Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01); (ii) Môi trường sống tự nhiên (OP/BP 4.04); (iii) Quản lý vật hại (OP/BP 4.09); (iv) Rừng (OP/BP 4.36); (v) An toàn đập (OP/BP 4.37); (vi) Người bản địa (OP/BP 4.10); (vii) Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11); (viii) Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12); và (ix) Dự án trên tuyến đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50). Cơ sở để áp dụng các CSAT được trình bày chi tiết dưới đây. Dự án MD-ICRSLP được xếp loại A do tính phức tạp của nó trong các vấn đề về quản lý tài nguyên nước và quản lý đồng bằng thích ứng với BĐKH cũng như tác động tiềm tàng do việc đầu tư các hạng mục công trình lớn trong Hợp phần 2, 3 và 4.

Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01)¹

36. Đánh giá môi trường (EA) là một chính sách bao trùm cho các chính sách an toàn của Ngân hàng. Các mục tiêu là để đảm bảo rằng các dự án do Ngân hàng tài trợ thân thiện với môi trường, bền vững và quá trình ra quyết định được cải thiện thông qua phân tích thích hợp của các hành động và tác động môi trường liên quan. Quá trình EA là nhằm xác định, tránh và giảm nhẹ tác động tiềm tàng các hoạt động của Ngân hàng. Điều quan trọng cần lưu ý là đánh giá môi trường sẽ xem xét cân nhắc môi trường tự

¹The full treatment of OP/BP 4.01 can be found

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543912~menuPK:1286357~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

nhiên (không khí, nước và đất), sức khỏe và sự an toàn của con người; khía cạnh xã hội (tái định cư, người dân bản địa và các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể) và các vấn đề môi trường xuyên biên giới cùng với các khía cạnh môi trường toàn cầu. Đánh giá môi trường xem xét một cách tổng hợp các khía cạnh tự nhiên và xã hội.

37. Chính sách đánh giá môi trường (OP/BP 4.01) được áp dụng cho Dự án bởi vì các hoạt động của dự án liên quan đến việc xây dựng, cải tạo và vận hành cơ sở hạ tầng thủy lợi thích ứng với BĐKH, trình diễn và nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững với BĐKH ở vùng ĐBSCL mà các hoạt động này đòi hỏi phải xác định, giảm thiểu và giám sát các tác động tiêu cực tiềm tàng liên quan đến thu hồi đất, giải phóng mặt bằng và các tác động liên quan đến xây dựng, vận hành các cơ sở hạ tầng thủy lợi và hoạt động của các mô hình sinh kế trong Hợp phần 2, 3, 4. Các tác động liên quan đến hoạt động thuộc Hợp phần 1 được dự đoán là nhỏ và chủ yếu liên quan đến xây dựng Trung tâm ĐBSCL tại Cần Thơ và các trạm giám sát tài nguyên nước.

38. Vì chỉ có khoảng 30-40% các TDA được lựa chọn trong giai đoạn chuẩn bị dự án, do đó, ESMF được xây dựng để hướng dẫn việc đánh giá môi trường, đảm bảo việc tuân thủ các quy định về môi trường của chính phủ và các yêu cầu chính sách an toàn của WB trong việc lựa chọn các TDA còn lại. Tất cả các TDA thuộc Hợp phần 2, 3, 4 xác định được thực hiện trong năm đầu tiên cần chuẩn bị ESIA cũng như ESMP nhằm đáp ứng các yêu cầu của Chính phủ và yêu cầu của WB về chính sách an toàn.

Môi trường sống tự nhiên (OP/BP 4.04)²

39. Chính sách khu cư trú tự nhiên được thiết kế nhằm cấm Ngân hàng tài trợ cho các dự án làm suy giảm hoặc chuyển đổi môi trường sống tự nhiên quan trọng. Ngân hàng hỗ trợ các dự án có ảnh hưởng đến môi trường sống quan trọng chỉ khi không có lựa chọn thay thế có sẵn và nếu biện pháp giảm thiểu có thể chấp nhận được đưa ra. Người dân địa phương nên được tham vấn trong quá trình lập kế hoạch, thiết kế và giám sát dự án.

40. Sàng lọc về môi trường và xã hội của các TDA năm đầu đã xác nhận rằng có môi trường sống tự nhiên trong khu vực dự án. Một số hoạt động dự án có thể ảnh hưởng đến chất lượng nước, dòng chảy của các con sông ở ĐBSCL và ảnh hưởng đến hệ thực vật thủy sinh. Việc xây dựng công hoặc các công trình kiểm soát lũ/xâm nhập mặn có thể dẫn đến việc thay đổi dòng chảy của các con sông, dẫn đến việc giảm sự đa dạng và số lượng của quần thể cá. Do đó, chính sách này được kích hoạt cho dự án.

Rừng (OP/BP 4.36)³

41. Chính sách về Rừng nhằm hỗ trợ quản lý rừng theo định hướng bảo tồn và bền vững. Ngân hàng sẽ giúp Bên vay khai thác tiềm năng của rừng để xóa đói giảm nghèo một cách bền vững, tích hợp rừng vào phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ dịch vụ môi

²Full description of OP/BP 4.04 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0..contentMDK:20543920~menuPK:1286576~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

³ OP/BP 4.36 is described in detail at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0..contentMDK:20543943~menuPK:1286597~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

trường quan trọng ở cấp địa phương và toàn cầu và các giá trị của rừng. Người dân bản địa, tổ chức tư nhân và các nhóm lợi ích trong khu vực rừng bị ảnh hưởng phải được tham khảo ý kiến.

42. Có một số khu rừng tràm ở Cà Mau, Kiên Giang, An Giang và Đồng Tháp. Chính sách này được áp dụng do các hoạt động nhằm khôi phục cảnh quan ven biển để tăng cường khả năng phục hồi của hệ thống canh tác nội địa, giảm thiểu tác động do nước biển dâng và sạt lở bờ biển bao gồm: trồng rừng ngập mặn ở những khu vực mà rừng có ảnh hưởng đến quyền lợi, phúc lợi và mức độ phụ thuộc của người dân địa phương vào rừng tự nhiên và rừng trồng. Tác động đến rừng và các biện pháp giảm thiểu tác động liên quan cần phải được lồng ghép trong ESIA của các TDA. Kế hoạch quản lý rừng sẽ được chuẩn bị cho cả hoạt động trồng rừng ngập mặn của dự án và những TDA có ảnh hưởng đến các khu rừng tràm.

Quản lý vật hại (OP 4.09)⁴

43. Cung cấp thêm nước tưới làm tăng diện tích canh tác nông nghiệp có thể liên quan đến việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp. Để giảm thiểu những tác động môi trường do sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) sẽ được thực hiện cho từng TDA được áp dụng như một phần của ESMP. PMF sẽ được xây dựng trong ESMF để hướng dẫn cho việc chuẩn bị IPM. PMF quy định các loại hóa chất cấm sử dụng và hướng dẫn việc chuẩn bị IPM.

Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11)⁵

44. Chính sách tài nguyên văn hóa vật thể (PCR) để đảm bảo các dự án đã xác định và kiểm kê tài sản văn hóa có khả năng bị ảnh hưởng do thực hiện dự án. PCR bao gồm: các vật thể cố định hoặc lưu động, các khu vực, công trình, nhóm công trình, các đặc điểm tự nhiên và cảnh quan có tầm quan trọng về mặt khảo cổ, địa chất, cổ sinh vật học, kiến trúc lịch sử, tín ngưỡng hoặc các ý nghĩa văn hóa khác. Dự án phải chuẩn bị các biện pháp giảm thiểu khi có tác động tiêu cực đến tài sản văn hóa vật thể. Các cơ quan, các tổ chức phi chính phủ và các trường đại học có liên quan nên được tham vấn.

45. Không mong muốn các hoạt động của dự án cần phải di dời các di tích văn hóa, lịch sử, tôn giáo hoặc mồ mả. Trong trường hợp không thể tránh khỏi, cần nỗ lực để hạn chế các tác động tại các khu vực này. Trong trường hợp có di dời, cần chuẩn bị kế hoạch quản lý tài nguyên văn hóa vật thể có tham vấn các bên liên quan và các cơ quan tôn giáo/văn hóa của địa phương, do đó, chính sách này sẽ được áp dụng. Trong quá trình nạo vét, san lấp mặt bằng có thể tìm thấy các tài nguyên văn hóa vật thể, do đó, thủ tục “Phát hiện tình cờ” sẽ được lồng ghép vào ESMP và hợp đồng thi công của nhà thầu.

⁴ OP 4.09 is fully described in detail at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTOPMANUAL/0,,contentMDK:20064720~menuPK:64701637~pagePK:64709096~piPK:64709108~theSitePK:502184,00.html>

⁵ OP/BP 4.11 is accessible at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543961~menuPK:1286639~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

Người dân tộc thiểu số (OP/BP 4.10)⁶

46. Chính sách dân tộc thiểu số (EM) được xây dựng để đảm bảo rằng quá trình phát triển hoàn toàn tôn trọng phẩm giá, quyền con người, nền kinh tế và văn hóa của người dân tộc thiểu số. Chính sách yêu cầu dự án phải xác định các tác động đến người dân tộc thiểu số và phát triển một kế hoạch để giải quyết các tác động đó cả tích cực và tiêu cực. Dự án phải được thiết kế với những lợi ích mà phản ánh sở thích văn hóa của người dân bản địa. Bên vay nên cung cấp đầy đủ thông tin cho người dân tộc thiểu số để họ tự do tham gia và dự án phải được phần lớn người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng ủng hộ việc thực hiện dự án.

47. Dự án sẽ bao gồm nhiều TDA phân bố trong một khu vực địa lý rộng lớn của vùng ĐBSCL, nơi có sự hiện diện của cộng đồng dân tộc thiểu số (người Chăm và Khmer). Do đó, chính sách này được áp dụng. Có hay không có sự hiện diện của người dân tộc thiểu số chỉ được xác định khi các TDA được xác định, do đó bên vay cần chuẩn bị Khung phát triển dân tộc thiểu số (EMPF) để hướng dẫn các TDA chuẩn bị EMDP trong quá trình thực hiện dự án. EMPF sẽ đưa ra các hướng dẫn để: (a) đảm bảo rằng người dân tộc thiểu số nhận được lợi ích kinh tế xã hội phù hợp với văn hóa của họ; (b) tránh những tác động tiêu cực đến các cộng đồng dân tộc thiểu số và (c) khi các tác động tiêu cực là không thể tránh khỏi thì cần phải có các biện pháp giảm thiểu đến mức thấp nhất hoặc bồi thường cho các tác động đó.

48. Việc áp dụng chính sách OP 4.10 ở cấp TDA sẽ được xác định trên cơ sở từng trường hợp với sự hỗ trợ từ việc sàng lọc sớm. Sau khi việc áp dụng chính sách được xác nhận, MARD sẽ tiến hành đánh giá xã hội để xác nhận dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng ủng hộ dự án, bao gồm: (i) xác định các lợi ích tiềm năng và tác động tiêu cực của dự án; (ii) xác định các khuyến nghị (bao gồm cả biện pháp giảm thiểu) để đảm bảo tính đồng thuận dựa trên nguyên tắc tự nguyện và được thông tin đầy đủ của các DTTS (đặc biệt là sự tham gia của họ trong thiết kế dự án và giám sát ở giai đoạn thực hiện) và (iii) xác định các biện pháp cần thiết để cung cấp cho phù hợp với lợi ích văn hóa của họ (ví dụ, công bố thông tin, tham vấn phù hợp và các hoạt động hỗ trợ cộng đồng). Đến khi thẩm định, EMDP của các TDA có liên quan đã được chuẩn bị. EMDP bao gồm: tóm tắt đánh giá xã hội, tham vấn, phạm vi tác động và biện pháp giảm thiểu, các hoạt động tăng cường của các cơ quan thực hiện dự án cùng với dự toán chi phí cho kế hoạch này.

Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)⁷

49. Chính sách tái định cư không tự nguyện nhằm ngăn chặn những khó khăn nghiêm trọng lâu dài, sự bần cùng hóa và thiệt hại về môi trường đối với những người bị ảnh hưởng (BAH) trong quá trình tái định cư không tự nguyện. Chính sách này áp dụng

⁶ Full treatment of OP/BP 4.10 can be consulted at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543990~menuPK:1286666~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

⁷ Detail of OP/BP 4.12 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543978~menuPK:1286647~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

khi người BAH có phải di chuyển hay không đến một vị trí khác. Ngân hàng coi tất cả các quá trình này và kết quả là “tái định cư không tự nguyện” hoặc đơn giản là tái định cư, ngay cả khi người BAH không buộc phải di chuyển. Tái định cư là không tự nguyện khi chính phủ có quyền lấy đất hoặc tài sản khác và khi người bị ảnh hưởng không có chọn lựa giữ lại tình trạng sinh kế mà họ đang có.

50. Chính sách của Ngân hàng yêu cầu Bên vay chuẩn bị RPF phù hợp với Chính sách Tái định cư không tự nguyện được chuẩn bị và được đệ trình trước khi thẩm định dự án. Mục đích của RPF là để làm rõ nguyên tắc tái định cư, sắp xếp tổ chức và tiêu chuẩn thiết kế được áp dụng cho các TDA. Chính sách của WB cũng đòi hỏi một RAP cho bất kỳ TDA mà di dời không tự nguyện người dân ra khỏi nguồn tài nguyên đất và là kết quả của: i) tái định cư, mất nơi ở, mất tài sản hoặc tiếp cận các tài sản quan trọng để sản xuất; ii) mất nguồn thu nhập, phương tiện sinh kế hoặc iii) mất đi việc tiếp cận đến các nơi mang lại thu nhập cao hơn hoặc chi phí thấp hơn đối với doanh nghiệp hoặc cá nhân.

51. Các hoạt động trong Hợp phần 2, 3 và 4 của dự án có khả năng phải thu hồi đất dẫn đến mất đất, tác động đến sinh kế và nguồn lực của người dân. Do đó, cần phải bồi thường cho cộng đồng địa phương bị mất nhà cửa, bất động sản và/hoặc mất doanh thu/sinh kế do thực hiện các biện pháp kiểm soát lũ/xâm nhập mặn hoặc thay đổi trong hoạt động đánh bắt và nuôi trồng và/hoặc thay đổi trong canh tác. Ngoài ra, cần phải hỗ trợ cho nông dân để họ khôi phục lại cuộc sống của mình và việc hỗ trợ này đã được xác định thông qua việc báo cáo đánh giá phần xã hội. Báo cáo Đánh giá xã hội này sẽ là tài liệu ban đầu để xác định phạm vi của các tác động do thu hồi đất. Một RPF sẽ được xây dựng để hướng dẫn giải quyết các tác động do việc thu hồi đất.

52. Đến khi thẩm định, Bên vay cần phải chuẩn bị xong RPF để hướng dẫn chuẩn bị RAP cho các khoản đầu tư được xác định trong quá trình thực hiện dự án. Mỗi TDA có thu hồi đất và tái định cư cần phải chuẩn bị một RAP riêng.

An toàn đập (OP/BP 4.37)⁸

53. Vấn đề an toàn đập phụ thuộc vào cấu trúc đập. Có thể thấy rằng, dự án sẽ không xây dựng các công trình chứa lũ có chiều cao lớn hơn 10m, bên vay sẽ chuẩn bị các biện pháp an toàn thích hợp và đảm bảo có sự tham gia của các kỹ sư có trình độ, sẽ xác nhận rằng việc đánh giá môi trường của từng TDA sẽ không có nguy cơ, rủi ro đáng kể nào do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình đối với người dân địa phương, tài sản và bao gồm cả tài sản do dự án tài trợ.

Dự án trên tuyến đường thủy quốc tế (OP/BP 7.50)⁹

54. Tài trợ cho các dự án trên tuyến đường thủy quốc tế có thể ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa WB với khách hàng của mình và giữa các quốc gia ở hai bên sông với

⁸ Detail of OP/BP 4.37 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20543999~menuPK:1286674~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

⁹ Detail of OP/BP 7.50 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20544007~menuPK:1286706~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435,00.html>

nhau. Do đó, WB rất coi trọng sự thoả thuận hoặc sắp xếp của các quốc gia ven sông đối với toàn bộ hoặc một phần của tuyến đường thủy này và sẵn sàng hỗ trợ trong vấn đề này. Trong trường hợp không có thoả thuận hoặc sắp xếp này, WB yêu cầu Bên vay thông báo sớm cho các quốc gia ở hai bên sông về dự án. Chính sách này chuẩn bị các thủ tục chi tiết về yêu cầu thông báo, bao gồm: vai trò của WB trong việc thông báo, thời gian trả lời sau khi nhận thông báo và các thủ tục cần thiết khi có sự phản đối việc thực hiện dự án của một trong những quốc gia ven sông.

55. Do dự án được thực hiện ở ĐBSCL và có thể có các TDA liên quan đến hoạt động chứa lũ và thủy sản việc này có thể gây ảnh hưởng đến các quốc gia thượng nguồn, do đó chính sách OP 7.50 - Dự án trên tuyến đường thủy Quốc tế - được kích hoạt và thông báo cho các quốc gia ven sông về hoạt động sẽ được thực hiện [hoặc là loại bỏ] trước khi phê duyệt dự án.

Dự án trong khu vực tranh chấp (OP/BP 7.60)¹⁰

56. Tài trợ cho các dự án trong khu vực tranh chấp có thể làm ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa WB với khách hàng của mình và giữa các bên đang tranh chấp với nhau. Do đó, WB chỉ tài trợ cho những dự án trong khu vực tranh chấp khi không có sự phản đối của các bên đang tranh chấp hoặc trong một số hoàn cảnh đặc biệt Ngân hàng vẫn tài trợ cho dự án bất chấp sự phản đối của các bên tranh chấp. Chính sách này sẽ quy định chi tiết những trường hợp đặc biệt. Trong trường hợp này, trong tài liệu dự án nên có một bản tuyên bố nhấn mạnh rằng mặc dù hỗ trợ dự án nhưng WB không có ý định thực hiện bất kỳ bản án về pháp luật hoặc trạng thái của các vùng lãnh thổ có liên quan hoặc phương hại đến quyết định cuối cùng của tuyên bố của các bên.

57. OP 7.60 không được kích hoạt bởi vì không có các hoạt động của dự án dự kiến diễn ra ở khu vực tranh chấp. Cần tiến hành sàng lọc để đảm bảo các hoạt động bổ sung của dự án nằm ngoài khu vực tranh chấp theo quy định của OP 7.60.

Chính sách về tiếp cận thông tin của WB¹¹

58. Chính sách tiếp cận thông tin được thiết kế để đảm bảo rằng người và nhóm người BAH bởi dự án được thông tin về các mục tiêu và tác động của dự án và được tham vấn trong suốt vòng đời dự án để đảm bảo quyền lợi của họ. Tất cả các tài liệu CSAT được công bố tại địa phương trong vùng dự án và tại trang Infoshop của WB, trong đó, bao gồm: một trung tâm thông tin ở Washington DC và một cơ sở dữ liệu điện tử, cung cấp quyền truy cập vào thông tin về các dự án và chương trình của WB cho công chúng.

59. WB yêu cầu trong quá trình đánh giá môi trường Chính phủ tiến hành tham vấn các bên liên quan với các nhóm bị ảnh hưởng bởi dự án và các tổ chức phi chính phủ địa phương về các khía cạnh môi trường cũng như xã hội của dự án và có tính đến

¹⁰ Detail of OP/BP 7.60 is available at

<http://web.worldbank.org/WBSITE/EXTERNAL/PROJECTS/EXTPOLICIES/EXTSAFEPOL/0,,contentMDK:20544003~menuPK:1286689~pagePK:64168445~piPK:64168309~theSitePK:584435.00.html>

¹¹ Detail of World Bank Policy on Access to information is available at <http://www.worldbank.org/en/access-to-information>

quan điểm của họ vào trong thiết kế của dự án. Tất cả các bản thảo về các tài liệu chính sách an toàn được công bố tại địa phương ở một nơi dễ tiếp cận, trong một hình thức với ngôn ngữ dễ hiểu đối với các bên liên quan và bằng tiếng Anh tại trang thông tin Infoshop của Ngân hàng trước khi thực hiện thẩm định dự án.

*Hướng dẫn về An toàn, Sức khỏe và Môi trường của nhóm WB*¹²

60. Các dự án do WB tài trợ cũng cần xem xét Hướng dẫn về An toàn, Sức Khỏe và Môi trường của nhóm WB (được gọi là “Hướng dẫn EHS”). Hướng dẫn EHS là tài liệu tham khảo kỹ thuật nói chung và ngành công nghiệp cụ thể về các thực hành tốt của quốc tế. Hướng dẫn này bao gồm: các biện pháp, trình độ hoạt động thường được chấp nhận bởi nhóm WB và thường được coi là có thể đạt được tại các cơ sở mới với chi phí hợp lý theo công nghệ hiện có. Quá trình đánh giá môi trường có thể khuyến nghị các lựa chọn hoặc các biện pháp (cao hơn hoặc thấp hơn) có thể chấp nhận được bởi WB, trở thành yêu cầu cụ thể của dự án. Hướng dẫn EHS sẽ được áp dụng cho MD-ICRSLP và được tích hợp trong ESMF này (Phụ lục 3 và 4).

3.3. Hòa hợp chính sách đánh giá môi trường

61. Việc áp dụng các chính sách đánh giá môi trường ở Việt Nam, cũng như những nỗ lực đã dần dần thu hẹp khoảng cách giữa hai hệ thống hướng đến sự hài hòa chính sách giữa Chính phủ Việt Nam và các nhà tài trợ. Tuy nhiên, sự khác biệt đáng kể vẫn tồn tại giữa chính sách bảo vệ môi trường của Chính phủ và của WB. Sự khác biệt và biện pháp hài hòa chính sách được trình bày trong *Bảng 3.1*.

¹²The EHS Guidelines can be consulted at www.ifc.org/ifcext/enviro.nsf/Content/EnvironmentalGuidelines.

Bảng 3.1: So sánh sự khác biệt về đánh giá môi trường của Việt Nam với WB và đề xuất giải pháp hài hòa chính sách cho dự án

Giai đoạn đánh giá môi trường	WB (quy định trong Chính sách OP/BP 4.01 - Đánh giá môi trường)	Chính phủ Việt Nam (quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT)	Giải pháp hài hòa chính sách
Sàng lọc	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại: A, B, C, FI - Không có quy tắc chung để phân loại, chính sách an toàn được áp dụng và công cụ đánh giá môi trường - Ngân hàng Thế giới sẽ phân loại yêu cầu đánh giá môi trường theo tính chất và mức độ của tác động đến môi trường và xã hội. <ul style="list-style-type: none"> ▪ Loại A: yêu cầu đánh giá môi trường đầy đủ ▪ Loại B: yêu cầu đánh giá môi trường, ESMF hoặc EMP ▪ Loại C: không yêu cầu đánh giá môi trường. ▪ Loại FI: đánh giá môi trường hoặc ESMF 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại: Phụ lục I, II, III và IV của Nghị định 18/2015. - Việc phân loại được thực hiện có quy tắc và cố định quy định tại Phụ lục I, II, III và IV - Danh mục các dự án yêu cầu hoặc không yêu cầu đánh giá môi trường. - Thông thường các chủ dự án tự sàng lọc loại yêu cầu đánh giá môi trường dựa trên việc phân loại nêu trong Nghị định 18/2015 và tham khảo ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) hoặc Tổng cục môi trường (VEA) để chuẩn bị báo cáo đánh giá môi trường phù hợp với loại dự án của mình: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Dự án quy định tại Phụ lục I, II, III: cần phải chuẩn bị báo cáo đánh giá môi trường. ▪ Dự án quy định tại Phụ lục IV: không yêu cầu đánh giá môi trường. ▪ Dự án không quy định tại Phụ lục I, II, III và IV: yêu cầu lập Kế hoạch bảo vệ môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cách tiếp cận của WB (thay đổi theo từng dự án, TDA) trong quá trình sàng lọc, tùy thuộc vào mức độ tác động của dự án, TDA và sau đó để xác định loại EA của dự án, TDA. - Kiểm tra quy mô và mức độ tác động theo loại hình và quy mô dự án, vị trí dự án, tính nhạy cảm của vấn đề môi trường và xã hội, tính chất và mức độ của các tác động tiềm tàng.
Công cụ đánh giá môi trường	<p>Căn cứ vào các tác động của DA/TDA, một loạt các công cụ được sử dụng để đáp ứng yêu cầu của WB, bao gồm: ESMF, EA đầy đủ; EMP, EA theo lĩnh vực và vùng; đánh giá môi trường chiến lược (SEA), đánh giá nguy cơ hoặc rủi ro; kiểm toán môi trường. WB hướng dẫn điều khoản áp dụng đối với từng công cụ.</p>	<p>Công cụ đánh giá môi trường: SEA, EIA, EPP được quy định trong Phụ lục I, II của Nghị định 18/2015.</p>	<p>Tuân thủ yêu cầu của WB về việc sử dụng công cụ đánh giá môi trường.</p>
Phạm vi	<ul style="list-style-type: none"> - WB giúp bên vay trong việc dự thảo TOR, xác định phạm vi, thủ tục, tiến độ và nội dung của báo cáo đánh giá môi trường. - Đối với các dự án nhóm A, yêu cầu lập TOR cho nhiệm vụ đánh giá môi trường, xác định 	<ul style="list-style-type: none"> - Không yêu cầu TOR cho nhiệm vụ đánh giá môi trường. - Thông thường sau khi tham khảo ý kiến của Sở TN & MT hoặc Tổng cục Môi trường về loại đánh giá môi trường, chủ dự án sẽ tiến hành chuẩn bị báo cáo đánh 	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng TOR cho việc lập SEA, ESMF, EIA và EMP là một việc tốt để làm theo. - Tuân thủ yêu cầu của WB về TOR, xác định phạm vi và tham vấn cộng

Giai đoạn đánh giá môi trường	WB (quy định trong Chính sách OP/BP 4.01 - Đánh giá môi trường)	Chính phủ Việt Nam (quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT)	Giải pháp hài hòa chính sách
	phạm vi và tham vấn cộng đồng trong quá trình chuẩn bị TOR, báo cáo đánh giá môi trường chuẩn bị các điều khoản tham chiếu cho các báo cáo EA.	giá môi trường.	đồng.
Tham vấn cộng đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình đánh giá môi trường, Bên vay cần tham vấn người bị ảnh hưởng và các NGO địa phương về các khía cạnh môi trường của dự án và đưa ý kiến của họ vào quá trình đánh giá. - Đối với các dự án nhóm A, Bên vay tham vấn các nhóm này ít nhất 2 lần: (a) ngay sau khi sàng lọc môi trường và trước khi hoàn thiện TOR cho EA và (b) sau khi có bản dự thảo báo cáo đánh giá môi trường. Ngoài ra, trong suốt quá trình thực hiện dự án, bên vay cần tham vấn các bên này để giải quyết các vấn đề liên quan đến EA mà có ảnh hưởng đến họ. Đối với dự án loại B: tham vấn ít nhất 1 lần khi hoàn thành dự thảo báo cáo đánh giá môi trường. - Cuộc tham vấn chỉ có ý nghĩa khi Bên vay cung cấp các tài liệu dự án có liên quan trước khi tham vấn bằng hình thức, ngôn ngữ dễ hiểu và dễ tiếp cận với họ. - Biên bản các cuộc họp công cộng được đính kèm trong báo cáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Trong quá trình thực hiện ĐTM, chủ DA phải tiến hành tham vấn UBND nơi thực hiện DA, các tổ chức và cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi DA; nghiên cứu, tiếp thu những ý kiến khách quan, kiến nghị hợp lý của các đối tượng liên quan được tham vấn để hạn chế thấp nhất tác động bất lợi của DA đến môi trường tự nhiên đa dạng sinh học và sức khỏe cộng đồng. Sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu tham vấn, nếu cơ quan được tham vấn không gửi văn bản trả lời cho chủ dự án thì được coi là đồng ý với kế hoạch đầu tư của chủ dự án. - Việc tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi dự án được tiến hành dưới hình thức họp cộng đồng do Chủ dự án và UBND cấp xã nơi thực hiện dự án đồng chủ trì với sự tham gia của những người đại diện của UBND, MTTQ xã, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp, tổ dân phố... ý kiến của các đại biểu tham dự phải được thể hiện đầy đủ, trung thực trong biên bản họp cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định về tham vấn về đánh giá môi trường của chính phủ là chưa đủ, do đó, Bên vay và tư vấn của mình cần phải tuân thủ yêu cầu tham vấn và công bố thông tin của WB trong quá trình đánh giá môi trường. - Việc tham vấn tốt sẽ giúp ích cho việc thiết kế dự án và đóng góp vào vấn đề quản lý môi trường của dự án.
Công bố thông tin	Trước khi Ngân hàng thẩm định dự án thì báo cáo đánh giá môi trường phải được công bố tại nơi cộng đồng mà những người BAH và NGO của địa phương có thể truy cập được. Sau khi Ngân hàng đã chính thức phê duyệt báo cáo, NH sẽ công bố	Sau khi báo cáo EIA được phê duyệt, chủ dự án có trách nhiệm lập, phê duyệt và công bố EMP của dự án và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã nơi thực hiện dự án (Điều 16, Nghị định 18/2015).	Thực hiện theo chính sách của WB về Tiếp cận thông tin trong việc công bố thông tin dự án, bao gồm các công cụ ĐGMT.

Giai đoạn đánh giá môi trường	WB (quy định trong Chính sách OP/BP 4.01 - Đánh giá môi trường)	Chính phủ Việt Nam (quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT)	Giải pháp hài hòa chính sách
	phiên bản tiếng Anh của báo cáo lên trang thông tin Infoshop của NH.		
Chuyên gia độc lập	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án nhóm A, Bên vay thuê chuyên gia độc lập để thực hiện ĐGMT. - Đối với các dự án nhóm A mà có rủi ro môi trường cao hoặc tác động đa chiều, Bên vay nên thuê ban cố vấn độc lập, chuyên gia môi trường quốc tế để tư vấn về các khía cạnh của dự án có liên quan đến ĐGMT. - Đơn vị tư vấn đánh giá môi trường sẽ được lựa chọn thông qua quá trình đấu thầu dưới sự quan sát chặt chẽ của WB. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không quy định về chuyên gia độc. - Chủ dự án có trách nhiệm lập hoặc thuê một tổ chức đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1, Điều 13 (Nghị định 18/2015) để chuẩn bị báo cáo ĐTM. Chủ dự án hoặc tổ chức tư vấn phải đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) Có cán bộ thực hiện ĐTM với trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ tư vấn ĐTM chuyên ngành do Bộ TN&MT quản lý việc đào tạo, cấp chứng chỉ tư vấn ĐTM; (ii) Có cán bộ chuyên ngành liên quan đến dự án với trình độ từ đại học trở lên; (iii) Có phòng thí nghiệm, thiết bị kiểm định chuẩn được xác định đủ điều kiện thực hiện đo đạc, xử lý, lấy mẫu và phân tích mẫu môi trường phục vụ việc ĐTM của dự án. Trong trường hợp không có phòng thí nghiệm, các thiết bị kiểm định chuẩn đáp ứng yêu cầu phải có hợp đồng thuê đơn vị có đủ năng lực. 	Tuân thủ yêu cầu của WB để tránh xung đột lợi ích.
Thủ tục phê duyệt	<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục phê duyệt sẽ diễn ra trong nội bộ ngân hàng. Nếu báo cáo ĐGMT đạt yêu cầu, WB sẽ phát hành biên bản thông qua. Nếu cần phải sửa ngân hàng sẽ thông báo để Bên vay sửa chữa đến khi được Ngân hàng thông qua. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thẩm định: thông qua hội đồng thẩm định. Ngoài ra đối với các dự án: ứng phó thiên tai, dịch bệnh thì có thể thực hiện thông qua hình thức lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức liên quan. - Tổ chức chịu trách nhiệm thẩm định: Bộ TN&MT, cơ quan ngang bộ, Sở TN&MT đối với phụ thuộc vào loại và quy mô của dự án (xem phụ lục I, II và III) - Thời hạn thẩm định: không quá 45 ngày đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Bộ và 30 ngày ở cấp Sở TN & MT và 10 ngày ở cấp huyện sau khi nhận đủ hồ sơ báo cáo ĐTM hoặc KHBVMT. 	Ngoài việc tuân thủ đúng quy định của Chính phủ, Dự án sẽ tuân thủ thủ tục xem xét và thông qua của WB.
Yêu cầu số lượng và	<ul style="list-style-type: none"> - Không quy định số bản báo cáo phải nộp. 	Các chủ dự án phải nộp ít nhất 07 bản báo cáo (phụ thuộc vào số lượng thành viên hội đồng thẩm định) và một bản	Tuân thủ theo hướng dẫn của WB và

Giai đoạn đánh giá môi trường	WB (quy định trong Chính sách OP/BP 4.01 - Đánh giá môi trường)	Chính phủ Việt Nam (quy định trong Nghị định 18/2015/NĐ-CP, Thông tư 27/2015/TT-BTNMT)	Giải pháp hài hòa chính sách
ngôn ngữ sử dụng trong quá trình phê duyệt báo cáo ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôn ngữ: tiếng Anh và ngoài ra đối với dự án loại A còn yêu cầu thêm bản tóm tắt báo cáo ĐGMT. - Không có yêu cầu về khảo sát tính khả thi: WB sẽ không thảo luận về việc đầu tư nếu Bên vay không chuẩn bị các nghiên cứu kỹ thuật cần thiết để chứng minh các khoản đầu tư có tính khả thi về kỹ thuật và kinh tế - xã hội. 	báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo dự án đầu tư hoặc tài liệu tương đương.	yêu cầu của Chính phủ Việt Nam.
Nội dung của báo cáo ĐTM	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án loại A: tuân thủ phụ lục B của chính sách OP 4.01 - Nội dung của báo cáo ĐGMT đối với dự án loại A. - Dự án loại B: thông thường nội dung báo cáo ĐTM của dự án loại B tương tự với loại A 	<p>Nội dung của các báo cáo đánh giá môi trường tuân thủ theo Nghị định 27/2015, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo ĐMC tuân thủ theo Phụ lục 1.3. - Báo cáo ĐTM tuân thủ theo Phụ lục 2.3. - Kế hoạch quản lý môi trường: tuân thủ phụ lục 5.5 (nếu thuộc thẩm quyền xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường) và phụ lục 5.6 (nếu thuộc thẩm quyền xác nhận của UBND cấp huyện). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với dự án loại B: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chuẩn bị EMP theo yêu cầu của WB (trong đó có Quyết định phê duyệt báo cáo EIA hoặc EPP của Chính phủ). ▪ Chuẩn bị EIA hoặc EPP theo quy định của chính phủ. - Đối với dự án loại A: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Chuẩn bị báo cáo ESIA và EMP theo yêu cầu của WB. ▪ Chuẩn bị báo cáo EIA hoặc EPP theo quy định Việt Nam.
Giám sát đánh giá môi trường	<p>Trong thời gian thực hiện dự án WB sẽ giám sát các vấn đề môi trường của dự án theo điều khoản về môi trường, các báo cáo môi trường và các thỏa thuận của bên vay đã được xác định trong hợp đồng vay, trong các tài liệu dự án để xác định xem việc tuân thủ giao ước môi trường của Bên vay (chủ yếu với ESMP) là thỏa đáng. Nếu tuân thủ không thỏa đáng, WB sẽ thảo luận với bên vay về các hành động cần thiết để đảm bảo vấn đề môi trường do thực hiện dự án.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ quan phê duyệt báo cáo ĐTM hoặc đơn vị ủy quyền của mình có trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các vấn đề môi trường của dự án. - Đến cuối giai đoạn thi công dự án, các cơ quan quản lý môi trường sẽ phối hợp với các cơ quan quản lý xây dựng để giám sát việc tuân thủ các hoạt động quản lý môi trường nêu trong báo cáo ĐTM. 	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án sẽ thiết lập hệ thống quản lý môi trường để theo dõi và giám sát việc tuân thủ chính sách an toàn trong suốt thời gian thực hiện. - Tuân thủ các yêu cầu trong Hiệp định vay, EMP và hợp đồng với các nhà thầu để theo dõi và giám sát việc tuân thủ CSAT.

4. TÁC ĐỘNG ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI DO THỰC HIỆN DỰ ÁN

4.1. Các phát hiện chính trong REA và RSA

62. Với các loại hình đầu tư và vị trí của các TDA được đề xuất và điều kiện xã hội và điều kiện quản lý nguồn nước ở khu vực hạ lưu của ĐBSCL, báo cáo REA và RSA đã được tiến hành để cung cấp các kiến nghị về mặt chiến lược để hướng dẫn thiết kế dự án và các biện pháp để phát huy tác động tích cực và giảm thiểu tác động tiêu cực.

63. REA¹³ xác định là việc gia tăng dân số nhanh chóng và thâm canh nông nghiệp và NTTS trong những thập kỷ qua đã làm suy giảm đáng kể giá trị tự nhiên của đồng bằng và những bài học chính được rút ra là (a) kiểm soát chặt chẽ hệ thống canh tác đa dạng các loại cây trồng đã làm suy giảm độ phì nhiêu của đất và làm mất khả năng cung cấp dinh dưỡng tự nhiên từ sông Mê Công vào các khu vực sản xuất nông nghiệp, (b) thu hẹp diện tích khu vực để lũ chảy qua đã làm tăng nguy cơ ngập ở những khu vực không được bảo vệ, (c) suy giảm khả năng thoát nước của các khu đất ngập nước ở đồng bằng để mở rộng sản xuất nông nghiệp; (d) sản xuất nông nghiệp vào mùa khô đang thay đổi sự cân bằng giữa môi trường nước ngọt và nước biển; và (e) các sáng kiến kiểm soát nguồn nước tập trung chẳng hạn như các công trình kiểm soát mặn ở khu vực ven biển của đồng bằng thường hạn chế sinh kế và cơ hội kinh tế cho người nông dân trong việc tìm cách tận dụng lợi thế định hướng thị trường. Dựa trên các thay đổi chính của đồng bằng (thay đổi lượng mưa, nhiệt độ phát triển thủy điện, sử dụng đất, và nước biển dâng) cho thấy các thay đổi này sẽ làm tăng cường độ và lưu lượng và thời gian ngập lũ, rút ngắn thời gian chuyển mùa và gia tăng mực nước trong mùa khô. Trong bối cảnh này, có thể kết luận rằng (a) ĐBSCL đặc biệt dễ bị tổn thương trước những tác động của BĐKH do tác động của gia tăng mực nước lũ và nước biển dâng; (b) mực nước biển tăng cùng với việc sụt lún đất sẽ làm thay đổi ranh giới mặn ngọt ở vùng cửa sông; và (c) việc khai thác nước ngầm ở khu vực ven biển sẽ tác động đáng kể đến sụt lún đất (0.5 - 3.3cm/năm) tại các điểm nóng ở bán đảo Cà Mau và trung tâm các vùng ngập như Cần Thơ, Vĩnh Long và Tiền Giang.

64. REA khuyến cáo rằng dự án MD-ICRSL cần thực hiện các biện pháp giám sát và quản lý tác động tích lũy, tác động vùng và tiểu vùng bằng cách: (a) tăng cường giám sát nguồn nước mặt, nước ngầm và thủy sản trong khu vực dự án trong quá trình xây dựng và vận hành các công trình kiểm soát nguồn nước, hỗ trợ thông qua nghiên cứu sử dụng nước ngầm; (b) giám sát thay đổi bờ sông và ven biển để xác định hiệu quả của các khoản đầu tư vào việc bảo vệ bờ biển; (c) phân vùng và quản lý linh hoạt việc nuôi thủy sản nước ngọt và nước lợ trong đó có xem xét đến việc tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng quy trình vận hành các công trình kiểm soát nguồn nước; (d) từng bước thực hiện các mô hình sinh kế bao gồm các dịch vụ khuyến nông

¹³ REA do đội ngũ các chuyên gia trong nước và quốc tế thực hiện thông qua việc thu thập thông tin, số liệu cũng như phát triển Khung hỗ trợ ra quyết định (DSF) từ Dự án “*Xây dựng sinh kế vùng ĐBSCL*” của WB. Dự án này còn được gọi là Công cụ DELTA (Developing Long Term Adaptation) -Thích ứng với phát triển dài hạn cho ĐBSCL còn DSF cung cấp các căn cứ thực tế để hỗ trợ cho việc ra quyết định đầu tư phát triển tổng hợp các ngành nông nghiệp, tài nguyên nước và giao thông vùng ĐBSCL.

và thị trường; (e) huy động Bộ TN & MT và các cơ quan khác sử dụng các mô hình phát triển cho dự án này (MDS) vào việc kiểm soát xói lở bờ biển, xâm nhập mặn và vận chuyển trầm tích và chất dinh dưỡng ở vùng ngập lũ phía trên; (f) kết hợp với các bài học đã rút ra từ các dự án của WB đang thực hiện ở ĐBSCL¹⁴; và (g) áp dụng kinh nghiệm từ các TDA năm đầu vào việc thiết kế và vận hành của TDA trong giai đoạn II. Các hoạt động cần thực hiện tiếp theo là giám sát môi trường và xã hội trong vùng dự án, lập bản đồ GIS các khu vực có vấn đề hoặc các điểm nóng; xây dựng mô hình thủy văn để xác định những thay đổi trong dòng chảy ở vùng thượng lưu, vùng cửa sông, và bán đảo; xây dựng mô hình thủy lực để xác định hiệu quả của các cống, kênh và cơ sở hạ tầng kiểm soát tài nguyên nước; xem xét năng suất (tấn/ha), giá cả và thu nhập của nông dân từ các mô hình sinh kế; và tăng cường hệ thống cảnh báo sớm lũ lụt và hạn hán trong mối tương quan với nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản tại 3 vùng sinh thái này.

65. RSA¹⁵ đã báo cáo rằng có 9 mô hình sinh kế ở các vùng TDA thuộc Đồng Tháp (ĐT), An Giang (AG), Bến Tre (BT), Kiên Giang (KG), Cà Mau (CM) và Trà Vinh (TV): (a) 3 vụ lúa (ĐT, AG, BT); (b) 2 vụ lúa (ĐT, AG, BT); (c) lúa nổi (AG); (d) Lúa và tôm càng xanh (ĐT); (e) Lúa và sen (ĐT); (f) lúa và tôm nước lợ (KG, BT); (g) tôm quảng canh (KG, CM, BT); (g) tôm thâm canh (KG, CM, BT) và (h) tôm - rừng (KG, CM, TV, BT).

66. Các kiến nghị của RSA trong việc hỗ trợ các mô hình sinh kế như sau:

- *Giải quyết tính dễ bị tổn thương về khí hậu và môi trường* bằng cách (a) Huy động các chuyên gia nông nghiệp và NTTS có kinh nghiệm để xem xét và tối ưu hóa các công trình được thiết kế để hỗ trợ các mô hình sinh kế; (b) Tiến hành nghiên cứu chất lượng nước cho các mô hình NTTS, Điều chỉnh lại kế hoạch sử dụng đất tại huyện Ba Tri và Đánh giá tác động của dòng thải từ phía sau đê và cống đến hoạt động NTTS ven biển trong báo cáo ESIA; (c) Tiến hành các nghiên cứu về sử dụng nước ngầm và sụt lún đất ở Cù Lao Dung; và (d) phát triển và tích hợp công cụ giám sát môi trường tự động vào Hợp phần sinh kế của dự án và phát triển các công cụ cảnh báo sớm hạn hán và lũ lụt.
- *Giải quyết tính dễ bị tổn thương về xã hội* bằng cách (a) Đặt các điểm trình diễn mô hình sinh kế gần các mô hình đã thành công để thay đổi nhận thức của người nông dân; (b) Giảm nguy cơ thừa nguồn cung bằng cách làm việc với các doanh nghiệp nông nghiệp trên các tiếp cận gia tăng theo thời gian; (c) Tăng tính đa dạng của các mô hình thích ứng, chia sẻ và chuyển giao những bài học và kinh nghiệm giữa các TDA và phát triển các sản phẩm hữu cơ để đa dạng hóa thị

¹⁴ Bao gồm Dự án Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững (CRSDP); Dự án chuyển đổi nông nghiệp bền vững tại Việt Nam (VNSAT) - nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu và quản lý dịch hại tổng hợp; Dự án Nâng cấp đô thị Vùng đồng bằng Sông Cửu Long (MDR-UUP)- hạ tầng trữ lũ, cấp thoát nước và vệ sinh môi trường; Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (MD-WRMRD) - xây dựng và vận hành cơ sở hạ tầng thủy lợi; Dự án quản lý tổng hợp tài nguyên nước Mê Công (M-IWRM) - cải thiện mạng lưới quan trắc khí tượng -thủy văn và chất lượng nước để cung cấp thông tin cho các dự án phát triển trong tương lai.

¹⁵ RSA do tổ chức IUCN thực hiện thông qua việc đánh giá các tài liệu sẵn có và tổ chức hội thảo, điều tra, phỏng vấn các nhóm trong vùng dự án.

trường; (d) đảm bảo nông dân hỗ trợ bằng cách sử dụng các hợp tác xã hoặc các tổ hợp tác để thực hiện các mô hình sinh kế, tài trợ vốn ban đầu của các mô hình sinh, thuê chuyên gia NTTS và nông nghiệp để hỗ trợ các hợp tác xã và tổ hợp tác, các tổ chức đoàn thể nên đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân, và thiết lập các trại giống có khả năng sản xuất giống chất lượng cao gần các mô hình sinh kế; (e) giải quyết vấn đề đói nghèo và không có đất bằng cách hỗ trợ sinh kế cho người không có đất ở người trong khu vực TDA hoặc mở rộng các chương trình phát triển hiện tại bằng cách khuyến khích doanh nghiệp nông nghiệp (đặc biệt là tích hợp theo chiều dọc) mở rộng chuỗi cơ sở của họ để tạo ra cơ hội việc làm cho người nghèo; (f) thực hiện tham vấn cộng đồng mở rộng và sự tham gia của nông dân, người sử dụng nước và các bên liên quan cùng với chương trình truyền thông và đào tạo mở rộng một cách hiệu quả và đảm bảo có sự tham gia tích cực của phụ nữ; và (g) đảm bảo rằng các cống đước thiết kế để tàu thuyền có thể ra vào một cách tối ưu và đảm bảo quy trình vận hành cống đước phát triển với sự đóng góp của cộng đồng.

67. Các khuyến nghị chính này đã được xem xét trong quá trình hoàn thiện các thiết kế dự án cũng như trong quá trình chuẩn bị ESMF này.

4.2. Tác động tích cực

68. Thực hiện dự án dự kiến mang lại lợi ích trực tiếp và gián tiếp cho trên 1 triệu người dân sống ở 3 vùng: (a) vùng thượng nguồn (An Giang và Đồng Tháp); (b) vùng bán đảo (Cà Mau, Bạc Liêu và Kiên Giang) và (c) vùng cửa sông ven biển (Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng). Thêm vào đó, các hộ gia đình ở nông thôn, thành thị và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ở thượng lưu và hạ lưu của vùng dự án cũng trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ các hoạt động của dự án. ĐBSCL cũng là nơi rất quan trọng cho sự phát triển kinh tế xã hội và an ninh lương thực của Việt Nam, nhưng nó đang đối mặt với nguy cơ bị ảnh hưởng nặng của BĐKH và nước biển dâng. Thích ứng với BĐKH ở ĐBSCL, cũng như các vùng đồng bằng dễ bị tổn thương khác, đòi hỏi một cách tiếp cận tổng hợp, đa ngành và sự tham gia phối hợp của tất cả các ngành, lĩnh vực và các bên liên quan cũng như các hoạt động đầu tư “ít hối tiếc” thông qua các giải pháp công trình và phi công trình để giải quyết những thách thức về lũ lụt, xâm nhập mặn và bảo vệ bờ biển là cần thiết.

69. Các tác động tích cực chủ yếu của dự án có thể kể đến như sau:

- Thực hiện các hoạt động trong Hợp phần 1 sẽ tăng cường năng lực quốc gia về thích ứng với BĐKH mang tính thực tế. Cập nhật và chia sẻ thông tin, kiến thức và dữ liệu giữa các bên liên quan (các nhà nghiên cứu, các nhà hoạch định chính sách và ra quyết định, lập kế hoạch và giữa các cơ quan hành chính và các cấp quan trọng các quyết định liên quan đến việc thích ứng). Mặc dù phong phú, nhưng các dữ liệu, thông tin và nghiên cứu có liên quan đến ĐBSCL này lại nằm rải rác ở các tổ chức và các cơ quan nghiên cứu khác nhau mà các cơ quan, tổ chức này không có nhiệm vụ chia sẻ dữ liệu, cũng như không có trách nhiệm quản lý và hệ thống hoá kiến thức về đồng bằng. Những thông tin này cũng là đơn lẻ và không phải là những thông tin

mang tính mở để các bên liên quan khác nhau sử dụng cho việc ra quyết định lớn về việc chống chịu khí hậu dựa trên các bằng chứng xác thực. *Để tăng cường tác động mang tính chất vùng, cần thiết phải tạo nên một sự thay đổi thực sự trong nhận thức từ mỗi trang trại đến cả đồng bằng, từ các giải pháp cơ sở hạ tầng theo định hướng ngắn hạn đến các giải pháp quản lý thích ứng dài hạn và từ BĐKH thông qua thay đổi mang tính chất lịch sử đến tác động của BĐKH cụ thể.* Tuy nhiên, điều này đòi hỏi phải có sự lãnh đạo mạnh mẽ và cam kết của Chính phủ Việt Nam cũng như phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan và hợp tác của người nông dân.

- Thực hiện Hợp phần 2 (Quản lý Lũ ở thượng nguồn) sẽ làm giảm tác động tiêu cực của sự phát triển của một hệ thống kiểm soát lũ nông nghiệp rộng lớn mà đã chuyển nước lũ qua các khu vực khác và làm giảm tác dụng có lợi của lũ (bao gồm cả việc bổ sung độ phì nhiêu của đất, bổ sung nguồn nước ngầm và duy trì các hệ sinh thái thủy sinh) trong khu vực TDA nhằm bảo vệ và/khôi phục lại những lợi ích của lũ thông qua biện pháp kiểm soát lũ (giữ lũ) đồng thời tăng thu nhập ở vùng nông thôn và bảo vệ tài sản có giá trị cao. Các hoạt động trong hợp phần này bao gồm: (i) sử dụng biện pháp kiểm soát lũ (giữ nước lũ) có lợi hơn ở các khu vực nông thôn và cung cấp các lựa chọn thay thế trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản; (ii) cung cấp hỗ trợ sinh kế cho nông dân để họ có vụ sản xuất thay thế vụ lúa trong mùa mưa, bao gồm cả nuôi trồng thủy sản; (iii) xây dựng và nâng cấp cơ sở hạ tầng để bảo vệ tài sản có giá trị cao như thành thị và vườn cây ăn trái và (iv) hỗ trợ sử dụng nước hiệu quả trong nông nghiệp vào mùa khô. *Để tăng cường tác động mang tính chất vùng, cần chia sẻ kinh nghiệm từ việc thực hiện các TDA sẽ và thường xuyên thảo luận với các chính quyền, cộng đồng địa phương để có thể nhân rộng và/hoặc mở rộng quy mô của mô hình.*
- Thực hiện Hợp phần 3 (Thích ứng với chuyển đổi độ mặn vùng Cửa sông) sẽ hỗ trợ nông dân trong vùng dự án trong việc nâng cao lợi ích của nguồn nước mặn/lợ trong mùa khô cũng như tránh sự phá hủy của các khu rừng ngập mặn. Để nâng cao tác động vùng, hợp phần này được thiết kế để giải quyết các thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, NTTS bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống tại vùng ven. Các hoạt động đầu tư trong hợp phần này bao gồm: (i) xây dựng hệ thống phòng hộ ven biển bao gồm các loại kè, đê bao và rừng ngập mặn, (ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi và nông nghiệp dọc theo vùng ven biển để tăng tính linh hoạt và bền vững cho NTTS và thích ứng với thay đổi độ mặn, (iii) hỗ trợ cho nông dân để chuyển đổi (khi thích hợp) sang các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như rừng ngập mặn kết hợp nuôi tôm, lúa-tôm và các hoạt động NTTS khác và (iv) hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích ứng với khí hậu bằng cách tạo điều kiện sử dụng nước hiệu quả trong mùa khô. *Để tăng cường tác động mang tính chất vùng, cần chia sẻ kinh nghiệm từ việc thực hiện các TDA sẽ và thường xuyên thảo luận với các chính quyền và cộng đồng địa phương để có thể nhân rộng và/hoặc mở rộng quy mô của mô hình.*
- Thực hiện Hợp phần 4 (Bảo vệ khu vực bờ biển vùng Bán đảo) được thiết kế để giải quyết những thách thức liên quan đến xói lở bờ biển, khai thác nước ngầm và việc suy thoái/suy giảm diện tích rừng ngập mặn trong khi tăng cường sinh kế địa phương

và có thể làm giảm xung đột về nguồn nước giữa trồng lúa (nước ngọt) và nuôi tôm (nước mặn). Các hoạt động đầu tư tiềm năng trong hợp phần này bao gồm: (i) xây dựng/cải tạo đai rừng phòng hộ ven biển bao gồm kết hợp các loại kè, đê bao và vành đai rừng ngập mặn, (ii) nâng cấp cơ sở hạ tầng kiểm soát nước mặn dọc theo vùng ven biển để giúp cho các hoạt động NTTS được linh hoạt và bền vững, (iv) kiểm soát việc khai thác nguồn nước ngầm cho nông nghiệp/thủy sản và phát triển các nguồn nước ngọt để dùng cho sinh hoạt, (v) hỗ trợ cho nông dân để giúp họ thực hiện các hoạt động canh tác nước lợ có tính bền vững hơn như mô hình rừng ngập mặn – tôm và các hoạt động thủy sản khác và (vi) hỗ trợ nông nghiệp thông minh thích hợp với khí hậu để sử dụng nước hiệu quả. *Để tăng cường tác động mang tính chất vùng, cần chia sẻ kinh nghiệm từ việc thực hiện các TDA sẽ và thường xuyên thảo luận với các chính quyền và cộng đồng địa phương để có thể nhân rộng và/hoặc mở rộng quy mô của mô hình.*

- Ngoài ra, dự án cũng sẽ tạo ra việc làm và tăng thu nhập cho người dân địa phương. Nhà thầu sẽ ưu tiên sử dụng lao động địa phương cho công việc đơn giản như vận chuyển đất đá, đặc biệt ưu tiên cho các hộ nghèo, hộ phụ nữ làm chủ hộ và phụ nữ nếu họ cần việc làm. Nó nhằm mục đích nâng cao thu nhập, tạo thêm việc làm và góp phần xóa đói giảm nghèo cho cộng đồng. Tuy nhiên, tác động này sẽ là rất nhỏ vì số lượng người dân địa phương có đủ điều kiện kỹ năng đáp ứng yêu cầu của công việc là không nhiều. Các công nhân địa phương chủ yếu chỉ có thể thực hiện một số công việc đơn giản như vận chuyển vật liệu.
- Thực hiện hợp phần GEF sẽ giúp tăng cường năng lực nghiên cứu và khuyến khích sáng tạo để xây dựng sinh kế chống chịu khí hậu trong nông nghiệp và thủy sản, và giảm phát thải khí nhà kính tại các tỉnh được lựa chọn ở Đồng bằng sông Cửu Long.

4.3. Tác động tiêu cực

70. Trong quá trình chuẩn bị, xây dựng và vận hành dự án cũng sẽ gây ra các tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội và cần phải thực hiện có hiệu quả các biện pháp giảm thiểu để tránh gây ra những tác động bất lợi đối với các cộng đồng địa phương và môi trường. Các tác động chính của dự án được nêu ở phần dưới đây, các tác động và các biện pháp giảm thiểu cụ thể cho mỗi TDA sẽ được bày trong báo cáo ESIA của các TDA.

4.3.1. Trong quá trình chuẩn bị

71. Về mặt xã hội, tác động tiêu cực chủ yếu trong giai đoạn chuẩn bị của dự án là chiếm dụng đất để xây dựng công trình. Những tác động này được coi là đáng kể, dài hạn, không thể tránh khỏi và cần phải được giảm thiểu thông qua tham vấn cộng đồng, bồi thường và hỗ trợ thỏa đáng. Không có tài sản văn hoá vật thể trong khu vực dự án nhưng trong quá trình thực hiện dự án sẽ phải di dời các ngôi mộ. Tuy nhiên, di dời các ngôi mộ không phải là vấn đề phổ biến ở các dự án cơ sở hạ tầng ở ĐBSCL và nó sẽ không phải là một vấn đề lớn nếu bồi thường và hỗ trợ cho các hộ BAH theo đúng thủ tục. Điều này cho thấy, cần phải chuẩn bị kế hoạch di dời riêng cho mỗi TDA.

Trong số các hộ BAH, có rất ít hộ bị di dời và các biện pháp giảm thiểu có thể được thực hiện ở cấp TDA. Tác động đối với người dân tộc thiểu số chủ yếu là người Hoa và người Khmer ở tỉnh Trà Vinh, An Giang là nhỏ. Các tác động này sẽ được giảm thiểu thông qua việc thực hiện một cách có hiệu quả RPF/RAP và EMP/EMDP của TDA. Các tác động chính bao gồm:

- *Mất đất*: Kết quả điều tra 4 TDA năm đầu cho thấy ước tính tổng diện tích đất thu hồi vĩnh viễn khoảng 1.249.974m² (trong đó Kiên Giang 132.240m², An Giang 1.100.000m² và Trà Vinh 17.734m²). Diện tích thu hồi tạm thời trong quá trình thi công khoảng 274.243 m². Tổng số hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi các TDA là 823 (Kiên Giang 58 hộ, An Giang 752 hộ và Trà Vinh và Vĩnh Long 13 hộ), trong đó có 70 hộ phải di dời (Kiên Giang: 58 hộ, Trà Vinh và Vĩnh Long: 12 hộ). Các nhóm dễ bị tổn thương (nhóm nghèo, nhóm phụ nữ và người tàn tật là chủ hộ) cũng có mặt trong khu vực thu hồi đất và họ sẽ nhận được sự hỗ trợ đặc biệt. Như vậy, việc mất đất sẽ ảnh hưởng đáng kể đối với các TDA An Giang và Kiên Giang và không đáng kể đối với TDA ở Trà Vinh và Vĩnh Long và không tác động đối với TDA Bến Tre. RAP của các TDA sẽ được chuẩn bị phù hợp với chính sách OP/BP4.12 của WB.
- Dân tộc thiểu số: 2 trong 4 TDA năm đầu là Kiên Giang và Trà Vinh/Vĩnh Long là có sự hiện diện của người dân tộc thiểu số trong khu vực TDA. Các hộ dân tộc thiểu số chủ yếu là người Khmer và một ít người Hoa và Chăm. Trong ba nhóm này, Khmer là nhóm nghèo nhất và dễ bị tổn thương nhất, tiếp theo là người Chăm, trong khi đó thì Hoa thì điều kiện tương đương với người Kinh. Khmer chiếm một tỷ lệ lớn người nghèo và không có đất và thường đi làm thuê ở cho các hộ trồng lúa và NTTS cũng như bắt thủy sản tự nhiên để bán cho các hộ nuôi tôm để làm thức ăn cho tôm. Người dân tộc thiểu số không bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất và dự đoán là những người này cũng không bị tác động bất lợi trong quá trình chuẩn bị của 2 TDA này. Tuy nhiên, thông qua các hoạt động đầu tư của các TDA thì những người dân tộc thiểu số và cả người Kinh có thể phải điều chỉnh hoặc thay đổi sinh kế hiện tại của mình. Dễ bị tổn thương hơn so với người Kinh, do tỷ lệ mù chữ cao và kỹ năng sản xuất thấp, các nhóm dân tộc thiểu số này (đặc biệt là người Khmer) cần sự hỗ trợ bổ sung.
- *Tác động do rủi ro bom mìn*. Một trong những hậu quả của các cuộc chiến tranh những năm 1960 và 1970 là tồn lưu bom mìn (UXO). Bom mìn được phát hiện trên khắp Việt Nam và đã có những thương vong do tai nạn liên quan đến việc tồn lưu bom mìn này. Đạn súng cối, bom và vật liệu chứa nổ khác có thể được tìm thấy trong khu vực dự án. Để giảm thiểu rủi ro, chủ TDA sẽ liên hệ với các cơ quan chức năng chịu trách nhiệm rà phá bom mìn để đánh giá rủi ro và cung cấp xác nhận an toàn bom mìn trước khi tiến hành xây dựng.

4.3.2. Trong quá trình xây dựng

72. Trong quá trình xây dựng, tác động tiêu cực đối với môi trường và cộng đồng địa phương có tính chất vừa phải, cục bộ, tạm thời và có thể được giảm thiểu. Tác động chính sẽ bao gồm: sự gia tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm nguồn

nước, chất thải, đất và giao thông vận tải đường thủy, rủi ro an toàn, sự xáo trộn cuộc sống của người dân địa phương và các tác động xã hội khác. Nguồn gây tác động chủ yếu là chuẩn bị mặt bằng (giải phóng mặt bằng và san lấp); vận chuyển vật liệu và thiết bị xây dựng, đào đắp đất đá, trộn, đổ bê tông; xây dựng trụ cầu, đắp đê bao, lấp đặt kết cấu cầu, cống và các hoạt động của cán bộ, công nhân tại công trường, lán trại. Các tác động chính bao gồm:

- *Tác động đến đa dạng sinh học và cảnh quan.* Hoạt động giải phóng mặt bằng, nạo vét, đào đắp, chất thải xây dựng, chất thải sinh học có thể ảnh hưởng đến đa dạng sinh học và cảnh quan của khu vực thực hiện dự án.
- *Xói mòn, bồi lắng, thoát nước tạm thời và vĩnh viễn.* Xói mòn bề mặt, rửa trôi vật liệu và chất lơ lửng trong nước mưa chảy tràn ở khu vực thi công có thể gây ra những tác động đáng kể đến chất lượng đất và nguồn nước xung quanh. Các hoạt động có thể gây ra tác động này được trình bày trong *Hộp 4.1*.
- *Đất phèn.* Việc đào đất ở vùng đất phèn có thể gây ra hiện tượng xì phèn. Đất phèn khi bị xáo trộn có thể gây ảnh hưởng đến đất xung quanh thông qua lượng axit rò rỉ từ trong đất. Các axit này có thể giết chết các sinh vật ở trong đất, thực vật và cá. Vào mùa mưa, nước chảy tràn từ các đồng vật liệu đào bị nhiễm phèn có thể chảy ra môi trường xung quanh ảnh hưởng đến đất đai và gây mùi khó chịu đối với người dân xung quanh. Các axit này cũng ảnh hưởng đến chất lượng đất trong vùng dự án, ăn mòn kết cấu thép và bê tông.

Hộp 4.1: Nguồn gây tác động của việc bồi lắng/thoát nước

Lượng mưa của 3 tháng mùa mưa (từ tháng 9-11) và mực nước lũ cao nhất trong năm. Nước mưa và nước lũ ảnh hưởng đến tính chất của đất, vật liệu và làm cho chúng khó ổn định. Dòng nước sẽ gây tác động nghiêm trọng nếu nó mang theo bùn và trầm tích. Bùn có thể làm hư hại đường xá, chôn vùi đất nông nghiệp, cây trồng và tràn vào các tài sản gần công trường cũng như cấu trúc đã được hoàn thiện. Nước chảy tràn từ công trường cuốn theo vật liệu và chất thải có thể gây ra xói mòn, làm suy yếu cấu trúc, xâm nhập đường đắp và phá hủy đất đai xung quanh. Nó cũng có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng, khả năng tiếp cận nguồn nước và đất. Nước chảy tràn từ công trình, vật liệu xây dựng và vật liệu thải có thể gây xói mòn, bùn/cát được phát sinh trong hoạt động xây dựng gần sông Tiền và sông Hậu sẽ tác động không đáng kể đến sông do bản thân sông đã chứa nhiều phù sa và công trường xây dựng sẽ được đặt gần cửa sông. Vật liệu xây dựng và bùn nạo vét, đất bóc phong hóa bề mặt từ công trình có thể theo nước mưa chảy ra ngoài mặt bằng công trình làm ảnh hưởng đến chất lượng đất (giảm năng suất), cây trồng và thực vật tự nhiên. Trước khi thi công, cần phải tiến hành phát quang và giải phóng mặt bằng. Việc này có thể gây xói mòn đất do nước mưa chảy tràn. Nước mưa chảy tràn và bùn cát từ công trình chảy ra môi trường ảnh hưởng đến đất đai, nuôi trồng thủy sản và môi trường tự nhiên. Gió có thể thổi bụi ra môi trường làm ảnh hưởng đến người dân trong vùng dự án. Cát xây dựng vận chuyển đến chân công trình bằng sà lan càng gần càng tốt. Trong quá trình bơm cát cần thêm nước để dễ vận chuyển. Dung dịch này được bơm vào bãi chứa vật liệu hoặc trực tiếp đến công trường. Nước tuần hoàn thường chứa nhiều chất rắn lơ lửng (TSS) có thể ảnh hưởng đến chất lượng đất và thiệt hại đất, cây trồng, thực vật tự nhiên (như đã trình bày ở trên). Trong quá trình đào hố móng cần khử nước. Nước từ hố móng thường có chứa lượng lớn TSS chủ yếu là bùn hoặc sét. Tương tự, có một lượng lớn nước từ việc rửa cốt bê tông nhưng chúng có thể được thu hồi và tái

sử dụng, nước thải này chứa nhiều bùn sét.

- *Chất thải.* Trong quá trình thi công sẽ sinh ra nhiều loại chất thải khác nhau, mỗi loại chất thải có phương pháp quản lý thích hợp. Chất thải có thể nguy hại đối với môi trường, sức khỏe, an toàn và làm suy giảm cảnh quan. Các loại chất thải phát sinh trong quá trình xây dựng: (i) Chất thải có khả năng tái chế (giấy, nhựa can, thực vật); (ii) Chất thải sinh hoạt (thức ăn, giấy ăn, tro...) và (iii) Nước thải; Chất thải nguy hại (hóa chất, sơn thải, thùng chứa, dầu nhớt thải).
- *Gián đoạn việc cung cấp nước tưới và/hoặc nước sinh hoạt.* Gián đoạn nguồn cung cấp nước có thể trong quá trình xây dựng. Tác động này xảy ra do xây dựng trên sông kênh như cống, đập tràn và đê bao. Hầu hết, người dân ở nông thôn sống nhờ vào canh tác nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản. Do đó, việc gián đoạn nguồn nước là một vấn đề quan trọng đối với người dân địa phương có thể dẫn đến giảm thu nhập của họ. Các tác động này được đánh giá là đáng kể nhưng nó chỉ xảy ra trong quá trình xây dựng và có thể giảm thiểu được.
- *Rủi ro về sức khỏe và an toàn của người dân địa phương, công nhân xây dựng.* Bụi, ô nhiễm không khí, dịch bệnh, tai nạn lao động và tai nạn giao thông có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của người lao động và người dân địa phương. Việc vận chuyển nguyên vật liệu và hoạt động thi công có thể tạo ra các nguy cơ về an toàn giao thông và cấu trúc nhà của người dân ở hai bên đường. Nước thải từ các hoạt động xây dựng và nước sinh hoạt của công nhân xây dựng có thể gây ra một số bệnh về đường hô hấp cho người dân địa phương cũng như công nhân thi công. Tai nạn có thể xảy ra nếu trong quá trình xây dựng công nhân không được cung cấp thiết bị bảo hộ lao động cá nhân và tuân thủ quy định trong quá trình xây dựng.
- *Tiếng ồn và chất lượng không khí.* Việc vận chuyển nguyên vật liệu, đào và đắp đất, hoạt động của máy móc thi công xây dựng sẽ tạo ra bụi, khí thải, tiếng ồn và độ rung. Điều này sẽ ảnh hưởng đến công nhân thi công và người dân sống gần công trường. Các tác động này được đánh giá là ở mức trung bình. Nhưng những tác động này có thể được giảm thiểu bằng cách áp dụng các biện pháp thích hợp.
- *Biến động giao thông địa phương.* Việc xây dựng các cống, nạo vét kênh mương sẽ làm ảnh hưởng đến giao thông đi lại của người dân, do đó, việc xây dựng các cây cầu tạm và đường tránh trong quá trình xây dựng cống và nạo vét kênh mương là cần thiết.
- *Lan truyền dịch bệnh.* Việc sử dụng công nhân từ nhiều nơi khác đến có khả năng phát sinh các dịch bệnh mới và các công nhân này cũng có thể bị lây bệnh từ người dân địa phương. Việc tập trung công nhân xây dựng có thể gây ra các bệnh truyền nhiễm và các bệnh lan truyền qua đường tình dục như HIV/AIDS. Rác thải sinh hoạt từ lán trại và rác thải xây dựng nếu không quản lý và xử lý thích hợp sẽ là vấn đề chính đối với sức khỏe của người địa phương (muỗi, ruồi). Các chất độc hại như hóa chất, dầu thừa có thể trực tiếp ảnh hưởng đến tài nguyên nước.
- *Mất/thay đổi các khu vực văn hoá (nếu có).* Trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu và xây dựng có thể gây thiệt hại hoặc phá huỷ các khu vực có giá trị văn hoá

lịch sử có sẵn cũng như các di tích khảo cổ, lịch sử, văn hóa mới phát hiện trong quá trình thi công.

4.3.3. Trong quá trình vận hành

73. *Tác động đến chất lượng nước, an toàn và sự gián đoạn giao thông trong quá trình vận hành phụ thuộc vào thiết kế và quy trình vận hành công.* Kích thước của các công đã được tính toán để đảm bảo không chỉ có hiệu quả về mặt tưới (cung cấp đủ nước và giảm chênh lệch mực nước) và hiệu quả kinh tế mà còn đảm bảo được việc thoát nước thải, thoát lũ trong mùa mưa. Việc vận hành hợp lý và bảo dưỡng định kỳ (O&M) cùng với việc tham vấn cộng đồng địa phương ở thượng và hạ lưu về lịch vận hành công và công bố lịch đóng công là quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước một cách có hiệu quả cũng như đảm bảo chất lượng nước ở mức có thể chấp nhận đối với các nhóm dụng nước chính và giảm xung đột về nguồn nước.

74. *Tác động do việc gia tăng hoá chất trong nông nghiệp.* Việc cung cấp thêm nước tưới có thể làm tăng lượng hoá chất sử dụng và đây là nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước, ảnh hưởng đến thủy sinh trong khu vực dự án và ở vùng hạ lưu. Ngoài ra, việc chuyển đổi phương thức sản xuất cũng có thể làm thay đổi cách thức sử dụng hoá chất và làm phát sinh nguy cơ dịch bệnh. Chính phủ Việt Nam đã và đang xúc tiến một số biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) để giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp cho gạo, trái cây, rau và cả trong nuôi tôm. Xúc tiến IPM sẽ được tiếp tục đối với dự án, dự án sẽ hỗ trợ đào tạo cần thiết và nhân rộng các hoạt động IPM được cho là có hiệu quả ở ĐBSCL. PMF đã được chuẩn bị cho dự án và nó sẽ áp dụng cho các TDA và/hoặc các hoạt động thúc đẩy việc sử dụng các hoá chất nông nghiệp trong Hợp phần 2, 3 và 4.

75. *Tác động của việc phát sinh chất thải rắn.* Chất thải rắn từ sản xuất như: bùn từ các nhà máy xử lý nước hoặc từ các ao nuôi thủy sản; chất thải nguy hại như các thùng chứa thuốc trừ sâu và dư lượng nông nghiệp có thể được tạo ra từ hoạt động của dự án.

76. *Tác động do hư hỏng cấu trúc, sạt lở đất, xói mòn đất và trầm tích.* Ở một số khu vực bị ngập lũ, các công trình được xây dựng sau một thời gian có thể bị hư hỏng và tuổi thọ bị giảm. Việc vận hành công không hợp lý có thể gây xói mòn và bồi lắng ở phía trước và sau công.

77. *Tác động trồng rừng và xâm nhập mặn.* Tại các khu vực ven biển rừng ngập mặn sẽ được phục hồi thậm chí mở rộng. Điều này sẽ hình thành các vùng đệm tự nhiên để bảo vệ đê và tài sản phía sau rừng. Các mô hình tôm rừng có thể làm tăng sự xâm nhập mặn ở một số khu vực, tuy nhiên, những tác động này không thể tránh được do tác động của BĐKH và mực nước biển dâng.

78. *Tác động do xi phèn.* Việc gia tăng công tác chuẩn bị đất để trồng trọt và nuôi trồng thủy sản ở một số khu vực dự án có thể dẫn đến rửa trôi phèn từ đất vào nguồn nước và làm tăng tốc độ quá trình axit hóa của đất phèn tiềm tàng.

79. *Tăng xung đột về sử dụng nước do việc quản lý hệ thống thủy lợi không hợp lý.* Nếu các hệ thống thủy lợi hoạt động không hợp lý có thể dẫn đến việc gia tăng xung

đột về nguồn nước. Đặc biệt, những tác động này sẽ trở nên nghiêm trọng hơn trong điều kiện khí hậu biến đổi.

80. *Rủi ro của dự án.* Khi dự án đi vào hoạt động có thể phải đối mặt với những rủi ro về môi trường như: dịch bệnh của tôm, cá, hư hỏng cấu trúc, thiệt hại về kinh tế do thiên tai hoặc khí hậu khắc nghiệt, thất bại do sản xuất ồ ạt và thị trường không ổn định. Thúc đẩy NTTS ở khu vực ven biển mà không kiểm soát được có thể tạo ra một số rủi ro về kinh tế xã hội đối với người nghèo và người dân tộc thiểu số cũng như tạo ra những tác động như làm giảm diện tích rừng ngập mặn và tăng ô nhiễm nước.

81. Những hoạt động chính trong hợp phần GEF sẽ bao gồm các nghiên cứu phân tích, nghiên cứu thị trường; các khoản viện trợ cho nghiên cứu, sáng tạo nhằm tăng hiệu quả ngăn giữ lũ và quản lý nước, xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, ô nhiễm nước, lún sụt đất, thiếu nước và đào tạo. Do đó các tác động tiêu cực dự kiến là nhỏ.

4.3.4. Tóm tắt các tác động tích lũy

82. Như đã đề cập trong báo cáo REA và RSA, các tác động của việc nâng cấp và xây dựng mới cơ sở hạ tầng và nạo vét kênh mương chỉ gây ra các tác động mang tính cục bộ hoặc ở cấp tiểu vùng và có thể được quản lý thông qua các công cụ CSAT của TDA và ESMP. Các tác động chính được tóm tắt dưới đây còn các hướng dẫn để đánh giá tích lũy ở cấp TDA được trình bày trong *Phụ lục 3 (b)* và *Phụ lục 3 (c)*.

- Việc xây dựng các công trình kiểm soát nguồn nước và kiểm soát lũ ở vùng thượng nguồn sẽ làm thay đổi thủy văn dòng chảy và có thể có tác động tích lũy tích cực lớn thông qua việc tăng khả năng trữ lũ và chậm lũ và khôi phục hệ sinh thái và nông nghiệp ở vùng ngập. Việc phát triển các mô hình thủy văn và thủy lực là cần thiết để xác định hiệu quả của các công trình này trong các năm lũ cao và trung bình. Lũ sẽ cung cấp chất dinh dưỡng và phù sa trong mùa mưa, giảm sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu. Thông qua các mô hình sinh kế mới nông dân sẽ chuyển từ 3 vụ lúa xuống còn 2 vụ lúa + 1 vụ màu hoặc 1 vụ thủy sản. Đây là một quá trình được thực hiện từng bước bao gồm khuyến nông, tiếp cận thị trường và thực hành nông nghiệp bền vững. Việc quan trắc nước mặt sẽ rất quan trọng để phát hiện xem việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp, phân bón và thuốc trừ sâu tăng hoặc giảm trong vùng dự án.
- Việc lắp đặt các công trình kiểm soát nguồn nước/kiểm soát mặn ở vùng cửa sông và bán đảo sẽ có tác động tích cực lớn trong việc bảo vệ bờ biển trước nguy cơ xói mòn và các tác động tích lũy tiêu cực ở mức trung bình là ngăn chặn sự di chuyển và di cư của các loài thủy sản từ cửa sông và ven biển vào trong nội đồng của đồng bằng. Sự mất mát về khai thác thủy sản có thể bù đắp bằng cách tăng diện tích rừng ngập mặn kết hợp với tăng cường quản lý vùng ven biển sẽ góp phần làm tăng đa dạng sinh học. Cần xem xét xây dựng đường dẫn cá tại vị trí xây dựng cống và nghiên cứu bổ sung tác động đến cá và thực hiện giám sát đa dạng sinh học trong khu vực dự án. Sự kết hợp giữa rừng ngập mặn và đê biển cũng sẽ đem lại lợi ích tích cực thông qua việc giảm thiệt hại do bão và nước biển dâng.

- Các cống cần phải được vận hành một cách linh hoạt và kết hợp mô hình thủy văn và giám sát mặn để phân vùng nước ngọt, nước lợ và nước mặn. Việc vận hành và phân vùng này cần phải được thay đổi tùy thuộc vào năm lũ lớn, trung bình và nhỏ. Ví dụ, tỉnh Vĩnh Long đang bị xâm nhập mặn vào những năm hạn.
- Việc phát triển các chương trình sinh kế ở vùng cửa sông nên giúp nông dân chuyển đổi để thích ứng với thay đổi độ mặn và cải thiện khả năng chống chịu khí hậu. Cần có một quá trình gồm nhiều bước để chuyển đổi từ mô hình hiện tại (ví dụ: trồng mía) sang nuôi trồng thủy sản có giá trị cao ở vùng cửa sông để tăng thu nhập và cung cấp thêm cơ hội việc làm hơn so với NTTS khác và nuôi tôm. Ở những khu vực thực hiện mô hình sinh kế có người Khmer và người dân tộc thiểu số tham gia thì cần phải cung cấp hỗ trợ để họ chuyển đổi. Khuyến khích NTTS bền vững, tôm quảng canh và tôm - rừng để giảm việc khai thác nước ngầm và ô nhiễm nguồn mặt do nuôi tôm thâm canh. Nghiên cứu sử dụng nước ngầm và quan trắc chất lượng nước mặt là cần thiết để xác nhận điều này trong và sau khi thực hiện dự án.
- Xây dựng hồ chứa ở Cà Mau và cải thiện cơ sở hạ tầng cấp nước và vệ sinh môi trường ở vùng bán đảo có thể có tác động tích lũy tích cực lớn. Việc thiếu nước ngọt trong mùa khô và tiếp cận với nguồn nước sạch và vệ sinh môi trường là những thách thức quan trọng ở khu vực ven biển. Nếu hồ chứa này hoạt động có hiệu quả và được bổ sung bằng các giải pháp nông nghiệp thông minh ứng phó với khí hậu sẽ làm giảm việc khai thác nước ngầm. Các biện pháp an toàn hồ chứa và hơn nữa là mô hình thủy văn và thủy lực là cần thiết để tăng cường những tác động tích cực và giảm thiểu các tác động tiêu cực trong quá trình xây dựng và vận hành hồ chứa.
- Nhìn chung, các TDA được thiết kế để đem lại những tác động môi trường và xã hội tích cực và giám sát sự thay đổi về môi trường và xã hội trong quá trình xây dựng và vận hành các cơ sở hạ tầng và mô hình sinh kế của dự án là bắt buộc. Thêm vào đó việc giám sát nước mặn và nước ngầm để theo dõi và đánh giá xói lở bờ sông và bờ biển trong Hợp phần 1 rất quan trọng để định lượng và quản lý các tác động tích lũy lâu dài của các TDA trong Hợp phần 2, 3 và 4. Việc thực hiện các TDA năm đầu sẽ cung cấp thêm các thông tin quan trọng trong việc thiết kế và chuẩn bị tài liệu CSAT cho các TDA giai đoạn II.
- WB cũng đang đầu tư vào một số dự án chống chịu khí hậu, nông nghiệp bền vững, quản lý bền vững vùng ven biển và quản lý nguồn nước tổng hợp mà các dự án này sẽ cung cấp mối liên kết quan trọng đối với dự án MD-ICRSL.

5. BIỆN PHÁP QUẢN LÝ CÁC TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

83. Để giảm thiểu những tác động tiêu cực ở quá trình xây dựng dự án trong đó có xét đến các ý kiến của chính quyền và cộng đồng địa phương, trong quá trình thực hiện dự án sẽ giám sát việc tuân thủ các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường và xã hội của các nhà thầu và đảm bảo rằng các nhà thầu tiến hành các hoạt động của TDA

theo thông lệ tốt của quốc tế về kỹ thuật và xây dựng. Một bộ quy tắc thực hành môi trường (ECOP) chung đã được chuẩn bị cho dự án này và được trình bày trong *Phụ lục 4a* của ESMF này và bộ quy tắc này sẽ được lồng ghép trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng thi công gói thầu. Các nhà thầu cũng được yêu cầu chuẩn bị ESMP trong quá trình xây dựng (CEMP) các TDA bao gồm: thiết lập cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM), bắt đầu và duy trì mối quan hệ chặt chẽ, tham vấn với chính quyền và cộng đồng địa phương trong quá trình thi công. Chủ TDA cũng thuê một đơn vị tư vấn đủ điều kiện để tiến hành giám sát định kỳ và báo cáo việc tuân thủ của các nhà thầu cũng như các vấn đề và các hoạt động liên quan đến CSAT trong quá trình thực hiện TDA. Đối với các hoạt động xây dựng nhỏ (văn phòng, cơ sở hạ tầng nhỏ cho các mô hình sinh kế, trạm quan trắc chất lượng nước), một bản ECOP đơn giản cũng đã được chuẩn bị (*Phụ lục 4b*). Để giảm thiểu các tác động do vận hành các cống, kế hoạch vận hành cống cụ thể sẽ được chuẩn bị và hoàn thiện với sự tham vấn cộng đồng địa phương để đảm bảo rằng sự vận hành cống được chính quyền và cộng đồng địa phương chấp nhận. Đào tạo về CSAT và hỗ trợ kỹ thuật cũng sẽ được tiến hành trong quá trình thực hiện dự án MD-ICRSL.

(a) Biện pháp giảm thiểu tác động do thu hồi đất, tái định cư và tác động đến dân tộc thiểu số

- *Thu hồi đất.* Những tác động của việc thu hồi đất và tái định cư được coi là đáng kể và cần phải nỗ lực để tránh hoặc giảm đến mức thấp nhất nhu cầu sử dụng đất và trong trường hợp không thể tránh khỏi thì những người BAH sẽ được bồi thường thỏa đáng, phù hợp với CSAT của Ngân hàng. RPF đã được xây dựng với sự tham vấn chặt chẽ của các cơ quan địa phương, người BAH và những chính sách cụ thể cùng với thủ tục đã được hoàn chỉnh trong đó có cả tác động do di dời mộ. Các biện pháp giảm thiểu tác động cụ thể đối với việc thu hồi đất được giải quyết trong RAP của các TDA tương ứng và phù hợp với các chính sách và nguyên tắc nêu trong RPF của dự án. RAP cho các TDA năm đầu cũng đã được chuẩn bị, bao gồm cả bồi thường và di dời mộ.
- *Di dời mộ.* Việc thu hồi đất có gây ảnh hưởng đối với các ngôi mộ trong quá trình chuẩn bị 4 TDA năm đầu. Việc di dời các ngôi mộ riêng lẻ sẽ do các hộ có mộ BAH thực hiện (đây là một thực tế ở Việt Nam). Nghi lễ cho di dời mộ có thể khác nhau giữa dân tộc Kinh và các dân tộc thiểu số. Các hộ BAH sẽ nhận được tiền bồi thường để thực hiện việc di dời mộ của gia đình mình. Chi phí bồi thường cho việc di dời mộ bao gồm: chi phí đào, di dời, cải táng, mua đất để cải táng (nếu có) và tất cả các chi phí hợp lý khác liên quan đến các nghi lễ cần thiết theo tập quán của địa phương. Nghi lễ địa phương có nghĩa là di dời mộ mả sẽ được thực hiện phù hợp với tập quán văn hóa địa phương, có tính đến văn hóa điển hình cho từng dân tộc. Đối với việc di dời nghĩa địa - thuộc sở hữu chung của nhiều dân tộc, thì trong quá trình đánh giá xã hội các TDA cần tham vấn các nhóm BAH để có giải pháp chấp nhận được cho người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Di dời mộ sẽ được thực hiện một cách thỏa đáng cho các hộ BAH trước khi khởi công xây dựng. Di dời mộ và chính sách bồi thường sẽ được ghi lại trong RAP và EMDP của TDA tương ứng

dựa trên việc tham khảo ý kiến với các hộ BAH và người dân tộc thiểu số trong quá trình thực hiện dự án.

- *Người dân tộc thiểu số.* Thực hiện Dự án sẽ liên quan đến người dân tộc thiểu số và một EMDP đã được chuẩn bị phù hợp với chính sách của WB. EMDP đã được chuẩn bị cho các tiểu dự án trong năm đầu tiên có liên quan đến dân tộc thiểu số.

(b) Rủi ro bom mìn

84. Rủi ro an toàn liên quan đến bom mìn được xem là trung bình đối với các TDA mà ở trong khu vực đó có rất ít cơ sở hạ tầng mới được xây dựng (một số tuyến đường cứu hộ nhỏ). Tuy nhiên, đánh giá rủi ro bom mìn sẽ được tiến hành cho tất cả vị trí xây dựng dự án và rà phá bom mìn (nếu cần thiết) sẽ được thực hiện bởi các cơ quan có chức năng. Chỉ tiến hành xây dựng khi có xác nhận an toàn bom mìn.

(c) Biện pháp giảm thiểu tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng và xây dựng

85. Việc sàng lọc dự án và các báo cáo ESIA của các TDA năm đầu đã kết luận rằng hầu hết các tác động chính sẽ xảy ra trong việc thi công các hạng mục công trình và vận chuyển vật liệu xây dựng/chất thải. Tất cả các tác động tiêu cực đến môi trường vật lý, sinh học và xã hội có thể được giảm thiểu thông qua một loạt các biện pháp thường được áp dụng cho hầu hết các dự án xây dựng để giảm thiểu tác động của tiếng ồn, bụi, rung, phát sinh chất thải, cản trở giao thông, an toàn công cộng,... Trong trường hợp này, ECOP sẽ được chuẩn bị để quy định các yêu cầu mà các Nhà thầu cần phải thực hiện để giảm thiểu các tác động tiêu cực chung (xem *Phụ lục 4*). Nhà thầu cũng được yêu cầu thực hiện các biện pháp để giải quyết các tác động cụ thể cho từng TDA.

86. ECOP đó là một phần của ESMP, trong đó mô tả các yêu cầu cơ bản được thực hiện bởi các nhà thầu và giám sát bởi các kỹ sư giám sát thi công trong xây dựng. Bộ quy tắc được thiết kế cho dự án này áp dụng đối với công trình xây dựng vừa và nhỏ. Điều khoản liên quan đến ECOP sẽ là một phụ lục trong hồ sơ mời thầu và hợp đồng gói thầu trong giai đoạn thiết kế chi tiết. Phạm vi và nội dung của ECOPs như sau:

87. Phạm vi: các hoạt động xây dựng quy định trong ECOP là những tác động xảy ra trong một phạm vi nhất định, mang tính tạm thời và có thể đảo ngược, dễ dàng quản lý thông qua các quy tắc tốt trong xây dựng.

88. Nội dung của ECOP bao gồm các nội dung sau:

- Phát thải bụi, khí thải
- Ô nhiễm không khí
- Ô nhiễm do tiếng ồn và độ rung
- Kiểm soát việc thoát nước và bồi lắng
- Quản lý bãi chứa nguyên vật liệu, khu mỏ và công trường tạm

- Quản lý chất thải rắn
- Quản lý vật liệu nạo vét
- Giám đoạn lớp phủ thực vật và tài nguyên sinh thái
- Quản lý giao thông
- Giám đoạn các dịch vụ công cộng
- Khôi phục các khu vực bị ảnh hưởng
- An toàn công nhân và công cộng
- Giao tiếp với cộng đồng địa phương
- Các phát hiện tình cờ

89. Đối với mỗi TDA sẽ có tác động đặc thù mà các tác động này đòi hỏi các biện pháp giảm thiểu riêng trong cả giai đoạn xây dựng và vận hành chẳng hạn: biện pháp giảm thiểu nguy cơ tồn dư bom mìn, tác động đối với việc cấp nước, hoạt động nông nghiệp và NTTS và những tác động liên quan đến các công trình liên kết, công trình phụ trợ ở cấp TDA như bãi thải vật liệu nạo vét, mỏ vật liệu, đường công vụ... Những biện pháp này được xác định trong báo cáo ESIA và tích hợp vào ESMP của TDA. Những biện pháp cụ thể nên được sử dụng kết hợp với quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam và ECOP của dự án.

90. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình xây dựng có thể có ích trong việc bảo đảm tính đồng nhất của các biện pháp giảm thiểu do nhà thầu thực hiện. Tuy nhiên, các thông số, địa điểm và thời gian quan trắc cần được thiết kế phù hợp với các hoạt động của TDA, địa điểm và việc sử dụng nguồn nước gần đó. ESMP sẽ xác định rõ sự cần thiết của việc giám sát chất lượng môi trường với các địa điểm, các thông số giám sát, tần số cụ thể và ước tính chi phí cho việc giám sát.

(d) Các biện pháp để giải quyết các tác động trong giai đoạn vận hành

83. Các biện pháp giảm thiểu tác động chính trong giai đoạn vận hành của các TDA cũng sẽ được lồng ghép trong giai đoạn thiết kế để tránh và giảm thiểu tác động đến giao thông thủy, các rủi ro về sức khỏe cộng đồng liên quan đến việc tiếp xúc với hoá chất và chế phẩm sinh học được sử dụng trong các mô hình trình diễn NTTS. Cần tiến hành đào tạo kỹ thuật cho các cán bộ kỹ thuật và cộng đồng địa phương mà những người này sẽ tham gia trong quá trình vận hành công và các mô hình sinh kế.

(e) Biện pháp giảm thiểu đối với các hoạt động thuộc Hợp phần 1

91. Như đã đề cập ở trên, các tác động tiêu cực của Hợp phần 1 xuất phát từ việc xây dựng Trung tâm ĐBSCL và các trạm quan trắc tài nguyên nước, các tác động tiêu cực này có thể được giảm nhẹ thông qua việc xây dựng và áp dụng ECOP đơn giản (chi tiết sẽ được trình bày trong Phụ lục 4b). ECOP này sẽ được áp dụng cho tất cả các tài liệu đấu thầu và hợp đồng của các hoạt động trong Hợp phần 1.

92. Bất kỳ hoạt động Hỗ trợ Kỹ thuật nào trong Hợp phần 1 và Hợp phần GEF sẽ được xem xét về những tác động, rủi ro và tác động tiềm ẩn về môi trường và xã hội

của họ và do đó phải tuân theo chính sách bảo vệ của Ngân hàng khi áp dụng. Ngân hàng có trách nhiệm sàng lọc; Phân loại môi trường và lựa chọn các công cụ tự vệ của từng hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và hoạt động của GEF. Xử lý TA và GEF sẽ thực hiện theo các hướng dẫn tạm thời về Chính sách Hoạt động và Dịch vụ Quốc gia của Ngân hàng, Quản lý Rủi ro Hoạt động (OPSOR) của Ngân hàng, có hiệu lực từ tháng 1 năm 2014: "Các Hướng dẫn Tạm thời về Áp dụng các Chính sách Tự vệ để Hỗ trợ Kỹ thuật Các dự án và Quỹ Ủy thác do Ngân hàng điều hành

6. THỦ TỤC RÀ SOÁT, THÔNG QUA VÀ THỰC HIỆN CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN CỦA CÁC TIỂU DỰ ÁN

6.1. Mục tiêu và cách tiếp cận

93. Mục tiêu chính của ESMF là đảm bảo các TDA và các hoạt động khác được tài trợ trong dự án MD-ICRSL sẽ không gây ra các tác động xấu đến môi trường, cộng đồng địa phương và đối với các tác động không thể tránh khỏi sẽ được giảm thiểu đầy đủ phù hợp với chính sách an toàn của WB. ESMF gồm 4 bước và chi tiết các bước này được trình bày trong *Hình 6.1*. Trong phần này chỉ mô tả ngắn gọn các bước then chốt còn chi tiết sẽ được trình bày trong phụ lục. *Bảng 6.1* hướng dẫn áp dụng các phụ lục của ESMF này.

- Bước 1: Sàng lọc chính sách an toàn và đánh giá tác động;
- Bước 2: Chuẩn bị các tài liệu chính sách an toàn theo yêu cầu, trong đó có cả việc phát triển các biện pháp giảm thiểu và tham vấn cộng đồng;
- Bước 3: Rà soát, thông qua và công bố thông tin các tài liệu chính sách an toàn;
- Bước 4: Thực hiện, giám sát và báo cáo;

94. Các TDA năm đầu thuộc Hợp phần 2, 3 và 4 đã trải qua hai bước đầu tiên và các tài liệu CSAT của các TDA năm đầu (RAP, EDPS, ESIA và ESMP) đã được chuẩn bị và trình lên WB để công bố thông tin và thông qua. Việc sàng lọc, đánh giá tác động và chuẩn bị các tài liệu CSAT cho tất cả các TDA trong các năm tiếp theo sẽ được tiến hành trong quá trình thực hiện dự án và các tài liệu của các TDA còn lại này (RAP, EMDP, ESIA và ESMP) cũng sẽ được trình WB thông qua trước khi phê duyệt và thực hiện.

95. Đối với các hạng mục xây dựng nhỏ thuộc Hợp phần 1 và 5 thì Một bộ ECOP đơn giản sẽ được lồng ghép vào hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng gói thầu và việc tuân thủ ECOP này của các nhà thầu sẽ được các kỹ sư xây dựng giám sát chặt chẽ.

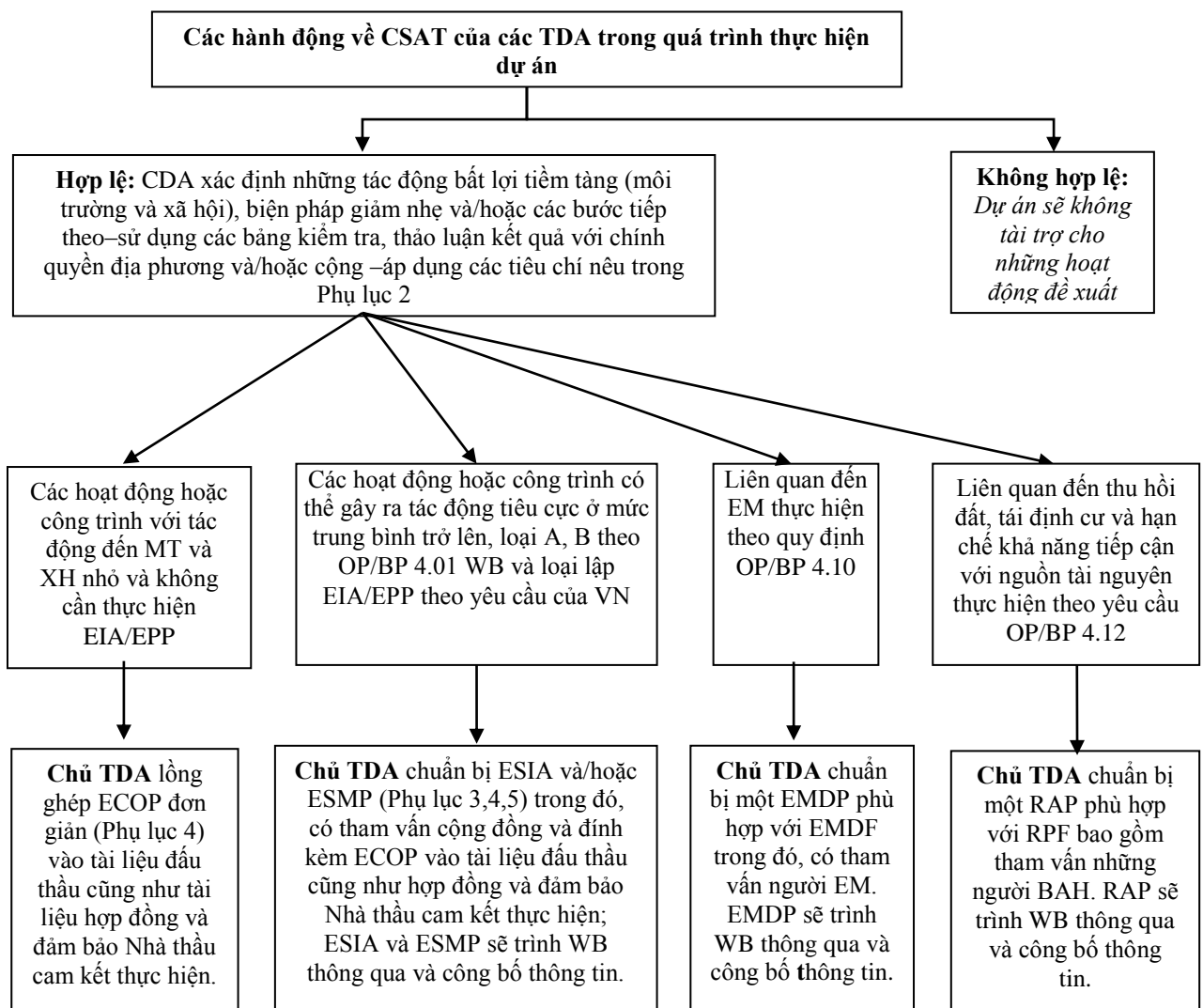
Bảng 6.1: Hướng dẫn áp dụng các phụ lục của ESMF

Phụ lục	Nội dung	Áp dụng
2	Sàng lọc và kiểm tra các biểu mẫu CSAT	Tất cả các TDA và các hoạt động của dự án
3	Hướng dẫn chuẩn bị ESIA/ESMP	Tất cả các TDA
4 (a)	ECOP	Tất cả các hợp đồng xây dựng

4 (b)	ECOP đơn giản	Tất cả các hợp đồng xây dựng công trình nhỏ
5	PMF	Tất cả các TDA có liên quan đến tưới tiêu, sản xuất nông nghiệp bao gồm: NTTS và nuôi tôm
6	Mẫu đăng ký khiếu nại	Tất cả các TDA
7	Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo	Toàn dự án

6.2. Sàng lọc CSAT và đánh giá tác động

96. Mục đích của Bước này (Bước 1) là xác nhận tính hợp lệ của TDA và/hoặc các hoạt động được tài trợ bởi dự án cũng như xác định các tác động môi trường và xã hội tiềm tàng của các TDA/hoạt động bao gồm cả phân loại đánh giá môi trường của các TDA là loại A, B hoặc C, xác định các CSAT của WB được kích hoạt và xác định các tài liệu an toàn cần được chuẩn bị theo yêu cầu của OP/BP 4.01, OP/BP 4.10 và OP/BP 4.12 (xem chi tiết trong Phụ lục 2). PMU của MONRE sẽ chịu trách nhiệm ký vào kết quả sàng lọc đối với các hoạt động của Hợp phần 1, trong khi CPMU sẽ chịu trách nhiệm ký kết quả sàng lọc đối với các TDA thuộc Hợp phần 2, 3 và 4. Đối với các TDA có tính phức tạp thì trong quá trình sàng lọc có thể tham khảo ý kiến chuyên gia an toàn của WB.



Chủ TDA, với sự hỗ trợ của Tư vấn GSTC và/hoặc kỹ sư công trường sẽ theo dõi và giám sát việc thực hiện của nhà thầu và định kỳ báo cáo kết quả cho Chủ Dự án và WB trong báo cáo tiến độ dự án



Hình 6.1: Quy trình xây dựng và phê duyệt tài liệu môi trường và xã hội của các TDA

6.3. Chuẩn bị các tài liệu CSAT

97. Bước này (Bước 2) nhằm chuẩn bị các tài liệu an toàn phù hợp với các vấn đề được xác định trong Bước 1. Hướng dẫn việc chuẩn bị ESIA và ESMP được nêu trong Phụ lục 3 và hướng dẫn chuẩn bị RAP, EMDP được nêu chi tiết trong RPF và EMPF. PMU của MONRE chịu trách nhiệm chuẩn bị các tài liệu an toàn cho Hợp phần 1, trong khi CPMU và PPMU hoặc ICMB10 sẽ chịu trách nhiệm đối với các TDA thuộc Hợp phần 2, 3 và 4 mà các cơ quan này là chủ đầu tư. Đối với các TDA có tính phức tạp thì trong quá trình chuẩn bị có thể tham khảo ý kiến chuyên gia chính sách an toàn của WB.

98. Ngoài ra, PMU của MONRE, CPMU/PPMU và ICMB10 cũng cần phải chuẩn bị EPP/EIA theo yêu cầu của Việt Nam¹⁶ và đảm bảo tài liệu này được các cơ quan chức năng của Việt Nam thông qua.

6.4. Xem xét, thông qua và công bố thông tin tài liệu CSAT

99. *Xem xét và thông qua của WB:* Trước khi phê duyệt và khởi công xây dựng các hạng mục công trình của các TDA, tất cả các tài liệu CAST của các TDA đã được trình lên WB xem xét, thông qua và công bố thông tin. Đối với Dự án MD-ICRSL, WB sẽ xem xét ESIA của tất cả các TDA loại “A” cũng như ESIA và ESMP của tất cả các TDA năm đầu tiên (không phân biệt loại đánh giá môi trường). Tuy nhiên, quá trình thông qua này sẽ được xem xét lại theo thời gian và một khi cơ quan thực hiện được trang bị về năng lực trong việc thực hiện CSAT cùng với sự hỗ trợ của tư vấn môi trường và xã hội, thì WB sẽ lựa chọn ngẫu nhiên một vài báo cáo ESIA để xem xét mà thôi.

100. Tất cả các tài liệu an toàn sẽ được đăng trên trang web chính thức của MARD cũng như các tỉnh có dự án và bản cứng bằng tiếng Việt của các tài liệu này sẽ có sẵn

¹⁶Thủ tục của Việt Nam (cụ thể là, Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014, Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường và Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/05/2015 quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường).

tại CPMU, PPMU/ICMB10 và tại vị trí của TDA. Một bản thông báo công bố về dự án và ý kiến đóng góp sẽ được lưu trên các trang thông tin trong vòng một tháng kể từ ngày công bố. Phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt của ESIA sẽ được công bố tại Trung tâm Thông tin Phát triển (VDIC) của WB tại Hà Nội và phiên bản tiếng Anh của các TDA loại “A” sẽ được công bố trên trang Infoshop của WB.

101. **Phê duyệt của Chính phủ:** WB cũng đòi hỏi các báo cáo EIA hoặc EPP theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam cũng phải được các cơ quan chức năng thông qua. Báo cáo EIA bằng tiếng Việt cùng với quyết định phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền của TDA sẽ cung cấp cho Ngân hàng để nắm bắt thông tin. Báo cáo EIA và quyết định này cũng cần được công bố cho công chúng được biết.

6.5. Thực hiện, giám sát và báo cáo

102. Thực hiện, giám sát, theo dõi và báo cáo là một phần không thể thiếu trong việc thực hiện dự án cũng như TDA và cán bộ CSAT được huy động để chịu trách nhiệm cho các hoạt động này. Các chuyên gia CSAT của WB cũng sẽ giám sát và theo dõi việc thực hiện CSAT như là một phần nhiệm vụ hỗ trợ thực hiện của WB. Thông tin chi tiết về trách nhiệm của các cơ quan được mô tả dưới đây.

103. Giám sát chất lượng nước: Để tránh xung đột trong việc sử dụng đất và nước trong mùa mưa và mùa khô, ngoài việc đào tạo kỹ thuật nêu trên, cần tăng cường nhận thức và xây dựng cơ chế hoặc mạng lưới tham vấn về các vấn đề liên quan đến chất lượng nước trong quá trình xây dựng và vận hành các công. Các hoạt động cần phải có sự tham gia của cán bộ chính quyền địa phương; cán bộ môi trường cấp tỉnh và huyện; cán bộ kỹ thuật của MARD, CPO, CPMU, PPMU và tư vấn về môi trường và xã hội (bao gồm cả cán bộ khuyến nông, khuyến ngư); đại diện của các tổ chức NGO địa phương, hợp tác xã và các đoàn thể và các tổ chức đoàn thể của địa phương như Hội phụ nữ, Đoàn thanh niên. Ngoài ra, cần tổ chức các đợt tham quan, học tập để phát huy các tác động có lợi của dự án cũng như các chương trình đào tạo chuyên sâu và các chuyến thăm giữa các cơ quan địa phương và cộng đồng để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm về các vấn đề môi trường quan trọng và nông nghiệp bền vững ở ĐBSCL (như xói lở bờ biển, trồng và khôi phục rừng ngập mặn, thức đẩy nuôi tôm và các loài thủy sản khác bền vững...). Các đợt tham quan học tập này cần phải tổ chức ít nhất 1 lần/năm trong suốt năm thứ 3 đến năm thứ 6 của dự án.

7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

7.1. Trách nhiệm thực hiện ESMF

104. Như đã trình bày ở Phần 2, Chủ dự án và Chủ TDA được xem là các cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện ESMF (xem *Bảng A.10* của Phụ lục 7).

105. Ở cấp dự án, đối với Hợp phần 1, PPMU của PMU của MONRE sẽ chịu trách nhiệm đảm bảo việc áp dụng một cách có hiệu quả ESMF cho tất cả các hoạt động trong hợp phần này. Đối với Hợp phần 2, 3, 4 và 5, CPMU sẽ có trách nhiệm lập kế hoạch và giám sát các hoạt động CSAT bao gồm cả thuê tư vấn môi trường và xã hội

trong nước có chuyên môn (cá nhân hoặc tổ chức) để đào tạo CSAT và hỗ trợ kỹ thuật bao gồm giám sát và báo cáo việc thực hiện CSAT cho WB mỗi 6 tháng. CPMU cũng sẽ huy động một tư vấn độc lập (IMA) trong nước để giám sát việc thực hiện RAP theo yêu cầu của OP/BP 4.12.

106. Ở cấp TDA, các chủ TDA (ICMB10 và PPMU) sẽ chịu trách nhiệm thuê đơn vị tư vấn trong nước để chuẩn bị các tài liệu CSAT (RAP, EMDP, ESIA và ESMP) bao gồm: việc hoàn thiện ECOP, đảm bảo các tài liệu này được WB và Chính phủ Việt Nam thông qua và thực hiện có hiệu quả ESMP. Một đơn vị tư vấn trong nước (gọi là Tư vấn giám sát môi trường hoặc EMC) sẽ được thuê để hỗ trợ trong việc thực hiện ESMP bao gồm: giám sát chất lượng môi trường và chuẩn bị báo cáo giám sát để nộp cho CPMU. Chủ TDA cũng phải đảm bảo rằng thiết kế cuối cùng của TDA cũng đã tính đến các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực trong quá trình xây dựng cũng như vận hành TDA và ECOP đã được đưa vào hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng gói thầu; nhà thầu hiểu được rằng các hành động quản lý môi trường và xã hội là một phần của chi phí hợp đồng.

107. Sau khi báo cáo ESIA và EMSP được phê duyệt, chủ TDA có trách nhiệm bảo đảm ESMP được thực hiện một cách có hiệu quả và được thực hiện trong tất cả các hợp đồng thi công. Bộ ECOP đã được đưa vào hồ sơ đấu thầu cũng như hợp đồng gói thầu; nhà thầu nhận thức, cam kết thực hiện có hiệu quả ECOP và chi phí thực hiện ECOP là một phần của chi phí hợp đồng. Trước khi xây dựng, chủ TDA sẽ chỉ định tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và/hoặc kỹ sư hiện trường để giám sát hàng ngày việc tuân thủ chính sách an toàn và báo cáo kết quả thực hiện trong báo cáo tiến độ của TDA. CPMU/ICMB10/PPMU sẽ làm việc chặt chẽ với DONRE trong việc thực hiện các TDA. CPMU đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện CSAT của các TDA thuộc Hợp phần 2, 3 và 4 sẽ đảm bảo rằng các ECOP đã được đưa vào tài liệu đấu thầu, chủ TDA đã thực hiện có hiệu quả ESMP và ngân sách thực hiện CSAT đã được cấp đầy đủ.

7.2. Chế độ báo cáo

108. Việc thực hiện CSAT sẽ được đưa vào trong báo cáo tiến độ của dự án và TDA, ICBM10/PPMU dưới sự hỗ trợ CSC sẽ chuẩn bị báo cáo hiệu quả thực hiện CSAT ở cấp TDA và nộp cho CPMU vào mỗi tháng. Ở cấp dự án, CPMU sẽ chuẩn bị báo cáo hiệu quả thực hiện CSAT mỗi năm 2 lần để nộp cho WB, trong đó, mô tả tiến độ dự án và việc tuân thủ ESMF cũng như các yêu cầu an toàn khác. Yêu cầu báo cáo được mô tả trong *Bảng 7.1*.

Bảng 7.1: Chế độ báo cáo

TT	Chuẩn bị báo cáo	Độ trình lên	Tần suất báo cáo
----	------------------	--------------	------------------

1	Nhà thầu tới cán bộ thi công	PPMU/ICMB10	Một lần trước khi khởi công và hàng tháng trong quá trình xây dựng
2	Giám sát thi công	PPMU/ICMB10	Hàng tuần, hàng tháng
4	Giám sát cộng đồng	PPMU/ICMB10	Khi có khiếu nại
5	PPMU/ICMB10	CPMU	Hàng tháng
6	CPMU	WB	Sáu tháng

109. Các báo cáo tiến độ nộp cho CPMU phải đầy đủ thông tin về tiến độ thực hiện TDA và thực hiện và các vấn đề liên quan đến ESMF cũng như CSAT. Báo cáo tiến độ mà CPMU nộp cho WB phải có đầy đủ thông tin liên quan đến: i) việc chuẩn bị và thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các TDA; ii) việc tích hợp ESMP của các TDA vào hồ sơ đấu thầu và hợp đồng gói thầu; iii) quan trắc và giám sát việc thực hiện ESMP của các nhà thầu, kỹ sư giám sát thi công và PPMU; iv) khó khăn, thách thức trong quá trình thực hiện CSAT, giải pháp tháo gỡ và bài học kinh nghiệm.

7.3. Tích hợp ESMF vào Sổ tay thực hiện dự án

110. Các thủ tục và yêu cầu của ESMF này sẽ được đưa vào các Sổ tay thực hiện dự án (POM) và CPMU sẽ tiến hành đào tạo để đảm bảo Chủ TDA (PPMU và ICMB10) hiểu về ESMF cũng như sẽ định kỳ giám sát và theo dõi việc thực hiện ESMF. Nội dung CSAT trong POM cũng cần tham chiếu các phụ lục của ESMF.

8. XÂY DỰNG NĂNG LỰC, ĐÀO TẠO VÀ HỖ TRỢ KỸ THUẬT

8.1. Đánh giá năng lực

111. Thực hiện dự án do WB tài trợ là mới đối với PMU của MONRE, tuy nhiên, hầu hết các hoạt động của Hợp phần 1 là hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng hạng mục công trình nhỏ với rủi ro về chính sách an toàn không cao. Đối với các TDA thuộc Hợp phần 2, 3 và 4 liên quan đến việc xây dựng cơ sở hạ tầng lớn và các giải pháp phi công trình thì đây là những hoạt động có những rủi ro chính sách an toàn cao. Ở cấp độ dự án, Ban CPO và CPMU thủy lợi của MARD, dưới sự hỗ trợ của tư vấn trong nước, là đơn vị có nhiều kinh nghiệm trong việc chuẩn bị và thực hiện các dự án đầu tư trong nước cũng như quốc tế. Phòng Môi trường Tái định cư (ESD) thuộc Ban CPO có chức năng nhiệm vụ tham mưu và thực hiện chính sách an toàn môi trường, xã hội của các dự án do CPO thực hiện. Phòng gồm có 9 cán bộ thuộc các chuyên ngành thủy lợi, môi trường và xã hội. Các cán bộ của Phòng có nhiều kinh nghiệm tham gia chuẩn bị và thực hiện CSAT môi trường, xã hội của các dự án ODA thủy lợi. Hàng năm, cán bộ của Phòng đều được tham gia các khóa tập huấn ngắn hạn về môi trường, xã hội do các nhà tài trợ (WB, ADB) và các hội thảo chuyên ngành trong chương trình đào tạo tổng thể của các dự án do CPO thực hiện. Tuy nhiên, do yêu cầu ngày càng cao trong quản lý và thực hiện dự án về CSAT, các nhà tài trợ đưa ra nhiều yêu cầu mới và khắt khe hơn trong thực hiện CSAT, các chính sách trong nước về môi trường và tái định

cư cũng có nhiều thay đổi đòi hỏi cán bộ thực hiện phải liên tục học hỏi, trau dồi trình độ chuyên môn nghiệp vụ cũng như ngoại ngữ để đáp ứng yêu cầu công việc. Ở cấp TDA, CPMU, ICMB10 và PPMU của các tỉnh hầu hết đã tham gia vào việc thực hiện các CSAT của WB, tuy nhiên, kiến thức và kinh nghiệm về các yêu cầu trong CSAT vẫn còn hạn chế. Hơn nữa, hầu hết các chuyên gia trong nước và chính quyền địa phương cũng không có đủ kiến thức về các yêu cầu an toàn của WB, do đó, chương trình đào tạo CSAT là cần thiết trong quá trình thực hiện Dự án. Đối với CPMU, dự kiến có ít nhất 2 cán bộ CSAT lâu năm của ESD CPO (một về xã hội và một về môi trường) và 1 cán bộ CSAT của CPMU tại Cần Thơ được phân công thực hiện CSAT của dự án. Dự đoán là cán bộ CSAT của CPO/CPMU có khả năng đào tạo về quy trình chuẩn bị ESMF, RAP và EMDP, tuy nhiên, cần có sự hỗ trợ của các chuyên gia có trình độ trong nước để tăng cường năng lực của họ trong việc giải quyết thỏa đáng các vấn đề xã hội và môi trường cụ thể cũng như phạm vi của các tài liệu CSAT.

8.2. Đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật

112. Trong quá trình thực dự án MD-ICRSL, đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện CSAT sẽ được tiến hành để đào tạo và hỗ trợ cho các cán bộ của PMU MONRE, CPMU, PPMU và ICMB10. Trong 3 năm đầu tiên CPO và CPMU sẽ tổ chức ít nhất 2 lớp tập huấn CSAT (một về môi trường và một về xã hội) mỗi năm cho các chủ TDA và PMU của MONRE với nội dung đào tạo là các nội dung của ESMF và yêu cầu của việc chuẩn bị các tài liệu an toàn, đặc biệt là ESIA, ESMP, ECOP, RPF, RAP, EMPF, EMDP. Chuyên gia CSAT của WB sẽ tham gia vào các buổi đào tạo càng nhiều càng tốt. Tập huấn kỹ thuật về các vấn đề liên quan đến CSAT và các khía cạnh liên quan khác trong đó có tham quan thực tế cũng sẽ được thực hiện ít nhất 1 lần/năm cho những năm tiếp theo.

113. Chương trình đào tạo sẽ bao gồm nhưng không giới hạn các nội dung sau:

- (i) Nội dung của ESMF và những hướng dẫn chuẩn bị, thực hiện và giám sát các công cụ CSAT (RAP/RPF, EMDP/EMPF, ESMP/ESIA) của dự án cũng như TDA;
- (ii) Đào tạo để lập, thực hiện RAP và EMDP, trong đó, có cả việc áp dụng GRM để giải quyết hiệu quả các khiếu nại của địa phương;
- (iii) Đào tạo về giám sát và theo dõi việc tuân thủ CSAT của nhà thầu, kể cả biểu mẫu và quy trình báo cáo, kiến thức cơ bản về sức khỏe, an toàn và thực hành tốt trong quá trình xây dựng để giảm tác động đối với môi trường và người dân địa phương, bao gồm: các cách thức giao tiếp, GRM, các vấn đề xã hội khác liên quan đến HIV/AIDS và các bệnh truyền nhiễm khác;
- (iv) Đào tạo về IPM đặc biệt là việc sử dụng và xử lý thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và các hóa chất độc hại khác trong trồng lúa, NTTS, nuôi tôm và thực hành IPM khác;

- (v) Đào tạo quy trình vận hành công với sự tham gia tích cực của chính quyền và người dân địa phương để tránh hoặc giảm thiểu tác động đến các nhóm sử dụng nước;

114. Đối tượng tham gia chương trình tập huấn ban đầu được trình bày ở *Bảng 8.1*.

Bảng 8.1: Đào tạo CSAT trong giai đoạn đầu của dự án

TT	Nội dung tập huấn	Đối tượng được tập huấn
1	Khung RPF, EMPF và hướng dẫn chuẩn bị RAP và EMDP	CPMU, PPMUs, ICMB10, PMU/MONRE
2	ESMF và chính sách an toàn môi trường, xã hội bao gồm ECOP	CPMU, PPMUs, ICMB10, PMU/MONRE
3	Cải thiện năng lực quản lý môi trường và các yêu cầu của ECOP	PPMUs, ICMB10 và nhà thầu
4	Nâng cao kỹ năng giám môi trường và xã hội	PPMU, tư vấn xây dựng, tư vấn môi trường và chính quyền địa phương
5	Đào tạo việc tuân thủ ECOP và các biện pháp an toàn, môi trường và sức khỏe, ngăn ngừa lan truyền dịch bệnh	Nhà thầu
6	Sử dụng thuốc trừ sâu và hoá chất nông nghiệp an toàn	Nông dân, chính quyền địa phương

115. **Hỗ trợ kỹ thuật:** Do nhu cầu đào tạo khác nhau và năng lực của các cơ quan thực hiện còn hạn chế nên CPMU cần huy động tư vấn để tiến hành đào tạo về CSAT, giám sát và báo cáo việc thực hiện CSAT cho WB. CPMU cũng sẽ huy động tư vấn giám sát độc lập (IMA) để theo dõi việc thực hiện RAP. PPMU, ICMB10 và PMU của MONRE cũng sẽ huy động các tư vấn CSAT (cá nhân hoặc tổ chức) để hỗ trợ mình trong việc thực hiện các biện pháp CSAT.

9. KINH PHÍ THỰC HIỆN ESMF

116. Kinh phí thực hiện ESMF bao gồm (a) kinh phí chuẩn bị các tài liệu CSAT (ESIA, ESMP, RAP, EMDP), trong đó có kinh phí tham vấn cộng đồng; (b) kinh phí giám sát, theo dõi và đào tạo, (c) Kinh phí đào tạo kỹ thuật về các vấn đề môi trường và xã hội, (d) Kinh phí cho chuyên gia tư vấn môi trường và xã hội, (e) Kinh phí cho việc thực hiện ESMP và giám sát môi trường, (f) Kinh phí thực hiện ECOP và (g) Kinh phí bồi thường. Cả Chính phủ và WB sẽ đồng tài trợ ngân sách thực hiện ESMF. Kinh phí để thực hiện các mục (a), (b), (c) và (d) là khoảng 246,161 tỷ đồng được tính toán như ở *Bảng 9.1*. Chi phí cho mục (e), (f) và (g) sẽ nằm trong chi phí TDA và Chính phủ sẽ chi trả phần kinh phí của mục (g).

Bảng 9.1. Dự toán kinh phí thực hiện ESMF

TT	Hạng mục công việc	Kinh phí thực hiện	
		Triệu USD	Triệu đồng

TT	Hạng mục công việc	Kinh phí thực hiện	
		Triệu USD	Triệu đồng
A	Chi phí chuẩn bị tài liệu CSAT cho các TDA (ESIA, ESMPs, RAPs, EMDPs) trong đó bao gồm chi phí tham vấn cộng đồng		
1	Chuẩn bị tài liệu hướng dẫn việc thực hiện CSAT bao gồm tiền dịch thuật	10,000	223
2	Chuẩn bị ESIA, ESMP, RAP và EMDP cho các TDA còn lại	500,000	11,150
B	Chi phí giám sát và đào tạo CSAT cho PMU của MONRE, tư vấn, cộng đồng và chính quyền địa phương để thực hiện nhiệm vụ ESMF của họ		-
1	Hội thảo và đào tạo để nâng cao nhận thức cũng như sự hiểu biết của CPMU, PPMU về nội dung ESMF và các vấn đề an toàn (môi trường và xã hội) ở cấp quốc gia, vùng và/hoặc cấp địa phương (1 lần/năm trong 3 năm)	100,000	2,230
2	Hội thảo và tập huấn tại chỗ về giám sát việc tuân thủ của nhà thầu của các TDA (1 lần/năm trong 3 năm)	40,000	892
3	Hội thảo và tập huấn tại chỗ về giám sát cho cộng đồng địa phương và cho kỹ sư hiện trường về giám sát thi công công trình (các trường hợp điển hình)	40,000	892
4	Hội thảo và tập huấn chính sách an toàn liên quan đến thu hồi đất và thực hiện RAP đối với các dự án thủy lợi	40,000	892
5	Đào tạo cho các cán bộ chính sách an toàn của dự án về việc tuân thủ CSAT và hoà nhập xã hội	50,000	1,115
6	Tập huấn cho các đại diện cộng đồng và chính quyền địa phương về nội dung ESMF và các vấn đề môi trường, xã hội khác	20,000	446
C	Chi phí cho việc đào tạo kỹ thuật về các vấn đề môi trường và xã hội		
1	Đánh giá nhu cầu đào tạo	20,000	446
2	Đào tạo an toàn kỹ thuật CSAT do tư vấn trong nước thực hiện (dựa trên nhu cầu đào tạo)	200,000	4,460
3	Hội thảo và tập huấn việc sử dụng thuốc trừ sâu cũng như hoá chất nông nghiệp an toàn	30,000	669
4	Thiết lập và giám sát hệ thống quan trắc chất lượng nước	100,000	2,230
5	Tham quan học tập kinh nghiệm	100,000	2,230
D	Chi phí cho tư vấn giám sát môi trường và xã hội, đào tạo CSAT và chuẩn bị các báo cáo CSAT		-
1	Tư vấn giám sát độc lập (IMC) việc thực hiện RAP - đối với các TDA năm đầu (do CPMU thuê)	150,000	3,345
2	(IMC) việc thực hiện RAP - đối với các TDA trong các năm tiếp theo (do CPMU thuê)	250,000	5,575
3	Điều phối viên môi trường (ESC) do CPMU thuê	100,000	2,230
4	Điều phối viên xã hội (SSC) do CPMU thuê	100,000	2,230

TT	Hạng mục công việc	Kinh phí thực hiện	
		Triệu USD	Triệu đồng
5	Tư vấn giám sát môi trường cho các TDA năm đầu	80,000	1,784
6	Tư vấn giám sát môi trường cho các TDA các năm tiếp theo	140,000	3,122
<i>E</i>	<i>Chi phí thực hiện ESMP và giám sát môi trường (chi phí TDA)</i>		
<i>F</i>	<i>Chi phí thực hiện ECOP (chi phí TDA)</i>		
<i>G</i>	<i>Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (chi phí TDA)</i>		
	Tổng cộng	2,070,000	46,161

10. CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

10.1. Cơ chế giải quyết khiếu nại của các TDA

117. Trong khuôn khổ pháp lý Việt Nam thì công dân có quyền khiếu nại, để đảm bảo quyền khiếu nại của người dân về các vấn đề của TDA, chủ TDA sẽ xây dựng Cơ chế giải quyết khiếu nại (GRM). Cơ chế này giúp cho người dân dễ dàng tiếp cận và được cung cấp thông tin về dự án cũng như mọi khiếu nại được nhanh chóng xử lý và giải quyết ở cấp thấp nhất. Cơ chế này sẽ cung cấp khung giải quyết khiếu nại về môi trường và xử lý vấn đề về an toàn một cách nhanh chóng. GRM sẽ được hoàn tất trong giai đoạn cuối của quá trình thiết kế dự án và được dán ở vị trí thích hợp trước thi công.

118. Trong giai đoạn thi công, GRM sẽ được các nhà thầu thực hiện dưới sự giám sát của CSC. Nhà thầu sẽ thông báo cho cộng đồng bị ảnh hưởng về địa điểm giải quyết khiếu nại của TDA. Điều này sẽ được thực hiện thông qua Quá trình Công bố thông tin và tham vấn cộng đồng, theo đó nhà thầu sẽ đối thoại thường xuyên với các cộng đồng bị ảnh hưởng và chính quyền địa phương thông qua các cuộc họp (tối thiểu là mỗi quý một lần) và hàng tháng sẽ xuất bản tài liệu về dự án, thông qua các phương tiện truyền thông địa phương dán thông báo về kế hoạch sắp tới của TDA (xem ECOP phần A).

119. Tất cả các khiếu nại và hành động được thực hiện bởi các nhà thầu sẽ được ghi nhận trong báo cáo giám sát an toàn của TDA. Cách thức gửi khiếu nại và yêu cầu bồi thường thiệt hại:

- Bằng miệng: nói trực tiếp với CSC hoặc cán bộ EHS của Nhà thầu hoặc người đại diện tại Văn phòng dự án;
- Bằng văn bản: gửi khiếu nại bằng văn bản đến địa chỉ quy định;
- Bằng điện thoại, fax và e-mail: tới CSC, cán bộ EHS hoặc người đại diện của Nhà thầu;

120. Khi nhận được khiếu nại, CSC, cán bộ EHS hoặc đại diện của Nhà thầu dự án sẽ ghi chép lại trong Hồ sơ Khiếu nại và duy trì nhật ký ghi chép các sự kiện liên quan đến khiếu nại cho đến khi được giải quyết xong. Ngay sau khi nhận được khiếu nại, tiến hành sao chụp thành 3 bản. Bản gốc sẽ được lưu giữ trong Hồ sơ, 3 bản sao: 1 bản

cho cán bộ EHS của nhà thầu, 1 bản chuyển cho CSC và 1 bản chuyển cho PPMU trong vòng 24 giờ (Mẫu đăng ký khiếu nại được trình bày trong Phụ lục 6). Các thông tin cần ghi chép trong Nhật ký khiếu nại:

- Ngày và giờ nhận khiếu nại;
- Tên, địa chỉ và các chi tiết liên lạc của người khiếu nại;
- Mô tả tóm tắt khiếu nại;
- Hoạt động được thực hiện để giải quyết các khiếu nại bao gồm: người đã liên hệ và kết quả của mỗi bước trong quá trình giải quyết khiếu nại;
- Ngày và thời gian liên lạc với người khiếu nại trong quá trình xử lý khiếu nại;
- Giải pháp xử lý sau cùng;
- Ngày, thời gian và cách thức thông báo kết quả giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại;
- Chữ ký người khiếu nại khi nhận kết quả;

121. Các khiếu nại nhỏ sẽ được giải quyết trong vòng một tuần. Đối với các khiếu nại lớn trong vòng 2 tuần đầu (và sau đó hàng tuần) gửi văn bản trả lời cho người khiếu nại (bằng tay, bưu điện, fax, thư điện tử) về tiến độ giải quyết khiếu nại cho đến thời điểm ra văn bản.

122. Mục tiêu chính của cơ chế này là giải quyết khiếu nại càng nhanh càng tốt bằng các phương tiện đơn giản liên quan đến ít người, ở cấp độ thấp nhất có thể. Chỉ khi vấn đề không thể được giải quyết ở mức độ đơn giản và/hoặc trong thời hạn 15 ngày, thì sẽ có sự tham gia của các cơ quan có chức năng khác. Đó là các tình huống: khi thiệt hại được kê khai và số tiền được thanh toán không thể giải quyết được thiệt hại và không xác định được nguồn gốc của thiệt hại.

10.2. Dịch vụ giải quyết khiếu nại của WB (GRS)

123. **GRS của WB.** Cộng đồng và cá nhân cho rằng họ đang bị ảnh hưởng bởi dự án do Ngân hàng Thế giới tài trợ có thể gửi đơn khiếu nại đến cơ quan giải quyết khiếu nại cấp dự án hoặc GRS. GRS đảm bảo rằng, các khiếu nại sẽ được xem xét kịp thời để giải quyết những vấn đề liên quan đến dự án. Cộng đồng và cá nhân bị ảnh hưởng bởi dự án có thể gửi đơn khiếu nại đến Ban thanh tra độc lập của NHTG, trong đó, xác định xem thiệt hại có xảy ra hay không mà các thiệt hại này bắt nguồn từ việc không tuân thủ chính sách an toàn và thủ tục liên quan. Khiếu nại có thể được nộp bất cứ lúc nào và sau khi khiếu nại đã được nộp đến NHTG thì Quản lý của Ngân hàng sẽ trả lời khiếu nại này. Để biết thông tin về cách thức gửi đơn khiếu nại đến GRS, vui lòng truy cập www.worldbank.org/grs. Để biết thông tin về việc làm thế nào gửi đơn khiếu nại đến Ban Thanh tra của NHTG vui lòng truy cập www.inspectionpanel.org.

11. THAM VẤN CỘNG ĐỒNG VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN ESMF

11.1. Tham vấn cộng đồng về ESMF

124. Các tài liệu CSAT của các TDA năm đầu như ESIA, RAP, EMDP đã được tham vấn cộng đồng 2 lần trong thời gian chuẩn bị dự án, một lần vào tháng 9-10/2015 và 1 lần vào tháng 01/2016. Tham vấn các hộ gia đình trực tiếp hoặc gián tiếp bị ảnh hưởng bởi dự án, chính quyền, các tổ chức đoàn thể địa phương, trung ương đã được tiến hành ở cấp TDA. Trong quá trình chuẩn bị ESMF, một cuộc hội thảo lấy ý kiến về ESMF đã được tổ chức vào tháng 01/2016. Thành phần tham dự buổi hội thảo này gồm có cán bộ dự án của CPO, CPMU, PPMU, đại diện các tỉnh và các huyện dự án và tư vấn trong và ngoài nước. Mục tiêu của hội thảo tham vấn là khám phá những tác động xã hội và môi trường của dự án, thông báo các phát hiện, chiến lược, thiết kế và hạng mục đầu tư của dự án cũng như xây dựng các tài liệu CSAT. Dự thảo báo cáo ESMF, RPF và EMDP được gửi các Bộ, ngành có liên quan và các tỉnh dự án để thu thập ý kiến trước khi hoàn thiện bản cuối cùng. Các vấn đề được nêu ra trong suốt quá trình tham vấn đã xem xét trong quá trình chuẩn bị và hoàn thiện ESMF và các tài liệu CSAT của các TDA.

11.2. Công bố thông tin

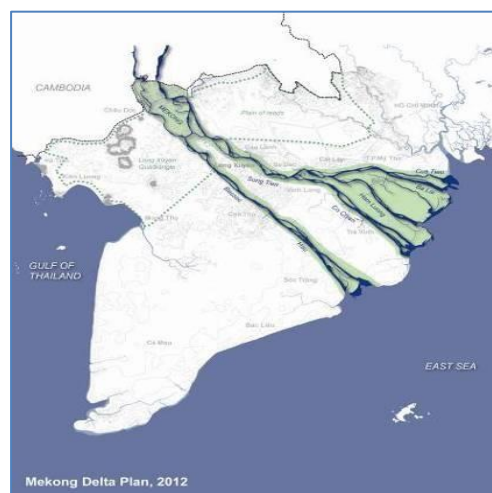
125. Để phù hợp với chính sách công bố thông tin của WB, tất cả các bản dự thảo chính sách an toàn của dự án MD-ICRSL (ESMF, RPF, EMPF, ESIA, RAP và EMDP) bằng tiếng Việt đã được công bố tại vị trí TDA và văn phòng CPO vào ngày 26/01/2016. Phiên bản tiếng Anh cũng đã công bố tại Infoshop của WB ở Washington vào ngày 27/01/2016. Bản cuối cùng của các tài liệu này sẽ được công bố tại địa phương và tại Infoshop của vào tháng 3/2016.

PHỤ LỤC 1. VÙNG DỰ ÁN VÀ CÁC TIÊU DỰ ÁN NĂM ĐẦU

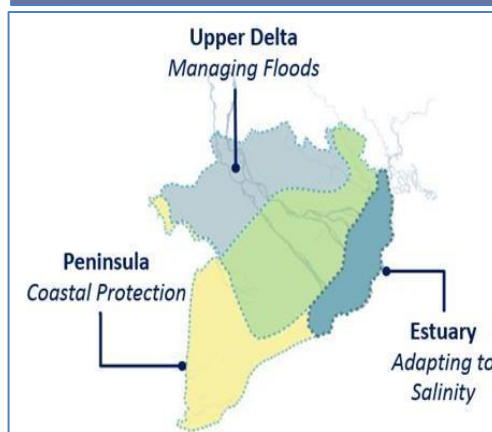
1. Phụ lục này trình bày tổng quan và các rủi ro của ĐBSCL (Phần A1.1-1.2) cũng như vị trí và phạm vi của các TDA năm đầu (Phần A1.3) còn thông tin về điều kiện môi trường vật lý, sinh học và xã hội có thể được tìm thấy trong các tài liệu CSAT khác cụ thể là báo cáo đánh giá môi trường vùng (REA), đánh giá xã hội vùng (RSA) và ESIA của 4 TDA năm đầu.

A1.1. Tổng quan

2. ĐBSCL là một đồng bằng lớn (khoảng 40.000 km² hoặc 12% diện tích cả nước) nằm hạ lưu sông Mê Công thuộc miền Nam Việt Nam và đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, xã hội và an ninh lương thực của đất nước. Khu vực này có thể được chia thành hai phần: phía trên (kết nối với Campuchia) của đồng bằng mà chủ yếu là quá trình tích sông và đồng bằng châu thổ bên ngoài dọc theo biển Tây và biển Đông mà bị chi phối bởi môi trường biển và ven biển; phía trong của đồng bằng là

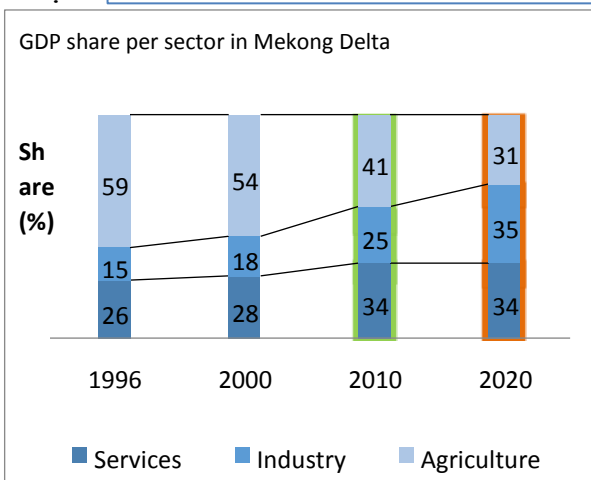


vùng đất trũng, cao độ gần bằng mực nước biển, phần phía ngoài của đồng bằng được xây dựng bằng các đụn cát, giáp biển bởi các đầm lầy ngập mặn, các rặng núi, bãi biển, cồn cát và bãi triều. Chế độ nhật triều chiếm ưu thế ở Biển Tây (vịnh Thái Lan), trong khi ở biển Đông chiếm ưu thế là bán nhật triều và các hiệu ứng thủy triều mở rộng trên khắp các nơi ở đồng bằng. Đến cuối mùa mưa, nước lũ kết hợp với mưa và triều cường đã làm mặn xâm nhập vào 3,4 triệu



ha đất. Mặn theo các nhánh khác nhau xâm nhập sâu vào trong đất liền từ 20-65 km và khoảng 500.000 ha đất bị xâm nhập mặn trong mùa khô. Tuy nhiên, do lưu lượng dòng chảy của sông Mê Công lớn nên độ mặn ở khu vực dọc bờ biển phía Đông vẫn còn thấp, đặc biệt là trong mùa lũ.

3. Với nguồn cung cấp nước ngọt và dinh dưỡng cùng với tài nguyên ven biển phong phú nên việc phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lúa gạo là thế mạnh của ĐBSCL. Quản lý tài nguyên nước với hệ thống sông kênh chằng chịt ở khu vực này (với các cống, kè) đã



được phát triển rộng rãi trong suốt 20 năm qua. Việc phát triển mạnh mẽ trong sản xuất lúa gạo, thủy sản, công nghiệp và các hoạt động khác đã dẫn đến sự suy thoái nguồn tài nguyên thiên nhiên và gần đây việc quy hoạch phát triển của ĐBSCL đang là mối quan tâm của Chính phủ.

A1.2. Các rủi ro và thách thức chính của Đồng bằng

4. *Sinh kế của người dân*: Nhận thức được sự cần thiết phải tiếp tục nâng cao thu nhập cho người trồng lúa, tầm quan trọng của nuôi trồng thủy sản và sản xuất trái cây trong việc phát triển bền vững của ngành nông nghiệp, Chính phủ đã phát triển cơ sở hạ tầng lớn để kiểm soát mặn và đưa ra nhiều chính sách giúp cho nhiều nông dân chuyển từ sản xuất độc canh lúa gạo sang một hệ thống canh tác lúa đa dạng hơn bao gồm cả nuôi trồng thủy sản (cá da trơn và tôm), trái cây và/hoặc rau màu góp phần gia tăng thu nhập của họ. Hiện nay, 75% diện tích của ĐBSCL là đất nông nghiệp (chủ yếu trồng lúa 2 vụ), ít nhất 13.000 km đê và 42.000 km kênh cấp I, II đã được xây dựng. Việc quản lý hiệu quả hệ thống cơ sở hạ tầng hiện tại cũng như xây dựng mới sẽ có tác động đáng kể (tích cực và tiêu cực) đến sinh kế của người dân.

5. *Biến đổi khí hậu và nước biển dâng*: ĐBSCL là một trong ba đồng bằng lớn trên thế giới có khả năng bị ảnh hưởng nặng bởi BĐKH. Dòng chảy thay đổi và thiên tai liên quan đến nước đã tăng cao. Bên trong đồng bằng, cường độ lũ dự kiến sẽ tăng cao hơn (đồng bằng sẽ ngập sâu hơn) và thời gian ngập lũ dài hơn do đó ảnh hưởng lớn đến các khu vực sản xuất lúa gạo. Bên ngoài đồng bằng (vùng ven biển), mực nước biển có thể tăng lên 30 cm vào năm 2050 và 75 cm vào cuối thế kỷ 21. Mực nước biển tăng sẽ kéo theo mặn xâm nhập sâu vào nội đồng và ảnh hưởng đến hoạt động nông nghiệp và thủy sản. Ước tính mực nước biển dâng 20-40 cm sẽ gây thiệt hại nặng đến các vùng trồng lúa và ảnh hưởng đến an ninh lương thực của quốc gia. Sụt lún đất do khai thác nước ngầm và thoát nước trong thời gian dài sẽ làm tăng nguy cơ bị ảnh hưởng do nước biển dâng. Trong vòng nửa thế kỷ một phần ĐBSCL sẽ có thể có nguy cơ bị ngập 1 m (0,42-1,54 m) do sụt lún đất.

6. *Vùng thượng nguồn ngập lũ*: nhiều khu vực ở Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên đang bị ngập trong mùa lũ. Những lợi ích về xã hội, kinh tế và môi trường của lũ đối với vùng thượng nguồn này là lớn hơn so với bất kỳ lưu vực sông khác nào trên thế giới. Lũ đóng một vai trò quan trọng trong nông nghiệp và thủy sản ở lưu vực. Nước lũ được trữ để sử dụng trong mùa khô, đặc biệt là để tưới. Trầm tích từ lũ góp phần cung cấp phù sa cho đất đai trong vùng lũ. Cuối cùng, lũ rửa phèn và pha loãng ô nhiễm, bổ sung nước cho tầng nước ngầm và duy trì hình thái sông. Ngoài ra, lũ duy trì nguồn thủy sản nước ngọt giúp cho sông Mê Công trở nên nổi tiếng trên thế giới.

7. Trong tương lai, lũ sẽ có cường độ mạnh hơn (ngập sâu hơn) và thời gian lũ dài hơn. Điều này có thể ảnh hưởng đến sinh kế của cộng đồng địa phương và các bên liên quan trong lĩnh vực sản xuất lúa gạo. Ngoài ra, tăng diện tích lúa vụ ba ở vùng thượng nguồn đã làm giảm khả năng giữ lũ. Cùng với nước biển dâng, cường độ lũ ở khu vực trung tâm của đồng bằng sẽ mạnh lên dẫn đến nhu cầu bảo vệ các tài sản có giá trị ở các khu đô thị và công nghiệp ngày càng tăng.

8. Hạn hán cùng với tốc độ đô thị hóa, công nghiệp hóa gia tăng nhanh chóng và việc mở rộng diện tích nuôi trồng thủy sản đã làm tăng nhu cầu nước. Nguồn nước ngọt chỉ đảm bảo cung cấp cho khoảng 65% dân số đô thị, đối với người dân ở nông thôn thì tỷ lệ còn thấp hơn nhiều. Chất thải sinh hoạt cùng với nước thải nông nghiệp chứa thuốc trừ sâu và phân bón đã ảnh hưởng đến chất lượng nước ở hạ lưu sông Mê Công. Hiện nay, tác động này là cục bộ nhưng dự kiến sẽ tăng lên trong tương lai. Các hoạt động công nghiệp ngày càng gia tăng, chẳng hạn như hoạt động của nhà máy giấy và bột giấy, nhà máy dệt và nhà máy hóa chất cùng với sự gia tăng chất thải từ tàu thuyền, có khả năng gây ô nhiễm nghiêm trọng trong tương lai.

9. *Vùng ven biển: bán đảo và cửa sông.* Theo dự báo thì mực nước biển dâng kết hợp với việc thay đổi kiểu lũ có thể dẫn đến việc mất diện tích đất canh tác của đồng bằng, ước tính mực nước biển dâng 30 cm vào năm 2050 và khoảng 75 cm vào cuối thế kỷ 21. Hơn nữa, khi mực nước biển dâng sẽ làm độ mặn ở các nhánh sông và mạng lưới kênh rạch của nó cũng sẽ tăng lên. Khi mực NBD 1 m sẽ làm diện tích có nồng độ mặn 4g/l tăng thêm 334.000 ha, tương ứng với 25% so với năm 2004. Ước tính khi mực NBD 20-40 cm làm thiệt hại đáng kể đến diện tích trồng lúa. Tác động của sụt lún đất do thoát nước và khai thác nước ngầm cũng quan trọng như NBD. Số liệu về sụt lún đất còn hạn chế, nhưng nói chung mỗi năm đất bị sụt lún 1-2 cm/năm. Tác động tích lũy khi NBD 75 cm sẽ lớn hơn so với tác động tiềm tàng.

10. Mực nước ngầm đang hạ thấp quá mức và nguồn bổ cập không hợp lý. Ngày càng có nhiều nước ngầm ở tầng sâu được sử dụng như nguồn nước ngọt bổ sung để kiểm soát nồng độ muối trong nuôi tôm và tưới cho cây trồng (cả lúa và tôm). Vào mùa khô, mực nước ngầm đã giảm xuống 15-20 m. Có những dấu hiệu cho thấy rằng, các tầng nước ngầm sâu không được (hoặc được nhưng rất ít) bổ sung từ nước lũ của sông Cửu Long.

11. Một khu rừng ngập mặn khỏe và hoạt động tốt sẽ tăng cường khả năng chống chịu với tác động của BĐKH và giảm khả năng tổn thương của cộng đồng dân cư sống

	Jan	Feb	Mar	Apr	May	Jun	Jul	Aug	Sept	Oct	Nov	Dec
Flood												
Salinity intrusion												
Acid water												
Drought												
Erosion												
Water quality												

ven biển. Kết quả phân tích GIS cho thấy, tỉ lệ che phủ của rừng ngập mặn, một nơi sinh sản quan trọng cho sinh vật nước và hàng rào chống lại bão, đã giảm 50% kể từ năm 1965. Tuy nhiên, tốc độ phá rừng ngập mặn trong giai đoạn 1965-1995 (do việc sử dụng chất độc hoá học trong chiến tranh) ít hơn nhiều so với giai đoạn từ năm 1995 - 2001. Trong những năm 1990, rừng ngập mặn giảm nhanh chóng cả về chất lượng cũng như số lượng do quá trình phá rừng để sản xuất nông nghiệp, nuôi tôm cũng như lấy gỗ và củi đốt.

12. Việc phát triển ở thượng nguồn cũng đang ảnh hưởng tới nguồn nước cũng như hàm lượng trầm tích và sự di cư của cá. Việc phát triển thủy điện để tăng cường an ninh năng lượng cũng như thủy lợi, đô thị hóa và thay đổi sử dụng đất quy mô lớn ở thượng nguồn đã gây áp lực lên các nguồn tài nguyên thiên nhiên của lưu vực sông Mê Công. Các đập, đê điều và các hệ thống hạ tầng thủy lợi khác đã ảnh hưởng đáng kể đến tính chất tự nhiên của lũ như: chia nhỏ diện tích ngập lũ, làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên, ảnh hưởng đến trầm tích, chất dinh dưỡng và nguồn lợi thủy sản. Các giải pháp công trình, các hoạt động gắn với đô thị hóa và thâm canh nông nghiệp cũng đang góp phần vào sự suy giảm chất lượng nước (ví dụ như chất lượng nước mặt và nước ngầm) và việc khai thác thủy sản ở ĐBSCL.

A1.3. Tóm tắt 04 TDA năm đầu

A1.3.1. Tiểu dự án 2: Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long huyện An Phú tỉnh An Giang

Giới thiệu

Tiểu dự án “Tăng cường khả năng thích ứng và quản lý nước cho vùng thượng nguồn sông Cửu Long huyện An Phú tỉnh An Giang” thuộc dự án “Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long – MD-ICRSL” đang được Chính phủ của Việt Nam đàm phán với WB. CPO quan chịu trách nhiệm quản lý dự án MD-ICRSL. Chủ TDA là DARD An Giang, trong đó, các đơn vị trực thuộc như Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng của tỉnh An Giang sẽ có trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và thi công; Khi hoàn thành Công ty TNHH một thành viên Khai thác Công trình Thủy lợi tỉnh An Giang sẽ chịu trách nhiệm quản lý khai thác vận hành và bảo dưỡng. Nguồn vốn thực hiện TDA là vốn vay WB và một phần là vốn đối ứng phía Việt Nam.

Mục tiêu của TDA. Là thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng, mô hình sinh kế được duy trì và phát triển để đảm bảo rằng, người dân địa phương có thể có được thu nhập bền vững ngay cả trong điều kiện lũ, ổn định sản xuất, cải thiện sinh kế ở hiện tại và tương lai cũng như tạo điều kiện cho người dân sống chung với lũ và hài hòa với thiên nhiên.

Các hợp phần của TDA. TDA sẽ đầu tư cả hoạt động công trình và phi công trình, chi tiết như sau:

- Xây dựng hệ thống công trình cho 3 xã vùng Đông sông Hậu, bao gồm: (i) Nâng cấp 11 tuyến đê bao phục vụ kiểm soát lũ và phát triển giao thông mùa cạn với tổng chiều dài 61 km; (ii) Xây dựng 15 cống hở cho việc tiêu thoát nước và giao thông thủy phục vụ sản xuất trong và ngoài vùng đê bao.
- Phát triển các mô hình sinh kế cho người dân địa phương, bao gồm 4 mô hình cho Vùng 4a (vùng sản xuất lúa 2 vụ): (i) Mô hình 1: Lúa đông xuân (an toàn sinh học không sử dụng thuốc bảo vệ thực vật) + nuôi tôm càng xanh; (ii) Mô hình 2: Lúa đông xuân + cây màu + thủy sản tự nhiên; (iii) Mô hình 3: Lúa mùa nổi kết hợp thủy sản tự nhiên + trồng màu; (iv) Mô hình 4: Sản xuất nấm rơm vào mùa lũ và 1 mô hình cho vùng 4a (vùng đã được lên đê bao triệt và đã chủ động sản xuất được 3 vụ): mô hình chuyển đổi từ sản xuất 3 vụ sang 2 vụ.

- Phát triển chương trình quản lý dịch hại tổng hợp cho trồng lúa của huyện An Phú, An Giang; Xây dựng năng lực cho các hợp tác xã và cán bộ quản lý dự án cùng với hỗ trợ quảng bá và phát triển thị trường.

Vị trí và hoạt động đầu tư của TDA được trình bày ở *Hình A.1*.

Sàng lọc môi trường và xã hội TDA

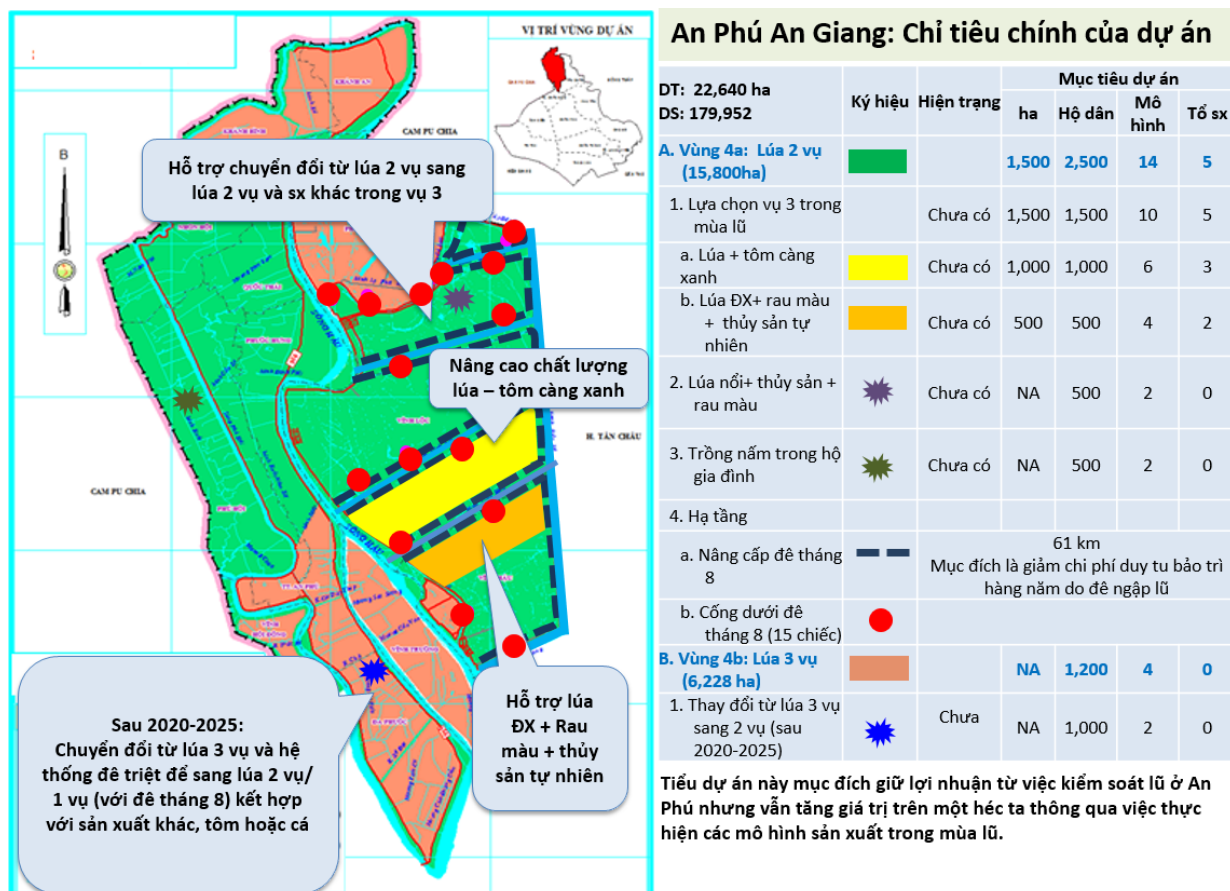
Việc sàng lọc môi trường và xã hội theo tiêu chí mô tả trong chính sách của Ngân hàng về đánh giá môi trường đã được thực hiện và kết quả cho thấy rằng, các chính sách của WB về *Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01; Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09); Tài nguyên văn hóa vật thể (OP/BP 4.11) và Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)* được áp dụng cho TDA này. Các tác động bất lợi chính của TDA liên quan đến việc thu hồi đất, hoạt động xây dựng và vận hành các mô hình sinh kế. Tuy nhiên, những tác động này hầu hết là nhỏ và vừa, ngắn hạn, cục bộ và các biện pháp giảm thiểu tác động đã được phát triển sẵn sàng cho TDA. Do đó, TDA đã được xếp loại B về đánh giá môi trường. Để đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng và Việt Nam về đánh giá môi trường, Bên vay đã chuẩn bị báo cáo ESIA và RAP cho TDA.

Hiện trạng môi trường và xã hội

Huyện An Phú có địa hình khá bằng phẳng, vào mùa lũ (từ tháng VIII đến tháng XII) trong điều kiện tự nhiên gần như toàn bộ diện tích của huyện bị ngập sâu từ 2 – 3 m, làm ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Để hạn chế ảnh hưởng của lũ, nhiều khu vực (xã Vĩnh Trường, Đa Phước, TT. An Phú, Vĩnh Hội Đông, Khánh An, Khánh Bình và một phần xã Phú Hữu) trong huyện đã tiến hành lên đê bao triệt để để sản xuất 3 vụ. Các vùng đất còn lại do chưa có điều kiện lên đê bao triệt để nên chỉ làm các bờ bao tạm (đê bao chống lũ tháng VIII) để chủ động hơn trong sản xuất 2 vụ (Đông xuân và hè thu). Do là các bờ bao tạm nên khi lũ về các bờ này thường bị lũ tàn phá, người dân địa phương đã phải tốn hàng tỷ đồng để tu bổ hàng năm. Một số năm các bờ này bị vỡ ngay từ khi lũ mới về gây thiệt hại cho sản xuất lúa Hè Thu. Năm 2013, người dân ở các xã vùng Đông sông Hậu (Phú Hữu, Vĩnh Lộc, Vĩnh Hậu) có kế hoạch củng cố các tuyến đê bao tạm thành các tuyến đê vượt lũ để sản xuất lúa 3 vụ, tuy nhiên, khi xem xét thực tế việc xây dựng có ảnh hưởng lớn đến khả năng thoát lũ đồng thời chi phí đầu tư cũng lớn nên kế hoạch vẫn chưa được triển khai. Như vậy, nếu không có được giải pháp đảm bảo cho người dân chủ động sản xuất hài hoà với lũ thì chắc chắn trong thời gian tới người dân sẽ tự ý lên đê bao vượt lũ và điều này sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng thoát lũ đầu nguồn. Việc cần đầu tư công trình ở mức độ nào để đảm bảo cho người dân chủ động hơn trong sản xuất, nâng cao thu nhập đồng thời vẫn đảm bảo được khả năng thoát lũ ở khu vực thượng nguồn đang được xem xét đầy đủ.

Môi trường sống tự nhiên quan trọng và khu bảo tồn thiên nhiên. An Giang là nơi trú ngụ của một số môi trường sống tự nhiên và khu vực cần bảo vệ bao gồm 4 khu bảo vệ cảnh quan theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT ngày 12/05/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể là núi Sam, Thoại Sơn, Trà Sư và Túc Dụp. Môi trường sống tự nhiên quan trọng khác là rừng Tràm Chim, Núi Cấm, Núi Két, Núi Dài Năm Giếng,

Núi Cô Tô, Núi Tượng, Núi Nước, Núi Dài và Búng Bình Thiên. Tuy nhiên, các khu này nằm cách khu vực TDA từ 10 – 50 km và sẽ không bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của TDA.



Hình A.1: Vị trí và các hoạt động của TDA2

Tài nguyên văn hoá vật thể. Không có tài nguyên văn hóa vật thể quan trọng trong hoặc gần các khu vực TDA, ngoại trừ 23 ngôi mộ phải di dời.

Chất lượng môi trường. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nền trong khu vực TDA cho thấy, chất lượng nguồn nước trong khu vực tương đối tốt, không bị ảnh hưởng do ô nhiễm hữu cơ cũng như nguồn nước không bị chua phèn. Đất và trầm tích đáy trong vùng đường như không bị nhiễm phèn và kim loại nặng. Chất lượng môi trường không khí còn rất tốt.

Các tác động xã hội và môi trường tiềm tàng

Tác động tích cực. Thực hiện TDA sẽ mang lại những tác động tích cực cho người dân địa phương về (i) Tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân thông qua việc áp dụng các mô hình sinh kế bền vững ứng phó với BĐKH; (ii) Giảm chi phí duy tu hệ thống bờ bao sau mỗi mùa lũ và giảm tác động do sóng, lũ đến các khu vực nuôi tôm theo đăng quần và (iii) Cải thiện chất lượng nước; hạn chế tình trạng sạt lở, bồi lắng sau mỗi mùa lũ trong khu vực sau khi tuyến đê được nâng cấp và giảm việc sử dụng phân bón và hóa chất nông nghiệp ở các mô hình sinh kế.

Tác động tiêu cực trong giai đoạn xây dựng. Dự án sẽ thu hồi vĩnh viễn 110 ha và thu hồi tạm thời 15 ha đất của 3 xã Vĩnh Lộc, Vĩnh Hậu và Phú Hữu để xây dựng công trình. Toàn bộ diện tích này là đất nông nghiệp trồng lúa. Không có hộ nào bị di dời. Có 23 ngôi mộ của người dân bị di dời. Các tác động tiêu cực trong giai đoạn chuẩn bị và thi công TDA chủ yếu liên quan đến i) Sự gián đoạn hoạt động giao thông đường bộ địa phương trên tuyến đê Phú Hữu, Vĩnh Lộc, Vĩnh Lợi, Vĩnh Hậu và kênh Xáng cũng như an toàn giao thông đường thủy; ii) Ô nhiễm kênh rạch và đất nông nghiệp bởi đất đào, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại và iii) An toàn của người lao động và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên, những tác động này được đánh giá từ nhỏ đến trung bình, mang tính cục bộ và tạm thời.

Rủi ro liên quan đến thực hiện các mô hình sinh kế. Các tác động bất lợi chính do việc thực hiện các mô hình sinh kế là rủi ro đối với môi trường và người dân địa phương, bao gồm: (i) Sản phẩm đầu ra phát triển nhiều nhưng không có thị trường tiêu thụ có thể tác động tiêu cực đến các mô hình sinh kế của tiểu dự án; (ii) Các địa phương đã quen với việc sản xuất lúa gạo trong nhiều năm và khi chuyển sang mô hình canh tác mới mà hướng dẫn kỹ thuật không đầy đủ có thể dẫn đến sản xuất không thành công, hạn chế việc nhân rộng các mô hình; (iii) Phát sinh xung đột nguồn nước nếu ranh giới giữa các mô hình sản xuất không được xây dựng một cách thích hợp.

Tác động lâu dài. Người nông dân có thể phải chuyển từ sản xuất lúa 3 vụ sang 2 vụ lúa (Đông - Xuân/Hè - Thu) và khai thác cá tự nhiên.

Các biện pháp giảm thiểu tác động

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) và Kế hoạch hành động tái định cư (RAP). RAP đã được chuẩn bị cho việc giải quyết các tác động xã hội liên quan đến việc thu hồi và tái định cư khi thực hiện TDA. Các hộ bị thu hồi đất sẽ được bồi thường và hỗ trợ đầy đủ theo đúng Chính sách OP/BP 4.12 của WB thông qua RAP/Kế hoạch bồi thường. Quy tắc thực hành môi trường, một loạt các biện pháp để giảm thiểu tác động chung liên quan đến thi công và các biện pháp giảm thiểu tác động đặc thù đã được phát triển và đưa vào ESMP của TDA. Những biện pháp này sẽ được đưa vào tài liệu hợp đồng thi công cũng như sẽ được nhà thầu thực hiện và được tư vấn giám sát xây dựng (CSC) cùng với chủ TDA giám sát. Chi phí cho việc thực hiện ESMP là 945.000.000 đồng (không bao gồm chi phí để thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình xây dựng, chi phí CSC và RAP).

Các biện pháp giảm thiểu tác động đặc thù chính. Nguy cơ xung đột nguồn nước trong khu vực giữa 3 xã bờ Đông sông Hậu nên được quản lý để tránh xảy ra xung đột. Việc không thể chuyển đổi ngay toàn bộ diện tích của vùng sang mô hình mới được đánh giá cao đó là “1 lúa và 1 thủy sản”. Điều này không thể được thực hiện trong vòng 10 năm tới, có nghĩa là trong thời gian tới, khi TDA hoàn thành thì trong khu vực sẽ diễn ra song song 2 mô hình đó là: mô hình 2 vụ lúa và mô hình 1 lúa + 1 thủy sản. Rõ ràng, việc sử dụng nước của 2 mô hình này là khác nhau. Mô hình 1 lúa + 1 thủy sản cần nước từ đầu cho đến cuối mùa lũ, trong khi đó mô hình 2 vụ lúa thì không muốn cho nước vào ruộng khi đầu lũ để bảo vệ lúa hè thu. Rõ ràng sự khác biệt trong việc sử

dụng nguồn nước dẫn đến cần phải phân ranh giới rõ ràng giữa hai khu vực sản xuất để tránh vỡ đê khi lũ về làm nước lũ tràn qua các khu vực nuôi trồng thủy sản vào khu vực sản xuất lúa.

Kế hoạch hành động tái định cư: Việc nâng cấp 61 km đê và 15 cống của TDA sẽ thu hồi vĩnh viễn 110 ha và tạm thời 15 ha đất nông nghiệp tại 3 xã của TDA. Có 752 hộ bị ảnh hưởng do thu hồi đất, trong đó có 86 hộ bị ảnh hưởng nặng (mất hơn 20% đất sản xuất hoặc hơn 10% đối với hộ dễ bị tổn thương) và 71 hộ dễ bị tổn thương. Không có hộ bị di dời và không có người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Các tác động khác là thiệt hại về cây trồng (chủ yếu là lúa), cây ăn quả và di dời 23 ngôi mộ. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho TDA là 80.339.079.800 đồng.

Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin

CPO cùng với đơn vị tư vấn là Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam đã tổ chức 2 cuộc họp tham vấn vào tháng 09/2015 và tháng 01/2016 tại các xã trong khu vực TDA. Bản thảo báo cáo ESIA cuối cùng, EMDP và RAP đã nộp cho WB để công bố trên trang InfoShop ở Washington vào tháng 02/2016. Phiên bản tiếng Việt của các báo cáo này đã được công bố tại Văn phòng CPMU tại Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang và các xã trong vùng TDA để cộng đồng dễ dàng tiếp cận.

A1.3.2. Tiểu dự án 4: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu

Giới thiệu

Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sinh kế bền vững cho người dân vùng ven biển Ba Tri, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu là một TDA thuộc Hợp phần 3 của dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) do Chính phủ Việt Nam đề xuất Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ thực hiện. CPO chịu trách nhiệm quản lý Dự án MD-ICRSL. Chủ đầu tư TDA là DARD Bến Tre, trong đó đại diện Chủ đầu tư là PPMU Bến Tre sẽ có trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và thi công còn Chi cục Thủy lợi tỉnh Bến Tre sẽ chịu trách nhiệm vận hành TDA. Nguồn vốn thực hiện TDA là vốn đối ứng phía Việt Nam (Trung ương và địa phương) và vốn vay của WB.

Mục tiêu cơ bản của TDA nhằm giải quyết các thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, xói lở bờ biển, nuôi trồng thủy sản bền vững và cải thiện sinh kế cho các cộng đồng sống tại vùng ven biển Bến Tre. Vùng hưởng lợi trực tiếp của TDA là 10 xã ven biển, bao gồm: Tân Xuân, Bảo Thạnh, Bảo Thuận, Tân Thủy, An Thủy, An Hoà Tây, Vĩnh Hoà, Vĩnh An, An Đức, Phú Ngãi của huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. TDA bao gồm các hợp phần sau:

Hợp phần 1 (Vùng 1: 2.484 ha): Khôi phục đai rừng ngập mặn

- Trồng rừng ngập mặn trong các ao nuôi tôm: 250 ha/năm.
- Hỗ trợ trong việc đạt chứng nhận 1.000 ha tôm sinh thái.

- Tập huấn cho 1.000 hộ nông dân.
- Chứng nhận sinh thái nuôi tôm rừng ngập mặn cho 1.000 ha.

Hợp phần 2 (Vùng 2: 7.940 ha): Phát triển bền vững kinh tế mặn

- Xây dựng 5 công ngăn triều cường.
- Nạo vét/cải tạo 14 kênh để cải thiện chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản.
- Nâng cao an toàn sinh học cho 2.500 ha đất nuôi trồng thủy sản của 8 HTX bao gồm: việc thành lập Hợp tác xã, mô hình trình diễn một vị trí/một HTX và đào tạo cho 300 hộ nông dân của 2.500 ha.

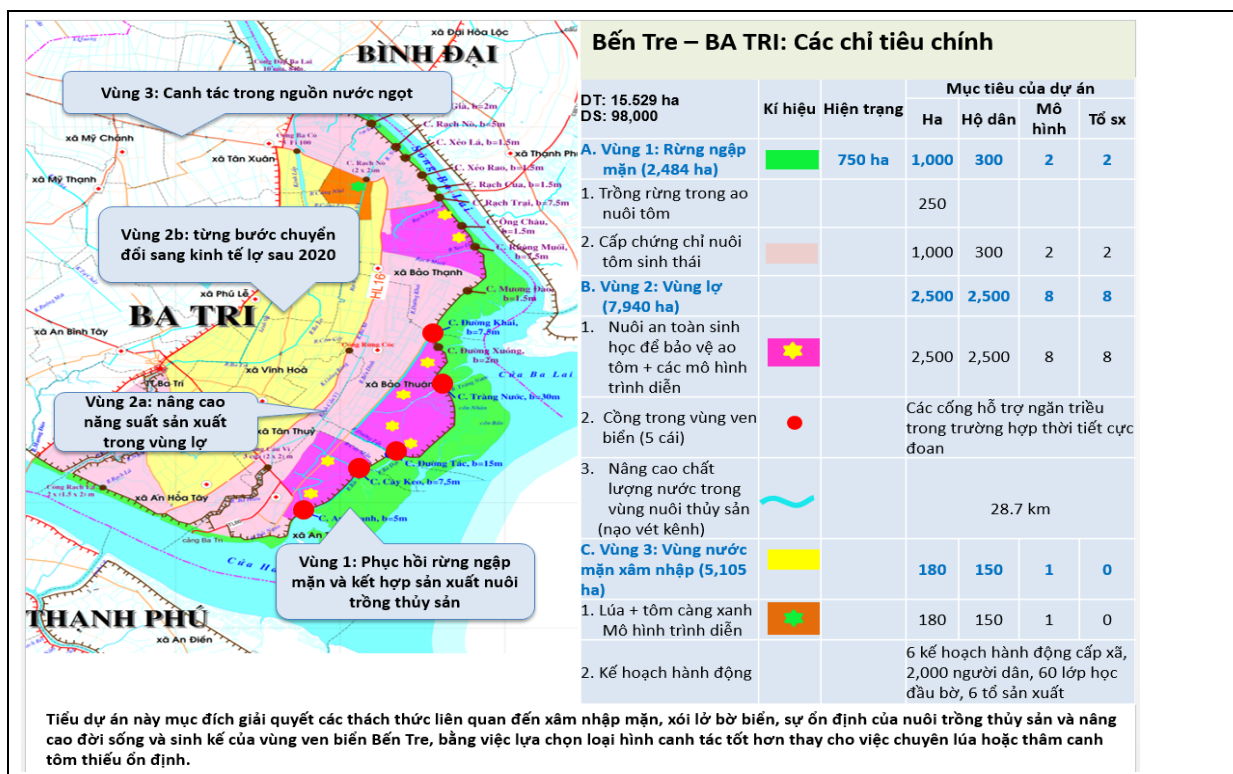
Hợp phần 3 (Vùng 3: 5.105 ha): Thích ứng và giảm thiểu xâm nhập mặn cho vùng

- Thí điểm mô hình ứng phó với BĐKH (mô hình lúa – tôm càng xanh diện tích 180 ha với sự tham gia 150 hộ gia đình).
- Tập huấn đầu bờ về mô hình tôm – lúa.
- Nâng cao nhận thức về BĐKH và hỗ trợ thành lập các đội ứng phó với BĐKH.

Các hoạt động khác: Chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch hành động cộng đồng

- Đánh giá nhu cầu hỗ trợ kỹ thuật (TA) và lập kế hoạch cho các kế hoạch hành động của cộng đồng.
- Tập huấn cho các cán bộ khuyến nông và người nông dân về GAP.
- Chuẩn bị và thực hiện các kế hoạch hành động xã.

Vị trí và các hoạt động của TDA được chỉ ra trong Hình A.2.



Hình A.2: Vị trí và các hoạt động của TDA

Hiện trạng môi trường và xã hội

TDA thuộc huyện Ba Tri và về phía Đông Nam tỉnh Bến Tre, giáp biển Đông nằm giữa 2 cửa sông Ba Lai và Hàm Luông có chiều dài bờ biển là 25 km, có hệ thống các sông, kênh kết nối với nhau cũng như bị ảnh hưởng mạnh mẽ của thủy triều biển Đông và các sông Hàm Luông, Ba Lai. Diện tích khu vực hưởng lợi trực tiếp của TDA là 15.529 ha với 98.000 người thuộc địa bàn các xã ven biển: Tân Xuân, Bảo Thạnh, Bảo Thuận, Tân Thủy, An Thủy, An Hòa Tây, Vĩnh Hòa, Vĩnh An, An Đức, Phú Ngãi thuộc huyện Ba Tri. *Do khu vực nằm trong vùng đất trũng, cao độ thấp (0,6-0,8 m) và nằm sâu trong nội đồng, vì vậy, việc tiêu thoát nước không tốt và thường bị ngập lụt trong mùa mưa. Nhiệt độ trung bình hàng tháng khá cao (26,8 - 27,3°C) và tương đối ổn định trong năm, tháng I, II nhiệt độ thấp nhất trong năm cũng bình quân 25,2 - 25,5°C. Lượng mưa trung bình hàng năm từ 1.250 ÷ 1.500 mm. Tần suất các cơn bão tương đối thấp nhưng có thể xảy ra trong tháng XI và tháng XII. Độ mặn trong vùng có thể lên đến 40‰. Độ mặn tăng dần và đạt giá trị lớn nhất vào tháng IV trên sông Hàm Luông và vào tháng II, III, IV trên sông Mỹ Tho. Độ mặn giảm và đến tháng VI, VII thì giảm khá nhỏ. Độ mặn giảm dần từ cửa sông vào trong và giảm nhanh khi có lưu lượng từ thượng nguồn chuyển về đủ lớn pha loãng và đẩy mặn lùi ra phía cửa sông. Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh cho thấy, nồng độ bụi và tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo các quy định hiện hành. Chất lượng nước trên các kênh rạch tương đối sạch đều nằm trong giới hạn tiêu chuẩn cho phép. Trầm tích có độ mặn cao, hàm lượng kim loại nặng nằm trong giới hạn cho phép. Nước ngầm từ các giếng của các hộ gia đình cho thấy, nồng độ ô nhiễm cao, hàm lượng TDS vượt tiêu chuẩn: 1 - 2,5 lần, độ đục 1,5 - 15 lần, COD 10 - 20 lần và hàm lượng coliform lên đến 1.000 lần. Thu nhập bình quân của người dân địa phương khoảng 28,70 triệu đồng/năm (tương đương với khoảng 1.300 US\$). Tỷ lệ hộ nghèo trong vùng tiểu dự án chiếm khoảng 20%. Hầu hết người lao động là nông dân. Toàn bộ là người Kinh. Vùng TDA có cơ cấu thành phần kinh tế khá phong phú và đa dạng, hoạt động sản xuất có ý nghĩa kinh tế trong vùng là: Nông nghiệp (trồng lúa, rau màu, cây ăn trái trên đất thổ cư, chăn nuôi trâu, bò, heo, dê, gà, vịt...); Ngư nghiệp (nuôi tôm, nuôi tôm biển, nuôi nghêu, sò ngoài bãi biển, cá trong ao đầm, ruộng muối, mương vườn, khai thác nội đồng và sông, biển); Lâm nghiệp (trồng rừng phòng hộ, khai thác củi, lá dừa nước...); Diêm nghiệp (sản xuất muối); Công nghiệp (Các cơ sở thu mua chế biến thủy hải sản, cảng cá...) và Dịch vụ tiểu thủ công nghiệp (buôn bán nhỏ, chợ, các cơ sở tiểu thủ công nghiệp nhỏ: trại ương tôm giống, cá giống, thức ăn tôm).*

Khu vực tiểu dự án có tuyến đê biển Ba Tri đã được xây dựng với chiều dài 31 km, bề rộng mặt đê 5m cùng với cao trình đỉnh + 3,50m. Có 20 công trình cống dưới đê, nhưng mới chỉ đầu tư xây dựng được 11 cống, còn 9 cống vẫn bỏ ngỏ, do đó, không kiểm soát được xâm nhập mặn vào vùng 2 của TDA.

Các công trình cấp nước trên địa bàn do Trung tâm Nước Sạch Vệ Sinh Môi Trường Nông Thôn và một số thành phần kinh tế tư nhân cung cấp. Hệ thống cấp nước chưa có tính liên kết trong toàn hệ thống, vấn đề cấp nước sinh hoạt phục vụ nhu cầu của nhân dân trong khu vực TDA gặp nhiều khó khăn. Tổng số hộ dân đã có nước sinh

hoạt từ nguồn nhà máy nước Tân Mỹ và một số trạm nhỏ khác là 5.432 hộ, còn lại 11.194 hộ của 6 xã duyên hải vùng TDA chưa có nước sạch, nhu cầu nước ăn uống sinh hoạt cho các hộ này là vô cùng bức thiết.

Hệ thống giao thông đường bộ khu vực tiêu dự án chưa phát triển, mạng lưới giao thông đường bộ còn thấp, phân bố không đều và tập trung phát triển ở các khu vực tuyến quốc lộ. Chất lượng đường thấp, phần lớn các tuyến đường có cấp hạng kỹ thuật thấp, nền và mặt đường nhỏ hẹp. Đa số các cầu trên các tuyến đường huyện, xã có tải trọng thấp, xuống cấp và hạn chế tốc độ lưu thông. Hệ thống giao thông thủy khu vực có bờ biển dài 31.km, hệ thống sông, kênh rạch rất phong phú nên giao thông thủy rất phát triển và là hình thức vận chuyển chủ yếu trong địa phương.

Môi trường sống tự nhiên quan trọng và khu bảo tồn thiên nhiên. Không có môi trường sống tự nhiên quan trọng, các khu vực được bảo vệ ở trong hoặc gần và có thể bị ảnh hưởng bởi các hoạt động của TDA.

Tài nguyên văn hóa vật thể. Không có tài nguyên văn hóa vật thể quan trọng trong hoặc gần các khu vực TDA.

Các tác động xã hội và môi trường tiềm tàng

Tác động tích cực. Thực hiện TDA sẽ mang lại các tác động tích cực sau đây đối với môi trường và cộng đồng địa phương: i) Tăng giá trị kinh tế của sản phẩm thủy sản địa phương như là một kết quả của mô hình sinh kế bền vững là tôm - rừng sinh thái, nuôi tôm an toàn sinh học và mô hình lúa – tôm, góp phần giảm nghèo trong khu vực TDA cũng như tăng cường khả năng chống chịu với BĐKH của cộng đồng; ii) Cải thiện chất lượng môi trường nước do áp dụng với thực hành nông nghiệp tốt và giảm hoá chất được sử dụng trong các mô hình trình diễn.

Tác động tiêu cực đến môi trường. Các tiêu cực chính do tác động của quá trình tiền xây dựng và xây dựng đến môi trường, có liên quan đến nguy cơ rủi ro bom mìn trong giải phóng mặt bằng, tăng ô nhiễm không khí, tiếng ồn và độ rung, chất thải trong nước và ô nhiễm nước, ảnh hưởng đến sức khỏe và an toàn của người lao động và cộng đồng, ngập lụt cục bộ do thu hẹp của dòng chảy, tắc nghẽn và mất an toàn giao thông đường thủy. Tuy nhiên, những tác động này được xem là nhỏ đến trung bình, tạm thời, cục bộ và có thể được giảm thiểu thông qua việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý xây dựng tốt như ECOP, giám sát thi công cũng như giám sát chất lượng nước/sinh thái. Những tác động do nạo vét 14 kênh bao gồm: tắc nghẽn giao thông đường thủy tại địa điểm nạo vét, ô nhiễm nguồn nước, đất nông nghiệp liền kề, ao nuôi trồng thủy sản, vùng sản xuất muối và chất lượng nước trong các kênh mương do các hoạt động nạo vét và xử lý vật liệu nạo vét. Tuy nhiên, tổng khối lượng nạo vét chỉ 431.133 m³; kết quả phân tích chất lượng đất cho thấy rằng, vật liệu nạo vét không bị nhiễm các chất thải nguy hại hoặc phen; hoạt động này diễn ra trên 14 kênh với chiều dài là 28,7km và các hộ gia đình cách vị trí thi công ít nhất là 200m. Do đó, tác động của việc nạo vét sẽ là nhỏ đến trung bình. Xây dựng 5 cống cũng sẽ tạo ra khoảng 18-240 m³ đất đào mà có thể được quản lý thông qua thực hành quản lý xây dựng tốt.

Tác động tiêu cực đến xã hội. Hiện nay, công tác đền bù giải phóng mặt bằng của xây dựng 5 công đã hoàn thành từ tiểu dự án xây dựng đê biển Ba Tri (WB4). Hạng mục nạo vét sử dụng mặt nước là các kênh chịu sự quản lý của Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bến Tre (IMC) nên không có giải tỏa đền bù. Tuy nhiên, tập trung công nhân cũng có thể dẫn đến sự bất ổn về an ninh tại địa phương; tăng nguy cơ lây truyền các bệnh truyền nhiễm.

Tác động tiêu cực do vận hành các mô hình sinh kế. Chủ yếu phát sinh từ: (i) Mô hình rừng - tôm đạt chứng nhận GAP: các giống tôm được lấy từ thiên nhiên theo con triều. Mật độ nuôi từ 1-3 con/m² và không cho ăn. Các tác động môi trường từ mô hình này là không đáng kể; (ii) Các mô hình nuôi tôm an toàn sinh học: trong thời gian nuôi, chỉ cần thêm một lượng thức ăn vừa đủ, không sử dụng hóa chất và chỉ sử dụng các chất lành tính với môi trường. Các tác động môi trường là rất nhỏ do việc tuân thủ các quy định và tiêu chuẩn trong thời gian nuôi. Tuy nhiên, mô hình này có thể xuất hiện rủi ro do không kiểm soát được dịch bệnh trên tôm; (ii) Mô hình tôm - lúa: mức độ ảnh hưởng của mô hình này đối với môi trường được xem là nhỏ. Tuy nhiên, do không có khả năng kiểm soát các nguồn giống, chất lượng nguồn nước thì vẫn còn có những rủi ro liên quan đến mô hình này.

Tác động tiêu cực do vận hành các cống liên quan đến việc đóng cửa cống tạm thời có thể ảnh hưởng đến giao thông đường thủy, thay đổi độ mặn của nước và các điều kiện sinh thái. Tuy nhiên, dự kiến các cống sẽ đóng trong một thời gian ngắn, khoảng 4 - 5 tiếng trong 2 - 3 ngày của tháng III và IV âm lịch để kiểm soát sự xâm nhập mặn và trong 4 - 5 ngày trong tháng XI và XII để ngăn triều cường cho khu vực.

Các biện pháp giảm thiểu tác động

Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP). Các hộ bị thu hồi đất đã được bồi thường và hỗ trợ đầy đủ theo đúng Chính sách OP/BP 4.12 của WB thông qua RAP/Kế hoạch bồi thường trong một dự án khác của WB là “Quản lý rủi ro thiên tai” (WB4) và kết quả cho thấy không có vướng mắc gì trong quá trình bồi thường. Do đó không cần phải lập RAP cho TDA này. Quy tắc thực hành môi trường, một loạt các biện pháp để giảm thiểu tác động chung liên quan đến thi công và các biện pháp giảm thiểu đặc thù đã được phát triển và đưa vào ESMP của TDA. Những biện pháp này sẽ được đưa vào tài liệu hợp đồng thi công, sẽ được nhà thầu thực hiện và được tư vấn giám sát xây dựng (CSC) cùng với chủ TDA giám sát. Chi phí cho việc thực hiện ESMP 8.121.276.000 VND, tương đương 398.000USD (không bao gồm chi phí để thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình xây dựng, chi phí CSC).

Biện pháp giảm thiểu tác động đặc thù. Để giải quyết những tác động của việc nạo vét, việc thi công sẽ không diễn ra vào thời điểm lấy nước của những hộ nuôi trồng thủy sản và làm muối. Tuy nhiên, để hạn chế những tác động không mong muốn trong quá trình thi công, các đơn vị thi công phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền và cộng đồng địa phương để trao đổi thông tin từ đó có những giải pháp tốt nhất cho cả việc lấy nước để sản xuất của người dân và hoạt động thi công, chẳng hạn như tạm ngừng thi công khi người dân cần lấy nước. Về xử lý vật liệu nạo vét, nhu cầu sử dụng các

vật liệu nạo vét này để san lấp ở khu vực TDA là rất cao, đồng thời chính quyền địa phương cam kết sử dụng những đất nạo vét sau khi làm khô để san lấp cho những vùng đất trũng.

Do các vật liệu nạo vét không bị nhiễm các chất độc hại và kim loại nặng nên nó có thể được sử dụng để đắp bờ tại những khu vực bị khan hiếm vật liệu. Để giảm thiểu tác động của việc vận hành cống, thời gian đóng cửa cống sẽ được tham vấn chặt chẽ với cộng đồng địa phương và thông báo cho người dân địa phương ít nhất 1 tuần trước khi đóng. Kế hoạch vận hành cống chi tiết sẽ được xây dựng và phát cho người dân được biết. Chương trình giám sát chất lượng nước và hệ sinh thái sẽ được thực hiện trong 2 năm đầu tiên vận hành cống để giám sát các tác động (tiêu cực và tích cực) gây ra bởi TDA.

Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin

CPO cùng với đơn vị tư vấn là Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam đã tổ chức 2 cuộc họp tham vấn vào tháng 09/2015 và tháng 01/2016 tại các xã trong khu vực TDA. Bản thảo báo cáo ESIA cuối cùng, EMDP, RAP đã nộp cho WB để công bố trên trang InfoShop ở Washington vào tháng 01/2016. Phiên bản tiếng Việt của các báo cáo này đã được công bố tại Văn phòng CPMU tại Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Bến Tre cùng với các xã trong vùng TDA để cộng đồng dễ dàng tiếp cận.

A1.3.3. Tiểu dự án 6: Kiểm soát nguồn nước, thích ứng với biến đổi khí hậu vùng Nam Măng Thít, tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long

Giới thiệu

Tiểu dự án thuộc Hợp phần 3 của dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) do Chính phủ Việt Nam đề xuất WB tài trợ thực hiện. CPO thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) chịu trách nhiệm quản lý Dự án MD-ICRSL. Chủ đầu tư TDA là ICMB10. Ban quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT (PPMU) Trà Vinh và Vĩnh Long sẽ có trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và thi công còn Chi cục Thủy lợi tỉnh Trà Vinh, Vĩnh Long sẽ chịu trách nhiệm vận hành TDA. Mục tiêu của TDA là giải quyết những thách thức liên quan đến xâm nhập mặn, và cải thiện sinh kế bền vững cho cộng đồng sống ở 3 huyện của tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long.

Các hợp phần của TDA: TDA sẽ đầu tư vào 3 vùng với các hạng mục chính sau:

- *Vùng 2 (Nuôi trồng thủy sản nước lợ):* (i) Đào tạo cho nông dân về cách thức nuôi thủy sản tốt và xây dựng các mô hình sinh kế bền vững trong điều kiện BĐKH; (ii) Thành lập 14 tổ hợp tác cho 4.559 ha diện tích nuôi trồng thủy sản; (iii) Trồng thêm rừng cho 728 ha đất nuôi trồng thủy sản, hỗ trợ việc cấp chứng nhận tôm sinh thái cho 1.921 ha diện tích tôm - rừng của 700 hộ gia đình tại xã Long Vĩnh, Đông Hải thuộc huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; (iv) Hỗ trợ nuôi trồng thủy sản theo hướng đa dạng sinh học cho 2.206 ha của 2.200 hộ gia đình bằng cách xây dựng 7 mô hình trình diễn tại huyện Duyên Hải. Trong các mô hình trình diễn sẽ thay đổi

từ chuyên chuyên tôm sang tôm và cùng các loài khác, tôm - cá rô phi và tôm - cá măng theo hình thức sản xuất sạch hơn.

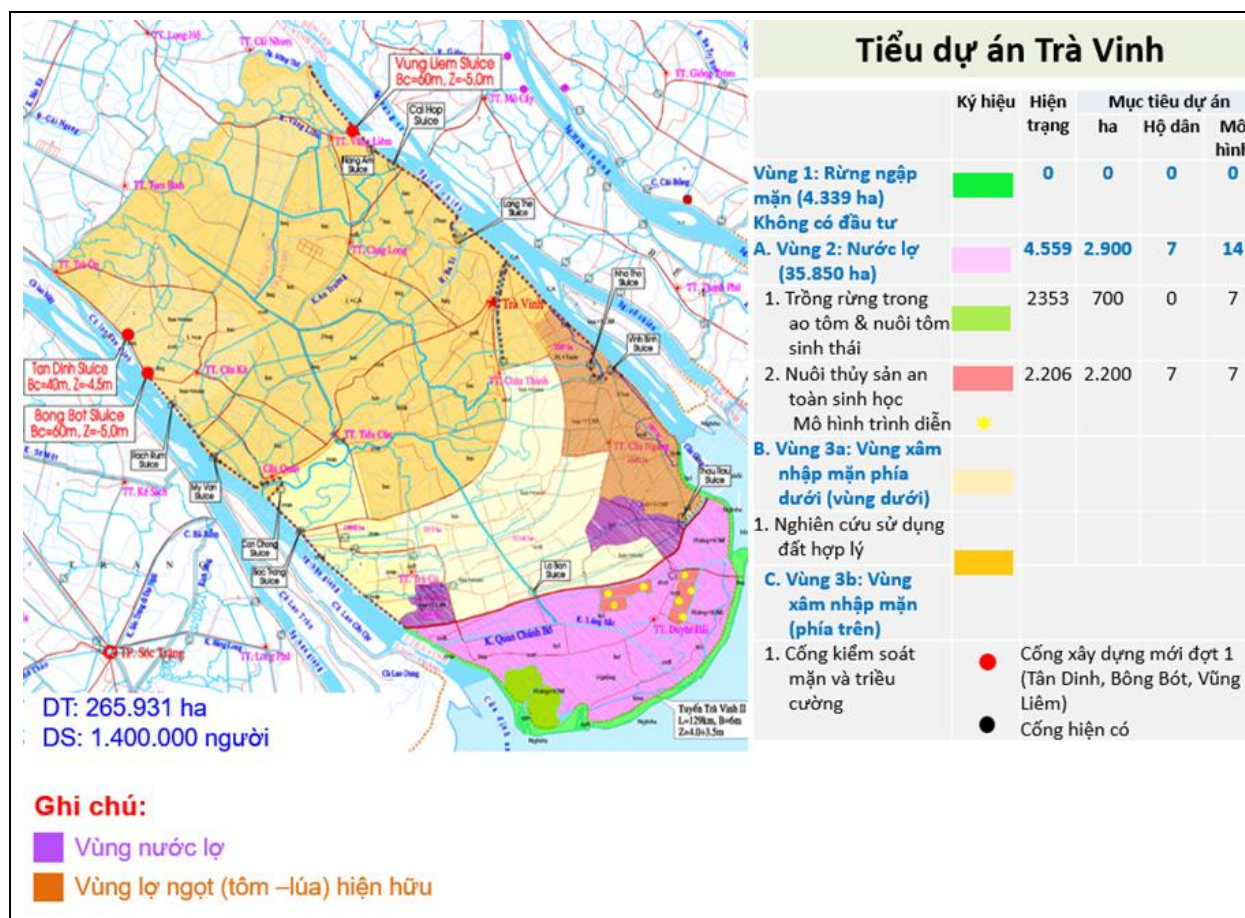
- *Vùng 3a (Vùng xâm nhập mặn phía dưới)*: Thực hiện nghiên cứu sử dụng đất hợp lý.
- *Vùng 3b (Vùng xâm nhập mặn phía trên)*: (i) Thực hiện các chiến dịch nâng cao nhận thức của người dân về tác động của BĐKH và (ii) Xây dựng thêm 3 cống để hoàn thiện hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít:
 - Cống Vũng Liêm: (i) 3 cửa (chiều rộng của mỗi cửa là 20 m); một cây cầu giao thông trên cống (dài 147,22 m và rộng 6 m); và (ii) một nhà quản lý có diện tích là 120 m².
 - Cống Bông Bót: (i) 3 cửa (chiều rộng của mỗi cửa là 20 m); một cây cầu giao thông trên cống (dài 147,22 m và rộng 6 m); và (ii) một nhà quản lý có diện tích là 240 m².
 - Cống Tân Dinh: (i) 2 cửa (chiều rộng của mỗi cửa là 20 m); một cây cầu giao thông trên cống (dài 109,85 m và rộng 6 m); và (ii) một nhà quản lý có diện tích là 120 m².
- *Các hoạt động khác*: (i) Hỗ trợ kết nối thị trường; (ii) Hỗ trợ các cơ quan quản lý cấp tỉnh trong việc thành lập các trạm giám sát chất lượng nước tự động để dự báo chất lượng nước và giám sát chất lượng giống cũng như bệnh thủy sản.

Vị trí và hoạt động đầu tư của TDA được trình bày trong *Hình A.4*.

Sàng lọc tác động môi trường và xã hội

TDA đã được sàng lọc tác động môi trường và xã hội phù hợp với OP 4.01 và kết quả của việc sàng lọc cho thấy, TDA không nằm trong hoặc gần môi trường sống tự nhiên quan trọng và không có loài quý hiếm hoặc đang bị đe dọa trong khu vực. Ngoài ra, cũng không có vị trí, các cấu trúc hoặc di tích có ý nghĩa văn hóa, tôn giáo, lịch sử trong và ở các vùng phụ cận công trường xây dựng. Có người dân tộc thiểu số trong khu vực TDA, chiếm 23,6% dân số ở huyện Cầu Kè (tỉnh Trà Vinh). Tuy nhiên, người dân tộc thiểu số sống xen kẽ, hòa đồng với người Kinh và không có sự khác biệt lớn về văn hóa so với cộng đồng người Kinh, do đó, các tác động gây ra bởi TDA sẽ ảnh hưởng đến cộng đồng nói chung, chứ không riêng một nhóm dân tộc. Không có đền thờ hay một cấu trúc bất kỳ hoặc vị trí có ý nghĩa văn hóa, tôn giáo, lịch sử trong khu vực TDA tuy nhiên, trong quá trình thực hiện TDA sẽ di dời 5 ngôi mộ của 1 hộ gia đình. TDA được xác định là sẽ kích hoạt các chính sách của WB như *Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01)*, *Môi trường sống tự nhiên (OP/BP 4.01)*, *Rừng (OP/BP 4.36)*, *Người dân tộc thiểu số (OP/BP 4.10)* và *Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)*. Các tác động bất lợi chính của tiểu dự án là những liên quan đến việc thu hồi đất, hoạt động xây dựng và vận hành các cống. Tuy nhiên, các tác động này thường là ngắn hạn, cục bộ, ở mức nhỏ và trung bình và có thể được giảm thiểu bằng đã được phát triển cho TDA. Do đó, TDA đã được xếp loại B về đánh giá môi trường. Để đáp ứng các yêu

cầu của Ngân hàng và của chính phủ về đánh giá môi trường, Bên vay đã chuẩn bị ESIA, EMDP và RAP cho TDA.



Hình A.3: Vị trí và hoạt động đầu tư của TDA 6

Hiện trạng môi trường và xã hội

Phạm vi địa lý của TDA bao gồm: huyện Vũng Liêm, Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long và tỉnh Trà Vinh. Tổng diện tích khoảng 265.931 ha và 1,4 triệu người hưởng lợi. Ranh giới vùng TDA được xác định như sau: (i) Phía Tây Bắc giáp với sông Măng Thít; (ii) Phía Đông Bắc là sông Cổ Chiên; (iii) Phía Đông Nam là kênh Tông Tôn – Mây Túc và (iv) Phía Tây Nam là sông Hậu Giang. Đặc biệt vùng TDA nằm kẹp giữa 2 sông (sông Cổ Chiên và sông Hậu Giang) là vùng đất phù sa trẻ chịu ảnh hưởng của lũ sông Mê Công, thích hợp cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

Tác động của lũ trên sông Hậu và Cổ Chiên vào sâu trong nội đồng kết hợp với triều cường làm ảnh hưởng đến chất lượng nước và sản xuất của người dân. Đây là khu vực trữ lũ của sông Mê Công, thích hợp để sản xuất nông nghiệp. Ở vùng nuôi trồng thủy sản (vùng 2), do dòng chảy vào mùa mưa nhỏ nên vào mùa khô mặn xâm nhập sâu vào nội địa, ảnh hưởng đến sản xuất. Trong hai mươi năm qua, việc xây dựng các công trình kiểm soát mặn để trồng lúa đã được đầu tư. Tuy nhiên, trong bối cảnh lượng nước vào mùa khô giảm và nước biển dâng thì chiến lược này sẽ không có hiệu quả. Ngoài ra, người dân ở khu vực ven biển đang chuyển đổi mạnh sang nuôi tôm điều này đã dẫn đến việc suy giảm diện tích rừng ngập mặn, ô nhiễm nguồn nước, các bệnh về tôm và tính không ổn định của nghề nuôi tôm. Còn ở khu vực sản xuất ngọt (3b) và

khu vực đang chuyển đổi sang sản xuất lợ (vùng 3a) thì sau khi hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít được hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2008 phục vụ cho sản xuất và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Trà Vinh và Vĩnh Long đã phát huy tác dụng của công trình. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, độ mặn 4 g/l đã lên đến sông Vũng Liêm, sông Tân Định và kênh Bông Bót. Vào mùa khô, vùng phía nam của khu vực bị thiếu nước ngọt cho sản xuất; gia tăng ô nhiễm môi trường; xói mòn một số cầu trúc; xâm nhập mặn ở một số khu vực phía bắc của TDA thông qua các cửa sông, kênh chưa có công. Trong bối cảnh thu nhập từ cây ăn quả vẫn còn cao và nông dân chưa sẵn sàng cho việc chuyển đổi sang kinh tế nước lợ, nông dân mong muốn thông qua TDA ngăn ngừa xâm nhập mặn cho đến khi cây ăn quả của họ không còn khả thi về mặt kinh tế. Dự kiến sẽ mất vài chục năm nữa để khu vực này có thể chuyển đổi sang nền kinh tế lợ.

Môi trường sống tự nhiên quan trọng và các khu bảo tồn. Ở Trà Vinh có một số khu vực nhạy cảm về môi trường như sân chim Chùa Hang, sân chim Trà Cú, sân chim Duyên Hải, khu bảo tồn thiên nhiên Long Khánh, rừng ngập mặn Duyên Hải và Ao Bà Om. Tuy nhiên, các khu vực này cách xa vị trí xây dựng khoảng 23– 66 km và sẽ không bị ảnh hưởng bởi TDA.

Tài nguyên văn hóa vật thể và các khu giải trí. Các công trình văn hoá ở gần khu vực TDA có thể kể đến là Hưng Giáo Tự và Đình An Tịnh Hùng cách công Bông Bót khoảng 300 m. Các bãi biển Ba Động nằm cách vị trí xây dựng khoảng 66 km.

Hiện trạng môi trường nền. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nền trong khu vực TDA cho thấy, chất lượng không khí là khá tốt, nồng độ các chất ô nhiễm trong không khí như sulfur dioxide (SO_2), oxit nitơ (NO_x), bụi là rất thấp và đáp ứng quy chuẩn về chất lượng không khí xung quanh. Tuy nhiên, tiếng ồn trong khu vực tại một số thời điểm nhất định vượt quy định do hoạt động của tàu thuyền nhưng tiếng ồn trung bình vẫn nằm trong giới hạn cho phép. Nguồn nước tại các khu vực nuôi thủy sản đang bị ô nhiễm. Đất và trầm tích của khu vực không bị ô nhiễm mặn và kim loại nặng.

Các tác động xã hội và môi trường tiềm tàng

Tác động tích cực. TDA sẽ có tác động tích cực về môi trường và xã hội đáng kể bao gồm: i) Tăng năng suất nông nghiệp và góp phần phát triển kinh tế do điều tiết được mặn và kiểm soát lũ; ii) Tăng trưởng và đa dạng của các loài cá nước ngọt và đa dạng sinh học nông nghiệp do cung cấp nước ngọt đầy đủ; iii) Cải thiện chất lượng nước do giảm sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất nuôi trồng thủy sản; iv) Tăng cường năng lực của cộng đồng để thích ứng với biến đổi khí hậu do thực hiện các mô hình bền vững ứng phó với BĐKH; v) Cải thiện sức khỏe cộng đồng và phát triển xã hội do việc cung cấp nhiều nước ngọt, người dân được tiếp cận các loại dịch vụ như y tế, chăm sóc sức khỏe tốt hơn do điều kiện đi lại thuận lợi, góp phần vào việc nối liền các vùng địa lý, tạo điều kiện cho các hoạt động giao lưu văn hóa, tham gia vào các lễ hội lớn của người dân trong vùng.

Tác động môi trường và xã hội tiêu cực. Liên quan đến (i) Thu hồi đất và tái định cư, mất mát của một số thảm thực vật tại địa điểm xây dựng; (ii) Nguy cơ bom mìn sau khi chiến tranh; (iii) Rủi ro an toàn cho người lao động và cộng đồng địa phương liên quan đến hoạt động xây dựng, hoạt động của các máy móc và thiết bị xây dựng; (iv) Các tác động thông thường do hoạt động xây dựng gây ra khác như bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải rắn, nước thải và chất thải nguy hại, biến động môi trường sống tự nhiên dưới nước và an toàn đường thủy. Hầu hết các tác động này sẽ là nhỏ đến trung bình, tạm thời và cục bộ. Mỗi quan tâm chính trong giai đoạn vận hành sẽ là cản trở giao thông đường thủy, tăng ô nhiễm nước ở gần cửa cống, gián đoạn đường di chuyển của cá trong thời gian đóng cống và tăng lưu lượng giao thông cùng với các vấn đề an toàn giao thông đường bộ. Tuy nhiên, những tác động này được đánh giá là nhỏ.

Tác động lâu dài. Người nông dân có thể phải thay đổi sinh kế hiện tại của họ (ở những nơi thích hợp) để chuyển sang các mô hình sản xuất lợi bền vững hơn như tôm - rùng, lúa - tôm và các loài thủy sản khác cũng như để sử dụng nước có hiệu quả hơn nữa trong mùa khô.

Các biện pháp giảm thiểu tác động

Để giải quyết các tác động xã hội, Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) và Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP) đã được chuẩn bị và thực hiện trong quá trình thực hiện dự án. Để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP) đã được chuẩn bị như một phần của ESIA. Các tác động liên quan đến hoạt động xây dựng thông thường trong giai đoạn thi công sẽ được Nhà thầu giảm thiểu thông qua các ECOP được đưa vào ESMP cũng như hợp đồng thi công công trình và được giám sát bởi tư vấn giám sát xây dựng (CSC) cùng chủ TDA. Kinh phí thực hiện ESMP là **1.070.136.000 đồng**, không bao gồm chi phí thực hiện các biện pháp quản lý môi trường và xã hội của Nhà thầu, chi phí thuê CSC và RAP.

Biện pháp giảm thiểu tác động đặc thù. Để giảm thiểu tác động trong quá trình vận hành cống như tác động đối với giao thông đường thủy, đường di chuyển của cá và chất lượng nước, kích thước cửa cống đã được thiết kế nhằm phát huy tối đa hiệu quả của cống và các cống được mở thường xuyên để đảm bảo việc trao đổi nước và đời sống thủy sinh trong khu vực TDA. Dự kiến 3 cống chỉ đóng trong một khoảng thời gian rất ngắn, cụ thể: khoảng 4 - 5 giờ trong 2 - 3 ngày vào tháng III và IV âm lịch để kiểm soát sự xâm nhập mặn và 4 - 5 ngày trong tháng XI và XII để chống ngập cho vùng TDA. Thời gian đóng cống sẽ được thực hiện với sự tham vấn chặt chẽ với cộng đồng địa phương và thông báo cho người dân được biết ít nhất 1 tháng. Thực hiện quan trắc chất lượng nước/sinh thái sẽ diễn ra trong 2 năm đầu vận hành công trình nhằm phát hiện các tác động chưa dự báo được. Để giảm thiểu tác động do vận hành các cây cầu giao thông trên cống thì trong thiết kế chi tiết sẽ thiết kế lắp đặt tín hiệu giao thông, đèn đường cũng như biển báo phù hợp với quy định của Chính phủ và thông lệ quốc tế. Trong thời gian hoạt động, chính quyền địa phương sẽ thực hiện các quy định an toàn theo trách nhiệm của mình.

Kế hoạch hành động tái định cư. Xây dựng 3 công sẽ thu hồi đất vĩnh viễn khoảng 17.734 m² (trong đó có 3.190 m² đất ở). Có 13 hộ gia đình bị ảnh hưởng trong đó, 12 hộ phải di dời và không có dân tộc thiểu số trong số các hộ này. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của TDA là **15.331.488.410** đồng tương đương với 682.917 USD.

Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP). Dân tộc thiểu số (chủ yếu là người Khmer) chiếm 23,6% dân số huyện Cầu Kè (tỉnh Trà Vinh), tương đương 31.335 hộ. Trong 2 huyện ở tỉnh Vĩnh Long, số hộ dân tộc thiểu số là rất ít. Không có hộ gia đình dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất. Những hộ gia đình dân tộc thiểu số có khả năng bị ảnh hưởng bởi TDA chủ yếu là do các mô hình sinh kế. Việc tham vấn với dân tộc thiểu số theo FPIC cho thấy, có sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng người dân tộc thiểu số đối với việc thực hiện TDA. Các hoạt động để phát triển người dân tộc thiểu số đã được đề xuất nhằm tối đa hóa lợi ích cho họ. Những hoạt động phát triển này bao gồm: i) Đào tạo nâng cao nhận thức của cộng đồng về chăn nuôi và sản xuất nông nghiệp; ii) Đào tạo để nâng cao nhận thức của cộng đồng về biến đổi khí hậu và thích ứng với những thay đổi về tài nguyên nước, sinh thái và xã hội; iii) Đào tạo Phát triển sinh kế; iv) Phát triển các mô hình sinh kế, với sự tham gia của các tổ chức xã hội, phối hợp việc lựa chọn vị trí mô hình, hỗ trợ hướng dẫn kỹ thuật, thực hiện, giám sát và kết quả có thể nhân rộng; Tổng ngân sách cho các hoạt động phát triển là 3.413.250.000 đồng (**151.700 USD**). EMDP sẽ tiếp tục cập nhật trong giai đoạn thiết kế chi tiết của TDA.

Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin

CPO và SIWRR tổ chức và thực hiện 2 cuộc họp tham vấn cộng đồng trong tháng 09/2015 và tháng 01/2016 tại các xã trong vùng TDA. Những người tham gia bao gồm: đại diện UBND, UMMTTQ xã, các tổ chức xã hội, các hộ BAH và người dân địa phương trong vùng TDA cùng với đơn vị tư vấn môi trường và xã hội. Các hộ gia đình bị ảnh hưởng mong muốn có được thông tin cập nhật về tiến độ thực hiện TDA. Các hộ BAH mong muốn được đền bù thỏa đáng theo chi phí thay thế cho tài sản bị hư hỏng và giá thị trường cho các sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng tạm thời. Tất cả các đại biểu tham dự (nam và nữ) đều đồng ý các ý tưởng liên quan đến TDA; do đó, vấn đề giới đã được đảm bảo, 100% đồng ý với các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường như đã trình bày trong báo cáo. Đề xuất chủ TDA áp dụng các biện pháp đã cam kết nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi cũng như quản lý và giám sát chất lượng môi trường.

Bản thảo báo cáo ESIA cuối cùng, EMDP và RAP đã nộp cho WB để công bố trên trang InfoShop ở Washington vào tháng 02/2016. Phiên bản tiếng Việt của các báo cáo này đã được công bố tại Văn phòng CPUM tại Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn An Giang và các xã trong vùng TDA để cộng đồng dễ dàng tiếp cận.

AI.3.4. Tiểu dự án 9: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phòng chống xói lở bờ biển và hỗ trợ nuôi trồng thủy sản ở huyện An Minh, An Biên

Giới thiệu

Đây là TDA thuộc Hợp phần 4 của dự án Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng sông Cửu Long (MD-ICRSL) do Chính phủ Việt Nam đề xuất, Ngân hàng Thế giới (WB) tài trợ thực hiện. Ban Quản lý Trung ương các dự án thủy lợi (CPO) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Bộ NN&PTNT) chịu trách nhiệm quản lý Dự án MD-ICRSL. Chủ đầu tư TDA là Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Kiên Giang. Ban quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT (PPMU) tỉnh Kiên Giang sẽ có trách nhiệm trong việc lập kế hoạch và thi công còn Chi cục Thủy lợi tỉnh Kiên Giang sẽ chịu trách nhiệm vận hành TDA. Nguồn vốn thực hiện TDA là vốn đối ứng phía Việt Nam (Trung ương và địa phương) và vốn vay của WB.

Mục tiêu và các hợp phần/hoạt động của TDA: Mục tiêu của TDA là bảo vệ dân sinh, kiểm soát triều cường, điều tiết nguồn nước mặn cùng với tiêu úng để ổn định sản xuất và sinh kế vùng 2 huyện An Minh và An Biên thuộc tỉnh Kiên Giang. Các hạng mục/hoạt động đầu tư của TDA sẽ được thực hiện trong 2 vùng, bao gồm: i) Xây dựng 9 cống trên đê biển Tây; ii) Xây dựng 10km kè ngầm chắn sóng để bảo vệ rừng ngập mặn và chống xói mòn ven biển; iii) Xây dựng kè mềm gây bồi và trồng rừng phòng hộ bao gồm các hàng rào tre hình chữ T; và iv) Thực hiện các mô hình sinh kế bền vững như nuôi sò huyết (*Andara granosa*) dưới tán rừng, tôm chuyên canh 2 vụ/năm, tôm sú kết hợp (*Penaeus monodon*), Tôm lúa quản lý cộng đồng và Tôm sú - lúa - tôm càng xanh. Vị trí và hoạt động đầu tư của TDA được thể hiện trong Hình A.4.

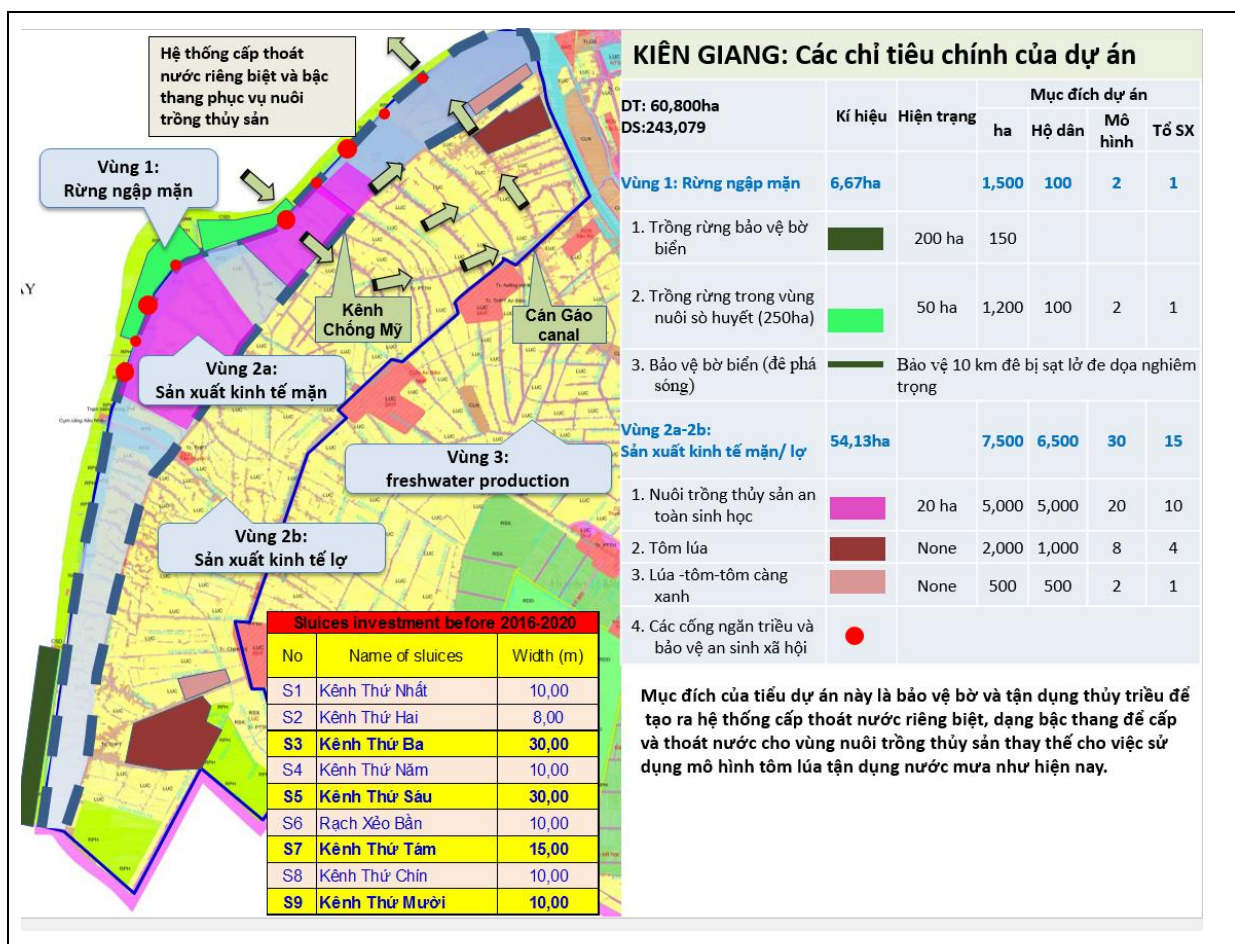
Sàng lọc tác động môi trường và xã hội

Việc sàng lọc môi trường và xã hội theo tiêu chí mô tả trong chính sách của Ngân hàng về đánh giá môi trường đã được thực hiện, các chính sách của WB về *Đánh giá môi trường (OP/BP 4.01)*, *Môi trường sống tự nhiên (OP/BP 4.04)*, *Rừng (OP/BP 4.36)* *Quản lý dịch hại (OP/BP 4.09)*; *Dân tộc thiểu số (OP/BP 4.10)* và *Tái định cư bắt buộc (OP/BP 4.12)* được áp dụng cho TDA này. Việc sàng lọc cũng chỉ ra rằng, các tác động của TDA là nhỏ và vừa, ngắn hạn, cục bộ và có thể giảm thiểu được. Do đó, TDA đã được xếp loại B về đánh giá môi trường. Để đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng và Việt Nam về đánh giá môi trường, Bên vay đã chuẩn bị báo cáo ESIA, EMDP và RAP cho TDA.

Hiện trạng môi trường và xã hội

Vùng TDA có vị trí địa lý như sau: từ 9°28' đến 10°02' vĩ độ Bắc và từ 104°51' đến 105°06' kinh độ Đông. Vùng TDA có diện tích tự nhiên khoảng 60.800 ha, nằm trong địa phận thuộc các xã Tây Yên, Tây Yên A, Nam Yên, Nam Thái, Nam Thái A, Đông Thái và thị trấn Thứ Ba - huyện An Biên; xã Thuận Hòa, Đông Hòa, Tân Thạnh, Đông Hưng, Đông Hưng A, Đông Hưng B, Vân Khánh, Vân Khánh Đông, Vân Khánh Tây và thị trấn Thứ Mười Một - huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang. Được xác định như sau: (i) Phía Tây và Tây Bắc: giáp với Biển Tây; (ii) Phía Bắc và Đông Bắc: giáp với sông Cái Lớn; (iii) Phía Đông Nam giáp kênh Cán Gáo và (iv) Phía Tây Nam giáp với rạch Tiểu Dừa. Khu vực vùng TDA hàng năm thường xuyên bị xâm nhập mặn. Theo số liệu của báo cáo kết quả thực hiện chương trình điều tra xâm nhập mặn mùa khô các năm 2011-2012-2013 do Chi cục Thủy lợi tỉnh Kiên Giang thực hiện, thì diễn biến xâm

nhập mặn có đặc điểm chung là: mặn bắt đầu xâm nhập vào đầu tháng 1 và kết thúc vào giữa tháng 5. Ranh mặn 4 g/l xâm nhập vào trong đất liền 8-30 km. Trong mùa khô, mặn xâm nhập vào các cửa sông lớn chưa có cống như: sông Cái Lớn, Cái Bé, kênh Cán Gáo chủ yếu theo triều cường, khi triều xuống nồng độ mặn giảm theo. Trong các năm gần đây, sự xâm nhập mặn chỉ xảy ra ở các sông lớn, các kênh nhánh thông ra biển ngoài một số cống đã và đang xây dựng, chính quyền địa phương hàng năm phải đầu tư hàng trăm đập tạm kinh phí lên đến gần 4 tỷ đồng/năm nhằm góp phần hạn chế sự xâm nhập mặn trong vùng TDA.



Hình A.4: Vị trí và hoạt động đầu tư của TDA 9

Theo số liệu đo đạc thường xuyên và đánh giá của Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam, vùng nội đồng phía Tây kênh Xẻo Rô - Cán Gáo thuộc hai huyện An Biên, An Minh bị nước mặn xâm nhập, độ mặn trung bình ở nhiều khu vực trong tỉnh vào mùa khô lên đến 18‰, có nơi độ mặn đo được lên đến 25‰. Đặc biệt, từ ngày 16 đến 21/02/2011, do ảnh hưởng của triều cường nên nước mặn càng xâm nhập sâu vào nhiều khu vực mới khác trên địa bàn, tác động xấu đến nguồn nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp, trong đó, có cây lúa và các loại rau màu. Đặc biệt là về mùa khô, với điều kiện nắng hạn kéo dài, mặn thường xuyên xâm nhập theo sông Cái Lớn, Cái Bé qua kênh Xẻo Rô - Cán Gáo, phía Cà Mau theo sông Trẹm, sông Cái Tàu và từ phía Bạc Liêu theo kênh Chủ Chí, Vĩnh Phong, Chợ Hội sang, có năm tháng 2 vùng dự án gần như bị mặn hoàn toàn. Ngoài ra, việc không giữ được nguồn nước ngọt trong mùa khô dẫn đến tình trạng thiếu nước cho vụ hè thu làm chậm thời vụ canh tác (do phải chờ mưa

xuống mới sản xuất được),... làm đảo lộn kế hoạch sản xuất và lịch thời vụ của ngành nông nghiệp tỉnh Kiên Giang.

Hiện trạng chất lượng môi trường. Kết quả phân tích chất lượng môi trường nền khu vực TDA cho thấy: i) Chất lượng môi trường không khí khu vực tương đối tốt; ii) Môi trường đất vùng TDA được phân bố với 3 loại đất chính là: đất bị xâm nhập mặn vào mùa khô, đất phèn nhẹ & trung bình nằm từ phía đê biển trở vào kênh Cán Gáo và đất ngập mặn quanh năm nằm ở phía ngoài đê. Đất vùng TDA không bị ô nhiễm kim loại nặng; iii) Môi trường nước trong khu vực TDA bị nhiễm mặn, có dấu hiệu ô nhiễm từ nhẹ đến trung bình, chủ yếu bị ô nhiễm hữu cơ, chất dinh dưỡng và tổng Coliform. Chất lượng nước mặt chưa bị ô nhiễm bởi các hóa chất độc hại như kim loại nặng, thuốc BVTV và iv) Hệ sinh thái trong khu vực có độ đa dạng khá cao, tập trung chủ yếu ở phía rừng ngập mặn ven biển. Phía trong đã được người dân khai phá làm ao nuôi thủy sản, trồng lúa và trồng màu nên độ đa dạng không cao.

Môi trường sống tự nhiên quan trọng và các khu bảo tồn. Tại tỉnh Kiên Giang, có một số khu vực nhạy cảm về môi trường như bãi giồng thủy sản tự nhiên (nghêu, sò huyết, sò lông, ...) ở khu vực vịnh Rạch Giá, VQG U Minh Thượng và rừng ngập mặn ven biển. Ngoài ra, gần khu vực vùng TDA còn có VQG U Minh Hạ và các cánh rừng ngập mặn liên kết. Tuy nhiên, các khu vực nhạy cảm này nằm cách xa vùng TDA và không bị ảnh hưởng bởi TDA

Tài nguyên văn hóa vật thể và các khu giải trí. Không có các cấu trúc văn hóa vật thể quan trọng nằm trong hoặc gần khu vực TDA có thể bị ảnh hưởng bởi TDA.

Các tác động xã hội và môi trường tiềm tàng

Nhìn chung, TDA sẽ mang lại lợi ích lớn về kinh tế - xã hội: (i) Chủ động trong việc quản lý các nguồn nước cho sản xuất, mở rộng diện tích canh tác, hạn chế rủi ro, nâng cao năng suất và sản lượng, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phát huy tối đa tiềm năng và thế mạnh của khu vực, tạo ra sự đa dạng trong sản xuất nông nghiệp, đưa ra cây trồng và vật nuôi có giá trị kinh tế cao và tạo sự ổn định thị trường trong chăn nuôi/sản xuất; (ii) Cải thiện nguồn cung cấp nước, thau chua, rửa mặn, giữ nước ngọt cho các giai đoạn quan trọng trong quá trình sản xuất, từng bước cải thiện chất lượng nước để cung cấp cho người dân; (iii) Phòng chống thiên tai, tăng cường nước và cải thiện giao thông trong vùng, thúc đẩy việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất cũng như giải quyết đầu ra sản phẩm; (iv) Bảo vệ hệ sinh thái, bảo vệ đời sống con người, chủ động giảm thiểu và ngăn ngừa các tác nhân gây bệnh; (v) Tạo địa bàn phân bố dân cư, giúp điều chỉnh mật độ dân số, giảm sự gia tăng dân số cơ học và các vấn đề xã hội hậu quả của nó đối với các xã trong khu vực. (vi) Tăng thu nhập, cải thiện đời sống, lối sống, văn hóa và tinh thần cho người dân, giảm số hộ nghèo.

Việc xây dựng 10 công trên tuyến đê biển An Minh – An Biên sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp tới 58 hộ dân do bị chiếm dụng và thu hồi đất. Kế hoạch hành động tái định cư (RAP) đã được chuẩn bị phù hợp. Có 1.845 hộ Khmer có khả năng bị ảnh hưởng và do đó EMDP cũng đã được chuẩn bị. Thực hiện và giám sát thực hiện của RAP và EMDP sẽ tuân thủ theo chính sách an toàn của dự án MD-ICRSL. CPMU với sự hỗ trợ của

các điều phối chính sách xã hội (SSC) và Tư vấn giám sát độc lập RAP (IMC) sẽ giám sát việc tuân thủ và báo cáo. Định kỳ tham vấn và công bố thông tin đến địa phương cộng đồng sẽ được giám sát chặt chẽ.

Tác động môi trường tiêu cực trong giai đoạn thi công bao gồm:

- Các nguồn gây tác động là các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, hoạt động đào đắp chuẩn bị mặt bằng công trường, hoạt động thi công hố móng đúc cống, hoạt động đúc xà lan, lắp đặt cống, thi công cầu và các hoạt động sinh hoạt của công nhân. Trong giai đoạn này, số lượng công nhân tối đa là 200 người/ngày, tổng khối lượng nước thải phát sinh được ước tính khoảng 11,2 m³/ngày, rác thải khoảng 80 kg rác/ngày trải đều trên 10 hạng mục công trình cống và sẽ được xử lý, thu gom do vậy, chất thải sinh hoạt của công nhân trong giai đoạn này là không lớn và chỉ mang tính cục bộ. Khối lượng đất, cát đắp các loại vào khoảng 5.339.166 m³ và khoảng 33.978 m³ vật liệu xây dựng thì sẽ cần 13.433 chuyến phương tiện vận chuyển (tính cho sà lan 400 tấn). Việc thi công sẽ diễn ra trong 4 năm, mỗi năm 6 tháng với quãng đường khoảng 80 km sẽ tạo ra khoảng 20 kg bụi/ngày. Đồng thời, lượng bụi cũng được phát sinh trong quá trình thi công đào đắp với tải trọng khoảng 208 kg/ngày. Tuy nhiên, nguồn thải này chỉ gây ô nhiễm cục bộ và ảnh hưởng đến vùng cuối hướng gió, tác động trực tiếp đến công nhân đang làm việc trong khu vực và một số hộ dân lân cận. Đồng thời, với tổng khối lượng vận chuyển (13.433 chuyến) thi công trong 4 năm, mỗi năm thi công 6 tháng thì mật độ tàu thuyền gia tăng vào khoảng 18 chuyến/ngày, giao thông thủy trong khu vực sẽ không bị ảnh hưởng nhiều.
- Ngoài ra, môi trường trong khu vực còn chịu ảnh hưởng của nước mưa chảy tràn, kéo theo chất thải, cát và bụi từ mặt bằng công trường xuống kênh, rạch gây ô nhiễm môi trường nước xung quanh, ảnh hưởng đến các ao nuôi tôm quảng canh gần các vị trí xây dựng công trình. Quá trình thi công hố móng cũng ảnh hưởng đến môi trường nước ngầm tầng nông.
- Bên cạnh đó, sự tập trung công nhân (tối đa là 200 người/ngày) cũng làm ảnh hưởng đến an ninh, phát sinh các tệ nạn xã hội, tiêu thụ nhiều hơn nguồn tài nguyên sẵn có trong vùng TDA.

Tất cả những tác động trên chỉ là tạm thời, cục bộ và có thể được giảm nhẹ thông qua việc thực hiện có hiệu quả các biện pháp quản lý xây dựng tốt như được đề cập trong Quy tắc thực hành môi trường (ECOP) đề xuất cho TDA, giám sát xây dựng và giám sát chất lượng môi trường nước/sinh thái.

Tác động tiêu cực trong quá trình vận hành: Sau khi hoàn thành, các cống sẽ được vận hành phục vụ sản xuất cho 54.031 ha đất sản xuất phía trong đê, trong đó, có 18.100 ha đất chuyên nuôi trồng thủy sản được chuyển đổi từ đất lúa 2 vụ, đất tôm - lúa và 36.031 ha đất sản xuất tôm - lúa được chuyển đổi từ đất lúa 2 vụ. Khu vực TDA sẽ phát triển theo hướng tăng phát triển nuôi trồng thủy sản, từ đó sẽ làm gia tăng lượng nước thải từ các ao nuôi thủy sản, đặc biệt là bùn thải từ các hoạt động sên vét cải tạo ao nuôi gây ô nhiễm môi trường nước, lan tỏa dịch bệnh và bồi lắng lòng kênh. Khi đó

sẽ cần phải áp dụng chương trình quản lý dịch hại tổng hợp. Đồng thời, khi các cầu hoàn thành, giao thông bộ trong khu vực sẽ phát triển từ đó làm tăng nguy cơ ô nhiễm không khí và tai nạn giao thông. Để giảm thiểu tác động này thì trong thiết kế chi tiết sẽ thiết kế lắp đặt tín hiệu giao thông, đèn đường và biển báo phù hợp với quy định của Chính phủ cũng như thông lệ quốc tế. Trong thời gian hoạt động chính quyền địa phương sẽ thực hiện các quy định an toàn theo trách nhiệm của mình.

Các biện pháp giảm thiểu tác động

Để giải quyết các tác động xã hội, RAP và EMDP đã được chuẩn bị và thực hiện trong quá trình thực hiện dự án. Để giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường, ESMP đã được chuẩn bị như một phần của ESIA. Các tác động liên quan đến giai đoạn xây dựng thông thường sẽ được nhà thầu giảm thiểu thông qua các ECOP đã được đưa vào trong ESMP cũng như hợp đồng xây dựng và được giám sát bởi tư vấn giám sát xây dựng (CSC) cùng với chủ TDA. Ước tính kinh phí ESMP là 8.074.800.000 đồng, không bao gồm chi phí quản lý môi trường và xã hội của nhà thầu, chi phí thuê CSC và thực hiện RAP.

Kế hoạch hành động tái định cư: TDA sẽ thu hồi vĩnh viễn 132.240m² đất nông nghiệp, 6.882 m² đất ở và thu hồi tạm thời 108.000m² đất công ở 8 xã trong vùng TDA. Có 58 hộ bị ảnh hưởng. Tất cả 58 hộ gia đình này sẽ phải di dời trong đó, có 9 hộ dễ bị tổn thương và không có người dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Tất cả 58 hộ gia đình đã chọn phương án là tự di dời đến nơi ở khác trong cùng một xã. Các tác động khác là thiệt hại mùa màng, cây cối và cấu trúc. Tổng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho TDA là 39.393.725.680 đồng tương đương 1.754.732 USD.

Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (EMDP): Có 1.845 hộ dân tộc thiểu số (6.641 người) có khả năng bị ảnh hưởng bởi tiểu dự án thông qua việc áp dụng các mô hình sinh kế. Không có hộ gia đình dân tộc thiểu số nào bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất. Việc tham vấn với người dân tộc thiểu số theo FPIC cho thấy, có sự ủng hộ rộng rãi của cộng đồng người dân tộc thiểu số để thực hiện tiểu dự án. Các hoạt động phát triển đã được đề xuất để tối đa hóa lợi ích cho người dân tộc thiểu số. Những hoạt động đó bao gồm: i) Hỗ trợ phát triển và nhân rộng các mô hình chăn nuôi lợn, gà và trồng rau an toàn; ii) Tập huấn về kỹ năng sản xuất nông nghiệp và phi nông nghiệp có thể phát triển ở các địa phương như nghề may, thêu, đan...; iii) Hỗ trợ hệ thống nước sạch, nhà vệ sinh, đường bộ và cầu nông thôn; iv) Tăng cường các lớp học, phổ biến pháp luật và các chính sách; v) Hỗ trợ các hoạt động truyền thông và vi) Xây dựng năng lực và đào tạo cho các đơn vị thực hiện TDA. Tổng ngân sách cho các hoạt động phát triển là 3.413.250.000 đồng (151.700 USD). EMDP sẽ tiếp tục cập nhật trong thiết kế chi tiết của TDA.

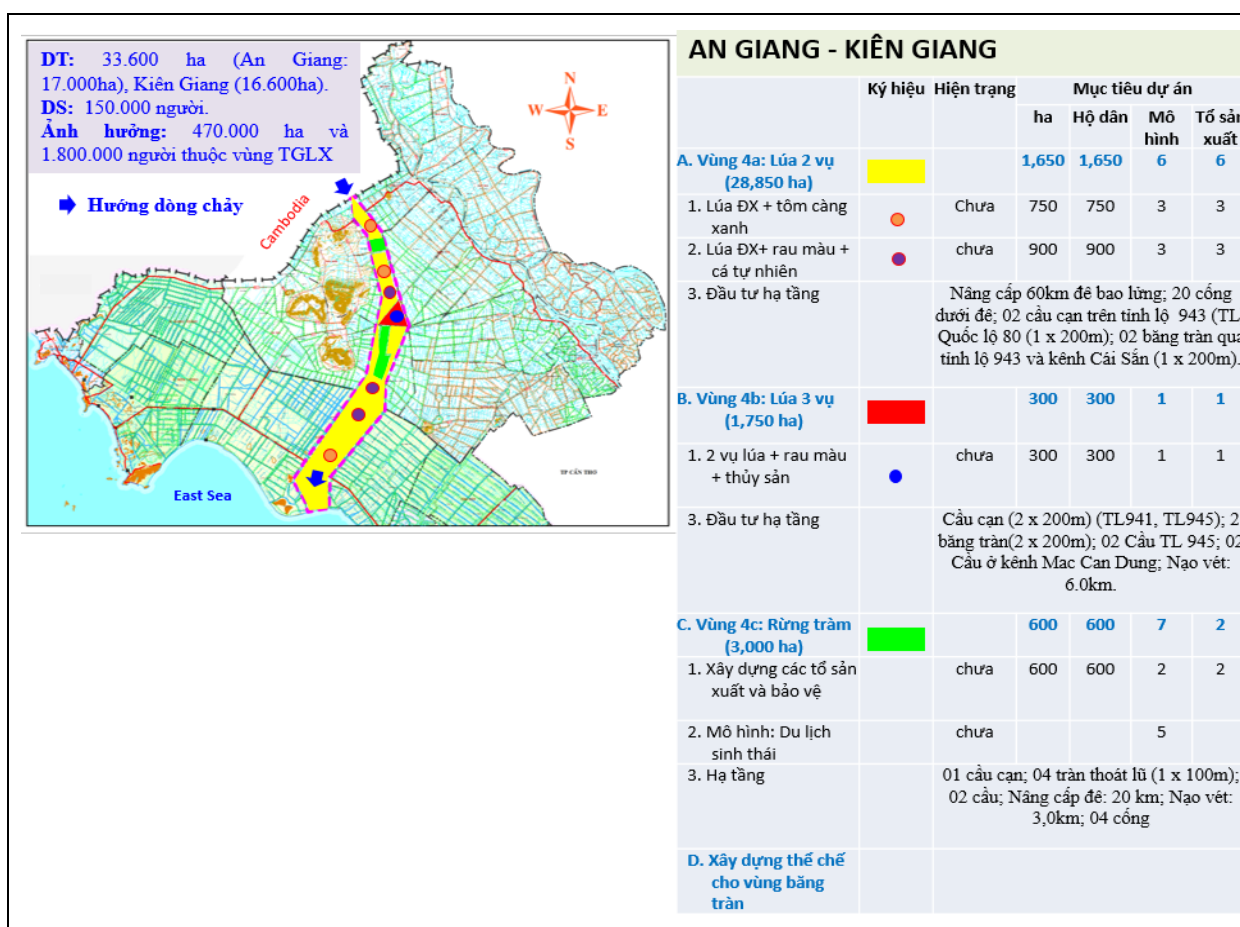
Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin

CPO cùng với đơn vị tư vấn là Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam đã tổ chức 2 cuộc họp tham vấn vào tháng 10/2015 và tháng 01/2016 tại các xã trong khu vực TDA. Bản thảo báo cáo ESIA cuối cùng, EMDP và RAP đã nộp cho WB để công bố trên trang InfoShop ở Washington vào tháng 02/2016. Phiên bản tiếng Việt của các báo cáo này đã được công bố tại Văn phòng CPMU tại Cần Thơ, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Kiên Giang, các huyện và các xã trong vùng TDA để cộng đồng dễ dàng tiếp cận.

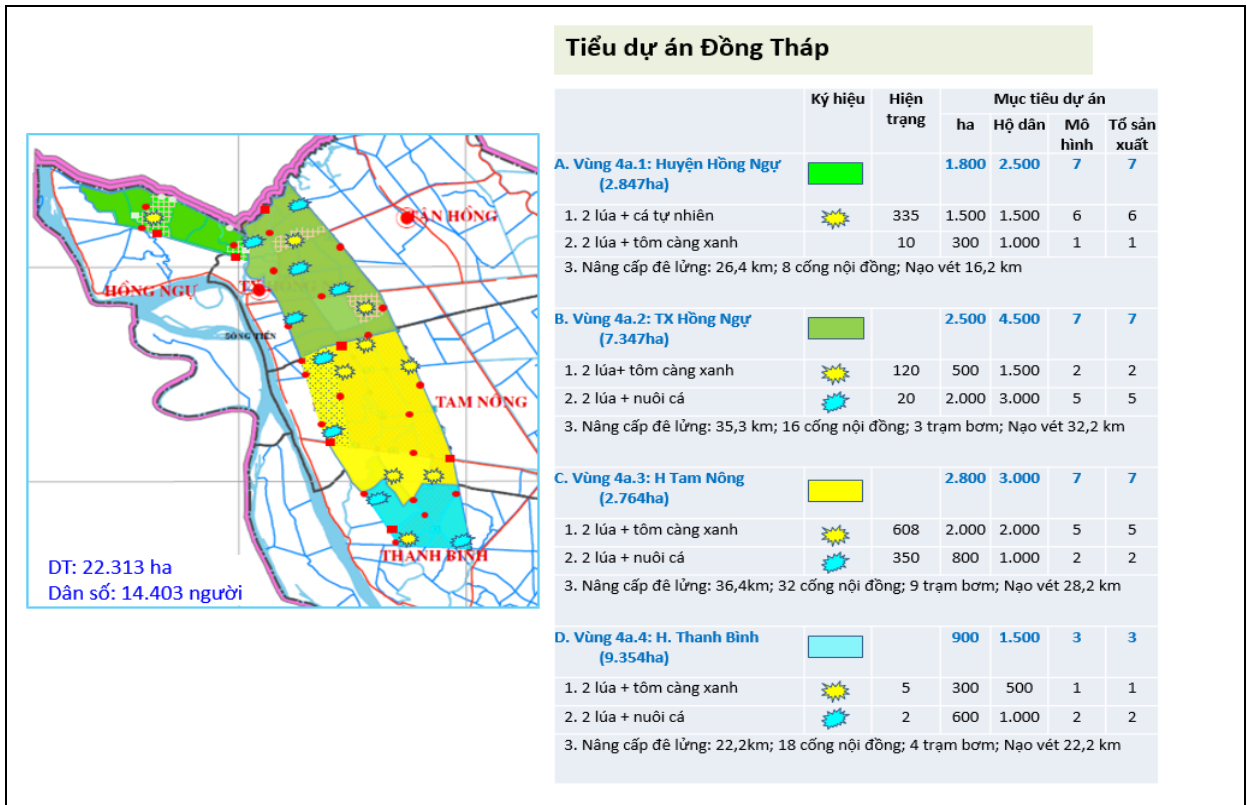
A1.4. Các chỉ số phát triển của các TDA giai đoạn 2

Các hình và bảng dưới đây trình bày vị trí và các hoạt động đầu tư của các TDA sẽ được thực hiện trong giai đoạn 2 của Dự án.

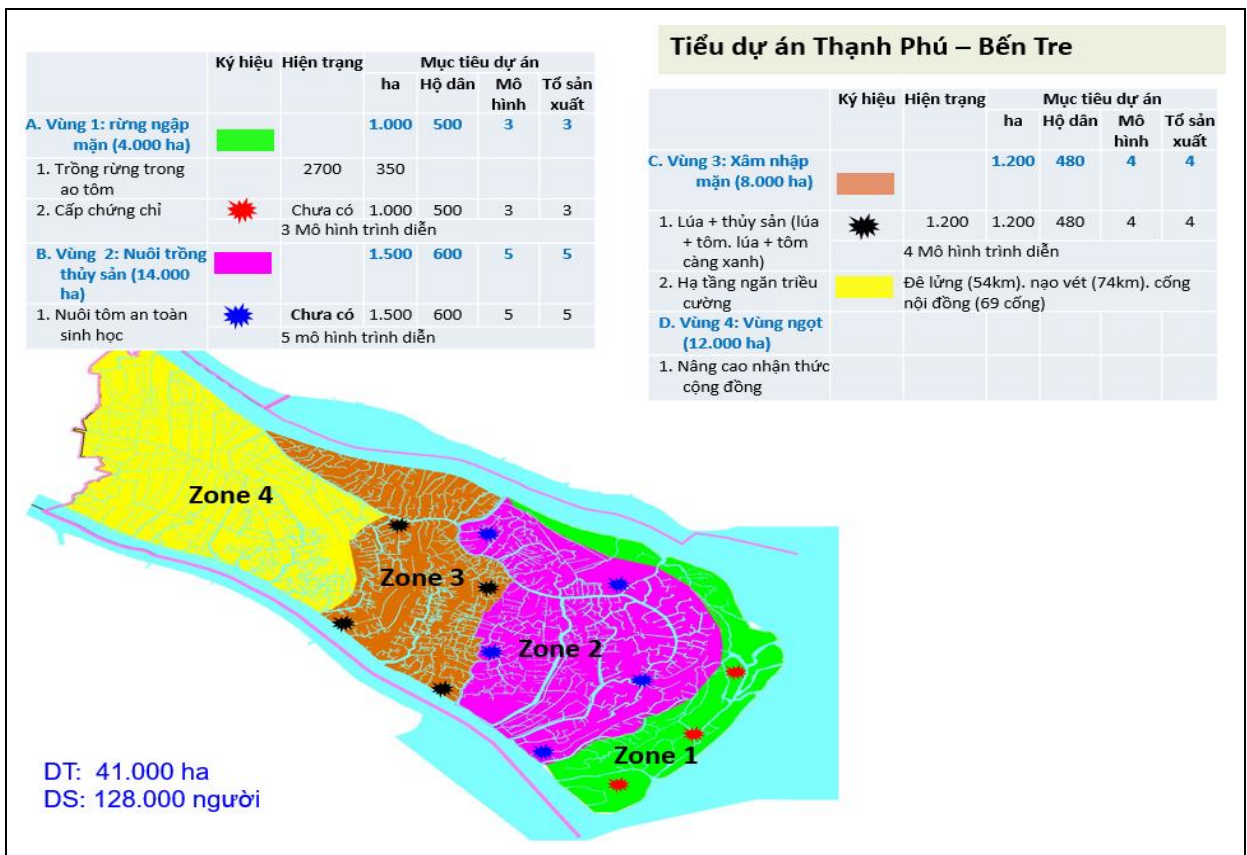
Tiểu dự án 1: Nâng cao khả năng thoát lũ và thích ứng biến đổi khí hậu cho vùng Tứ giác Long Xuyên, tỉnh An Giang và Kiên Giang



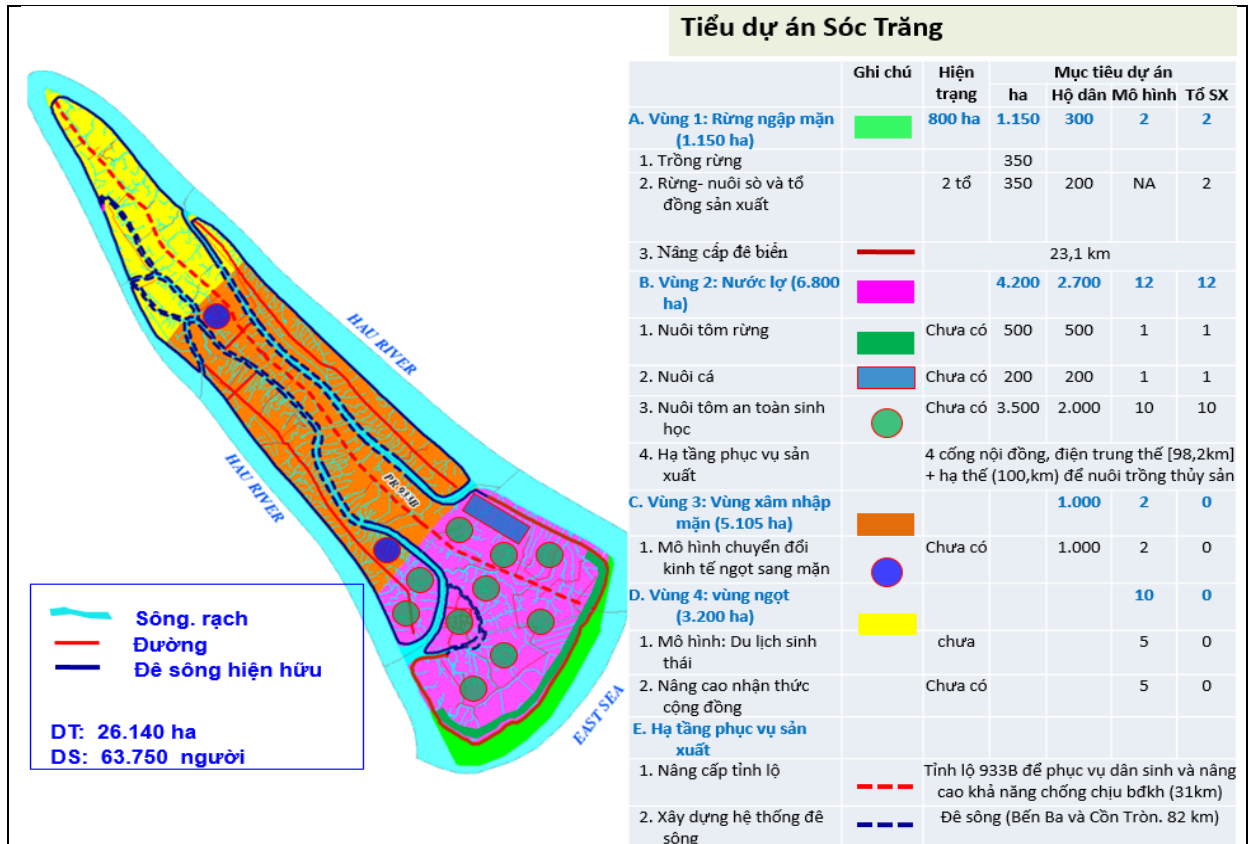
Tiểu dự án 3: Nâng cao khả năng thoát lũ và phát triển sinh kế bền vững, thích ứng với khí hậu cho vùng Đồng Tháp Mười (các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp)



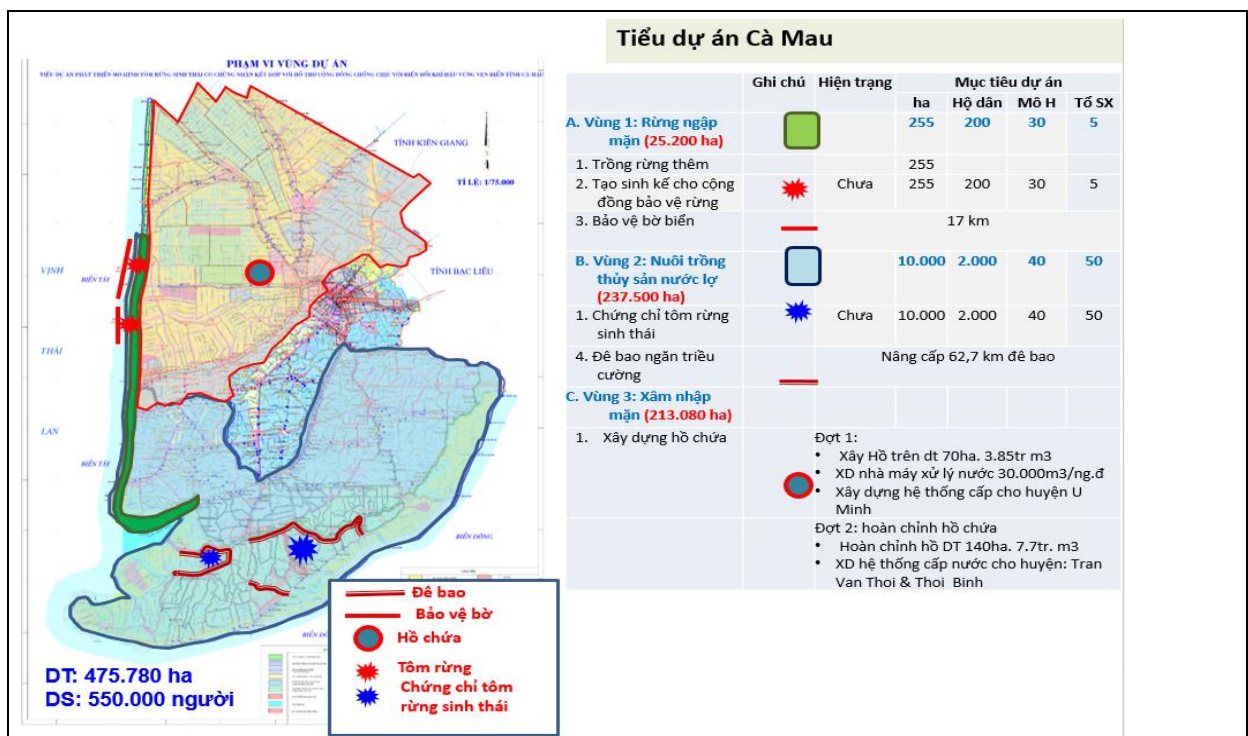
Tiểu dự án 5: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cải thiện sinh kế cho người dân huyện Bắc Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu



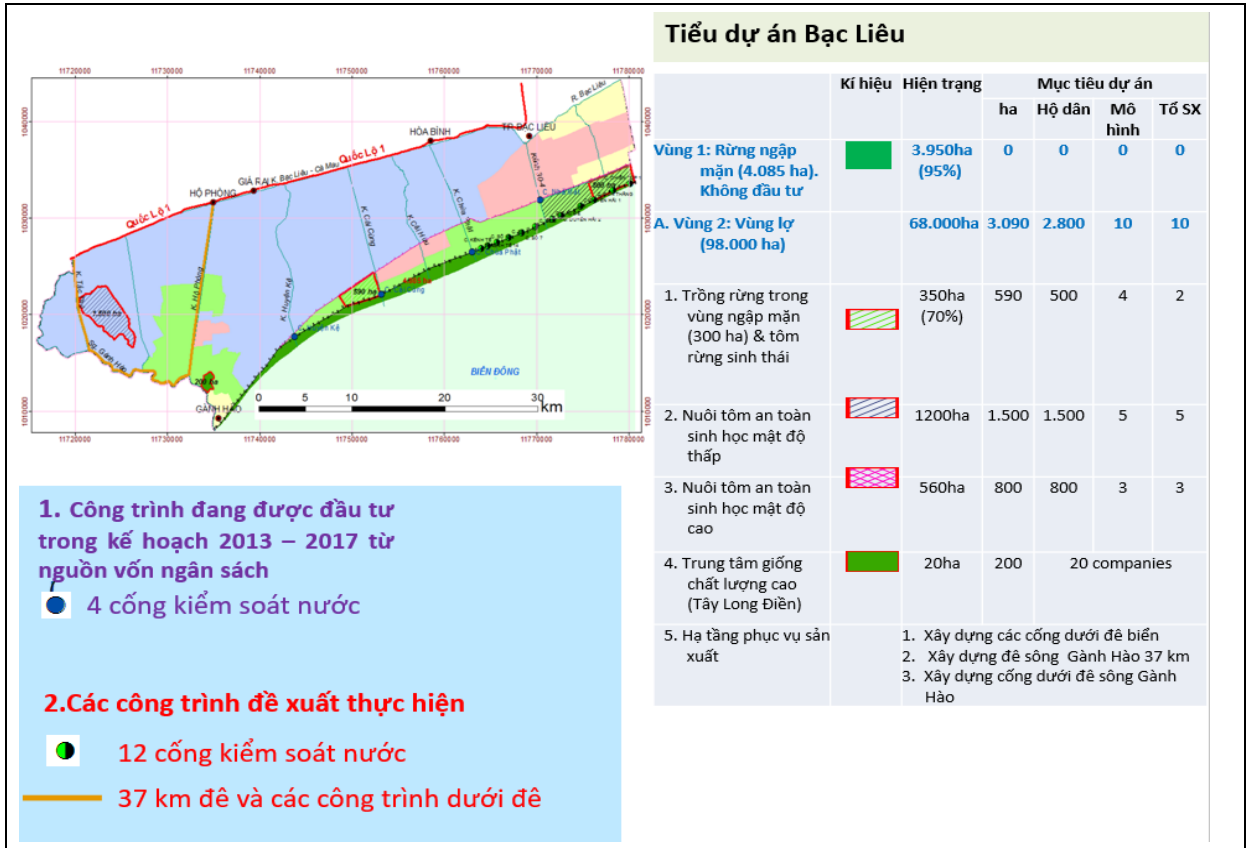
Tiểu dự án 7: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu vùng Cù Lao Dung



Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm – rừng nhằm cải thiện sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở vùng ven biển tỉnh Cà Mau



Tiểu dự án 10: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng sinh thái, nâng cao sinh kế, thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Hòa Bình, Đông Hải và TP. Bạc Liêu



PHỤ LỤC 2. SÀNG LỌC, KIỂM TRA VÀ CÁC BIỂU MẪU CSAT

1. Phụ lục này được xây dựng để hướng dẫn việc sàng lọc CSAT của các chủ TDA hoặc các hoạt động để đảm bảo (a) các TDA và các hoạt động của dự án đáp ứng được các yêu cầu tài trợ của WB, (b) các TDA hoặc các hoạt động được phân loại đúng (A, B, C) để các tài liệu CSAT được chuẩn bị đúng yêu cầu và (c) kết quả sàng lọc được ghi chép đúng biểu mẫu quy định. Phụ lục này thể hiện, các kết quả sàng lọc có chữ ký của Giám đốc PPMU (mục A2.1) cũng như các tiêu chuẩn kỹ thuật được sử dụng trong việc sàng lọc, kiểm tra và chuẩn bị các tài liệu CSAT (Phần A2.2). Chủ TDA hoặc chủ các hoạt động và đơn vị tư vấn có trách nhiệm thực hiện các thủ tục này.

2. Sàng lọc và đánh giá tác động của 4 TDA năm đầu đã được thực hiện trong quá trình chuẩn bị ESIA và các báo cáo này đã được trình WB xem xét.

A2.1. Các tiêu chí kỹ thuật để sàng lọc và phân loại TDA

A2.1.1. Sàng lọc tính hợp lệ

3. Mục đích của việc sàng lọc tính hợp lệ tránh những tác động bất lợi về môi trường và xã hội mà dự án không thể giảm thiểu một cách thoả đáng hoặc bị nghiêm cấm bởi luật pháp quốc gia hoặc chính sách của WB hoặc vi phạm các công ước quốc tế mà Việt Nam và WB là thành viên. Các nguyên tắc để tránh thường áp dụng cho các tiểu dự án có thể gây mất hoặc thiệt hại đáng kể đến tài nguyên văn hóa vật thể quan trọng cấp quốc gia, môi trường sống tự nhiên quan trọng và rừng tự nhiên. TDA như vậy có khả năng không đủ điều kiện để nhận tài trợ từ dự án. Tuy nhiên, các tiêu chí không hợp lệ và sàng lọc tính hợp lệ không nên sử dụng để loại bỏ việc thực hiện các tiểu dự án có hiệu quả, đơn giản chỉ vì không muốn kích hoạt một chính sách an toàn của WB. Danh sách các loại hình không được tài trợ trong dự án MD-ICRSL được trình bày trong *Bảng A.1*.

Bảng A.1: Danh sách các đối tượng không được tài trợ trong Dự án MD-ICRSL

1	Các hạng mục đầu tư/hoạt động của dự án gây tổn hại hoặc ảnh hưởng/tác động xấu đến các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên và/hoặc tài sản văn hóa, bao gồm nhưng không giới hạn các khu sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Vườn Quốc gia Tràm Chim (được công nhận là Khu Ramsar vào năm 2012) ở Đồng Tháp;- Khu dự trữ sinh quyển Kiên Lương ở Kiên Giang;- Vườn Quốc gia U Minh Thượng (được công nhận là Khu Ramsar vào năm 2015) ở Kiên Giang;- Vườn Quốc gia U Minh Hạ ở Cà Mau;- Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau (được công nhận là Khu Ramsar vào năm 2013) ở Cà Mau;- Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Lung Ngọc Hoàng ở Hậu Giang;- Sân chim Bạc Liêu ở Bạc Liêu;- Khu Bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Thạnh Phú ở Bến Tre.
2	Các tiểu dự án/hoạt động yêu cầu mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu thuộc loại IA, IB hoặc II của WHO.

3	Các tiểu dự án/hoạt động có ảnh hưởng/tác động đến khu vực đang tranh chấp.
4	Các tiểu dự án có xây đập cao hơn 10m?

A2.1.2. Phân loại đánh giá môi trường

4. Để hỗ trợ cho việc chuẩn bị các tài liệu chính sách an toàn môi trường, các tiêu chuẩn để phân loại đánh giá môi trường sau đây được sử dụng:

- Loại A: Các TDA/hoạt động có khả năng gây tác động tiêu cực lớn đến môi trường và tác động đó nhạy cảm, đa dạng hoặc chưa có tiền lệ. Những tác động này có thể ảnh hưởng đến một khu vực rộng lớn hơn khu vực thi công hoặc các công trình phụ trợ của TDA. Nếu TDA trả lời là ‘CÓ’ cho bất kỳ câu hỏi sàng lọc trong *Mẫu B1*, TDA có nhiều khả năng bị coi là dự án Loại A và cần phải chuẩn bị một ESIA đáp ứng các tiêu chuẩn của WB, bao gồm cả ESMP (xem Hướng dẫn ở *Phụ lục 3*). Chủ TDA thảo luận kết quả của sàng lọc với cán bộ chính sách an toàn của WB trước khi chuẩn bị ESIA. Có sự khác biệt trong yêu cầu của WB và yêu cầu của chính phủ đối với một dự án Loại A và cần có hai ESIA riêng biệt (1 cho Việt Nam và 1 cho WB).
- Loại C: nếu TDA/hoạt động có khả năng sẽ không có hoặc có tác động tiêu cực rất nhỏ đến môi trường và tất cả các câu trả lời của các câu hỏi sàng lọc trong *Mẫu B1* là “KHÔNG”. Ngoài sàng lọc (*Mẫu B2*), không cần thực hiện thêm bất kỳ hành động đánh giá môi trường nào. Tuy nhiên, đối với các TDA/hoạt động liên quan đến việc xây dựng các hạng mục công trình nhỏ thì Chủ TDA/hoạt động cần phải áp dụng Bộ ECOP đơn giản (Xem *Phụ lục 4b*) theo yêu cầu của WB và chuẩn bị báo cáo EIA/EPP theo quy định của Việt Nam.
- Loại B: các TDA/hoạt động có tác động bất lợi tiềm tàng đối với con người hoặc những khu vực quan trọng về môi trường - kể cả các khu vực đất ngập nước, rừng, đồng cỏ và các môi trường sống tự nhiên khác - ít có hại hơn so với tác động của TDA Nhóm A. Những tác động này có tính đặc thù của công trường và hầu như không có tác động nào là không thể đảo ngược và trong phần lớn các trường hợp có thể thiết kế các biện pháp giảm nhẹ dễ dàng hơn so với TDA Nhóm A. Sau khi áp dụng sàng lọc cho Loại A và Loại C, nếu kết luận rằng TDA không thuộc Loại A và cũng không thuộc Loại C, khi đó TDA sẽ thuộc Loại B. Đối với TDA Loại B sẽ được yêu cầu chuẩn bị ESMP trong đó có ECOP (Xem *Phụ lục 4b*) theo yêu cầu của WB (xem *Phụ lục 3*). Ngoài ra, Chủ TDA cũng cần chuẩn bị EIA/EPP theo yêu cầu của Việt Nam.

A2.1.3. Sàng lọc và chuẩn bị tài liệu chính sách an toàn xã hội

5. Để đáp ứng các chính sách an toàn của WB (OP/BP 4.10 và OP/BP 4.12), ngoài việc kiểm tra tác động môi trường và chuẩn bị ESIA hoặc ESMP đã đề cập ở trên, các TDA sẽ được sàng lọc về bản chất và mức độ tác động tiêu cực đến người dân địa phương liên quan đến thu hồi đất, tái định cư, hiến đất, di dời mộ và/hoặc liên quan đến người dân tộc thiểu số. Nếu các tác động tồn tại, RAP và ESMP sẽ được chuẩn bị phù hợp với RPF và EMDF của Dự án. Trong quá trình chuẩn bị RAP và EMDP, cần

tham vấn ý kiến người dân bị ảnh hưởng, chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương và các tổ chức đoàn thể quan tâm và/hoặc tổ chức phi chính phủ. Cũng cần quan tâm đúng mức để giải quyết các vấn đề liên quan đến giới, dân tộc thiểu số và các nhóm bất lợi khác, đặc biệt là khi họ có khả năng bị ảnh hưởng. Di dời mộ sẽ phù hợp với chính sách của WB về tài nguyên văn hoá vật thể. Di dời các ngôi mộ sẽ được thực hiện dựa trên nguyên tắc chi phí thay thế và phù hợp với tập quán văn hóa địa phương, có tính đến đặc thù văn hóa điển hình cho từng nhóm dân tộc như quy định trong RAP và EMDP. WB sẽ thông qua các kế hoạch này. Chi tiết các tài liệu CSAT cần phải chuẩn bị cho TDA được trình bày trong *Bảng A.2*.

Bảng A.2: Tổng hợp các tài liệu chính sách an toàn cần phải chuẩn bị của TDA

TT	Loại đánh giá môi trường của NHTG	Các tài liệu chính sách an toàn cần chuẩn bị		
		Ngân hàng thế giới		Việt Nam
		Tài liệu đánh giá môi trường	Tài liệu chính sách an toàn khác	
1	Loại A	- ESIA đầy đủ - ESMP trong đó có ECOP	- RAP (nếu bất kỳ câu trả lời nào của câu hỏi 23-27 là 'CÓ')	EIA/EPP theo quy định trong Nghị định 18/NĐ-CP và Thông tư 27/2015/TT-BTNMT
2	Loại B	Đối với các TDA năm đầu: - ESIA - ESMP gồm có ECOP Đối với các TDA còn lại: ESMP gồm có ECOP	- EMDP (nếu bất kỳ câu trả lời nào của câu hỏi 28 hoặc 29 là 'CÓ') - Báo cáo an toàn đập (nếu bất kỳ câu trả lời nào của câu hỏi 30 hoặc 31 là 'CÓ') - Kế hoạch quản lý vật hại (nếu bất kỳ câu trả lời của câu hỏi 33 là 'CÓ')	
3	Loại C	ECOP nếu liên quan đến việc xây dựng các công trình nhỏ	Không yêu cầu	

A2.2. Kiểm tra sàng lọc CSAT và Biểu mẫu

6. Sàng lọc, kiểm tra các biểu mẫu CSAT được sử dụng cho tất cả các TDA được tài trợ trong Hợp phần 2, 3 và 4. Chủ TDA sẽ (a) áp dụng Mẫu A để trình bày kết quả sàng lọc tính hợp lệ, (b) Mẫu B1 và B2 để phân loại đánh giá môi trường, (c) Mẫu C để kiểm tra tác động môi trường và xã hội và (d) hoàn thành việc sàng lọc và ký tên vào các mục (d) và (e) của Mẫu. Hướng dẫn kỹ thuật cho việc chuẩn bị ESIA và ESMP được trình bày ở Phụ lục 3 còn hướng dẫn RAP và EMDP được trình bày trong RPF và EMPF.

7. Đối với các hoạt động được thực hiện trong Hợp phần 1 và 5, chủ các hoạt động sẽ hoàn thành Mẫu A, B2 và ký tên vào mục (d) và (e).

**DỰ ÁN: CHỐNG CHỊU KHÍ HẬU TỔNG HỢP VÀ SINH KẾ BỀN VỮNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG (MD-ICRSL)**

Bảng kiểm tra sàng lọc này giúp PMU và PPMU sử dụng để xác định loại tài liệu an toàn phù hợp với tiểu dự án theo yêu cầu của WB và tuân thủ ESMF của dự án.

PMU và PPMU nên gửi Bảng kiểm tra này cho Chủ nhiệm Dự án để đảm bảo WB đồng ý với kết quả sàng lọc trước khi Chủ đầu tư tuyển dụng chuyên gia tư vấn để chuẩn bị tài liệu an toàn.

Tên Tiểu dự án/Hoạt động:

Địa điểm thực hiện Tiểu dự án/Hoạt động (ví dụ: vùng, huyện...):

Loại hình hoạt động:

Chủ đầu tư tiểu dự án/hoạt động và địa chỉ:

Nhóm môi trường của Dự án tổng: A

A2.2.1. Sàng lọc tính hợp lệ

Mẫu A: Tiêu chuẩn sàng lọc tính hợp lệ

Câu hỏi sàng lọc (xem chi tiết trong Bảng A2.1)	Có/không	Giải thích (nếu câu trả lời ‘có’)
1. 1. Liệu TDA hoặc hoạt động có khả năng gây thiệt hại, tác động hoặc ảnh hưởng tiêu cực đối với vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, hoặc công trình văn hóa, bao gồm nhưng không giới hạn các hạng mục được liệt kê ở <i>Bảng A.1</i> ?		Nếu câu trả lời ‘có’ thì TDA không đủ điều kiện nhận tài trợ
2. TDA hoặc hoạt động có dẫn đến việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu có công thức của sản phẩm thuộc nhóm phân loại IA, IB hoặc II của Tổ chức Y tế Thế giới?		Nếu câu trả lời ‘có’ thì TDA không đủ điều kiện nhận tài trợ
3. Liệu có bất kỳ tranh chấp lãnh thổ giữa hai hoặc nhiều quốc gia trong khu vực, công trình phụ trợ hoặc các hoạt động có liên quan của TDA?		Nếu câu trả lời ‘có’ thì TDA không đủ điều kiện nhận tài trợ

Kết luận sàng lọc tính hợp lệ:

TDA không đủ điều kiện để được tài trợ trong dự án MD-ICRSL

TDA đủ điều kiện để được tài trợ trong dự án MD-ICRSL (Nếu tất cả các câu trả lời là ‘không’); tiếp tục hoàn thiện các Mẫu B1 và/hoặc B2 và C.

Hoạt động đủ điều kiện để được tài trợ trong dự án MD-ICRSL (sử dụng Mẫu B2)

A2.2.2. Sàng lọc kỹ thuật để xác định loại yêu cầu đánh giá môi trường

Mẫu B1: Tiêu chí phân loại đối với nhóm A

Câu hỏi phân loại	Có	Không	Chú thích
1. Tiểu dự án có khả năng gây tác động bất lợi đáng kể đối với môi trường sống tự nhiên hoặc môi trường sống tự nhiên quan trọng?			
Dẫn tới mất hoặc suy thoái môi trường sống tự nhiên nhạy cảm được định nghĩa là: các vùng đất và nước nơi (i) các cộng đồng sinh vật thuộc các hệ sinh thái được hình thành chủ yếu bởi các loài thực vật và động vật bản địa và (ii) hoạt động của con người chưa làm thay đổi đáng kể chức năng sinh thái cơ bản của khu vực. Môi trường sống tự nhiên quan trọng có thể xuất hiện trong rừng mưa, ẩm, khô và mây nhiệt đới; rừng ôn đới và phương Bắc; thảm cây bụi kiểu Địa trung hải; vùng đất khô hạn và bán khô hạn tự nhiên; rừng đước, đầm lầy duyên hải và những khu vực đất ngập nước khác; cửa sông; thảm cỏ biển; dải san hô; hồ và sông nước ngọt; môi trường núi cao và phụ núi cao, kể cả cánh đồng thảo mộc, đồng cỏ, đồi trọc và đồng cỏ nhiệt đới và ôn đới.			Chỉ ra địa điểm và loại môi trường sống tự nhiên và kiểu tác động có thể xảy ra, ví dụ: mất môi trường sống và mất bao nhiêu, mất dịch vụ hệ sinh thái, tác động đối với chất lượng của môi trường sống. Ghi rõ tại sao những tác động này lại lớn hoặc không đáng kể. Lưu ý, NHTG không tài trợ cho những dự án liên quan đến biến đổi lớn môi trường sống tự nhiên, trừ khi không có phương án khả thi nào khác cho dự án và việc chọn địa điểm dự án, và phân tích toàn diện cho thấy lợi ích chung từ dự án có tác dụng lớn hơn đáng kể chi phí môi trường.
Dẫn tới mất hoặc suy thoái môi trường sống tự nhiên quan trọng, nghĩa là môi trường sống được bảo vệ hợp pháp, được đề xuất chính thức để trở thành khu bảo tồn hoặc không được bảo vệ nhưng có giá trị bảo tồn cao. Môi trường sống quan trọng bao gồm khu bảo tồn và những khu vực đang được chính phủ đề xuất chính thức để trở thành khu bảo tồn (vd: khu bảo tồn đáp ứng tiêu chí phân loại của Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế [IUCN]), những khu vực được công nhận ban đầu là khu vực được bảo vệ bởi cộng đồng địa phương truyền thống (vd: rừng thiêng) và các khu vực duy trì những điều kiện cần thiết cho sự tồn tại của những khu bảo tồn này. Những khu vực này có thể bao gồm khu vực nổi tiếng vì sự phù hợp cho việc bảo tồn đa dạng sinh học và những khu vực quan trọng đối với các loài quý hiếm, dễ bị tổn thương, di trú hoặc có nguy cơ tuyệt chủng.			Lưu ý, NHTG không thể tài trợ cho bất kỳ dự án nào dẫn đến biến đổi hoặc suy thoái đáng kể môi trường sống tự nhiên quan trọng. Chỉ ra địa điểm và loại môi trường sống tự nhiên quan trọng và ghi rõ tại sao những biến đổi hoặc suy thoái này lại đáng kể hoặc không đáng kể.
2. Tiểu dự án có khả năng gây tác động bất lợi đáng kể đối với tài nguyên văn hóa vật thể?			
Dẫn tới mất hoặc suy thoái tài nguyên văn hóa vật thể, được định nghĩa là những vật thể có thể di động hoặc cố định, những địa điểm, vật kiến trúc, nhóm vật kiến trúc, đặc điểm và			Mô tả địa điểm, loại tài nguyên văn hóa vật thể và loại tác động có thể xảy ra. Ghi rõ mức độ bảo vệ (địa phương, tỉnh, quốc gia

<p>phong cảnh tự nhiên có tầm quan trọng về khảo cổ, cổ sinh vật học, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo, thẩm mỹ hoặc có những tầm quan trọng khác về văn hóa. Tài nguyên văn hóa vật thể có thể nằm ở đô thị hoặc nông thôn và có thể ở trên mặt đất, dưới mặt đất, hoặc dưới nước. Mọi quan tâm về văn hóa đối với tài nguyên này có thể ở cấp địa phương, tỉnh hoặc quốc gia, hoặc trong cộng đồng quốc tế.</p>			<p>hoặc quốc tế). Có địa điểm nào được coi là quan trọng cần phải bảo tồn <i>tại chỗ</i>, nghĩa là tài nguyên văn hóa vật thể không được di dời khỏi vị trí hiện tại? Ghi rõ tại sao những tác động này lại đáng kể hoặc không đáng kể.</p>
<p>Có thể dẫn tới mâu thuẫn với luật pháp quốc gia hoặc nghĩa vụ quốc tế theo hiệp ước và hiệp định môi trường quốc tế liên quan, bao gồm Công ước Di sản Thế giới UNESCO hoặc ảnh hưởng đến những khu vực có lợi ích về du lịch, khoa học nổi tiếng và quan trọng.</p>			<p>Mô tả bất kỳ tác động nào có thể mâu thuẫn với luật pháp quốc gia hoặc quốc tế liên quan đến tài nguyên văn hoá. Nếu được coi là không đáng kể, giải thích lý do.</p>
<p>3. Tiểu dự án có khả năng gây tác động bất lợi đáng kể đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên liên quan do các dân tộc thiểu số sử dụng?</p>			
<p>Có khả năng dẫn tới tác động đối với đất đai hoặc lãnh thổ thuộc sở hữu về truyền thống, hoặc được sử dụng hoặc chiếm hữu theo phong tục và nơi khả năng tiếp cận với tài nguyên thiên nhiên là hết sức quan trọng đối với sự bền vững của văn hóa và sinh kế của người dân tộc thiểu số. Có khả năng gây tác động đối với giá trị văn hoá và tinh thần tượng trưng cho vùng đất và tài nguyên đó hoặc tác động đến việc quản lý tài nguyên thiên nhiên và sự bền vững lâu dài của tài nguyên bị ảnh hưởng.</p>			<p>Mô tả loại và mức độ của tác động và tầm quan trọng của biến đổi đối với nguồn lực của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng. Lưu ý, sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Phát triển Dân tộc thiểu số theo chính sách OP 4.10 của NHTG.</p>
<p>4. Tiểu dự án có khả năng gây tác động bất lợi đáng kể đối với người dân phải di dời?</p>			
<p>Dẫn tới việc di dời của người dân phụ thuộc vào đất đai hoặc sử dụng nguồn lực theo cách đặc thù khó có thể thay thế hoặc khôi phục? Nếu không sẽ dẫn tới những vấn đề khó khăn trong khả năng của tiểu dự án nhằm khôi phục sinh kế của người dân?</p>			<p>Chỉ rõ số hộ gia đình bị ảnh hưởng và những nguồn lực khó thay thế nhằm đạt được mục tiêu khôi phục sinh kế. Lưu ý, sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Tái định cư theo chính sách OP 4.12 của NHTG.</p>
<p>5. Tiểu dự án có dẫn đến việc mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu?</p>			
<p>Công thức của sản phẩm thuốc trừ sâu có thuộc nhóm phân loại IA và IB của Tổ chức Y tế Thế giới, hoặc có công thức sản phẩm nào thuộc Loại II?</p>			<p>Nếu có, điều đó không phải lúc nào cũng có nghĩa là sẽ phải thực hiện ĐTM như đối với một dự án Nhóm A, tuy nhiên, vẫn phải đặc biệt thận trọng. NHTG sẽ không tài trợ những sản phẩm đó, nếu (a) quốc gia thiếu những hạn chế đối với việc phân phối và sử dụng những sản phẩm đó hoặc (b) những sản phẩm đó có khả năng sẽ được sử dụng bởi hoặc dễ tiếp cận đối với người dân bình</p>

			thường, nông dân hoặc những đối tượng khác không được đào tạo, không có thiết bị và dụng cụ để xử lý, lưu trữ và sử dụng những sản phẩm này một cách phù hợp.
6. Tiểu dự án có xây dựng đập lớn?			
Liệu TDA có xây dựng đập trong đó: - Chiều cao đập $\geq 15\text{m}$. - Chiều cao từ 10 đến 15 m nhưng có thiết kế phức tạp - ví dụ, yêu cầu xử lý lũ lớn bất thường, nằm trong khu vực có nguy cơ bị động đất cao, chân đập có cấu trúc phức tạp và khó khăn để chuẩn bị hoặc lưu giữ các vật liệu độc hại. - Chiều cao $< 10\text{m}$ nhưng dự kiến sẽ trở thành đập lớn khi vận hành.			Mô tả các vấn đề và lưu ý yêu cầu của chính sách OP 4.37 liên quan đến việc thành lập Ban chuyên gia độc lập để đánh giá thiết kế/xây dựng theo đúng.
Liệu TDA hoạt động dựa trên hiệu suất của: - Một con đập hiện hữu hoặc đang được xây dựng (DUC). - Trạm cấp điện hoặc cấp nước lấy nước trực tiếp từ hồ chứa của đập hiện hữu hoặc đập đang xây dựng. - Đập dẫn dòng hoặc công trình thủy lợi từ hạ lưu của đập hiện hữu hoặc đang xây dựng nơi mà khi xảy ra sự cố của đập ở thượng lưu có thể gây thiệt hại lớn hoặc ảnh hưởng đến việc vận hành của các công trình do WB tài trợ và dự án thủy lợi, cấp nước sử dụng nước từ đập hiện hữu hoặc đang xây dựng và không thể vận hành nếu đập có sự cố.			Nếu có, điều đó không phải lúc nào cũng có nghĩa là sẽ phải thực hiện ĐTM như đối với một dự án Nhóm A, tuy nhiên, vẫn phải đặc biệt thận trọng vì WB có yêu cầu cụ thể để đảm bảo sự an toàn trong quá trình vận hành của đập hiện hữu hoặc đập đang được xây dựng. WB yêu cầu kiểm tra và đánh giá tình trạng an toàn, quy trình vận hành, bảo dưỡng cũng như những phát hiện và khuyến nghị cho bất kỳ công việc khắc phục hậu quả hoặc các biện pháp an toàn liên quan của đập hiện hữu và đập đang được xây dựng.
7. Tiểu dự án có khả năng gây ra tác động không thể đảo ngược hoặc tác động không dễ dàng giảm nhẹ?			
Dẫn tới mất khu vực bổ cấp nước cho tầng nước ngầm, ảnh hưởng đến chất lượng của khu vực lưu trữ nước và lưu vực phục vụ cấp nước sinh hoạt cho các khu vực đông dân.			Ghi tên vùng nước bị ảnh hưởng và mô tả mức độ tác động.
Dẫn tới bất kỳ tác động lâu dài nào ảnh hưởng đến một khu vực địa lý rộng lớn hoặc tác động có cường độ lớn.			Mô tả bất kỳ tác động nào được coi là lâu dài, ảnh hưởng đến khu vực địa lý rộng lớn (định nghĩa) và tác động có cường độ cao.
8. Tiểu dự án có khả năng dẫn đến nhiều loại tác động bất lợi đáng kể?			
Nhiều công trường ở nhiều địa điểm khác nhau bị ảnh hưởng, mỗi ảnh hưởng lại gây mất môi trường sống, tài nguyên, đất hoặc suy giảm chất lượng tài nguyên ở mức đáng kể.			Xác định và mô tả tất cả những địa điểm bị ảnh hưởng.
Những tác động bất lợi đáng kể, tiềm tàng có			Xác định và mô tả các loại tác

khả năng sẽ vượt ra ngoài khu vực công trường hoặc công trình phụ trợ.			động vượt ra ngoài khu vực công trường hoặc công trình phụ trợ.
Tác động xuyên biên giới (ngoài thay đổi nhỏ đối với một hoạt động trên đường thủy đang diễn ra).			Mô tả mức độ của tác động xuyên biên giới.
Sự cần thiết phải có đường công vụ, hầm, kênh, hành lang truyền tải điện, đường ống mới hoặc khu vực mỏ vật liệu và đổ thải trong những khu vực hiện chưa phát triển.			Mô tả tất cả những hoạt động mới và cần thiết để hoạt động chính có hiệu quả.
Làm gián đoạn chu kỳ di trú của động vật hoang dã, bầy đàn hoặc động vật chăn thả, dân du cư hoặc bán du cư.			Mô tả cách thức việc di trú của con người và động vật bị ảnh hưởng.
9. Tiểu dự án có phải là tiểu dự án chưa từng thực hiện?			
Chưa có tiền lệ ở cấp quốc gia?			Mô tả tại sao và những khía cạnh nào chưa từng có tiền lệ.
Chưa có tiền lệ ở cấp tỉnh?			Mô tả tại sao và những khía cạnh nào chưa từng có tiền lệ.
10. Dự án dễ gây khiếu kiện và có khả năng thu hút sự chú ý của các Tổ chức phi chính phủ (NGO) hoặc tổ chức dân sự trong nước hoặc quốc tế?			
Bị coi là rủi ro hoặc có khả năng xuất hiện các vấn đề gây tranh cãi.			Mô tả những rủi ro nhận thấy và các khía cạnh gây tranh cãi.
Có khả năng dẫn tới phản đối của những người muốn biểu tình hoặc cản trở thi công.			Mô tả những lý do mà tiểu dự án này không được ưa thích.

Nếu tất cả các câu trả lời cho câu hỏi từ 1 - 10 là 'không'; sử dụng *Mẫu B2* để sàng lọc nhóm C

<i>Hộp A2.1 Phân loại tác động</i>
<p><u>Tác động môi trường lớn (S)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi đáng kể, trên một diện tích rộng lớn, tác động đến tính chất, tính năng thay đổi cảnh quan kéo dài hơn 2 năm. - Các tác động vượt quá tiêu chuẩn quy định hay các tác động trên diện rộng kéo dài - Làm thay đổi hệ sinh thái hoặc thay đổi hoạt động trên một khu vực rộng lớn, gây tổn thất ở mức độ trung bình (kéo dài trên 2 năm), nhưng có thể khôi phục lại trong vòng 10 năm; - Có thể ảnh hưởng đến sức khỏe con người; - Gây thiệt hại về tài chính cho người sử dụng hoặc cho công chúng. <p><u>Tác động trung bình (M)</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm thay đổi đáng chú ý nhưng không lớn trên 2 năm hoặc thay đổi đáng kể từ 6 tháng đến 2 năm, trên phạm vi rộng lớn đến các thành phần quan trọng hoặc tính chất và thành phần cảnh quan. - Làm thay đổi hệ sinh thái hoặc thay đổi hoạt động trên phạm vi cục bộ và trong một thời gian ngắn, có khả năng khôi phục tốt, Mức độ ảnh hưởng tương tự với những thay đổi trong hiện tại nhưng lại có thể tạo ra tác động tích lũy; - Có thể (không chắc chắn) ảnh hưởng đến sức khỏe con người; có thể gây trở ngại cho một số người sử dụng. <p><u>Tác động nhỏ (L).</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thay đổi đáng chú ý nhưng ít hơn 2 năm hoặc thay đổi đáng kể như ít hơn 6 tháng.

- Các thay đổi xảy ra chỉ nằm trong khoảng phạm vi biến thiên hiện tại, nằm trong tiêu chuẩn cho phép và hoàn toàn có thể kiểm soát được tác động của nó.
- Có thể ảnh hưởng đến hoạt động nhưng không gây cản trở cho người sử dụng hay cho công chúng.
- Ảnh hưởng không đáng kể đến sức khỏe hoặc chất lượng cuộc sống.

Không tác động (không đáng kể/không đáng chú ý) N

- Bất kỳ thay đổi nào mà không đáng kể, không đáng chú ý hoặc không có thay đổi mà không thể dự đoán
- Thay đổi không thể nhận biết hoặc có thể đo lường được dựa trên các hoạt động căn bản;
- Không gây ảnh hưởng tương hỗ và do đó không xảy ra thay đổi.

Mẫu B2: Tiêu chí sàng lọc tiểu dự án Loại C

Câu hỏi phân loại	Đúng	Không	Giải thích
1. Các hoạt động của Tiểu dự án chỉ giới hạn ở đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực?			Mô tả các hoạt động
2. Hoạt động đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực của Tiểu dự án sẽ không sử dụng hóa chất, sinh phẩm và thuốc trừ sâu?			Chứng minh cho điều này.
3. Tiểu dự án không phá hủy hoặc xây dựng bất kỳ cơ sở hạ tầng nào?			Chứng minh cho điều này.
4. Tiểu dự án không có can thiệp nào sẽ làm ảnh hưởng đến đất, nước, không khí, thực vật, động vật hoặc con người?			Chứng minh cho điều này.
5. TDA thực hiện nghiên cứu khoa học mà nghiên cứu này không tạo ra chất thải nguy hiểm hoặc độc hại và không có liên quan đến việc tái tổ hợp ADN hoặc không tạo ra các tác nhân nguy hiểm một khi chúng được giải phóng khỏi điều kiện bị kiểm chế trong phòng thí nghiệm?			Nếu có, thảo luận với chuyên gia môi trường của WB.

Kết quả sàng lọc phân loại đánh giá môi trường:

- Loại A - chuẩn bị Báo cáo ESIA đầy đủ (nếu có 1 trong các câu trả lời trong mẫu B1 là ‘CÓ’)
- Loại C - không cần đánh giá môi trường (nếu tất cả các câu trả lời từ của Mẫu B2 là “ĐÚNG”)
- Loại B - chuẩn bị ESMP (sau khi sàng lọc Loại A, Loại B và xác định TDA không thuộc loại A và cũng không thuộc loại B)

A2.2.3. Xác định các vấn đề và loại tài liệu chính sách an toàn cần phải chuẩn bị

Mẫu C: Các tác động môi trường và xã hội cần giải quyết

TT	Tiểu dự án có gây ra các tác động môi trường này không?	N	L	M	H	UN	Ghi chú
1.	Xâm phạm khu di tích lịch sử/văn hóa						
2.	Xâm phạm hệ sinh thái (vd: môi trường sống tự nhiên nhạy cảm hoặc khu vực được bảo vệ, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên,...)						<i>Mô tả và đánh giá tóm tắt mức tác động</i>
3.	Làm thay đổi cảnh quan, tăng lượng chất thải sinh ra						
4.	Bóc lớp phủ thực vật hoặc đốn chặt cây trong quá trình giải phóng mặt bằng phục vụ thi công						
5.	Thay đổi chất lượng nước mặt hoặc dòng chảy (vd: tăng độ đục của nước do nước mưa chảy tràn, nước thải từ khu lán trại, xói mòn và chất thải thi công)						<i>Chỉ rõ cách thức và thời điểm xảy ra tác động này.</i>
6.	Tăng lượng bụi hoặc chất gây ô nhiễm vào không khí trong quá trình thi công						<i>Chỉ rõ cách thức và thời điểm xảy ra tác động này</i>
7.	Làm tăng tiếng ồn/độ rung						<i>Chỉ rõ cách thức và thời điểm xảy ra tác động này</i>
8.	Tái định cư các hộ gia đình? Nếu có, bao nhiêu hộ?						
9.	Xây dựng khu tái định cư ở nơi nhạy cảm về mặt môi trường và/hoặc văn hóa						<i>Mô tả tóm tắt tác động tiềm tàng</i>
10.	Rủi ro truyền bệnh từ công nhân thi công cho người dân địa phương (và ngược lại)?						<i>Ghi lại số lượng công nhân dự kiến sẽ được tuyển dụng cho hoạt động thi công của dự án trong xã/huyện và loại bệnh nào họ có thể mang tới hoặc bị mắc.</i>
11.	Khả năng gây xung đột giữa công nhân thi công và người dân địa phương (và ngược lại)?						
12.	Sử dụng chất nổ và hoá chất nguy hại						
13.	Sử dụng công trường nơi đã từng xảy ra tai nạn do nổ mìn hoặc vật liệu nổ sót lại từ thời chiến tranh						
14.	Hoạt động thi công có thể gây xáo trộn giao thông thủy và giao thông bộ?						
15.	Hoạt động thi công có thể gây hư hỏng các con đường, cây cầu và hạ tầng nông thôn khác hiện có của địa phương?						

TT	Tiêu dự án có gây ra các tác động môi trường này không?	N	L	M	H	UN	Ghi chú
16.	Đào đất trong quá trình thi công có thể gây xói mòn đất						
17.	Cần phải xây mới tuyến đường công vụ tạm thời hoặc vĩnh viễn?						<i>Ước tính số và độ dài của đường công vụ tạm thời, lâu dài và vị trí</i>
18.	Gây chia cắt hoặc phân tán môi trường sống của các loài động, thực vật hoang dã?						<i>Mô tả cách thức.</i>
19.	Tác động lâu dài đối với chất lượng không khí						
20.	Rủi ro tai nạn cho công nhân và cộng đồng trong giai đoạn thi công						
21.	Sử dụng nguyên vật liệu nguy hại hoặc độc hại và tạo ra chất thải nguy hại						
22.	Rủi ro đối với an toàn và sức khỏe con người						<i>Mô tả cách thức.</i>
Tiêu dự án có đòi hỏi phải thu hồi đất hoặc hạn chế khả năng tiếp cận nguồn lực?							
23.	Thu hồi (tạm thời hoặc vĩnh viễn) đất (công hoặc tư) để xây dựng						<i>Liệt kê những diện tích đất để thu hồi đất tạm thời hoặc vĩnh viễn, loại đất, thời gian và mục đích thu hồi</i>
24.	Thu hồi đất sản xuất (vd: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi thủy sản, rừng)						
25.	Di dời cá nhân, gia đình hoặc cơ sở kinh doanh						
26.	Mất tạm thời hoặc vĩnh viễn hoa màu, cây ăn quả hoặc nhà cửa						
27.	Hạn chế khả năng tiếp cận của người dân đến vườn quốc gia và khu vực cần bảo vệ						
<i>Nếu câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào từ 23-27 là “có” cho các cột “L” hoặc “M” hoặc “H” hãy tham khảo ESMF; có khả năng sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Tái định cư</i>							
Tiêu dự án có gây ra tác động đối với người dân tộc thiểu số?							
28.	Các nhóm dân tộc thiểu số sống trong phạm vi hoặc gần khu vực xây dựng tiêu dự án.						
29.	Có mặt của các thành viên của dân tộc thiểu số này trong khu vực hưởng lợi hoặc bị ảnh hưởng của tiêu dự án.						
<i>Nếu câu trả lời cho câu hỏi 28 hoặc 29 là “có” cho các cột “L” hoặc “M” hoặc “H” hãy tham khảo EMDF; có khả năng sẽ phải chuẩn bị một Kế hoạch Phát triển Dân tộc Thiểu số</i>							
Tiêu dự án có cần phải xây dựng hoặc phụ thuộc vào một con đập không?							
30.	Liên quan đến việc thi công đập lớn?						<i>Xem Mục 6 của Bảng A-2 về định nghĩa</i>

TT	Tiểu dự án có gây ra các tác động môi trường này không?	N	L	M	H	UN	Ghi chú
							<i>đập lớn.</i>
31.	Phụ thuộc vào nước được cấp từ một đập hiện hữu hoặc đập đang thi công?						<i>Mô tả quan hệ chức năng giữa tiểu dự án và đập hiện có hoặc đập đang thi công.</i>
<i>Nếu câu trả lời cho câu hỏi 30 hoặc 31 là “có” cho các cột “L” hoặc “M” hoặc “H”, hãy tham khảo Phụ lục 3 của ESMF; có khả năng sẽ phải chuẩn bị Báo cáo An toàn Đập (BCATĐ)</i>							
Tiểu dự án có đòi hỏi mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu?							
32.	Tiểu dự án/hoạt động có mua hoặc sử dụng thuốc trừ sâu thuộc Nhóm IA, IB hoặc II của Tổ chức Y tế Thế giới						<i>Xem danh sách không hợp lệ ở Mẫu trên. Để giải quyết vấn đề này, phải biết về loại thuốc trừ sâu được đề xuất.</i>
33	TDA sẽ liên quan đến việc sử dụng các hóa chất nông nghiệp (thuốc trừ sâu, phân bón, hóa chất độc hại trong nuôi trồng thủy sản hoặc nuôi tôm)						
<i>Nếu câu trả lời cho câu hỏi 32 và 33 là “có” cho các cột “L” hoặc “M” hoặc “H” hãy tham khảo Khung QLMTXH; có khả năng sẽ phải chuẩn bị Kế hoạch Quản lý vật hại</i>							
34	Tiểu dự án liên quan đến nạo vét						<i>Xem Phụ lục 3 của ESMF và ECOP</i>
<i>Nếu câu trả lời cho câu hỏi 34 là “Có”, hãy tham khảo ESMF Phụ lục ESIA và ESMP của tiểu dự án sẽ giải quyết các tác động và các biện pháp giảm thiểu và áp dụng ECOP đối với việc nạo vét.</i>							

Ghi chú: N= Không tác động; L= tác động nhỏ; M= tác động trung bình; H= tác động mạnh và UN= Không biết;

(d) Loại tài liệu an toàn xã hội cần chuẩn bị:

- Kế hoạch hành động tái định cư (*Nếu câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào từ 23-27 là “Có”*)
- Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số (*Nếu câu trả lời cho bất kỳ câu hỏi nào từ 28 hoặc 29 là “Có”*)

(e) Kết quả sàng lọc

1. Tính hợp lệ

- Tiểu dự án được tài trợ bởi dự án MD-ICRSL
- Tiểu dự án không được tài trợ bởi dự án MD-ICRSL

2. Các tài liệu chính sách an toàn cần chuẩn bị

- Báo cáo EIA đầy đủ
- Kế hoạch quản lý môi trường (EMP)
- Kế hoạch hành động tái định cư
- Kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số
- Kế hoạch an toàn đập
- Kế hoạch quản lý vật hại

XÁC NHẬN CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

PPMU

CPMU

WB

PHỤ LỤC 3. HƯỚNG DẪN CHUẨN BỊ ESIA VÀ ESMP CHO CÁC TDA

Phụ lục 3a: Hướng dẫn kỹ thuật trong việc chuẩn bị ESIA và ESMP

1. Phụ lục này trình bày hướng dẫn kỹ thuật trong việc chuẩn bị ESIA và ESMP cho các TDA bao gồm: Hướng dẫn chuẩn bị ESIA (Phần A.3.1), Hướng dẫn chuẩn bị ESMP (Phần A.3.2), Hướng dẫn tham vấn cộng đồng (Phần A.3.3), Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch nạo vét (DMDP) (Phần A.3.4) và Hướng dẫn chuẩn bị EIA/EPP theo yêu cầu của Việt Nam (Phần A.3.5). Kết quả và các vấn đề của việc sàng lọc kỹ thuật trong Phụ lục 2 sẽ là cơ sở cho việc chuẩn bị các biện pháp giảm thiểu.

A3.1. Chuẩn bị báo cáo ESIA

2. Chủ TDA (PPMU/ICMB10) dưới sự hỗ trợ của đơn vị tư vấn sẽ chịu trách nhiệm chuẩn bị và trình báo cáo ESIA/ESMP. Sau khi tiến hành sàng lọc, đơn vị tư vấn của Chủ TDA sẽ làm việc với CPMU/CPO và WB để thống nhất về các tài liệu an toàn cần phải chuẩn bị của TDA.

A3.1.1. Hướng dẫn về phạm vi và nội dung của một báo cáo ESIA

3. Nội dung chính của một báo cáo ESIA bao gồm các mục sau đây:

- *Danh sách các từ viết tắt*
- *Tóm tắt*: trình bày súc tích thảo luận về những kết quả quan trọng trong quá trình thực hiện và đề xuất hành động.
- *Giới thiệu chung*: Giải thích ngắn gọn dự án, TDA và mục tiêu/phạm vi của báo cáo ESIA đặc biệt là kết quả của việc sàng lọc chính sách an toàn.
- *Mô tả tiểu dự án*. Mô tả súc tích TDA, bối cảnh địa lý, sinh thái, xã hội và thời gian thực hiện, bao gồm tất cả các yêu cầu trên công trường (ví dụ, tuyến đường tạm phục vụ cho việc thi công, khả năng cung cấp nước, nhà ở và nguyên vật liệu cũng như thiết bị, kho chứa). Chỉ ra sự cần thiết phải lập RAP và EMDP. Thông thường trong phần này sẽ có bản đồ mô tả TDA và khu vực bị ảnh hưởng bởi TDA.
- *Khung chính sách và luật lệ có liên quan*. Thảo luận về các chính sách, luật lệ liên quan đến việc thực hiện ESIA, chính sách liên quan đến tài nguyên văn hóa vật thể và môi trường sống tự nhiên; Xác định công ước môi trường quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên và danh sách các yêu cầu trong việc xem xét, thông qua và công bố thông tin.
- *Hiện trạng môi trường nền*. (a) Đánh giá phạm vi của khu vực nghiên cứu và mô tả môi trường vật lý có liên quan; (b) Môi trường sinh học; (c) Môi trường kinh tế-xã hội và văn hóa xã hội; (d) Khu di tích, văn hóa (lịch sử, tôn giáo hoặc kiến trúc) và (e) Các khu vực nhạy cảm về môi trường; bao gồm dự báo sự thay đổi trước khi dự án bắt đầu. Trong phần này cũng sẽ đưa vào các hoạt động phát triển hiện tại và tương lai trong vùng dự án nhưng không kết nối trực tiếp đến dự án. Dữ liệu gồm có vị trí dự án, thiết kế, vận hành hoặc các biện pháp giảm thiểu. Phần này cũng chỉ ra được tính chính xác, độ tin cậy và các nguồn gốc của dữ liệu.

- *Các tác động đến môi trường và xã hội của TDA.* Dự báo và đánh giá tác động tích cực và tiêu cực có thể xảy ra do thực hiện TDA, cố gắng định lượng được tác động. Xác định các biện pháp giảm thiểu và các tác động tiêu cực không thể giảm nhẹ. Khai thác cơ hội để nâng cao công tác bảo vệ môi trường. Xác định và ước tính mức độ và chất lượng của dữ liệu có sẵn, những khoảng trống dữ liệu quan trọng và sự không chắc chắn trong các dự báo cũng như xác định các vấn đề không cần quan tâm. Việc đánh giá và xác định các biện pháp giảm thiểu cần bao gồm các công trình phụ trợ hoặc công trình kết nối liên quan đến các hoạt động của tiểu dự án bao gồm, nhưng không giới hạn ở các bãi thải vật liệu nạo vét, mỏ vật liệu, đường thi công. Đối với các TDA liên quan đến vận hành cống thi sẽ cần chú ý để đánh giá và đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động liên quan đến đất đai và sử dụng nước cũng như đảm bảo tham vấn đầy đủ các nhóm sử dụng nước và các bên liên quan khác trong quá trình xây dựng và hoàn thiện quy trình vận hành cống. Các tác động tích lũy tiềm tàng của công do TDA đầu tư và các cống khác gần đó (hiện có và sẽ xây dựng trong tương lai) ở khu vực này cũng cần được xem xét. Đối với các TDA có liên quan đến phát triển sinh kế đặc biệt là NTTS và nuôi tôm ở khu vực ven biển, các rủi ro và tác động đến điều kiện kinh tế xã hội của người nghèo cũng như suy thoái rừng ngập mặn và chất lượng nước do việc mở rộng diện tích của các mô hình sinh kế được kiểm soát và quản lý cần được xem xét. *Hướng dẫn đánh giá các vấn đề đặc thù và tác động tích lũy và tác động xã hội được trình bày tại Phụ lục 3 (b) và (c).*
- *Phân tích các phương án thay thế.* So sánh một cách có hệ thống các phương án thay thế được đề xuất, công nghệ, thiết kế và vận hành - trong đó, có phương án "không có tiểu dự án" trên khía cạnh môi trường; tính khả thi của việc giảm thiểu tác động; vốn và chi phí hồi quy; sự phù hợp của phương án trong điều kiện địa phương và yêu cầu về thể chế, đào tạo và yêu cầu giám sát. Đối với mỗi phương án thay thế, nếu có thể cần định lượng các tác động môi trường và gắn các giá trị kinh tế trong đó có tính khả thi. Làm rõ cơ sở của việc lựa chọn các mức độ phát thải cụ thể của dự án và chứng minh cho kiến nghị và phương pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm cũng như xử lý chất thải.
- *Kế hoạch quản lý môi trường và xã hội (ESMP).* Bao gồm các biện pháp giảm thiểu, giám sát, và tăng cường thể chế được xem trong đề cương chi tiết tại Phụ lục C của Chính sách đánh giá môi trường của WB (OP/BP 4.01).
- *Tham vấn cộng đồng và công bố thông tin.* Phân tích các bên liên quan, tham vấn và tham gia của cộng đồng trong đánh giá tác động môi trường và xã hội.
- *Các phụ lục*
 - Danh sách cán bộ thực hiện báo cáo EA - các cá nhân và tổ chức.
 - Tài liệu tham khảo - Tài liệu đã được công bố và chưa được công bố sử dụng trong việc thực hiện nhiệm vụ.
 - Biên bản các cuộc họp liên ngành và cuộc họp tham vấn, bao gồm cả tham vấn để thu thập các thông tin của người dân bị ảnh hưởng và các tổ chức phi chính

phủ địa phương (NGOs). Các tài liệu khác (ví dụ, điều tra) đã được sử dụng để có được quan điểm của nhóm bị ảnh hưởng và các NGO địa phương.

- Các bảng trình bày các dữ liệu đã được đề cập hoặc tóm tắt trong báo cáo chính.
- Danh sách các báo cáo liên quan (ví dụ, Kế hoạch hành động tái định cư, kế hoạch phát triển dân tộc thiểu số).

A3.1.2. Các yêu cầu cụ thể

4. Căn cứ vào tính chất của các TDA, các vấn đề cần quan tâm trong quá trình chuẩn bị báo cáo ESIA và ESMP là:

- **Vùng TDA và vùng ảnh hưởng của TDA**¹⁷. ESMF này chỉ ra sơ bộ vùng tiêu dự án. Báo cáo ESIA sẽ cung cấp thông tin rõ ràng và cụ thể về khu vực TDA cũng như khu vực bị ảnh hưởng bởi TDA bao gồm: phần mô tả ngắn gọn về các điều kiện vật lý, sinh học, chẳng hạn như địa hình, thủy văn, hiện trạng sử dụng đất đai, rừng, môi trường sống tự nhiên và các nguồn tài nguyên văn hóa vật thể quan trọng. Ngoài ra, cũng cần nhấn mạnh các thông tin quan trọng dân tộc thiểu số và sinh kế cộng đồng. Nếu có thể thì cần có bản đồ để hiển thị khu vực TDA.
- **Hướng dẫn môi trường, sức khỏe và an toàn của Nhóm WB**. Hơn nữa, các dự án do NHTG tài trợ cũng sẽ cân nhắc Hướng dẫn về An toàn, Sức Khỏe và Môi trường của NHTG (được gọi là "Hướng dẫn EHS"). Hướng dẫn EHS là tài liệu tham khảo kỹ thuật nói chung và ngành công nghiệp cụ thể về các thực hành tốt của quốc tế. Hướng dẫn này bao gồm: các biện pháp và trình độ hoạt động mà thường được chấp nhận bởi NHTG và thường được coi là có thể đạt được tại các cơ sở mới với chi phí hợp lý theo công nghệ hiện có. Quá trình đánh giá môi trường có thể kiến nghị các lựa chọn hoặc các biện pháp (cao hơn hoặc thấp hơn) mà WB chấp nhận, trở thành yêu cầu cụ thể và đặc thù của dự án. Hướng dẫn EHS sẽ được áp dụng cho Dự án MD-ICRSL và được tích hợp trong ESMF này (Xem ECOP ở Phụ lục 4).
- **Đối với TDA và các hoạt động liên quan đến xây dựng công trình**: TDA và các hoạt động liên quan đến xây dựng thì ECOP (xem *Phụ lục 4*) sẽ được áp dụng để giảm thiểu các tác động được coi là điển hình cho các công trình xây dựng. Tuy nhiên, đối với các hoạt động xây dựng nhỏ, bộ ECOP đơn giản (*Phụ lục 4 (b)*) có thể được áp dụng. Ngoài ra, cần chuẩn bị các biện pháp cụ thể để giảm thiểu tác động cụ thể của TDA. Cả 2 biện pháp giảm thiểu tác động chung và cụ thể sẽ được đưa vào tài liệu đầu thầu và hợp đồng và Chủ TDA sẽ thuê tư vấn giám sát xây dựng (CSC) để giám sát việc thực hiện các biện pháp này mỗi ngày và báo cáo kết

¹⁷Chính sách OP 4.01, Phụ lục A – Định nghĩa: *Vùng ảnh hưởng bởi dự án*: Các khu vực có khả năng bị ảnh hưởng bởi dự án, bao gồm tất cả các công trình phụ trợ của nó, chẳng hạn như hành lang truyền tải điện, đường ống dẫn nước, kênh, đường hầm, đường ở khu tái định cư và đường thi công, khu vực lưu trữ và thải bỏ chất thải và khu lán trại thi công, cũng như các hoạt động tự phát gián tiếp gây ra bởi dự án (ví dụ, khu định cư tự phát, khai thác gỗ hoặc chuyển đổi nông nghiệp trên tuyến đường thi công). Vùng ảnh hưởng của dự án có thể bao gồm, ví dụ, (a) lưu vực mà dự án được đặt ở đó; (b) bất kỳ vùng cửa sông và ven biển bị ảnh hưởng; (c) khu tái định cư hoặc đường đê bù; (d) khí vực (ví dụ, vùng bị ảnh hưởng do bụi và khí thải của dự án); (e) các tuyến đường di cư của con người, động vật hoang dã hoặc cá, đặc biệt là nơi có liên quan đến sức khỏe cộng đồng, các hoạt động kinh tế hoặc bảo vệ môi trường và khu vực (f) được sử dụng cho các hoạt động sinh kế (săn bắn, câu cá, chăn thả gia súc, gặt hái, nông nghiệp...) hoặc phục vụ các mục đích tôn giáo hay nghi lễ.

quả giám sát trong báo cáo tiến độ của TDA. CPMU và WB sẽ tiến hành giám sát định kỳ và báo cáo kết quả thực hiện vào trong báo cáo tiến độ và báo cáo giám sát chính sách an toàn của dự án.

- **Đối với các TDA liên quan đến vận hành công:** Vận hành công có thể tạo ra các tác động tích cực và tiêu cực đối với việc vận chuyển nước, chế độ lũ, kiểu lũ và chất lượng nước, do đó vận hành công có thể có những tác động đáng kể (tích cực và tiêu cực) đến các nhóm sử dụng nước thượng và hạ lưu công và có thể tạo ra xung đột về sử dụng nước. Do đó việc vận hành công của TDA cần được xem xét các công hiện có và các công dự kiến được xây dựng trong tương lai trong vùng TDA. Để đảm bảo kế hoạch cuối cùng các công của TDA được các bên liên quan chấp nhận, quan trọng là nhất là kế hoạch vận hành công cần đủ thời gian (ít nhất là 1 năm) để đủ cơ sở để đánh giá kỹ thuật và các tác động tiềm tàng của nó. Kế hoạch này cần linh hoạt để có thể được điều chỉnh thông qua quá trình tham vấn do đó cần thiết phải thiết lập mạng lưới người sử dụng nước và các bên liên quan để khi cần thiết thì tham vấn và có thể điều chỉnh khi cần thiết. Đối với các công ở vùng ven biển thì cần xem xét các tác động và các biện pháp giảm thiểu liên quan đến việc sử dụng nước dọc bờ biển. Do tính phức tạp của mạng lưới (sông, kênh rạch, và nước sử dụng) và chế độ nước (nước ngọt, nước lợ, nước mặn, lũ lụt và hạn hán) ở ĐBSCL (hiện tại và tương lai), kế hoạch vận hành và quản lý của các công hiện có và trong tương lai sẽ rất quan trọng trong việc cung cấp nguồn nước để hỗ trợ sản xuất nông nghiệp (lúa, cây ăn quả, nuôi trồng thủy sản) và phát triển của vùng. Cần xem xét tác động tích lũy có thể xảy ra của các công của dự án và các công khác gần đó (ở hiện tại và tương lai).
- **Đối với các tiểu dự án có liên quan đến phát triển sinh kế** đặc biệt là những mô hình nuôi thủy sản và nuôi tôm ở khu vực ven biển, những rủi ro và tác động đến kinh tế xã hội của người nghèo cũng như suy thoái rừng ngập mặn và chất lượng nước do khả năng mở rộng không kiểm soát và quản lý thích hợp cần phải được xem xét. Kinh nghiệm ở nhiều nước đang phát triển đã cho thấy rõ ràng rằng việc mở rộng một cách nhanh chóng hoạt động nuôi tôm ở khu vực ven biển là nguyên nhân suy giảm nhanh chóng rừng ngập mặn, ô nhiễm nước nghiêm trọng, ảnh hưởng đến người nông dân nghèo và xói lở bờ biển. Tăng cường các biện pháp quản lý, cung cấp hỗ trợ kỹ thuật và xây dựng năng lực quản lý và kỹ thuật có thể giúp giảm thiểu rủi ro. Hơn nữa, cũng có thể có rủi ro kinh tế và xã hội đối với nông dân nghèo, những người có hiểu biết hạn chế về kỹ thuật và năng lực tài chính để đầu tư cho hoạt động nuôi tôm đặc biệt là khi có sự không chắc chắn liên quan đến chất lượng nước và các bệnh khác có thể xảy ra trong khu vực. Áp dụng mô hình nuôi tôm thân thiện và bền vững sẽ không dễ dàng và cần được thực hiện từng bước như đã đề xuất trong RSA. Vì vậy, cần có chương trình hỗ trợ kỹ thuật và tài chính trong nội dung sinh kế của TDA và hỗ trợ kỹ thuật để thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế và xã hội của các nông dân nghèo cũng như các tác động do việc mở rộng nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm trong khu vực không theo quy hoạch không được kiểm soát. Yêu cầu khảo sát kinh tế xã hội của nông dân đặc biệt là người nghèo trong quá trình thực hiện các TDA.

- **Tiểu dự án liên quan tới việc sử dụng hóa chất nông nghiệp:** điều quan trọng là phải đảm bảo các biện pháp quản lý thích hợp các loại hoá chất này để phù hợp với PMF được đưa vào ESMP (xem *Phụ lục 5*).
- **TDA liên quan đến an toàn đập:** Đối với các TDA liên quan đến việc xây dựng các công trình chứa lũ gồm xây dựng đê bao và an toàn của cộng đồng địa phương, điều quan trọng là phải đảm bảo rằng chiều cao của đê bao không được cao hơn 10m và cần phải huy động một kỹ sư có trình độ để đảm bảo rằng thiết kế và/hoặc cấu trúc hiện tại của đê bao sẽ không gây ra nguy cơ, rủi ro mà các nguy cơ, rủi ro này có thể tạo ra những tác động bất lợi đáng kể đối với cộng đồng và tài sản địa phương, bao gồm cả tài sản do TDA tài trợ. Trong trường hợp này cần phải chuẩn bị một báo cáo an toàn đập (DSR)¹⁸ theo yêu cầu của OP/BP 4.37. Trong quá trình thực hiện khuyến khích tham vấn các chuyên gia an toàn của WB.
- **Tiểu dự án liên quan đến nạo vét:** Đối với các TDA liên quan đến quá trình nạo vét, điều quan trọng là trong ESIA cần giải quyết các vấn đề liên quan đến tác động của việc nạo vét bao gồm chuẩn bị kế hoạch nạo vét (DMDP) (xem Phần A3.3 dưới đây). Trong quá trình chuẩn bị ESIA cần lấy mẫu để phân tích hàm lượng kim loại nặng trong bùn nạo vét, trong đó có cả Hg và nếu hàm lượng này vượt quá tiêu chuẩn cho phép thì phải có giải pháp xử lý. Trong quá trình thực hiện khuyến khích tham vấn các chuyên gia an toàn của WB.
- **Tham vấn và công bố thông tin:** Điều quan trọng là phải đảm bảo rằng quá trình chuẩn bị của ESIA và/hoặc ESMP, tư vấn đã tiến hành tham vấn cộng đồng, kết quả của việc tham vấn phải được ghi chép lại và tất cả các tài liệu chính sách an toàn phải được công bố (xem Phần A3.5 dưới đây).

A3.2. Chuẩn bị báo cáo ESMP

5. Phần này cung cấp hướng dẫn kỹ thuật để chuẩn bị một ESMP đính kèm hoặc độc lập đối với TDA loại B sẽ được trình lên WB. ESMP là tài liệu quan trọng được sử dụng trong quá trình thực hiện các TDA và giám sát việc tuân thủ chính sách an toàn môi trường và xã hội trong quá trình xây dựng và vận hành của các TDA (không tái định cư và không có dân tộc thiểu số theo OP/BP 4.10 và OP/BP 4.12). Điều quan trọng là phải đảm bảo những điều sau đây:

- **Thiết kế chi tiết và chuẩn bị hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng gói thầu:** Để giảm thiểu các tác động trong quá trình giải phóng mặt bằng, xây dựng và vận hành, điều quan trọng đối với ESIA và ESMP là xác định rõ ràng các hoạt động chính sách an toàn được đưa vào trong các thiết kế chi tiết cũng như hoàn thành ECOP để đưa vào hồ sơ mời thầu, hợp đồng và đảm bảo rằng chi phí cho các hoạt động này là một phần của chi phí dự án và các nhà thầu đã nhận thức được nghĩa vụ này (xem ECOP trong Phụ lục 4).

¹⁸ Mục tiêu chính của DSR là xem xét, phân tích và đưa ra khuyến nghị về: (a) Tất cả các điều kiện có thể có ảnh hưởng đến sự an toàn của đập và công trình phụ trợ; (b) Các sự cố trong quá trình vận hành đập và công trình phụ trợ do thiên tai, do con người hoặc lỗi cấu trúc; (c) Khung thể chế hiện tại và tương lai để giảm thiểu bất lợi về an toàn đập và (d) Đề xuất các công trình khắc phục hậu quả do sự cố của đập.

- **Trước khi khởi công xây dựng**, các chủ TDA và/hoặc tư vấn giám sát cần xác nhận (a) hoàn tất việc đền bù và giải phóng xong mặt bằng, (b) đánh giá tác động môi trường tiểu dự án và/hoặc các biện pháp giảm thiểu cụ thể đã được phê duyệt của Chính phủ và (c) ESMP cũng đã được phê duyệt.
- **Trong giai đoạn xây dựng**, chủ TDA và/hoặc tư vấn giám sát sẽ giám sát chặt chẽ việc thực hiện các biện pháp giảm thiểu trong quá trình xây dựng và đã đưa việc tuân thủ của nhà thầu đặc biệt là về khía cạnh an toàn trong các báo cáo tiến độ của TDA.
- **Sau khi hoàn thành việc xây dựng**, chủ TDA và/hoặc tư vấn giám sát xác nhận việc tuân thủ ESMP trong đó, đảm bảo bất kỳ thiệt hại do nhà thầu gây ra đã được giải quyết thoả đáng. Trong trường hợp cần thiết, Nhà thầu phải bồi thường và khôi phục hiện trạng của các đối tượng bị ảnh hưởng theo quy định của hợp đồng. Các nhà thầu sẽ tuyển dụng một đội ngũ các chuyên gia trong nước (tư vấn về lĩnh vực môi trường) để hỗ trợ trong việc lập kế hoạch và thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, bao gồm chuẩn bị kế hoạch quản lý môi trường cụ thể trong quá trình xây dựng, tham vấn ý kiến với chính quyền và cộng đồng địa phương.

A3.2.1. Phạm vi và nội dung của báo cáo ESMP

6. Nội dung của một báo cáo ESMP bao gồm các phần sau đây:

- **Giới thiệu:** phần này giới thiệu ngắn gọn nhưng súc tích về: (a) Bối cảnh của ESMP: mô tả ESMP phù hợp thế nào với quy trình lập kế hoạch tổng thể của dự án, liệt kê những nghiên cứu về môi trường của dự án/tiểu dự án, chẳng hạn EIA/EPP, các tài liệu phê duyệt; (b) Mối liên hệ của ESMP với ESMF và Dự án; (c) Mục tiêu của ESMP: mô tả những mục tiêu mà ESMP cố gắng đạt được. Mục tiêu phải mang tính cụ thể cho dự án chứ không mang ý nghĩa chính sách chung chung. ESMP cụ thể cho dự án sẽ tạo thành một phần trong tiêu chuẩn kỹ thuật của hợp đồng TDA.
- **Khung chính sách, luật lệ:** *Quy định của Chính phủ* - mô tả tóm tắt quy định của Chính phủ về ĐTM và các quy định cũng như tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng cho tiểu dự án. *Chính sách an toàn của WB* – liệt kê các chính sách an toàn của WB được áp dụng.
- **Mô tả dự án:** Mục tiêu và mô tả về dự án/tiểu dự án cần ở mức chi tiết đủ để xác định được bản chất và phạm vi của dự án, bao gồm: (a) *Địa điểm dự án:* cần mô tả vị trí công trường và vị trí của các hoạt động, bao gồm bản đồ thể hiện địa điểm dự án trong khu vực cũng như chi tiết ở cấp tiểu dự án; (b) *Các hoạt động xây dựng/vận hành:* bao gồm mô tả ngắn về quy trình xây dựng và vận hành; giờ làm việc hoặc vận hành, bao gồm chi tiết các hoạt động cần thực hiện ngoài giờ làm việc; số lao động và loại lao động; thiết bị máy móc được sử dụng; địa điểm và các trang thiết bị tại công trường và lán trại cho công nhân; bản tiên lượng khối lượng cho công trình xây dựng và (c) *Thời hạn và lịch biểu thực hiện:* cần chỉ rõ ngày bắt đầu và hoàn thành dự kiến. Nếu dự án cần được hoàn thành theo từng giai đoạn thì cần chỉ ra thời hạn cụ thể cho mỗi giai đoạn.

- **Các tác động tiềm tàng và các biện pháp giảm nhẹ tác động:** Phần này tóm tắt những tác động tích cực và tiêu cực dự kiến đối với dự án/tiểu dự án đề xuất, đặc biệt những tác động có mức độ quan trọng từ trung bình tới lớn. Cần tóm tắt những tác động tích cực và tiêu cực dự kiến đối với dự án đề xuất mà cần có các hành động quản lý (gồm giảm nhẹ tác động tiêu cực và tăng cường tác động tích cực). Thông tin cần thiết cho phần này sẽ được thu thập từ quá trình đánh giá tác động môi trường, bao gồm các báo cáo EIA và EPP. Tác động cần được mô tả trong các giai đoạn tiền thi công, thi công và vận hành. Sử dụng mẫu ma trận có thể giúp hiểu rõ hơn mối liên hệ giữa tác động và biện pháp giảm nhẹ tác động (Xem mẫu trong *Bảng A.3*). Khuyến nghị nên dẫn chiếu chéo tới các báo cáo EIA/EPP hoặc các tài liệu khác tại đây, để có thể dễ dàng tham khảo thêm các thông tin chi tiết hơn. Trong khi các tác động môi trường và xã hội phổ biến và rủi ro của các hoạt động xây dựng có thể được xử lý thông qua ECOP, cũng cần đề xuất các biện pháp giảm nhẹ tác động cụ thể để giải quyết các tác động đặc thù của tiểu dự án được dự báo dựa trên các điều kiện cụ thể tại công trường và loại hình đầu tư. Có thể đề xuất một số biện pháp để đưa vào thiết kế kỹ thuật nhằm xử lý các tác động/rủi ro tiềm tàng và/hoặc mang lại các giá trị gia tăng cho công trình (ví dụ: nâng cấp đường kết hợp với kè kênh). Các biện pháp giảm nhẹ tác động cần bao gồm chương trình truyền thông và cơ chế giải quyết khiếu nại để giải quyết các tác động xã hội. Cần đảm bảo phần này đưa ra được các đề xuất phù hợp và giải quyết thích đáng những vấn đề và mối quan ngại nêu ra bởi cộng đồng theo ghi chép trong các tóm tắt tham vấn trình bày trong A3.5. Tùy thuộc vào tác động của TDA, có thể phải áp dụng chính sách Tài nguyên Văn hóa Vật thể (OP 4.11) hoặc chính sách Quản lý dịch hại (OP 4.09) và các kế hoạch tài nguyên văn hóa vật thể cũng như kế hoạch quản lý sâu bệnh có thể cần được xây dựng và đưa vào ESMP. Các vấn đề và các yêu cầu chính để giảm thiểu các tác động do vận hành công đến môi trường đất và sử dụng nước (trực tiếp và gián tiếp) và tác động do việc thực hiện các mô hình sinh kế về nuôi thủy sản và nuôi tôm ở vùng ven biển đã được đưa ra trong ESIA (xem trên đây) cũng cần được xem xét.

Bảng A.3: Ví dụ ma trận các biện pháp giảm nhẹ tác động

Giai đoạn thực hiện dự án	Vấn đề	Biện pháp giảm thiểu tác động	Tiêu chuẩn áp dụng (ví dụ: quốc gia, NHTG EU)	Chi phí giảm nhẹ tác động	Trách nhiệm thực hiện	Kiểm chứng cần thiết để xác định hiệu quả các biện pháp giảm thiểu
Thiết kế						
Thi công						
Vận hành						
Kết thúc						

- **Giám sát:** Giám sát việc thực hiện ESMP sẽ bao gồm giám sát tuân thủ môi trường và giám sát môi trường trong quá trình thực hiện dự án như mô tả chi tiết dưới đây:

- Giám sát tuân thủ môi trường bao gồm một hệ thống theo dõi việc tuân thủ các quy định về môi trường của nhà thầu, như kiểm tra kết quả thực hiện của nhà thầu hoặc các cơ quan chính phủ so với các cam kết trong các tài liệu chính thức, ví dụ điều khoản hợp đồng hoặc hiệp định vay.
- Mục tiêu giám sát môi trường bao gồm: a) đo lường hiệu quả của các hành động giảm nhẹ tác động (ví dụ, nếu có hành động giảm nhẹ tác động nhằm kiểm soát độ ồn trong quá trình thi công, kế hoạch giám sát cần bao gồm các chỉ số đo lường độ ồn trong xây dựng); b) đáp ứng yêu cầu về môi trường của Bên vay và c) giải quyết các quan ngại phát sinh từ tham vấn cộng đồng (ví dụ, về tiếng ồn, độ nóng, mùi, v.v), ngay cả nếu giám sát không gắn với một vấn đề môi trường thực sự (cho thấy thiện chí từ Bên vay). Chương trình giám sát cần chỉ rõ mối liên hệ giữa tác động được xác định trong báo cáo ĐGMT, các chỉ số cần đo lường, phương pháp sử dụng, địa điểm lấy mẫu, tần suất đo lường, giới hạn phát hiện (nếu phù hợp) và xác định ngưỡng báo hiệu cần có các hành động sửa đổi phù hợp, ... Chi phí giám sát môi trường cần được dự tính và đưa vào tổng chi phí đầu tư của TDA. Điều hết sức quan trọng là phải giám sát và thu thập dữ liệu thực sự hữu ích và sẽ được sử dụng. Sẽ vô nghĩa khi sử dụng nguồn lực tài chính và con người để thu thập những dữ liệu không được phân tích thỏa đáng, không được báo cáo và thậm chí nếu được báo cáo cũng sẽ không có hành động nào được thực hiện. Sẽ hữu ích khi biết được những loại phân tích sẽ được thực hiện đối với các loại dữ liệu trước khi thu thập để đảm bảo có thể dự tính trước các phân tích. *Bảng A.4* đưa ra một ví dụ về cách thức cơ cấu giám sát.

Bảng A.4: Ví dụ về kế hoạch giám sát

Giai đoạn	Thông số nào cần được giám sát? (Lưu ý nếu thông số này so sánh với một tiêu chuẩn đã xác định)	Thông số cần được giám sát ở đâu?	Thông số cần được giám sát như thế nào/ loại thiết bị giám sát?	Thông số cần được giám sát khi nào/tần suất đo lường hoặc liên tục?	Trách nhiệm
Chuẩn bị					
Thi công					
Vận hành					
Kết thúc					

- **Tổ chức thực hiện ESMP:** Các tiểu mục sau khuyến nghị nên có trong phần này:

- Trách nhiệm thực hiện ESMP: Mô tả phương pháp mà cơ quan thực hiện dự kiến giao trách nhiệm nhằm bảo đảm có được luồng thông tin và sử dụng thông tin môi trường phù hợp để có thể quản lý môi trường hiệu quả. Đối với dự án do WB tài trợ, các bên liên quan tham gia thực hiện và giám sát ESMP thường bao gồm cơ quan thực hiện dự án, PPMU, các nhà thầu xây dựng, tư vấn giám sát thi công, tư vấn giám sát môi trường độc lập, các cơ quan quản lý môi trường địa phương, các tổ chức phi chính phủ (NGO) và cộng đồng. Mỗi bên sẽ được giao các nhiệm vụ thực tiễn. Sự phối hợp tốt giữa các bên tham gia sẽ đảm bảo việc thực hiện có hiệu quả ESMP. Trách nhiệm của tư vấn giám sát thi công, tư vấn giám sát môi trường độc lập đối với giám sát sự tuân thủ của ESMP trong quá trình thi công và giám sát cần được xác định tương đối chi tiết. Điều khoản tham chiếu chung cho tư vấn giám sát thi công, tư vấn giám sát môi trường độc lập cần được đưa vào thành các phụ lục của ESMP.
 - Tích hợp ESMP vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và tài liệu đấu thầu, tài liệu hợp đồng: Tài liệu đấu thầu, tài liệu hợp đồng cần bao gồm các yêu cầu về thực hiện ESMP để bảo đảm nghĩa vụ này được truyền đạt rõ ràng tới các nhà thầu. Tài liệu đấu thầu cũng bao gồm các tiêu chí về môi trường, các tiêu chí này là một trong các cơ sở để lựa chọn nhà thầu. Nhà thầu cũng có nhiệm vụ tuân thủ các tiêu chuẩn phù hợp về môi trường, sức khỏe và an toàn nhằm giảm rủi ro liên quan trong quá trình thi công và vận hành. Vì vậy, phần này cần làm rõ xem PPMU/ICBM10 và cán bộ của mình sẽ kết hợp ESMP vào thiết kế chi tiết của TDA cũng như tài liệu đấu thầu như thế nào.
 - Khung tuân thủ môi trường: Trong quá trình thực hiện TDA, bên vay báo cáo về sự tuân thủ với các cam kết môi trường, hiện trạng các biện pháp giảm thiểu tác động và những phát hiện của chương trình giám sát được chỉ ra trong tài liệu TDA. WB tiến hành giám sát các khía cạnh môi trường của TDA dựa vào ESMP như chỉ ra trong các hiệp định pháp lý của TDA. Tiêu mục này làm rõ về các nhiệm vụ môi trường của nhà thầu và cán bộ phụ trách về an toàn, môi trường của họ, tuân thủ với các yêu cầu về pháp lý, hợp đồng và giám sát môi trường trong quá trình giám sát xây dựng cũng như khung chế tài xử phạt.
 - Quy trình báo cáo: Các bước cung cấp thông tin về tiến độ và kết quả của các biện pháp giám sát và giảm thiểu tác động cần được xác định rõ. Tối thiểu, các bên tiếp nhận những thông tin này bao gồm những người có trách nhiệm bảo đảm việc thực hiện kịp thời các biện pháp giảm thiểu tác động và nhằm thực hiện các hành động khắc phục những vi phạm về ngưỡng giám sát. Ngoài ra, cơ cấu, nội dung và thời hạn báo cáo cho WB cần tính tới yêu cầu giám sát. Trách nhiệm báo cáo của các bên liên quan khác nhau và loại báo cáo cũng cần được xác định rõ ràng.
- **Kế hoạch tăng cường thể chế:** Mục này mô tả sự cần thiết về mặt thể chế nhằm bảo đảm thực hiện thành công các kế hoạch giảm nhẹ tác động và giám sát. Kế hoạch này có thể bao gồm mua thiết bị, đào tạo, dịch vụ tư vấn và các nghiên cứu đặc biệt. Phần lớn các dự án yêu cầu tăng cường năng lực thực hiện ESMP thông

qua đào tạo các đối tượng liên quan khác nhau. Tất cả các bên liên quan cần được tập huấn về nhận thức môi trường nói chung và tập huấn/đào tạo về trách nhiệm của họ trong ESMP. Đào tạo cần bảo đảm rằng họ hiểu đầy đủ về nghĩa vụ thực hiện quản lý môi trường trong quá trình thực hiện dự án. Đào tạo về môi trường bao gồm: làm quen với địa điểm công trường, làm quen với các yêu cầu của ESMP; đào tạo ứng phó môi trường khẩn cấp; làm quen với kiểm soát môi trường tại công trường; đào tạo về môi trường cho các nhân sự cụ thể, ví dụ như cán bộ môi trường của PPMU, cán bộ về an toàn và môi trường của nhà thầu, kỹ sư giám sát xây dựng. Nhu cầu đào tạo bổ sung hoặc đào tạo lại cần được xác định và triển khai dựa trên kết quả giám sát và đánh giá thực hiện ESMP. Toàn bộ tài liệu đào tạo cần được duy trì và bao gồm: ai đã được đào tạo, đào tạo khi nào, tên của người đào tạo và mô tả chung về nội dung đào tạo.

- **Ngân sách Dự kiến cho Thực hiện ESMP:** Cần chỉ rõ khoản đầu tư ban đầu và chi phí thường xuyên để triển khai các biện pháp trong ESMP, được tính trong tổng chi phí dự án và đưa vào nội dung đàm phán khoản vay. Việc xác định được toàn bộ chi phí là điều rất quan trọng – bao gồm: chi phí hành chính, đào tạo, theo dõi và giám sát môi trường, chi phí thực hiện các biện pháp giảm nhẹ tác động do nhà thầu đảm nhận, chi phí nghiên cứu môi trường bổ sung cũng như chi phí vận hành và bảo dưỡng. Mục đích là giảm nhẹ các tác động bất lợi một cách thỏa đáng với chi phí thấp nhất. Chi phí chuẩn bị ESMP do bên vay chi trả và khác nhau phụ thuộc vào nhiều yếu tố như sự phức tạp của các tác động tiềm tàng, phạm vi sử dụng tư vấn quốc tế và sự cần thiết phải chuẩn bị ESMP riêng biệt cho các TDA.

A3.2.2. Tham vấn và công bố thông tin

7. **Tham vấn cộng đồng:** ESMP cần mô tả rõ và giải thích được cơ sở của các biện pháp giảm nhẹ tác động đề xuất để tạo điều kiện cho tham vấn cộng đồng. Tham vấn với những người bị ảnh hưởng và các tổ chức NGO phải là một phần không tách rời của tất cả các dự án Nhóm A và B để hiểu được vì sao các biện pháp giảm nhẹ tác động đề xuất được các nhóm bị ảnh hưởng chấp thuận. Trong một số tình huống, xây dựng nhận thức của các bên liên quan là điều quan trọng để bảo đảm hiệu quả tham vấn ESMP. Khi tiểu dự án liên quan đến thu hồi đất hoặc tái định cư, các vấn đề này cần được đề cập đầy đủ trong RAP và nếu trong trường hợp cần thiết thì đề cập trong cả EMDP.

- Quy trình tham vấn cũng được sử dụng để giúp thiết kế các biện pháp giảm nhẹ tác động có thể đạt được. Quá trình này đặc biệt quan trọng và phụ thuộc vào mức độ chấp thuận của những người bị ảnh hưởng, đặc biệt khi sự thành công của quá trình tham vấn phụ thuộc vào mức độ chấp thuận hay hành động của đối tượng này. Nếu phù hợp, có thể hỗ trợ quá trình này bằng cách chính thức đưa yêu cầu tham vấn công khai vào điều khoản tham chiếu cho việc xây dựng ESMP.
- Tham vấn cộng đồng đối với ESMP phải là một phần không tách rời của tham vấn EIA/EPP. Trong trường hợp tham vấn chưa được thực hiện hoặc được thực hiện nhưng chưa đủ trong quá trình chuẩn bị EIA/EPP, thì tham vấn phải được thực

hiện để có thể thu thập được phản hồi từ người dân và cộng đồng bị ảnh hưởng. Phần này tóm tắt các hoạt động tham vấn đối với các bên liên quan, cụ thể với các hộ gia đình bị ảnh hưởng, về dự thảo cuối cùng của ESMP ở cấp dự án/tiểu dự án. Tóm tắt này cần chỉ ra ngày và địa điểm mà tham vấn đã diễn ra, số lượng người tham gia từ số hộ bị ảnh hưởng/số người tham dự là nữ và người dân tộc thiểu số và các đề xuất, quan ngại được nêu lên cũng như các câu trả lời. Địa điểm và thời gian công khai ESMP cũng cần nêu ra ở đây.

8. **Công khai ESMP:** Công bố thông tin: Theo chính sách của WB về tiếp cận thông tin, toàn bộ dự thảo công cụ an toàn, bao gồm ESMP, được công khai tại địa phương ở một địa điểm dễ dàng tiếp cận và dưới hình thức cũng như ngôn ngữ mà các bên liên quan chính có thể hiểu được và công bố bằng tiếng Anh tại InfoShop trước khi bắt đầu đoàn công tác thẩm định. ESMP được công khai tại địa phương ở các địa điểm dự án và tại Trung tâm Thông tin Phát triển Việt Nam của WB tại Hà Nội.

A3.3. Hướng dẫn tham vấn cộng đồng

9. Chính sách an toàn của Ngân hàng yêu cầu Chủ TDA cần tiến hành tham vấn cộng đồng và công bố thông tin. Theo đó, tham vấn với người bị ảnh hưởng bởi dự án và các NGO địa phương là cần thiết cho dự án này và các tiểu dự án thuộc dự án. Trong quá trình chuẩn bị của ESIA và ESMP, tham vấn cộng đồng phải được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của ngân hàng dưới hình thức thuận tiện cho người dân địa phương (ví dụ như khảo sát, tổ chức họp, phát tờ rơi, áp phích...) và thông tin về các kết quả chính của việc đánh giá tác động môi trường và các biện pháp giảm thiểu được đề xuất phải được cung cấp bằng ngôn ngữ mà đại đa số người bị ảnh hưởng có thể hiểu được. Các ý kiến phản hồi của cộng đồng sẽ đưa vào dự thảo cuối cùng ESMP và trong phần báo cáo chính của ESMP cần nêu tóm tắt các kiến nghị của cộng đồng. Các vấn đề môi trường và đề xuất cải thiện các vấn đề của cộng đồng cần được giải quyết và tích hợp trong ESMP. Yêu cầu trong ESMP có một bảng tóm tắt (xem Phụ lục 4) về số lượng các cuộc họp, địa điểm và số lượng người BAH đã tham dự họp.

10. Chủ TDA nên xác nhận với phía Ngân hàng rằng các bản cứng của dự thảo ESMP (bằng tiếng Việt) đã được dán ở khu vực TDA, tại văn phòng PPMU/ICBM10, văn phòng Ủy ban nhân dân xã và cộng đồng có thể tiếp cận được thông tin này cũng như thời gian công bố thông tin. Dữ liệu máy tính xác nhận việc công bố thông tin ESMP tại Trung tâm Thông tin Phát triển tại Việt Nam (VDIC), văn phòng WB Hà Nội và trang InfoShop.

A3.4. Hướng dẫn chuẩn bị kế hoạch quản lý vật liệu nạo vét

11. Một số TDA sẽ liên quan đến nạo vét kênh mương. Thông tin chi tiết về việc nạo vét sẽ được trình bày trong Báo cáo nghiên cứu khả thi và ESIA. Tuy nhiên, việc nạo vét sẽ chỉ được thực hiện đối với các kênh mương nhân tạo, do đó, ảnh hưởng đến môi trường sống tự nhiên và tài nguyên văn hóa vật thể sẽ được dự kiến là nhỏ. Tuy nhiên, các giải pháp (a) hạn chế việc nạo vét gần nơi cư trú tự nhiên và (b) một “thủ tục phát hiện tình cờ” sẽ được đề xuất nhằm tuân thủ đầy đủ chính sách an toàn của Ngân hàng.

Vấn đề môi trường và xã hội chính cần giải quyết đối với các TDA liên quan đến nạo vét bao gồm:

- Ô nhiễm trong quá trình vận chuyển đất nạo vét từ các vị trí nạo vét đến bãi thải;
- Tăng độ đục và ô nhiễm nguồn nước của các kênh do nạo vét;
- Ô nhiễm đất và nước bao gồm cả nước ngầm gần bãi thải;
- Sử dụng vật liệu nạo vét cho các cơ sở hạ tầng công cộng và các hộ gia đình sai mục đích.

12. Để xây dựng các biện pháp giảm thiểu các tác động do vận chuyển và xử lý các vật liệu nạo vét nói trên, cần lưu ý rằng đây là ước tính sơ bộ, sẽ được phân tích cụ thể trong giai đoạn thiết kế chi tiết. Hơn nữa, cần lưu ý rằng việc nạo vét sẽ được thực hiện trong một phạm vi rộng lớn, thông qua nhiều gói thầu và diễn ra trong vòng 2-3 năm của giai đoạn thực hiện. Cuối cùng, cần lưu ý rằng kế hoạch xử lý vật liệu nạo vét sẽ được chuẩn bị tốt hơn trong quá trình quy hoạch và triển khai thực hiện bãi thải. Trong trường hợp này, kế hoạch xử lý vật liệu nạo vét (DMDP) sẽ được chủ TDA chuẩn bị trong giai đoạn thiết kế chi tiết dưới sự hỗ trợ của các kỹ sư thiết kế. DMDP sẽ là một phần trong kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình xây dựng (CSEP) để nhà thầu thực hiện.

13. Một DMDP bao gồm các nội dung sau:

- Xác định các đối tượng sử dụng nước có thể bị ảnh hưởng bởi việc nạo vét và giám sát chất lượng nước có thể được sử dụng để giám sát các tác động tiềm tàng. Cần ưu tiên giám sát các khu vực nhạy cảm với việc thay đổi chất lượng nước (chất rắn lơ lửng (SS) cao, pH thấp, BOD hoặc COD cao, độ mặn cao, ...), nhất là khi nguồn nước này được sử dụng để cung cấp cho sinh hoạt và nông nghiệp. Ở khu vực nạo vét có thể gây ra tác động tiêu cực đến những nhóm sử dụng nước khác nhau, chủ TDA phải thông báo/lấy ý kiến của những người này và phát triển các hành động để giải quyết các mối quan tâm của họ, bao gồm giám sát chất lượng nước trong DMDP.
- Xác định môi trường sống tự nhiên quan trọng cho cá và các loài chim gần khu vực nạo vét. Một khi xác định được thì cần phải có một kế hoạch quản lý riêng để giảm thiểu các tác động đến môi trường sống tự nhiên này. Kế hoạch này bao gồm: (a) hiện trạng của môi trường sống tự nhiên trong đó có chất lượng nước và (b) định kỳ giám sát chất lượng nước và độ đục.
- Đánh giá chất lượng của bùn nạo vét. Việc đánh giá này được thực hiện để xác định bùn nạo vét không chứa nhiều các chất nguy hại với môi trường như kim loại nặng, phèn và dư lượng thuốc trừ sâu. Nếu các chất này được phát hiện với nồng độ cao hơn tiêu chuẩn cho phép thì cần phải chuẩn bị kế hoạch xử lý riêng trong đó có chương trình giám sát. Trong kế hoạch này cần phải có giải pháp để bảo vệ cộng đồng xung quanh khi họ sử dụng các vật liệu nạo vét này để xây nhà hoặc làm vườn. Việc đánh giá sẽ được thực hiện dựa vào kết quả của việc phân tích mẫu và hướng dẫn số lượng mẫu cũng như chỉ tiêu cần giám sát trong kế hoạch giám sát

vật liệu nạo vét được trình bày trong *Bảng A.5* và *Bảng A.6*:

Bảng A.5: Hướng dẫn lấy mẫu giám sát chất lượng trầm tích

Khối lượng đất nạo vét (m³)	Số lượng mẫu trầm tích cần lấy
≤ 25.000	3
Từ 25.000 đến 100.000	4-6
Từ 100.000 đến 500.000	6-10
500.000 đến 2.000.000	10-20
> 2.000.000 thì mỗi 1.000.000 sẽ lấy thêm	10

Bảng A.6: Các chỉ tiêu giám sát chất lượng bùn nạo vét

Thông số	ĐVT	Hàm lượng				
		Mẫu 1	Mẫu 2	Mẫu n
Chì	mg/kg					
Cadimi	mg/kg					
Đồng	mg/kg					
Kẽm	mg/kg					
Nicken	mg/kg					
Crom	mg/kg					
Thủy ngân	mg/kg					
Arsen	mg/kg					
Chất hữu cơ						
Chất hữu cơ	%					
Dầu khoáng	mg/kg					

- Xác định diện tích đất xử lý vật liệu nạo vét. Trong Kế hoạch cũng cần xác định những khu đất phù hợp cho việc xử lý các vật liệu nạo vét. Đất công, đất để xây dựng đường giao thông nông thôn, công trình công cộng, đất tư nhân... có thể được sử dụng sau khi thỏa thuận với các hộ gia đình bị ảnh hưởng. Khu đất này cũng cần phải phù hợp với kế hoạch sử dụng đất của địa phương. Diện tích của khu vực này cần đảm bảo đủ để xử lý vật liệu nạo vét. Vị trí khu đất được lựa chọn nên cách xa các sân chim hoặc các khu vực cần bảo vệ ít nhất là 1 km và cách từ các công trình công cộng (trường học, cơ quan hành chính và chợ), đền thờ, nhà thờ và các trang trại nuôi trồng thủy sản ít nhất 200 m.
- Chuẩn bị kế hoạch vận chuyển bùn nạo vét. Trong trường hợp, các bãi thải cách xa vị trí nạo vét thì trong DMDA cần đưa ra kế hoạch vận chuyển bao gồm: (a) phương pháp vận chuyển (đường ống, tàu và xà lan) và cách thức tải đến các khu vực xử lý. Trong trường hợp sử dụng xe tải để vận chuyển thì chỉ cần đề xuất lộ trình từ khu vực nạo vét đến khu vực xử lý, (b) thời gian hoạt động, (c) loại

phương tiện/xe tải được sử dụng và đề xuất biện pháp để giảm thiểu việc rò rỉ của các vật liệu nạo vét từ các xe tải vận chuyển, (d) trách nhiệm của nhà thầu trong việc làm sạch tuyến đường vận chuyển và thực hiện các công trình khắc phục hậu quả nếu cần thiết và (e) một kế hoạch truyền thông cho cộng đồng xung quanh bao gồm số điện thoại liên lạc trong trường hợp xảy ra khiếu nại.

- Kế hoạch để quản lý các khu vực đổ thải bao gồm: (a) kế hoạch quản lý việc thoát nước (xem ở dưới đây), (b) xây dựng mương để thoát nước từ bùn nạo vét, (c) xây dựng tường chắn nếu cần thiết, (d) độ dày của lớp vật liệu nạo vét (thông thường < 1,5m) và (e) các biện pháp bảo vệ nguồn nước ngầm và đất (ví dụ, lắp tấm PVC).
- Thiết kế thoát nước cho khu vực đổ thải. Khi vật liệu nạo vét ở vào trạng thái của bùn hạt đầu tiên và đất bị đình chỉ trong 24 đến 48 giờ. Tất cả lượng nước thoát ra từ bùn cần phải thu gom vào hệ thống thoát nước và xả lại kênh. Để hạn chế những tác động tiêu cực của bùn (do nạo vét) đến môi trường cũng như chất lượng nước của kênh, bùn nạo vét sẽ được vận chuyển đến bãi thải có vị trí, diện tích và thiết kế phù hợp. Bùn nạo vét sẽ được bơm vào bãi thải và sau đó chảy tràn vào một ao lắng để xử lý độ đục cũng như tổng chất rắn lơ lửng. Sau một thời gian nước thải được xả lại vào kênh. Bờ bao điển hình xung quanh bãi thải có kích thước như sau: Chiều cao: 2 m, bề rộng đáy: 5 m và bề rộng mặt: 1 m. Trong kế hoạch cũng nên đưa ra kích thước sơ bộ của bãi thải (*Hình A.5*).
- Xác định tác động đến hoạt động kinh doanh và vận tải của địa phương. DMDP thực hiện phân tích kiểm kê tác động đối với hoạt động kinh doanh, tiếp cận nguồn nước và giao thông vận tải (chủ yếu là do việc nạo vét) và cung cấp một kế hoạch để bồi thường tác động đến kinh doanh (thông qua RAP) cũng như xây dựng kế hoạch xây cầu tạm. Nếu việc xử lý vật liệu nạo vét gây ảnh hưởng đến việc tiếp cận nguồn nước của các hộ gia đình thì cần phải đề xuất giải pháp thay thế trong DMDP.
- Giám sát các vật liệu nạo vét. Yêu cầu lập kế hoạch để giám sát vật liệu nạo vét cũng như chất lượng nước thải từ vật liệu nạo vét. Như đề cập ở phần trước, cần phải giám sát chuyên sâu nếu vật liệu nạo vét có chứa hàm lượng các kim loại nặng và các chất độc khác cao hơn so với ngưỡng cho phép.

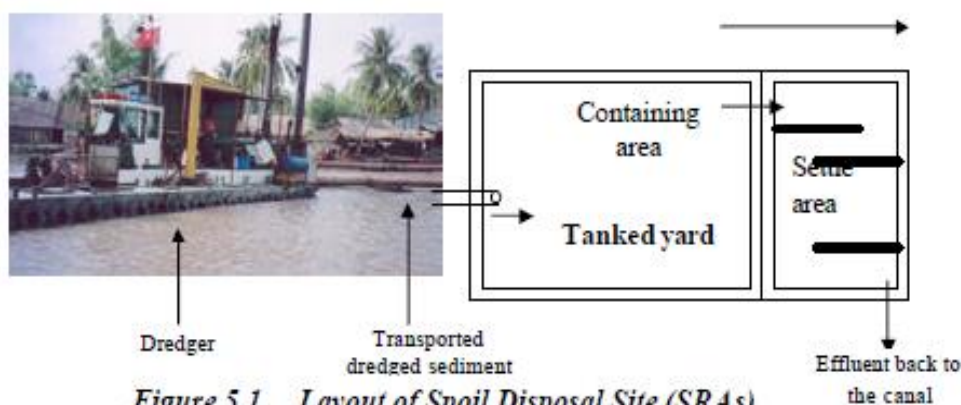


Figure 5.1 Layout of Spoil Disposal Site (SRAs)

Hình A.5: Bố trí mặt bằng của bãi đổ thải vật liệu nạo vét

- Để giảm thiểu độ đục trong khi nạo vét, DMDP sẽ đưa ra thiết bị và/hoặc kỹ thuật nạo vét phù hợp với các vị trí cụ thể. Khi đặt thiết bị nạo vét trên xà lan, nhà thầu có thể sử dụng lưới để giữ bùn ở vị trí nạo vét và không cho bùn trôi ngược vào các kênh. Nếu khu vực bãi thải nằm cách xa vị trí nạo vét thì có thể sử dụng tàu hút để vận chuyển tất cả bùn, đất và nước để đưa đến bãi thải. Chiều dài của mỗi đoạn nạo vét nên nhỏ hơn 1 km và nạo vét theo hình thức cuốn chiếu.
- Tại những khu vực đất phèn hoặc phèn tiềm tàng thì các biện pháp sau đây cần được xem xét: việc nạo vét nên được thực hiện trong mùa mưa khi nguồn nước ngọt dồi dào để pha loãng phèn; xử lý nước thải trước khi xả lại kênh rạch; bố trí bãi thải và thiết kế bãi thải thích hợp để không làm ảnh hưởng đến các khu đất nông nghiệp gần đó.
- Sau khi hoàn tất hợp đồng, tiến hành đánh giá vật liệu nạo vét và xác định việc sử dụng các vật liệu nạo vét cho các hoạt động như: (a) xây dựng (đường giao thông và đê bao, bờ bao), (b) xây nhà và (c) làm vườn.

A3.5. Chuẩn bị EIA/EPP theo yêu cầu của Việt Nam

14. Ngoài ra, các TDA được tài trợ trong khuôn khổ dự án MD-ICRSL sẽ phải chuẩn bị các tài liệu đánh giá môi trường theo yêu cầu của Việt Nam. Nếu TDA phải lập báo cáo EIA hoặc EPP theo các quy định của Chính phủ, thì Chủ TDA phải lập và nộp báo cáo EIA/EPP để đảm bảo TDA được phê duyệt và cho phép thực hiện. Việc chuẩn bị tài liệu đánh giá môi trường theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam được thực hiện theo đúng yêu cầu của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 do Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường cũng như Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Quyết định phê duyệt những báo cáo này cần được thông tin cho WB.

Phụ lục 3 (b): Hướng dẫn đánh giá tác động tích lũy

1. Hướng dẫn này trình bày những phát hiện quan trọng từ báo cáo đánh giá môi trường vùng (REA) về đánh giá tác động tích lũy của Hợp phần 2, 3 và 4. Những phát hiện này cần được xem xét trong quá trình chuẩn bị ESIA hoặc ESMP cho TDA.

B3.1. Phương pháp đánh giá tác động tích lũy

2. Việc đánh giá tác động tích cực và tiêu cực của các TDA được đánh giá dựa trên 1) cường độ 2) phạm vi, và 3) thời gian tác động (*Bảng A.7*) theo các tiêu chí đánh giá trình bày trong *Bảng A.8*.

Bảng A.7: Phân loại tác động

Cường độ tác động được đánh giá là cao (H), trung bình (M), yếu (W):

- **Cường độ cao.** *Tiêu cực tác động* - một thành phần của môi trường bị phá hủy hoặc thay đổi dẫn đến việc mất đi các chức năng sinh thái mà nó đảm nhận hoặc gây ra thay đổi lớn đến sự phong phú hoặc phân bố của nó ở ĐBSCL. *Tác động tích cực* - có cải thiện nhất định trong điều kiện, chức năng, sự phong phú, hoặc phân bố chung của nó ở ĐBSCL.
- **Cường độ trung bình.** *Tác động tiêu cực* - một thành phần được thay đổi mà kết quả dẫn đến việc suy giảm chức năng sinh thái hay một sự thay đổi có giới hạn về sự phong phú hoặc phân bố ở ĐBSCL, nhưng không bị hư hỏng hoàn toàn. *Tác động tích cực* - có cải thiện vừa phải về điều kiện, chức năng, sự phong phú, hoặc phân bố của nó ở ĐBSCL
- **Cường độ yếu.** *Tác động tiêu cực* - ít tác động đến các thành phần mà kết quả là các chức năng sinh thái, sự phong phú hoặc phân bố chỉ thay đổi chút ít. *Tác động tích cực* - Có là một cải thiện nhỏ về điều kiện, chức năng, sự phong phú, hoặc phân bố của nó ở ĐBSCL

Phạm vi không gian được đánh giá là ở vùng (R), tiểu vùng (Sr), hoặc địa phương (Lo):

- **Phạm vi khu vực** được xác định là ảnh hưởng đến toàn bộ ĐBSCL hay một phần đáng kể của nó. Nếu tác động vượt ra ngoài phạm vi ĐBSCL - chẳng hạn như toàn cầu hoặc cả nước - sẽ được ghi nhận riêng.
- **Phạm vi tiểu vùng** có nghĩa là tác động được cảm nhận ở một vùng (thượng lưu, cửa sông hay bán đảo) là rộng hơn so với ảnh hưởng ngay lập tức bởi các hoạt động của dự án.
- **Phạm vi địa phương** có nghĩa là tác động không vượt ra ngoài khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp bởi hoạt động của dự án.

Thời gian tác động được đánh giá là dài hạn (Lt), trung hạn (Mt), hoặc ngắn hạn (St):

- **Dài hạn** là tác động chủ yếu là vĩnh viễn hay liên tục hoặc không liên tục trong khoảng thời gian hơn 10 năm. Đối với tác động không thể đảo ngược thì sẽ được ghi nhận riêng.
- **Trung hạn** áp dụng đối với một tác động đó là liên tục hoặc không liên tục nhưng xảy ra trong khoảng thời gian 1-10 năm, do đó không tác động này không phải là vĩnh viễn hoặc không thể đảo ngược.
- **Ngắn hạn** tác động đó diễn ra trong khoảng thời gian dưới 1 năm.

Bảng A.8: Tiêu chí đánh giá tác động

Tiêu chuẩn đánh giá			Loại tác động	
Cường độ	Phạm vi	Thời gian	Tích cực	Tiêu cực
Cao	Vùng	Dài hạn	Lớn	Lớn
		Trung gian		
		Ngắn hạn		
	Tiểu vùng	Dài hạn		
		Trung gian		
		Ngắn hạn		
	Địa phương	Dài hạn	Lớn	Lớn
		Trung gian	Trung bình	Trung bình
		Ngắn hạn		
Trung bình	Vùng	Dài hạn	Lớn	Lớn
		Trung gian	Trung bình	Trung bình
		Ngắn hạn		
	Tiểu vùng	Dài hạn		
		Trung gian		
		Ngắn hạn		
	địa phương	Dài hạn		
		Trung gian		
		Ngắn hạn	Nhỏ	Nhỏ
Yếu	Vùng	Dài hạn	Trung bình	Trung bình
		Trung gian		
		Ngắn hạn		
	Tiểu vùng	Dài hạn	Trung bình	Trung bình
		Trung gian	Nhỏ	Nhỏ
		Ngắn hạn		
	Địa phương	Dài hạn	Nhỏ	Nhỏ
		Trung gian		
		Ngắn hạn		

B3.2. Tác động của việc nâng cấp hoặc xây mới các cơ sở hạ tầng

3. Các công trình được thực hiện trong quá trình thực hiện các TDA thuộc dự án nói chung sẽ làm tăng mức độ ô nhiễm không khí, tiếng ồn, độ rung, ô nhiễm nguồn nước và ùn tắc giao thông cũng như xuất hiện các tai nạn và rủi ro cho an toàn công cộng cũng như biến động cuộc sống của người dân địa phương. Tuy nhiên, những tác động này mang tính cục bộ, tạm thời và có thể được giảm thiểu bằng cách (a) đảm bảo rằng

các nhà thầu áp dụng quy tắc xây dựng tốt và bắt đầu và duy trì việc tham vấn chặt chẽ với chính quyền và cộng đồng địa phương trong suốt thời gian xây dựng và (b) các biện pháp này sẽ được kỹ sư hiện trường và cán bộ môi trường giám sát chặt chẽ. ECOP sẽ được chuẩn bị với 4 nội dung: (a) quy định chung; (b) quản lý việc xây dựng; (c) nạo vét; và (d) xây dựng công trình nhỏ. ECOP sẽ là một phần của ESMP của TDA và các phần quan trọng của ECOP sẽ được đưa vào hồ sơ mời thầu và hợp đồng gói thầu và được giám sát chặt chẽ bởi các kỹ sư giám sát.

4. Các thay đổi về dòng chảy sinh thái của sông Mê Công do xây dựng các công trình kiểm soát nguồn nước, kiểm soát lũ và kiểm soát mặn và các hoạt động đầu tư khác ở từng vùng như vùng thượng lưu, cửa sông và ven biển sẽ được đánh giá trong các phần sau.

B3.3.Tác động của việc nạo vét

5. Các tác động chính đối với môi trường trong quá trình nạo vét hoặc xây dựng các công cấp 2 và cấp 3 sẽ là: (a) ô nhiễm đất và nước do xử lý vật liệu nạo vét; (b) ô nhiễm các tuyến đường và tài nguyên đất do vận chuyển vật liệu nạo vét; và (c) tăng chất rắn lơ lửng trong biển động nền đáy. Kết quả phân tích cho thấy bùn nạo vét có hàm lượng hữu cơ cao và hàm lượng kim loại nặng và thuốc trừ sâu vẫn dưới mức cho phép. Do đó, nguy cơ ô nhiễm đất và nước ngầm từ bùn nạo vét là nhỏ.

6. Ở ĐBSCL, thông thường vật liệu nạo vét được trữ ở khu đất dọc 2 bờ kênh trong vòng một hoặc 2 năm cho khô và sau đó được sử dụng để đắp đê và đường giao thông. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng việc nạo vét sẽ diễn ra trên diện rộng và trong toàn bộ thời gian thực hiện dự án. Thông tin quan trọng như khối lượng và chất lượng bùn nạo vét, quỹ đất để trữ vật liệu nạo vét sẽ được tính toán chi tiết ở giai đoạn thiết kế chi tiết. Do đó, kế hoạch chi tiết để xử lý các vật liệu nạo vét được lập ở giai đoạn thiết kế chi tiết là thích hợp.

B3.4.Tác động do xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước và kiểm soát lũ ở thượng nguồn

7. Ở đồng bằng, lũ là một quá trình tự nhiên duy trì năng suất và thúc đẩy sự phát triển của ĐBSCL. Hàng năm, lũ bổ sung trầm tích là nguồn dinh dưỡng màu mỡ cho các vùng sản xuất nông nghiệp. Dự kiến là biến đổi khí hậu sẽ làm cho lũ cao và rõ rệt hơn, những thách thức chính làm thế nào để giữ lũ tự nhiên dựa vào sản xuất nông nghiệp và bảo vệ các tỉnh ở hạ lưu khỏi tác hại từ lũ.

8. Các hoạt động của TDA ở vùng thượng lưu có liên quan đến việc nâng cấp đê bao hiện có và xây dựng các cống, cống để tăng khả năng giữ lũ trong mùa mưa. Các cống sẽ cho nước lũ đi qua các tuyến đê bao, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ngập lũ của ĐTM và TGLX là Kiên Giang Đồng Tháp, An Giang. Các công trình này sẽ hỗ trợ việc chuyển đổi lúa 3 vụ sang lúa 2 vụ cộng với 1 vụ hoặc 1 vụ thủy sản (nuôi cá nước ngọt hoặc tôm). Các đê bao mới này thiếu tác động của lũ đến việc thu hoạch lúa do việc xuống cấp của tuyến đê bao hiện hữu. Nâng cấp tuyến đê bao hiện hữu (đê tháng tám) bằng bê tông sẽ làm giảm chi phí bảo dưỡng hàng năm và tạo điều

kiện thuận lợi cho giao thông thủy. Thực hiện Dự án sẽ bảo vệ sản phẩm nông nghiệp giá trị cao (ví dụ: cây ăn quả) và giảm thiệt hại do lũ ở các tỉnh hạ lưu.

9. Việc xây dựng các cống trong các TDA sẽ cung cấp nước cho nông nghiệp vào mùa mưa. Hiện nay, việc xây dựng các tuyến đê cao để kiểm soát lũ và thâm canh lúa đã ngăn nước lũ xâm nhập vào các vùng lũ để sản xuất vụ ba. Việc vận hành các cống sẽ kiểm soát mực nước trong khu vực dự án và hỗ trợ việc sản xuất lúa nổi, hoa màu, nuôi thủy sản và nuôi tôm nước ngọt. Xung đột về nguồn nước có thể xảy ra giữa các loại hình sản xuất với nhau và ở những nơi mà việc tang khả năng giữ lũ không mang lại lợi ích. Một số tác động tích cực của việc giữ lũ là tăng nguồn cung cấp trầm tích và chất dinh dưỡng từ sông Mê Công và có thể làm giảm lượng phân bón và thuốc trừ sâu được sử dụng trong các hoạt động nông nghiệp. Thực hành nông nghiệp thông minh ứng phó với BĐKH và nông nghiệp bền vững cần bao gồm các hỗ trợ để chuyển đổi sang mô hình sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản mới.

10. Thực hiện các TDA có thể thay đổi chế độ thủy văn dòng chảy từ vùng thượng lưu ảnh hưởng đến nguồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống của các loài thủy sản (OP 4.04). Tuy nhiên, các tuyến đê bao tháng tám đã chia nhỏ các vùng ngập lũ và làm giảm khả năng kết nối hệ sinh thái dẫn đến suy giảm việc khai thác thủy sản. Cải thiện khả năng giữ lũ có thể làm tăng đa dạng sinh học của vùng ngập.

B3.5. Tác động của việc áp dụng các mô hình sinh kế vùng thượng nguồn

11. Sự phát triển của các mô hình sinh kế ở thượng nguồn sẽ hỗ trợ nông dân chuyển đổi mô hình trồng lúa 3 vụ. Cung cấp các biện pháp hỗ trợ nông dân để họ lựa chọn loại đối tượng sản xuất trong mùa mưa là một giải pháp quan trọng để chuyển đổi từ lúa ba vụ sang 2 vụ lúa và 1 vụ lúa nổi hoặc hoa màu hoặc nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm nước ngọt. Sản xuất lúa 3 vụ ở vùng thượng lưu đã làm cho sản lượng giảm đi và chi phí tăng cao. Việc thâm canh lúa đã khiến nông dân sử dụng nhiều thuốc trừ sâu và phân bón, làm giảm hiệu quả của vụ Thu - Đông và tăng ô nhiễm nguồn nước mặt. Người dân cũng cho rằng việc xây dựng các đê bao và công trình kiểm soát lũ đã làm giảm phù sa lắng đọng dẫn đến độ màu mỡ của đồng lúa của họ giảm đi.

12. Hỗ trợ sinh kế thích hợp trong mùa lũ trong khu vực trữ lũ bao gồm duy trì đa dạng hóa các mô hình sản xuất nông nghiệp và NTTS cùng với tăng cường các chuỗi giá trị và liên kết nông dân với doanh nghiệp và thị trường. Việc chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp có giá trị cao sẽ cung cấp nhiều lợi ích xã hội tích cực cho cộng đồng địa phương và các hộ gia đình tham gia vào các mô hình sinh kế. Để đảm bảo tính bền vững của dự án cũng cần phải tham vấn ý kiến với cộng đồng khu vực xung quanh để tất cả người nông dân đều chuyển sang các mô hình thay thế mới.

13. Khôi phục khả năng chặm lũ sẽ cung cấp thêm chất dinh dưỡng và trầm tích trong mùa lũ, tuy nhiên tác động của việc gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón từ việc đa dạng hóa sản xuất cần phải được xem xét. Các mô hình sinh kế nông nghiệp giá trị cao (tức là cây ăn quả, hoa, rau, nấm, dưa lưới) có thể cần phải sử dụng nhiều phân bón và thuốc trừ sâu. Các tác động môi trường do NTTS (cá da trơn) và nuôi tôm nước ngọt bao gồm cả việc phát sinh các chất thải hữu cơ, hóa chất nông nghiệp, thuốc

kháng sinh, lan truyền dịch bệnh và các tác động đối với các loài cá đặc hữu ở ĐBSCL và các vùng ngập lũ cũng sẽ cần xem xét. Để giảm thiểu những tác động môi trường này, chương trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) sẽ được thực hiện cho mỗi TDA như là một phần của ESMP. Ngoài ra cũng cần xây dựng trạm quan trắc chất lượng nước mặt trong vùng dự án.

(a). Tác động của việc xây dựng các công trình kiểm soát mặn ở vùng cửa sông và bán đảo

14. Các TDA trong Hợp phần 3 và 4 liên quan đến việc xây dựng và cải tạo các tuyến đê ven biển trong khu vực đang bị xói lở và cải tạo cơ sở hạ tầng kiểm soát nguồn nước dọc vùng ven biển để thích ứng với thay đổi độ mặn. Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng là khu vực bị xói lở nặng và dự đoán là sẽ tiếp tục tăng điều cho thấy rằng cách tiếp cận như hiện đang làm là không hiệu quả và cần thiết phải áp dụng cách tiếp cận mới để bảo vệ bờ biển, hệ sinh thái và vùng nông nghiệp giá trị cao và vùng NTTS.

15. Phương pháp truyền thống để bảo vệ bờ biển của Việt Nam là xây dựng tuyến đê biển, nhiều tuyến đê được xây dựng bằng đá hoặc bê tông. Trước đây, các công trình kiểm soát nguồn nước được xây dựng ở các tỉnh ven biển để kiểm soát mặn xâm nhập vào các cửa sông. Nước mặn được ngăn không cho vào các kênh rạch bằng việc xây dựng các cống để có thể đóng khi triều phía biển cao hơn mức nước trong sông kênh. Tại những nơi xây cống đã xuất hiện xung đột giữa nhu cầu nước ngọt để sản xuất nông nghiệp và nước lợ để NTTS. Để giải quyết vấn đề này thì cần phải phân chia các vùng sản xuất như vùng sản xuất mặn, lợ và ngọt. Vận hành các cống và phân chia các vùng nuôi cần phải linh hoạt để xem xét sự xâm nhập mặn tùy thuộc điều kiện của từng năm như năm hạn, năm trung bình nước, năm lũ lớn và điều kiện nước biển dâng trong tương lai.

16. Gần đây, chức năng các công trình kiểm soát mặn đã được điều chỉnh từ vận hành để ngăn mặn chuyển sang vận hành theo hướng thích ứng. Ví dụ, nuôi tôm nước mặn vào mùa khô tiếp theo trồng lúa vào mùa mưa thông qua việc điều chỉnh thiết kế và vận hành các công trình hiện có và đầu tư thêm công trình có quy mô nhỏ. Dự án MD-ICRSL được xây dựng dựa trên cách tiếp cận này và đầu tư vào các cơ sở hạ tầng sẽ hỗ trợ việc chuyển đổi sang các mô hình sản xuất nước lợ bền vững hơn như tôm - rừng, tôm - lúa và các loài thủy sản khác, thích ứng với xâm nhập mặn.

17. Việc xây dựng các công trình kiểm soát lũ và kiểm soát mặn có thể làm thay đổi dòng chảy sông Mê Công; dẫn đến suy giảm đa dạng và số lượng của quần thể cá (OP 4.04). Đánh bắt quá mức và mất môi trường sống và sinh sản do sự thay đổi dòng chảy đe dọa các loài cá ở ĐBSCL. Các nỗ lực sẽ được thực hiện để hạn chế tác động đến động vật thủy sinh, ví dụ, xây dựng đường dẫn cá tại các cống.

18. Các vấn đề về chất lượng nước mặt và vận hành cống cần phải được quản lý. Ô nhiễm nước mặt do dư lượng hóa chất nông nghiệp (ví dụ như thuốc trừ sâu và phân bón) và chất hữu cơ từ nông nghiệp và NTTS khi xả vào kênh mương. Tuy nhiên, dự án chỉ đề xuất xây dựng các cống ở các sông, kênh cấp 2 và 3 và các tác động môi trường chủ yếu sẽ mang tính cục bộ và các biện pháp giảm thiểu có thể được thực

hiện ở cấp TDA. Vận hành công cũng cần phải xem xét các tác động đến giao thông đường thủy nội địa. Cần phải tham vấn các bên liên quan bao gồm cả những người sử dụng đường thủy trong quá trình xây dựng kế hoạch vận hành công.

(b). Tác động của các mô hình sinh kế vùng cửa sông và bán đảo

19. Các mô hình sinh kế ở cửa sông và bán đảo sẽ hỗ trợ cho nông dân để chuyển đổi (tại những vùng thích hợp) sang kinh tế nước lợ bền vững hơn như tôm - rừng, lúa-tôm và các loại thủy sản khác và thực hiện nông nghiệp thông minh thích ứng khí hậu bằng cách tạo điều kiện sử dụng nước hiệu quả trong mùa khô. Chương trình hỗ trợ sinh kế rất quan trọng đối với các tỉnh ở cửa sông và ven biển khi mà hộ gia đình trong quá trình chuyển đổi giữa sản xuất nước ngọt và nước lợ có thu nhập thấp hơn so với các vùng khác. Sinh kế của người dân ở khu vực này dễ bị tổn thương hơn do nước ngọt từ thượng nguồn đổ về, mặn xâm nhập từ các cửa sông và các khu vực nuôi tôm lân cận và do tình trạng thiếu nước ngọt nghiêm trọng trong mùa khô.

20. Cung cấp các biện pháp hỗ trợ sinh kế cho nông dân để thích ứng với sự xâm nhập mặn và chuyển đổi sang nuôi thủy sản nước lợ là một sáng kiến quan trọng. Việc nhiễm mặn ở vùng cửa sông đã gây thiệt hại cho sản xuất lúa và nông nghiệp giá trị cao. Việc chuyển đổi sang sản xuất nông nghiệp có giá trị cao sẽ mang lại nhiều lợi ích xã hội cho cộng đồng địa phương và các hộ tham gia vào các mô hình sinh kế. Các công trình kiểm soát mặn hiện hữu không vận hành một cách linh hoạt được và làm cản trở sự phát triển của người nông dân. Có nhiều người Khmer đang sinh sống ở Sóc Trăng và Trà Vinh, Khmer là một số trong các hộ nghèo nhất ở ĐBSCL. Vấn đề quan trọng là cần phải hỗ trợ sinh kế cho người Khmer và các dân tộc thiểu số khác. Việc chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản ở các vùng cửa sông sẽ phức tạp khi mà thu nhập và cơ hội việc làm cho người dân địa phương từ sản xuất nông nghiệp giá trị cao cao hơn so với nuôi trồng thủy sản.

21. Trong các loại hình NTTS thì tôm - rừng và tôm - lúa là mô hình có tính bền vững hơn cả. Việc phát triển các mô hình sinh kế sẽ cần phải xem xét tác động môi trường do nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm bao gồm cả việc phát sinh các chất thải hữu cơ, hóa chất nông nghiệp, thuốc kháng sinh, lan truyền dịch bệnh và các tác động đến hệ sinh thái nước ngọt và nghề cá ven biển ở ĐBSCL. Để giảm thiểu những tác động môi trường này, IPM sẽ được thực hiện cho từng TDA như một phần của ESMP. Khung quản lý vật hại quy định: cấm sử dụng các hóa chất rất độc hại và cung cấp hướng dẫn và IPM.

(c). Mở rộng nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm

22. Nhu cầu diện tích để nuôi tôm thâm canh và bán thâm canh rất lớn đã dẫn đến việc mất đáng kể môi trường sống tự nhiên thông qua chuyển đổi rừng ngập mặn và đất ngập nước sang thành ao nuôi tôm. Việc đầu tư vào công trình kiểm soát nguồn nước lớn đã dẫn đến xung đột lợi ích và việc quản lý nguồn nước không linh hoạt khi nông dân trồng lúa tại địa phương đã tìm cách tăng thu nhập của mình thông qua việc chuyển đổi trồng lúa sang nuôi tôm.

23. Dự án sẽ thúc đẩy mô hình sản xuất tôm - lúa và tôm - rừng mà các mô hình này được coi là bền vững hơn về mặt môi trường bởi vì các mô hình này không hoặc ít sử dụng thức ăn công nghiệp và hóa chất nông nghiệp (ví dụ như phân bón, thuốc kháng sinh) và có thể dẫn đến phục hồi các vùng rừng ngập mặn. Vấn đề môi trường cần quản lý của các mô hình này việc thải nước thải và bùn thải chưa xử lý vào kênh rạch xung quanh. Áp dụng mô hình lúa-tôm theo tiêu chuẩn VietGap để phát triển các hướng dẫn cho việc vận hành các hệ thống quản lý nước nguồn nước trong khu vực dự án sẽ dẫn đến việc nuôi tôm bền vững hơn ở vùng cửa sông và bán đảo.

24. Tuy nhiên, có một số vấn đề môi trường cần quan tâm đối với mô hình tôm - lúa hiện nay. Đầu tiên, sự trao đổi nước của mô hình này là lớn sẽ dẫn đến sự tích lũy lớn của bùn ở trong ao. Nhiều nông dân cho rằng việc thải bỏ trầm tích này vào kênh rạch hoặc sông gần đó, sẽ gián tiếp gây ra tác động tiêu cực đối với môi trường. Hơn nữa, việc đưa vào nuôi các loài ngoại lai và nuôi tôm thâm canh cũng có thể dẫn đến nguy cơ gia tăng ô nhiễm từ nước thải nuôi tôm.

25. Dự án sẽ hỗ trợ một nghiên cứu để cải thiện việc quản lý nguồn nước phục vụ nuôi tôm. Đặc biệt, nghiên cứu này sẽ bao gồm các nội dung sau: (a) kiểm kê để phân loại các trang trại hiện có; (b) phân tích hiện trạng sử dụng phân bón và thuốc kháng sinh; (c) xác định các điểm nóng về môi trường; và (d) xây dựng và phổ biến các quy trình nuôi hiệu quả nhất. Yêu cầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho hoạt động NTTS và nuôi tôm để giảm thiểu ô nhiễm nước mặt. Ngày càng có nhiều nước ngầm được khai thác để cấp cho các ao tôm để kiểm soát nồng độ mặn của các ao tôm và để đa dạng sản xuất cây trồng (kể cả khu vực trồng lúa và nuôi tôm). Việc chuyển đổi sang nuôi tôm bền vững sẽ giảm nước thiếu khai thác nước ngầm cho nuôi tôm.

(d). Tác động đến rừng ngập mặn vùng cửa sông ven biển

26. Các giải pháp để thích ứng với sự xâm nhập mặn và chống xói lở vùng ven biển ở Cà Mau và Bạc Liêu sẽ bao gồm NTTS bền vững, xây dựng cơ sở hạ tầng để NTTS và khôi phục dãy rừng ngập mặn. Rừng ngập mặn đóng một vai trò quan trọng về đa dạng sinh học và năng suất của hệ sinh thái của khu vực ven biển ĐBSCL. Ở một số vùng, tuyến đê đã được củng cố hoặc nâng cấp và rừng ngập mặn được trồng để chống bão và bảo vệ bờ. Chương trình Quản lý tổng hợp vùng ven biển của GIZ đang hỗ trợ Việt Nam trong việc quản lý hệ sinh thái ven biển để tăng cường khả năng ứng phó với BĐKH. Để quản lý các tác động môi trường, kế hoạch quản lý rừng (OP 4.36) sẽ được chuẩn bị cho tất cả các hoạt động khôi phục rừng ngập mặn của dự án.

27. Quản lý ven biển tổng hợp đòi hỏi một sự kết hợp của tuyến đê biển, khôi phục rừng ngập mặn và nuôi tôm bền vững để bảo vệ bán đảo khỏi nguy cơ xói lở và nước biển dâng. Tăng diện tích rừng ngập mặn sẽ bảo vệ bờ biển khỏi xói lở, bão và có thể làm tăng đa dạng sinh học. Hoạt động này cần được hỗ trợ bằng cách bảo tồn đa dạng sinh học và giám sát để bảo vệ các loài nước mặn và cửa sông thuộc khu vực rừng ngập mặn. Việc quản lý bền vững các loài thủy ở các vùng ven biển (gần bờ) rất quan trọng để hỗ trợ sinh kế của người dân không có đất và bảo vệ đa dạng sinh học.

(e). Tác động do việc xây dựng các hồ chứa nước ngọt, các công trình cấp nước và vệ sinh môi trường

28. Nước mặt là một trong những nguồn cung cấp nước chính ở vùng ngọt trong khi đó nước ngầm là nguồn cung cấp nước chính ở vùng ven biển, đặc biệt là trong mùa khô. Các tỉnh ven biển đang chịu tác động của một số yếu tố như gia tăng xâm nhập mặn, giảm nguồn nước ngọt đảm bảo chất lượng, sự suy giảm mực nước ngầm. Đối phó với tình trạng thiếu nước ngọt và hạn hán trong mùa khô và đảm bảo cung cấp nước sạch là một thách thức quan trọng của vùng bán đảo. Việc cung cấp nước ngọt ở nhiều vùng như Cà Mau, Bạc Liêu và Sóc Trăng trực tiếp từ nguồn cung cấp không qua xử lý đã làm cho chất lượng nước không đảm bảo tiêu chuẩn. Hoạt động đề xuất này của dự án mang lại tác động tích cực cho 11.000 hộ ở bán đảo Cà Mau.

29. Các hoạt động đầu tư ở Cà Mau sẽ bao gồm việc hỗ trợ xây dựng một hồ chứa để trữ ngọt từ mùa mưa và cung cấp cho sinh hoạt và nông nghiệp trong mùa khô. Việc xây dựng hồ chứa này sẽ giải quyết tình trạng thiếu nước ngọt trong mùa khô và kết hợp với sản xuất nông nghiệp thông minh ứng phó khí hậu sẽ làm giảm sự phụ thuộc vào nước ngầm. Rà soát quy chế vận hành, sử dụng đa mục tiêu (ví dụ: tưới, kiểm soát lũ) và các khía cạnh về an toàn đập rất quan trọng để xem xét trong các công cụ chính sách an toàn cần phải chuẩn bị. Cần sử dụng mô hình thủy văn và thủy lực để dự báo diện tích tưới (ha), dung tích chứa (ML) và quy trình vận hành hồ chứa.

30. Vấn đề an toàn đập sẽ dựa trên của cấu trúc của công trình chậm lũ (OP 4.37). Cho rằng không có công trình làm chậm lũ nào được xây dựng cao hơn 10 mét, các biện pháp an toàn phù hợp với OP 4.37 sẽ được chuẩn bị và đảm bảo có sự tham gia của các kỹ sư có trình độ, và xác nhận rằng việc đánh giá môi trường (EA) của TDA cho thấy không có nguy cơ hoặc rủi ro không đáng kể từ việc vận hành công trình này đến cộng đồng và tài sản địa phương, bao gồm cả tài sản do dự án tài trợ.

31. Việc phát triển nguồn nước ngọt để cấp cho sinh hoạt sẽ có tác động tích cực quan trọng trong việc ngăn ngừa sự suy giảm nước ngầm và sụt lún đất. Các công trình này cần được hỗ trợ bởi các nghiên cứu áp dụng nông nghiệp thông minh và sử dụng nước ngầm để xác định việc sử dụng nước cho nông nghiệp, công nghiệp và sinh hoạt hiện tại và xác định các điểm nóng về khai thác nước ngầm. Có mối liên hệ giữa khai thác nước ngầm, sụt lún đất, xói lở bờ biển và bờ sông vì vậy đây sẽ là một hoạt động quan trọng.

32. Việc tăng lượng nước thải phát sinh do tăng nguồn cung cấp nước cho nông thôn đã được xác định nhưng tác động này không đáng kể. Nguồn nước này đã có sẵn ở các kênh rạch ở ĐBSCL, và gia tăng sử dụng nước cũng sẽ không lớn. Dự án cũng sẽ cung cấp các điều kiện vệ sinh cho các hộ gia đình để giải quyết tác động môi trường này.

Tóm tắt các tác động tích lũy của dự án được trình bày trong *Bảng A.9*.

Bảng A.9: Tóm tắt các tác động tích lũy của các Hợp phần 2, 3 & 4

Hoạt động	Nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên	Mức độ tác động	Tác động	Biện pháp quản lý
		Cường độ / Phạm vi / Thời gian	Xếp loại	
Nâng cấp và xây mới cơ sở hạ tầng	Chiếm dụng đất để xây dựng đê bao, đê, cống và các cơ sở hạ tầng liên quan.	• Thay đổi địa mạo M / Lo / Lt	Trung bình	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT
		• Mất thảm phủ thực vật, đất nông nghiệp và môi trường sống W / Lo / Lt	Trung bình	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT
		• Tăng bụi, tiếng ồn, độ rung, chất thải, và các vấn đề xã hội như di dời mộ M / Lo / Lt	Trung bình	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT
		• Xáo trộn giao thông địa phương trong giai đoạn xây dựng W / Lo / Lt	Nhỏ	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT
Nạo vét	Nạo vét khoảng 150-200km kênh (ha).	• Mất thảm phủ thực vật, đất nông nghiệp và môi trường sống W / Lo / Lt	Nhỏ	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT
		• Tăng các chất rắn lơ lửng trong nước do biến động trầm tích đáy W / Lo / St	Nhỏ	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT.
		• Ô nhiễm đất và nước từ việc thải bỏ vật liệu nạo vét (khối lượng) M / Lo / St	Trung bình	• Các công cụ CSAT của TDA và ESMP, giám sát của Bộ/Sở/Phòng NN&PTNT và Bộ/Sở /Phòng TN&MT.
Xây dựng công trình kiểm soát nguồn nước/kiểm soát lũ ở vùng thượng lưu	Tăng khả năng trữ lũ trong khu vực dự án. Những thay đổi thủy văn dòng chảy và sử dụng đất.	• Chất lượng nước mặt do chuyển đổi sang nuôi trồng thủy sản và tôm nước ngọt M/Sr /Mt	Trung bình	• Nông nghiệp thông minh ứng phó khí hậu và nông nghiệp bền vững được thực hiện
		• Tăng khả năng trữ lũ ở vùng thượng lưu H / R / Mt	Trung bình	• Mô hình hóa và dự báo lũ để xác định khu vực bị ngập và không bị ngập trong các năm lũ nhỏ, lũ trung bình và lũ lớn
		• Tăng hàm lượng chất dinh dưỡng và trầm tích trong mùa lũ M / Lo / Mt	Trung bình	• Thực hành nông nghiệp thông minh để giảm phân bón và thuốc trừ sâu
		• Giảm nguy cơ ngập cho các tỉnh ở hạ lưu H / R / MT	Trung bình	• Mô hình hóa và dự báo lũ để xác định khu vực bị ngập và không bị ngập trong các năm lũ nhỏ, lũ trung bình và lũ lớn

Hoạt động	Nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên	Mức độ tác động	Tác động	Biện pháp quản lý
		Cường độ / Phạm vi / Thời gian	Xếp loại	
		<ul style="list-style-type: none"> Bảo vệ nông nghiệp có giá trị cao (cây ăn quả) <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Mô hình hóa và dự báo lũ để xác định khu vực bị ngập và không bị ngập trong các năm lũ nhỏ, lũ trung bình và lũ lớn
		<ul style="list-style-type: none"> Xung đột về sử dụng nước <i>M / Lo / St</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình sinh kế để hỗ trợ chuyển đổi và quản lý hoạt động
		<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện kết nối hệ sinh thái do thay đổi thủy văn dòng chảy <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát các loài cá nước ngọt và thủy sinh
Áp dụng các mô hình sinh kế mới ở vùng thượng lưu	Đất (ha) ở khu vực thí điểm các mô hình sinh kế mới	<ul style="list-style-type: none"> Tăng thu nhập từ chuyển đổi từ lúa 3 vụ sang lúa + thủy sản <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo chương trình hỗ trợ sinh kế bao gồm tiếp cận thị trường và khuyến nông đối với cây trồng mới
		<ul style="list-style-type: none"> Tăng ô nhiễm nước mặt do nuôi tôm nước ngọt và thủy sản <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và thực hành nông nghiệp bền vững
		<ul style="list-style-type: none"> Tăng phân bón và thuốc trừ sâu sử dụng cho loại cây trồng mới <i>M / Sr / St</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Nông nghiệp thông minh ứng phó khí hậu và nông nghiệp bền vững được thực hiện
Xây dựng các công trình kiểm soát nguồn nước/kiểm soát mặn ở vùng cửa sông và bán đảo	Thay đổi thủy văn dòng chảy và sử dụng đất.	<ul style="list-style-type: none"> Xâm nhập mặn ảnh hưởng đến vùng sản xuất nông nghiệp nước ngọt hiện có <i>M / Sr / Lt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Việc chuyển đổi được hỗ trợ thông qua chương trình sinh kế. Xác định vùng sản xuất ngọt, lợ và mặn
		<ul style="list-style-type: none"> Ngăn cản sự di cư của cá và kết nối hệ sinh thái <i>H / R / Lt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng đường dẫn cá tại các cống và giám sát cá và đa dạng sinh học trong khu vực dự án
		<ul style="list-style-type: none"> Xung đột giữa sử dụng nước để sản xuất ngọt và nuôi thủy <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Việc chuyển đổi được hỗ trợ thông qua chương trình sinh kế. Xác định vùng sản xuất ngọt và lợ
		<ul style="list-style-type: none"> Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt khi đóng cống <i>M / Lo / St</i> 	Thấp	<ul style="list-style-type: none"> Khí hậu nông nghiệp thông minh và thực hành nông nghiệp bền vững thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> Nhiễm mặn các tầng chứa nước ngầm <i>M / Sr / Lt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo giám sát nước ngầm và nghiên cứu sử dụng nước ngầm được tiến hành trong khu vực dự án.
		<ul style="list-style-type: none"> Giảm xói lở bờ biển <i>H / R / Lt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng công nghệ viễn thám để giám sát thay đổi về xói lở bờ biển.

Hoạt động	Nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên	Mức độ tác động	Tác động	Biện pháp quản lý
		Cường độ / Phạm vi / Thời gian	Xếp loại	
		<ul style="list-style-type: none"> Giảm thiệt hại từ bão và nước biển dâng <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Giám sát hệ thống đê biển, kè sau bão và lũ lụt.
		<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện khả năng chống chịu của nông dân <i>H / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Việc chuyển đổi được hỗ trợ thông qua chương trình sinh kế. Xác định vùng sản xuất ngọt và lợ
Phát triển các mô hình sinh kế ở cửa vùng cửa sông và bán đảo	Đất (ha) ở khu vực thí điểm nuôi thủy sản nước lợ	<ul style="list-style-type: none"> Tăng thu nhập từ giá trị nuôi trồng thủy sản giá trị cao <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo chương trình sinh kế đã bao gồm tiếp cận thị trường, khuyến nông và xây dựng năng lực về các mô hình sản xuất mới
		<ul style="list-style-type: none"> Không hỗ trợ sinh kế cho người Khmer, người dân tộc thiểu số khác và phụ nữ <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo mô hình sinh kế được truyền đạt đến cộng đồng tại khu vực thí điểm và khu vực xung quanh
		<ul style="list-style-type: none"> Vấn đề chất lượng nước mặt do nuôi thủy sản và nuôi tôm <i>M / Sr / St</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) và thực hành nông nghiệp bền vững
Mở rộng nuôi thủy sản và nuôi tôm	Chuyển đổi đất để nuôi tôm bền vững.	<ul style="list-style-type: none"> Giảm thu nhập của nông dân do nuôi tôm thâm canh <i>M / Lo / St</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Việc chuyển đổi được hỗ trợ thông qua chương trình sinh kế.
		<ul style="list-style-type: none"> Xung đột giữa sử dụng nước ngọt và nước lợ <i>M / Lo / St</i> 	nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> Việc chuyển đổi được hỗ trợ thông qua chương trình sinh kế. Giám sát những thay đổi sử dụng đất trong khu vực dự án.
		<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện chất lượng nước mặt do giảm nuôi tôm thâm canh <i>M / Sr / Lt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Áp dụng tiêu chuẩn VietGap để xây dựng hướng dẫn vận hành hệ thống quản lý nguồn nước
		<ul style="list-style-type: none"> Giảm sử dụng nước ngầm <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu và giám sát sử dụng nước ngầm được thực hiện trong khu vực dự án.
Bảo vệ rừng ngập mặn ven biển	Diện tích rừng ngập mặn gia tăng ở vùng ven biển.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng diện tích rừng ngập mặn và tăng tính đa dạng sinh học <i>H / Sr / Mt</i> 	Lớn	<ul style="list-style-type: none"> Thực hiện quản lý nghề cá ven biển và Kế hoạch quản lý rừng
		<ul style="list-style-type: none"> Tăng cường bảo vệ khỏi bị xói lở và nước biển dâng <i>H / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> MARD và MONRE giám sát các vị trí của vùng phục hồi rừng ngập mặn và thiết lập khu vực bảo vệ.
		<ul style="list-style-type: none"> Thiết lập hệ thống nuôi sò huyết dưới tán rừng ngập mặn <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Giảm nhu cầu nuôi tôm thâm canh và thúc đẩy sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên.

Hoạt động	Nhu cầu về tài nguyên thiên nhiên	Mức độ tác động	Tác động	Biện pháp quản lý
		Cường độ / Phạm vi / Thời gian	Xếp loại	
Xây dựng hồ chứa nước ngọt, các công trình cấp nước và vệ sinh	Chuyển đổi đất để xây hồ chứa (ML) và công trình kiểm soát lũ.	<ul style="list-style-type: none"> Tăng ô nhiễm nước mặt trong quá trình thu gom nước thải <i>M / Lo / St</i> 	nhỏ	<ul style="list-style-type: none"> Chương trình giám sát chất lượng nước trong quá trình xây dựng và vận hành.
		<ul style="list-style-type: none"> Cải thiện việc tiếp cận nguồn nước và vệ sinh môi trường <i>M / Lo / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Phát triển cơ sở hạ tầng hỗ trợ bởi chương trình sinh kế nước và vệ sinh môi trường.
		<ul style="list-style-type: none"> Tăng nguồn nước ngọt cho nông nghiệp và sinh hoạt trong mùa khô <i>M / Sr / Lt</i> 	Lớn	<ul style="list-style-type: none"> Được thực hiện với nông nghiệp thông minh ứng phó khí hậu và các biện pháp bảo vệ nguồn nước
		<ul style="list-style-type: none"> Giảm khai thác nước ngầm trong mùa khô <i>M / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Nghiên cứu và giám sát việc sử dụng nước ngầm được thực hiện trong khu vực dự án.
		<ul style="list-style-type: none"> Rủi ro về an toàn đập cho cộng đồng xung quanh <i>H / Sr / Mt</i> 	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> Đánh giá môi trường và đánh giá an toàn đập cho TDA

Phụ lục 3 (c): Hướng dẫn đánh giá xã hội

Hướng dẫn này trình bày những phát hiện quan trọng trong RSA để giải quyết tính dễ bị tổn thương khí hậu và môi trường và xã hội của cho các Hợp phần 2, 3 và 4 của Dự án. Những phát hiện này cần được xem xét trong quá trình chuẩn của ESIA hoặc ESMP của TDA.

C3.1. Giải quyết tính dễ bị tổn thương về khí hậu và môi trường

(a) Các công trình hỗ trợ các mô hình sinh kế

- Sử dụng chuyên môn của các chuyên gia nông nghiệp và thủy sản để tối ưu hóa thiết kế các công trình hỗ trợ mô hình sinh kế. Đảm bảo rằng thiết kế thành phần của các công trình có thể kiểm soát tốt hơn nguồn nước và yêu cầu chất lượng nguồn nước của các mô hình sinh kế tương ứng sẽ rất quan trọng để giảm thiểu rủi ro về môi trường khí hậu của người nông dân.

(b) Chất lượng nước và phân vùng/quy hoạch sử dụng đất

- Các vấn đề chất lượng nước cần được giải quyết đặc biệt đối với các mô hình liên quan đến NTTS (cả nước ngọt và nước lợ) nếu muốn các mô hình này phát triển bền vững. Nhiều khu vực TDA đang ở điều kiện tối ưu về chất lượng nước và cơ sở hạ tầng kiểm soát nguồn nước.
- Kế hoạch sử dụng đất ở Ba Tri, Bến Tre cần được điều chỉnh dưới sự hỗ trợ của các chuyên gia nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và lâm nghiệp (tôm - rừng). Xung đột về sử dụng đất và nước ở khu vực giữa tuyến đê biển và Hương lộ 16 đã làm cho việc quản lý chất lượng nước cực kỳ khó khăn.
- Đánh giá và giám sát các tác động của việc xả thải chất ô nhiễm hữu cơ ở phía sau cống ngăn mặn (ở Kiên Giang) đối với việc nuôi trồng thủy sản ven biển.

(c) Khai thác nước ngầm và sụt lún đất

- Thực hiện nghiên cứu về khai thác nước ngầm và sụt lún đất ở Cù Lao Dung để cung cấp thông tin hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư về sinh kế. Việc khai thác nước ngầm để tưới cho cây mía trong mùa khô và cung cấp nước cho sinh hoạt sẽ dẫn đến việc sụt lún đất tiếp tục xảy ra và sẽ góp phần làm tăng tác động của nước biển dâng.

C3.2. Giải quyết tính dễ bị tổn thương về xã hội

(a) Khả năng chấp nhận của người nông dân đối với việc áp dụng các mô hình sinh kế mới

- Đặt các mô hình thí điểm gần mô hình thành công để thay đổi nhận thức về rủi ro của các mô hình sinh kế của nông dân. Những người trồng lúa 3 vụ và 2 vụ cũng như những người trồng lúa nổi vụ nhận thấy những rủi ro của các mô hình sinh kế vào mùa lũ mà dự án đề xuất là tương đối cao. Tương tự như vậy, những người trồng lúa thâm canh ven biển (ví dụ: ở Ba Tri) và người trồng mía

cũng nhận thấy nguy cơ rủi ro của mô hình nuôi tôm thâm canh là khá cao so với thâm canh lúa và mía đường.

(b) Giải quyết các rủi ro về thị trường

- Giảm nguy cơ thừa nguồn cung bằng cách làm việc với các doanh nghiệp nông nghiệp trên các tiếp cận gia tăng theo thời đoạn. Việc thực hiện các mô hình sinh kế cần có một cách tiếp cận theo giai đoạn để nhân rộng mô hình để có thể kiểm tra được thị trường và doanh nghiệp có thời gian để mở rộng thị trường của mình hoặc tìm kiếm thị trường mới một cách tăng dần.

(c) Đa dạng hoá các mô hình và đa dạng hoá trong phạm vi của các mô hình sinh kế

- Trong một số TDA, các mô hình sinh kế để người dân lựa chọn áp dụng là tương đối ít và trong phạm vi nào đó, phía dự án cần làm việc với các chuyên gia tư vấn để tăng số lượng các mô hình theo thời gian.
- Chia sẻ những bài học và kinh nghiệm giữa các tiểu dự án cũng có thể giúp ích cho việc tăng cường đa dạng hóa đầu tư và sản xuất. Ví dụ, mô hình tôm - lúa trong đó có bổ sung tôm càng xanh trong vụ lúa vào mùa mưa và mô hình này có thể được áp dụng trong mô hình tôm - lúa ở Kiên Giang.
- Hỗ trợ trong việc đạt chứng nhận hữu cơ, tiêu chuẩn sản xuất sạch (ví dụ. VietGAP) và xây dựng thương hiệu sản phẩm để quảng bá thương hiệu và đa dạng hóa thị trường.

(d) Hỗ trợ người nông dân

- Việc sử dụng các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác để thực hiện mô hình sinh kế nên hình thành cơ sở của chiến lược thực hiện sinh kế của TDA. Hình thành các tổ hợp tác mới, hoặc thông qua các tổ hợp tác hiện có, sẽ giúp thấm nhuần niềm tin nông dân về hiệu quả của nuôi trồng thủy sản thông qua việc chia sẻ rủi ro tập thể, đặc biệt là với những nông dân vì sợ rủi ro mà không sẵn sàng để áp dụng các mô hình thích ứng mới.
- Cần tài trợ vốn ban đầu của các mô hình sinh kế. Hiện tại tại các vị trí dự kiến đặt mô hình thì người dân đang mắc nợ ngân hàng nhiều nên nếu không tài trợ về giống thì nông dân sẽ gặp khó khăn trong việc khởi động các mô hình sinh kế mới của mình. Theo yêu cầu của nông dân thì việc hỗ trợ vốn đầu tư là ưu tiên hàng đầu.
- Thuê chuyên gia về nông nghiệp và NTTS để hỗ trợ và phát triển kỹ thuật cho các hợp tác xã hoặc tổ hợp tác, các tổ chức khuyến nông và nông dân.
- Các tổ chức đoàn thể, đặc biệt là Hội Nông dân và Hội Phụ nữ, nên đóng một vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ nông dân và hợp tác xã chẳng hạn như tập hợp, tổ chức tập huấn khuyến nông, tạo điều kiện để người nông dân tham gia giao lưu, tham quan giám sát việc thực hiện các mô hình...

- Khuyến khích các doanh nghiệp đặt các trại giống có khả năng sản xuất giống thủy sản chất lượng cao gần các điểm thí điểm càng tốt.
- Phát triển các công cụ hỗ trợ ra quyết định trong đó có cảnh báo sớm hạn hán và lũ lụt cho nông dân. Tác động nặng nề của El Nino trong năm nay (2016) đã cho thấy sự cần thiết phải phát triển các công cụ dự báo để thông báo cho người dân về những loại cây và con mà nông dân có thể đầu tư.

(e) Đối với những hộ nghèo và không có đất

- Hỗ trợ sinh kế cho người không có đất trong khu vực TDA cần được thiết lập hoặc mở rộng từ các nguồn tín dụng quy mô nhỏ và các chương trình phát triển hiện có để tránh sự bất bình đẳng ngày càng tăng giữa người giàu và người nghèo.
- Khuyến khích các công ty kinh doanh nông nghiệp, đặc biệt là ngành hàng dọc mở rộng chuỗi sản xuất của họ nhằm tạo cơ hội việc làm cho người nghèo. Các tỉnh có thể cung cấp đất và ưu đãi thuế để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

(f) Tham vấn và tham gia của cộng đồng

Các yêu cầu tham vấn bổ sung ngoài tham vấn về CSAT (tái định cư và môi trường):

- Sự chấp nhận đối với các mô hình sinh kế
- Các phương án lựa chọn và thiết kế tín dụng vi mô của các mô hình sinh kế
- Vấn đề giao thông thủy trong quá trình thiết kế chi tiết và xây dựng quy trình vận hành cống
- Cụ thể hơn, các ý kiến và các sáng kiến của cộng đồng trong các buổi tham vấn cộng đồng cần được xem xét trong quá trình thiết kế và thực hiện dự án đặt biệt là các ý kiến của những người ít học và ý kiến của phụ nữ.
- Thực hiện dự án ở cấp cộng đồng không nên chỉ dựa vào các tài liệu hoặc các thông tin bằng chữ (ví dụ: bồi thường, đào tạo kỹ thuật) mà cần được bổ sung bằng lời nói. Hầu hết ở các khu vực TDA, trình độ dân trí của người dân còn thấp và tỷ lệ mù chữ tương đối cao, đặc biệt là phụ nữ và dân tộc thiểu số.
- Các chương trình đào tạo khuyến nông nên đảm bảo được thực hiện theo cách thức và thời gian thích hợp với người phụ nữ vì họ còn phải có trách nhiệm chăm sóc con cái và nấu ăn...

(g) Vận hành cống và giao thông thủy

- Thiết kế cống cần đảm bảo tàu thuyền có thể di chuyển ra vào cống một cách tối ưu. Trong khu vực có mật độ giao thông thủy lớn, ví dụ như khu vực có cộng đồng đánh bắt cá (Kiên Giang, Sóc Trăng, Ba Tri - Bến Tre), thì khẩu độ cống phải được thiết kế sao cho tàu thuyền có thể ra vào khu vực cống.

- Các cơ quan quản lý chịu trách nhiệm vận hành cống cần phải xây dựng một quy trình vận hành cống có sự tham gia của cộng đồng địa phương và thông tin chính xác cho cộng đồng địa phương về lịch đóng mở cống để người dân chủ động trong việc đi lại của mình để tiết kiệm thời gian và nhiên liệu trong thời gian nằm chờ mở cống.

PHỤ LỤC 4. (a) QUY TẮC THỰC HÀNH MÔI TRƯỜNG (ECOP)

[Điều khoản đấu thầu về quản lý môi trường trong quá trình xây dựng và trách nhiệm của Nhà thầu]

Chính sách của WB về Đánh giá môi trường (OP 4.01) yêu cầu phải đánh giá môi trường của các dự án do WB tài trợ nhằm đảm bảo các dự án này tốt và bền vững về môi trường. Đánh giá môi trường là một quá trình phân tích những rủi ro tiềm tàng về môi trường, xã hội và xác định cũng như áp dụng các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu những tác động đó.

Là một phần của EA, ESMP là một công cụ an toàn và thường được sử dụng trong nhiều dự án và bao gồm quy trình giảm thiểu cũng như quản lý các tác động có hại đối với môi trường trong khi thực hiện dự án.

ECOPs là các biện pháp giảm thiểu những tác động chung do các hoạt động tiểu dự án gây ra trong giai đoạn thi công và dự kiến đưa vào trong tài liệu thầu cũng như yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện.

Nếu các tác động đòi hỏi các biện pháp giảm thiểu đặc thù tại hiện trường mà không có đầy đủ trong ECOPs chung này, những tác động đó cần được đề cập riêng trong ESMP. Bộ ECOPs này cũng không bao gồm các tác động từ lán trại của công nhân (giả định là thông thường không cần thiết đối với những công trình nhỏ), tác động từ những công trình lớn (cầu, hầm, đường lớn). Tác động xã hội gây ra bởi tái định cư bắt buộc hoặc liên quan tới dân tộc thiểu số được giải quyết trong các công cụ an toàn khác. ECOPs bao gồm các hoạt động nạo vét gây ra lượng bùn tương đối nhỏ, trong khi lượng bùn lớn hoặc bị ô nhiễm nghiêm trọng cần phải được xử lý thông qua một quy trình ngoài phạm vi của ECOPs này.

A4.1. Các vấn đề xã hội và môi trường trong quá trình xây dựng

Các hoạt động thi công các công trình nhỏ được ECOPs này điều chỉnh là những hoạt động có tác động ở mức độ hạn chế, tạm thời và có thể loại bỏ được cũng như dễ dàng được quản lý bằng các quy tắc thực hành xây dựng tốt. Các vấn đề về môi trường và xã hội trong tài liệu này bao gồm:

- Phát sinh bụi
- Ô nhiễm không khí
- Các tác động từ tiếng ồn và rung
- Ô nhiễm nước
- Thoát nước và kiểm soát lắng đọng
- Quản lý kho dự trữ, các mỏ vật liệu và vật liệu mượn.
- Chất thải rắn
- Chất thải hóa chất và độc hại
- Phá vỡ bao phủ thực vật và nguồn tài nguyên sinh thái

- Quản lý giao thông
- Giảm thiểu các dịch vụ tiện ích
- Phục hồi vùng bị ảnh hưởng
- An toàn cho công nhân và cộng đồng
- Truyền thông đến cộng đồng địa phương
- Quy trình phát lộ

A4.2. Khung chính sách và quy định của Việt Nam

Có một số quy định, quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn... của Việt Nam liên quan đến các vấn đề môi trường và an toàn phù hợp với các hoạt động thi công và chất lượng môi trường. Những quy định chính liên quan tới các vấn đề trong ECOPs được liệt kê dưới đây (đây không phải là một danh sách toàn diện):

- *Tiêu chuẩn môi trường Việt Nam*: bao gồm cả tiêu chuẩn về lấy mẫu và bảo quản mẫu, phương pháp phân tích, tiêu chuẩn về chất lượng không khí, nước mặt, nước ngầm, đất, tiêu chuẩn về khí thải, nước thải, tiêu chuẩn về bãi và các tiêu chuẩn về lò đốt. Chúng bao gồm:
 - (i) QCVN 01:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước uống.
 - (ii) QCVN 02:2009/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sinh hoạt.
 - (iii) QCVN 08-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
 - (iv) QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ngầm.
 - (v) QCVN 10:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước các vùng ven biển.
 - (vi) QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt.
 - (vii) QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp.
 - (viii) QCVN 39:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dùng cho tưới tiêu.
 - (ix) QCVN 38:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt bảo vệ đời sống thủy sinh.
 - (x) QCVN 03:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn kim loại nặng trong đất.

- (xi) QCVN 15:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dư lượng hoá chất bảo vệ thực vật trong đất.
 - (xii) QCVN 43:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng trầm tích.
 - (xiii) QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
 - (xiv) QCVN 06:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.
 - (xv) QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
 - (xvi) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.
 - (xvii) QCVN 07:2009/BTNM: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.
 - (xviii) QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
 - (xix) QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.
 - (xx) QCVN 17:2011/BGTVT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy phạm ngăn ngừa ô nhiễm do phương tiện thủy nội địa.
 - (xxi) Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến khí hậu, tiếng ồn, độ rung và hóa chất – ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.
- *Căn cứ cho an toàn/xây dựng*: Vị trí của các bãi thải và mục đích sử dụng khác được thống nhất với chính quyền địa phương và tất cả hoạt động đào đắp đất được thực hiện theo:
- (i) Luật giao thông vận tải số 23/2008/QH12
 - (ii) Luật xây dựng số 50/2014/QH13
 - (iii) Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình
 - (iv) Nghị định số 59/2015/NĐ-CP về quản lý dự án
 - (v) Nghị định số 38/2015/NĐ-CP về quản lý chất thải rắn
 - (vi) Nghị định số 1338/2007/NĐ-CP về hướng dẫn kỹ thuật xây dựng trong khu vực nền móng yếu
 - (vii) Nghị định số 22/2010/TT-BXD về quy định về an toàn xây dựng;
 - (viii) Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT về quản lý chất độc hại

- (ix) Quyết định số 31/2011/TT-BGTVT và Thông tư số 55/2014/TT-BGTVT về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- (x) Chỉ thị số 02/2008/CT-BXD về việc chấn chỉnh và tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động trong các đơn vị thuộc ngành xây dựng
- (xi) TCVN 5308-1991: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong xây dựng
- (xii) TCVN 4447: 2012: Công tác đất: Thi công và nghiệm thu
- (xiii) Kiểm soát không khí, tiếng ồn, độ rung được quy định trong TCVN 4087:2012 - Sử dụng máy xây dựng - yêu cầu chung

- *Quy trình phát lộ*

- (i) Luật Di sản văn hóa (2002).
- (ii) Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa (2009).
- (iii) Nghị định số 98/2010/ND-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa.

A4.3. Yêu cầu giám sát và báo cáo

Không tuân thủ bởi các nhà thầu có thể dẫn đến đình chỉ công trình, xử phạt hành chính hoặc các hình phạt khác, như phải được viết rõ ràng ra trong ESMP và trong hợp đồng.

Nhà thầu chịu trách nhiệm thi hành ECOPs. Trách nhiệm giám sát thực hiện ECOP được chia sẻ giữa các nhà thầu, PPMU/ICMB10 và Tư vấn giám sát thi công như được chỉ ra trong *Phụ lục 7*. Kế hoạch hoạt động của nhà thầu nên kết hợp Kế hoạch quản lý môi trường trong quá trình thi công, hướng dẫn tại trong ECOP cũng như các ESMP được xây dựng cho các TDA. Cán bộ kỹ thuật được chỉ định và Cán bộ môi trường của PPMU/ICMB10 có trách nhiệm giám sát việc tuân thủ ESMP với sự đồng ý của nhà thầu được lựa chọn. WB sẽ định kỳ giám sát hoạt động thực hiện dự án do Ngân hàng tài trợ định kỳ là sáu tháng một lần.

Tối thiểu, các nhà thầu phải chuẩn bị một bản báo cáo hàng tháng về tuân thủ ECOP cần được nộp cho CSC và PPMU/ICMB10. Yêu cầu báo cáo dự án cụ thể hoặc hợp đồng cụ thể được mô tả trong ESMP. CSC có trách nhiệm giám sát hoạt động môi trường tổng thể của dự án và trình PPMU/ICMB10 báo cáo giám sát hàng quý.

Chính sách của WB về Đánh giá môi trường (OP 4.01) yêu cầu phải đánh giá môi trường của các dự án do WB tài trợ nhằm đảm bảo các dự án này tốt và bền vững về môi trường. Đánh giá môi trường là một quá trình phân tích những rủi ro tiềm tàng về môi trường, xã hội và xác định cũng như áp dụng các biện pháp để tránh hoặc giảm thiểu những tác động đó.

Là một phần của EA, ESMP là một công cụ an toàn và thường được sử dụng trong nhiều dự án nó bao gồm: quy trình giảm thiểu và quản lý các tác động có hại đối với môi trường trong khi thực hiện dự án.

Quy tắc thực hành môi trường (ECOPs) là các biện pháp giảm thiểu những tác động chung do các hoạt động tiểu dự án gây ra trong giai đoạn thi công và dự kiến đưa vào trong tài liệu thầu và yêu cầu nhà thầu thi công thực hiện.

Nếu các tác động đòi hỏi các biện pháp giảm thiểu đặc thù tại hiện trường mà không có đầy đủ trong ECOPs chung này, những tác động đó cần được đề cập riêng trong ESMP. Bộ ECOP này cũng không bao gồm các tác động từ lán trại của công nhân (thông thường các công trình nhỏ không cần xây dựng lán trại), tác động từ những công trình lớn (cầu, hầm, đường lớn). Tác động xã hội gây ra bởi tái định cư bắt buộc hoặc liên quan tới dân tộc thiểu số được giải quyết trong các công cụ an toàn khác. ECOPs bao gồm các hoạt động nạo vét gây ra lượng bùn tương đối nhỏ, trong khi lượng bùn lớn hoặc bị ô nhiễm nghiêm trọng cần phải được xử lý thông qua một quy trình ngoài phạm vi của ECOPs này.

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
1. Phát sinh bụi	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật, các quy định của Việt Nam về chất lượng môi trường không khí. - Nhà thầu phải đảm bảo việc giảm thiểu sự phát sinh bụi và người dân địa phương sẽ không coi việc phát sinh bụi là phiền toái; nhà thầu phải thực hiện một kế hoạch kiểm soát bụi để duy trì môi trường lao động an toàn và giảm thiểu sự xáo trộn cho các khu dân cư/nhà ở xung quanh. - Nhà thầu chịu trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu bụi (ví dụ: sử dụng xe tưới nước mặt đường, che phủ nơi tập kết vật liệu, ...) như được yêu cầu. - Vật liệu khi được bốc dỡ và vận chuyển phải được cố định, che phủ một cách thích hợp để ngăn chặn sự rơi vãi của đất, cát, vật liệu hoặc bụi. - Bãi tập kết nguyên vật liệu và đất lộ thiên phải được che chắn, bảo vệ để chống xói mòn bởi gió. Khi lựa chọn vị trí các bãi này phải tính đến hướng gió và vị trí của các điểm nhạy cảm xung quanh. - Công nhân cần sử dụng mặt nạ phòng chống bụi ở những nơi mức độ bụi vượt quá giới hạn quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 05: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí
2. Ô nhiễm không khí	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các phương tiện vận chuyển cần tuân theo các quy định của Việt Nam về kiểm soát giới hạn phát khí thải cho phép. - Các phương tiện vận chuyển tại Việt Nam phải được kiểm tra định kỳ về sự phát khí thải và được cấp chứng nhận “Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT; - Không được đốt chất thải hoặc vật liệu xây dựng (ví dụ: nhựa đường, vv...) trên công trường. - Các trạm xử lý, trộn bê tông cần đặt xa các khu dân cư. 	<ul style="list-style-type: none"> - TCVN 6438-2005: Các phương tiện đường bộ. Giới hạn tối đa cho phép về phát thải khí. - QCVN 05:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường không khí
3. Các tác động từ tiếng ồn và rung động	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu có trách nhiệm thực thi các quy định của Việt Nam liên quan đến tiếng ồn và độ rung. - Tất cả các phương tiện cần phải có “Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT; để tránh việc máy móc phát sinh tiếng ồn quá mức do không được bảo dưỡng đầy đủ. - Khi cần thiết, phải thực hiện các biện pháp để giảm độ ồn tới mức độ chấp nhận được; có thể bao gồm việc lắp các thiết bị giảm thanh, giảm âm hoặc đặt máy thi công có độ ồn lớn trong khu vực được cách âm. - Tránh hoặc giảm thiểu việc giao thông vận chuyển đi qua khu dân cư cũng như tránh đặt các trạm chế biến vật liệu trong khu vực dân cư (như trộn xi măng). 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
4. Ô nhiễm nước	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cần có trách nhiệm thực thi các quy định của Việt Nam về việc xả nước thải vào các nguồn tiếp nhận . - Phải cung cấp nhà vệ sinh di động hoặc xây dựng nhà vệ sinh cho công nhân xây dựng trên công trường. Nước thải từ nhà vệ sinh cũng như nhà bếp, nhà tắm, bồn chậu rửa bát... sẽ được đổ vào bể chứa để vận chuyển ra khỏi công trường hoặc xả vào hệ thống nước thải thành phố; không cho phép bất cứ sự xả thải trực tiếp nào ra các nguồn nước được. - Nước thải vượt quá ngưỡng cho phép theo tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam cần được thu gom vào bể, bồn chứa và đưa ra khỏi công trường bởi đơn vị thu gom chất thải được cấp phép. - Sắp xếp hợp lý việc thu gom, chuyên dùng hoặc ngăn chặn dòng nước thải từ các hộ dân để đảm bảo mức tối thiểu về việc xả nước thải hoặc tắc nghẽn và ngập úng cục bộ. - Trước khi thi công, nhà thầu cần phải có tất cả các giấy phép/chứng chỉ đổ thải nước thải và các hợp đồng đổ nước thải cần thiết. - Khi hoàn thành các công việc xây dựng, bể thu, thùng gom nước thải và bể tự hoại sẽ được xử lý an toàn hoặc đóng lại, trám bít có hiệu quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - QCVN 09:2008/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước ngầm; Bổ sung QCVN nước mặt - QCVN 14:2008/BTNMT: Quy định kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt; - QCVN 40: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; - TCVN 7222: 2002: Yêu cầu chung về nhà máy xử lý nước thải tập trung;
5. Kiểm soát thoát nước, trầm tích và bùn cặn lắng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cần theo sát thiết kế thoát nước chi tiết có trong các kế hoạch thi công, nhằm ngăn nước mưa gây ra ngập úng cục bộ hay xói mòn đất dốc và các khu vực đất không được gia cố bảo vệ tạo nên lượng lớn bùn đổ vào các dòng nước địa phương. - Đảm bảo hệ thống thoát nước luôn được bảo dưỡng sạch bùn và các rác thải khác. - Các khu vực trong dự án, trong công trường không bị xáo trộn bởi các hoạt động xây dựng cần được giữ nguyên điều kiện hiện trạng. - Việc đào đắp, phát quang, mái đắp đất sẽ được duy trì phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng, bao gồm các biện pháp như lắp đặt công, rãnh thoát nước hay sử dụng thực vật che phủ. - Để tránh nước rửa trôi mang theo bùn, cặn lắng có thể ảnh hưởng xấu đến dòng nước, cần phải lắp đặt các công trình kiểm soát bùn, cặn lắng tại những điểm cần thiết để làm chậm lại hoặc chuyển hướng dòng chảy và bẫy giữ bùn, cặn lắng cho đến khi thiết lập được thảm thực vật. Các cấu trúc kiểm soát bùn có thể bao gồm rãnh đất, gờ đá, bể lắng bùn, bao rơm, hệ thống bảo vệ đầu vào của mương thoát nước, hàng rào đan và rào chổi. - Tháo rút nước và dẫn dòng: trong trường hợp các hoạt động thi công cần phải thực hiện trên địa hình sông 	<ul style="list-style-type: none"> - TCVN 4447:1987: Công tác đất – quy phạm thi công - Thông tư số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn xây dựng - QCVN 08:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<p>nước (ví dụ: xây dựng cống hoặc cầu vượt, xây tường chắn, công trình chống xói mòn), các khu công trường cần được tháo rút nước để việc xây dựng được thực hiện trong điều kiện khô thoáng. Nước chứa bùn, trầm tích cần được bơm từ khu công trình đến công trình kiểm soát bùn, trầm tích phù hợp để xử lý trước khi đổ lại vào dòng nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kỹ thuật như đắp bờ, dẫn hay chuyển dòng trong quá trình thi công để hạn chế hiện tượng xáo trộn trầm tích của dòng nước. - Nắn dòng hoặc xây dựng đê quai sẽ yêu cầu các biện pháp giảm thiểu đặc thù trong kế hoạch quản lý môi trường KHQLMT. 	
<p>6. Quản lý kho dự trữ và mỏ đất đá vật liệu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Những mỏ đất đá, vật liệu hoặc kho dự trữ quy mô lớn sẽ cần có các biện pháp quản lý, giảm thiểu đặc thù nằm ngoài phạm vi biện pháp đã xác định trong bản “Quy tắc thực tiễn môi trường đô thị (ECOPs) này”. - Tất cả các địa điểm được sử dụng phải được xác định trước đó theo các tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng đã được phê duyệt. Cần tránh các khu vực nhạy cảm như các điểm danh lam thắng cảnh, các khu vực sinh cảnh tự nhiên, các khu vực gần các nguồn tiếp nhận nhạy cảm hoặc khu vực khác gần nguồn nước phải xây dựng mương mở xung quanh khu dự trữ vật liệu để chặn nước thải. - Đối với mỏ vật liệu được mở lần đầu, cần dự trữ lớp đất mặt để sau này sẽ sử dụng lại lớp đất này nhằm khôi phục lại khu mỏ trở về lại gần với điều kiện tự nhiên ban đầu. - Phải xây tường bao cho khu vực đổ thải nếu cần thiết. - Việc sử dụng thêm các khu vực mới cho việc dự trữ, tập kết hay khai thác vật liệu cần thiết cho quá trình thi công phải được phê duyệt trước bởi các kỹ sư xây dựng. - Khi các chủ sở hữu đất bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng khu vực đất của họ cho việc dự trữ, tập kết vật liệu hay khai thác mỏ vật liệu, các chủ sở hữu này phải được đưa vào kế hoạch tái định cư của dự án. - Nếu cần có đường dẫn vào công trường thì đường dẫn này phải được xem xét trong đánh giá môi trường. 	<ul style="list-style-type: none"> -
<p>7. Chất thải rắn</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Việc quản lý các chất thải nguy hại không được đưa vào trong ECOPs này và sẽ được đưa vào phần các biện pháp giảm thiểu cụ thể, đặc thù. - Trước khi thi công, nhà thầu phải chuẩn bị một quy trình kiểm soát chất thải (lưu trữ, cung cấp thùng, kế hoạch quét dọn công trường, kế hoạch dỡ bỏ các thùng, v.v) và nhà thầu phải tuân thủ chặt chẽ quy trình này trong các hoạt động xây dựng. - Trước khi thi công, nhà thầu phải có tất cả các giấy phép hoặc chứng chỉ đổ chất thải cần thiết. - Cần thực hiện các biện pháp giảm thiểu hành vi vứt rác bừa bãi và việc xử lý đổ rác thải một cách cẩn thận. Tại tất cả các trí trên công trường, nhà thầu sẽ cung cấp các thùng rác, thùng chứa và các phương tiện thu gom rác thải. - Trước khi được thu gom và đổ thải bởi một đơn vị được cấp phép (ví dụ URENCO), chất thải rắn có thể được 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2007/ND-CP về quản lý rác thải - Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT về quản lý chất nguy hại

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<p>lưu giữ tạm thời trên công trường tại vị trí đã được phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng và các chính quyền địa phương liên quan.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thùng, container chứa chất thải sẽ được đậy nắp và phải đảm bảo bền trong các điều kiện thời tiết và ngăn được các động vật ăn rác thối. - Không được đốt hay chôn lấp chất thải rắn trên công trường. - Vật liệu có khả năng tái chế như các tấm ván gỗ cho các công trình mương rãnh, thép, vật liệu giàn giáo, bao bì, vv... sẽ được thu gom và tách riêng tại hiện trường từ các nguồn thải khác để tái sử dụng, sử dụng để san lấp hoặc để bán. - Nếu không được loại bỏ khỏi công trường, chất thải rắn hoặc các rác thải xây dựng phải được xử lý tại một khu vực đã được xác định và phê duyệt bởi Tư vấn Giám sát Xây dựng, được đưa vào quy trình kiểm soát chất thải rắn. Trong bất cứ trường hợp nào, nhà thầu cũng không được phép tiêu hủy hay đổ thải, vật liệu vào các khu vực nhạy cảm về môi trường như các khu sinh quyển tự nhiên hoặc trong dòng nước. - Các chất thải hóa học thuộc loại bất kỳ phải được đổ thải tại khu chôn lấp thích hợp đã được phê duyệt và tuân thủ theo các yêu cầu quy định ở địa phương. Nhà thầu phải có các giấy chứng nhận đổ thải cần thiết. - Việc đổ thải các vật liệu có chứa amiăng hoặc các chất độc hại khác phải được thực hiện bởi các công nhân được đào tạo và được cấp chứng chỉ chuyên môn. - Dầu mỡ đã qua sử dụng sẽ được đưa ra ngoài khu công trường đến công ty tái chế dầu được phê duyệt. - Dầu đã qua sử dụng, chất bôi trơn, vật liệu làm sạch... đã sử dụng để bảo dưỡng phương tiện, máy móc sẽ được thu gom vào các thùng chứa và chuyển ra khỏi công trường bởi các công ty tái chế dầu chuyên dụng để xử lý tại khu xử lý chất thải nguy hại đã được phê duyệt. - Dầu đã qua sử dụng và các vật liệu đã bị ô nhiễm dầu có khả năng chứa PCBs sẽ được lưu trữ cẩn thận để tránh rò rỉ hoặc gây ảnh hưởng đến công nhân. Cần phải liên hệ với Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh để được hướng dẫn thêm. 	
<p>8. Chất thải nguy hại</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hóa chất lãng phí bất cứ loại nào phải được xử lý tại một bãi chôn lấp thích hợp đã được phê duyệt và phù hợp với yêu cầu pháp lý của địa phương. Nhà thầu phải có giấy chứng nhận xử lý cần thiết. - Việc loại bỏ các vật liệu chứa amiăng hoặc các chất độc hại khác phải được thực hiện và xử lý bởi các nhân viên đã được huấn luyện đặc biệt cũng như được cấp chứng nhận. - Dầu sử dụng và dầu mỡ sẽ được loại bỏ khỏi trang web và bán cho một công ty sử dụng dầu tái chế đã được phê duyệt. - Dầu sử dụng, dầu nhờn, vật liệu làm sạch, ... từ việc duy trì các phương tiện và máy móc sẽ được thu thập trong bồn chứa và gỡ bỏ khỏi trang web của một công ty dầu tái chế chuyên môn để xử lý tại một trang web chất thải nguy hại đã được phê duyệt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 23/2006/QĐ-BTNMT với danh sách các chất độc hại - Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT về quản lý chất độc hại

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng dầu hoặc các vật liệu nhiễm dầu có tiềm năng có thể chứa PCBs được thực hiện theo thủ tục quy định trong EMF để tránh bất kỳ sự rò rỉ hoặc người lao động bị ảnh hưởng đến . Các Sở TN&MT địa phương phải được liên lạc để hướng dẫn thêm. - Chưa sử dụng hoặc từ chối hoặc sản phẩm bitum sẽ được trả lại cho nhà máy sản xuất của nhà cung cấp. - Các cơ quan liên quan có trách nhiệm kịp thời thông báo về bất kỳ sự cố tràn vô tình hay cố. - Cửa hàng hóa chất thích hợp và với ghi nhãn thích hợp. - Các chương trình truyền thông và đào tạo thích hợp cần được đưa ra để chuẩn bị nhận ra và đáp ứng với hóa chất nguy hiểm tại nơi làm việc. - Chuẩn bị và bắt đầu một hành động khắc phục hậu quả sau đây bất cứ tràn hoặc sự cố. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp báo cáo giải thích lý do sự cố tràn dầu hoặc sự cố, hành động khắc phục hậu quả được thực hiện, hậu quả/thiệt hại từ vụ tràn dầu và đề xuất biện pháp khắc phục. 	
9. Phá vỡ lớp phủ thực vật và tài nguyên sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu sẽ chuẩn bị Kế hoạch quản lý việc giải phóng mặt bằng (GPMB), tái sinh thảm thực vật và phục hồi theo các quy định đề Kỹ sư Xây dựng duyệt trước. Kế hoạch GPMB phải được Tư vấn Giám sát Xây dựng phê duyệt và phải được tuân thủ nghiêm ngặt bởi nhà thầu. Các khu vực được giải tỏa cần giảm thiểu đến mức có thể. - Giải phóng mặt bằng trong khu vực rừng phải được sự cho phép của Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. - Nhà thầu cần bóc tách lớp đất mặt khỏi những khu vực mà đất mặt sẽ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động cải tạo, bao gồm các hoạt động tạm thời như lưu trữ, dự trữ...; lớp đất mặt đã bị bóc ra sẽ được lưu trữ trong các khu vực đã thống nhất với Tư vấn giám sát xây dựng để sau này sử dụng cho việc tái tạo thảm thực vật và sẽ được bảo vệ đầy đủ. - Không được phép sử dụng hóa chất để giải tỏa cũng như phát quang cây cối. - Cắm đốn chặt bất cứ cây nào trừ khi được sự cho phép một cách rõ ràng trong kế hoạch giải tỏa cây cối, thực vật. - Khi cần, dựng hàng rào bảo vệ tạm thời để bảo vệ hiệu quả những cây cần bảo tồn trước khi bắt đầu bất cứ hoạt động nào trong khu vực. - Không được làm xáo trộn các khu vực có tầm quan trọng tiềm năng như tài nguyên sinh thái trừ khi có sự cho phép trước đó của Tư vấn Giám sát Xây dựng. Tư vấn Giám sát xây dựng cần tham khảo ý kiến của BQLDA, Tư vấn Giám sát môi trường độc lập (IEMC) và các chính quyền địa phương có liên quan. Các khu vực quan trọng tiềm năng này bao gồm các khu vực gây giống hoặc chăn nuôi chim hoặc động vật, các vùng sinh sản của cá hoặc bất cứ khu vực không gian xanh nào được bảo vệ. - Nhà thầu phải đảm bảo rằng không có hiện tượng săn bắn, bẫy hay đánh thuốc các loài động vật diễn ra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ Môi trường số 52/2005/QH11

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
10. Quản lý giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi xây dựng, thực hiện tham vấn chính quyền và cộng đồng địa phương cũng như cảnh sát giao thông. - Sự gia tăng đáng kể các lượt phương tiện giao thông cần được đưa vào giải quyết trong kế hoạch thi công và phải được phê duyệt trước đó. Việc phân tuyến giao thông, đặc biệt đối với các xe cơ giới hạng nặng, cần phải tính đến các khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện và chợ. - Cần lắp đặt hệ thống chiếu sáng vào ban đêm nếu cần để đảm bảo an toàn giao thông. - Đặt các biển báo xung quanh khu vực xây dựng để tạo điều kiện cho an toàn giao thông, cung cấp các chỉ dẫn đến các khu vực khác nhau của công trường và cung cấp các chỉ dẫn cũng như biển cảnh báo an toàn. - Sử dụng các biện pháp kiểm soát an toàn giao thông, bao gồm các biển hiệu đường bộ/sông/kênh và người phát cờ để cảnh báo tình huống nguy hiểm. - Tránh vận chuyển vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm. - Hành lang cho người đi bộ và phương tiện cơ giới trong và ngoài khu vực xây dựng cần được cách ly với công trường và có thể tiếp cận một cách dễ dàng, an toàn và thích hợp. Biển hiệu phải được lắp đặt thích hợp cả ở đường thủy và đường bộ tại những nơi cần thiết. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật giao thông vận tải số 23/2008/QH12 - Luật xây dựng số 16/2003/QH11 - Luật 38/2009/QH12 ngày 19/6/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản - Thông tư số 22/2010/TT-BXD quy định về an toàn xây dựng
11. Gián đoạn các dịch vụ tiện ích	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với việc gián đoạn có kế hoạch hoặc không có kế hoạch đến các dịch vụ tiện ích như nước, khí, điện, internet: nhà thầu phải thực hiện tham vấn trước và có kế hoạch dự phòng những tình huống bất ngờ với chính quyền địa phương về hậu quả khi dịch vụ cụ thể bị hỏng hoặc gián đoạn hay tạm ngừng cung cấp. - Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ tiện ích có liên quan để thiết lập các lịch trình xây dựng phù hợp. - Cung cấp thông tin cho các hộ dân bị ảnh hưởng về lịch trình làm việc cũng như sự gián đoạn, tạm ngừng cung cấp các dịch vụ dự kiến (ít nhất 5 ngày trước). - Cần tránh việc tạm ngừng cung cấp nước cho khu vực nông nghiệp. - Nhà thầu cần đảm bảo cấp nước thay thế cho cư dân bị ảnh hưởng trong trường hợp tạm ngừng cấp nước kéo dài hơn 1 ngày. - Bất kỳ thiệt hại nào đối với hệ thống đường dây cáp của các hệ thống tiện ích hiện có phải được báo cáo cho chính quyền và sửa chữa càng sớm càng tốt. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 73/2010/ND-CP về xử phạt hành chính các vấn đề an ninh và xã hội
12. Phục hồi các vùng bị ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Các vùng giải tỏa như mỏ lộ thiên không còn được sử dụng, các khu vực đổ thải, thiết bị trên công trường, lán trại cho công nhân, khu dự trữ, giàn giáo và bất kỳ vùng tạm nào được sử dụng trong quá trình thi công các hạng mục của dự án sẽ được phục hồi cảnh quan, cung cấp hệ thống thoát nước phù hợp và trồng lại cây cối, thực vật đầy đủ. - Bắt đầu trồng cây, tái tạo thực vật sớm nhất khi có thể. Những loài thực vật bản địa thích hợp sẽ được lựa chọn để trồng và phục hồi địa hình tự nhiên. - Các đồng đất đá và sườn dốc bị đào bới phải được lấp lại và trồng cỏ để chống xói mòn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật về bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<ul style="list-style-type: none"> - Tất cả các vùng bị ảnh hưởng sẽ được tạo cảnh quan và thực hiện ngay các biện pháp sửa chữa, phục hồi cần thiết, bao gồm tạo không gian xanh, xây đường bộ, cầu và các công trình hiện trạng khác. - Trồng cây xanh tại các vùng đất trống và sườn dốc để ngăn chặn hoặc giảm thiểu sự sạt lở và duy trì sự ổn định cho sườn dốc. - Đất bị ô nhiễm các chất hóa học hoặc chất nguy hại sẽ được chuyển đi và chôn lấp tại các bãi đổ thải phù hợp. - Khôi phục đường và cầu bị hư hỏng do các hoạt động của dự án. 	
13. An toàn lao động và an toàn công cộng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu cần tuân thủ mọi quy định của Việt Nam về an toàn lao động. - Chuẩn bị và thực hiện kế hoạch hành động để ứng phó với các rủi ro và các tình huống khẩn cấp. - Chuẩn bị các dịch vụ cứu thương khẩn cấp ngay tại công trường. - Tập huấn cho công nhân các quy định an toàn nghề nghiệp. - Nếu sử dụng các phương pháp gây nổ, cần vạch ra các biện pháp giảm thiểu và các biện pháp đảm bảo an toàn trong Kế hoạch quản lý môi trường. - Đảm bảo cung cấp những thiết bị bảo vệ, miếng bịt tai chống ồn cho công nhân sử dụng máy móc gây tiếng ồn như đóng cọc, nổ, trộn... để kiểm soát tiếng ồn và bảo vệ công nhân. - Trong quá trình phá dỡ các cơ sở hạ tầng hiện có, công nhân và người dân cần được bảo vệ khỏi mảnh vụn rơi vãi bằng các biện pháp như đặt máng trượt, kiểm soát giao thông và sử dụng các khu vực hạn chế người ra vào. - Lắp đặt các hàng rào, rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm/ biển báo khu vực cấm xung quanh khu công trường để chỉ rõ cho người dân nguy hiểm có thể xảy ra. - Nhà thầu sẽ cung cấp các biện pháp an toàn như lắp đặt hàng rào, rào chắn, dấu hiệu cảnh báo, hệ thống chiếu sáng để ngăn chặn tai nạn giao thông cũng như các rủi ro khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm. - Nếu những báo cáo đánh giá trước đây chỉ ra có thể có bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại (UXO), việc giải tỏa vật liệu nổ này phải được thực hiện bởi người có chuyên môn và phải theo kế hoạch chi tiết được phê duyệt bởi Kỹ sư Xây dựng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 22/2010/TT-BXD về các quy định an toàn xây dựng - Chỉ thị số 02 /2008/CT-BXD về các vấn đề an toàn và vệ sinh trong các đơn vị xây dựng - TCVN 5308-91: quy định kỹ thuật về an toàn trong xây dựng - Quyết định số 96/2008/QĐ-TTg về giải tỏa bom mìn sót
14. Truyền thông đến cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì kênh liên lạc mở với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư liên quan; nhà thầu sẽ phối hợp với các chính quyền địa phương (lãnh đạo phường/xã, thôn) để thỏa thuận về lịch trình, kế hoạch cho các hoạt động xây dựng tại những khu vực gần với khu vực nhạy cảm hoặc những thời điểm nhạy cảm (ví dụ, những ngày lễ hội tôn giáo). - Các bản sao tiếng Việt của Quy tắc thực tiễn môi trường đô thị (ECOPs) và của các tài liệu an toàn môi trường liên quan khác sẽ được cung cấp cho cộng đồng địa phương và người lao động tại công trường. - Việc giảm, mất các không gian vui chơi và các bãi đỗ xe: Sự mất các tiện nghi trong quá trình thi công 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 73/2010/ND-CP về xử phạt hành chính các vi phạm an ninh và xã hội

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<p>thường không tránh khỏi việc gây bất tiện cho người dân tại các khu vực nhạy cảm. Tuy nhiên, việc tham vấn sớm những đối tượng bị ảnh hưởng sẽ tạo cơ hội để điều tra, nghiên cứu và thực hiện những phương án thay thế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phổ biến các thông tin của dự án cho những thành phần bị ảnh hưởng (ví dụ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp và các hộ dân bị ảnh hưởng, ...) thông qua họp cộng đồng trước khi khởi công. - Cung cấp một địa chỉ liên lạc, tiếp xúc với cộng đồng để từ đó những bên quan tâm có thể nhận được thông tin về các hoạt động trên khu vực, tình hình của dự án và kết quả thực hiện dự án. - Cung cấp mọi thông tin, đặc biệt là những phát hiện về kỹ thuật, bằng ngôn ngữ mà người dân có thể hiểu được và bằng hình thức tiện dụng cho những người dân quan tâm và những cán bộ được bầu thông qua việc chuẩn bị tờ rơi và các thông cáo báo chí, khi những phát hiện quan trọng được đưa ra trong giai đoạn dự án. - Theo dõi những mối quan tâm của cộng đồng và những thông tin yêu cầu khi dự án triển khai. - Phản hồi những thắc mắc qua điện thoại và thư viết một cách kịp thời và đúng mực. - Thông báo cho cư dân địa phương về kế hoạch xây dựng, lịch trình làm việc, sự gián đoạn các dịch vụ, các tuyến đường vòng và các tuyến xe buýt tạm thời, các hoạt động nổ và phá dỡ một cách thích hợp. - Cung cấp tài liệu kỹ thuật và bản vẽ cho Ủy ban Nhân dân tại cộng đồng dân cư, đặc biệt là phác thảo khu vực thi công và kế hoạch quản lý môi trường (KHQLMT) của khu công trường. - Bảng thông báo sẽ được dựng tại tất cả các vị trí công trường để cung cấp thông tin về người quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ y tế và an toàn, số điện thoại và thông tin về các nội dung khác như vậy người bị ảnh hưởng có thể có kênh để nói lên mối quan tâm và những đề nghị của mình. 	
<p>15. Thủ tục đối với các phát hiện ngẫu nhiên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nếu nhà thầu phát hiện thấy các khu vực khảo cổ, các khu lịch sử, di tích và vật thể, bao gồm hầm mộ hoặc các phần mộ riêng lẻ trong quá trình đào bới hoặc xây dựng, nhà thầu sẽ: - Dừng các hoạt động xây dựng trong khu vực phát hiện ngẫu nhiên; - Phân định rõ ràng vùng hoặc khu vực có phát hiện; - Bảo vệ khu vực để ngăn chặn bất cứ thiệt hại hoặc mất mát các vật thể có thể lấy đi được. Trong trường hợp vật cổ có thể di dời hoặc các di tích nhạy cảm, bố trí một người bảo vệ ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương có thẩm quyền hoặc Sở Văn hóa và Thông tin tiếp quản; - Báo cáo cho Tư vấn giám sát xây dựng, Tư vấn giám sát xây dựng có trách nhiệm báo cho chính quyền địa phương hoặc trung ương có thẩm quyền về tài sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24h hoặc sớm hơn); - Chính quyền địa phương hoặc trung ương có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và cách ly khu vực trước khi quyết định thủ tục tiếp theo. Việc này sẽ đòi hỏi một đánh giá sơ bộ về phát hiện này. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện được đánh giá theo những tiêu chí khác nhau liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, giá trị khoa học hay nghiên cứu, giá trị xã hội và kinh tế; 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật di sản văn hoá số 28/2001/QH10. - Luật di sản văn hoá sửa đổi, bổ sung số 32/2009/QH12. - Nghị định số 98/2010/ND-CP bổ sung và sửa đổi

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu	Quy định của Việt Nam
	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về cách xử lý các phát hiện là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Điều này có thể bao gồm thay đổi bố trí (như khi tìm thấy một di tích văn hóa hoặc khảo cổ quan trọng mà không thể dịch chuyển), bảo tồn, cách ly, phục hồi và cứu hộ; - Nếu khu văn hóa và/hoặc di tích có giá trị cao và việc bảo tồn khu vực được các nhà chuyên môn kiến nghị và được cơ quan quản lý các di tích văn hóa yêu cầu, chủ dự án sẽ cần phải tiến hành thay đổi thiết kế để thích ứng với yêu cầu và bảo tồn khu vực; - Các quyết định liên quan đến việc quản lý các phát hiện sẽ được thông báo bằng văn bản bởi cơ quan hữu quan; - Các công việc xây dựng chỉ được tiếp tục sau khi được cấp phép từ các cơ quan chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về an toàn của di sản. 	

PHỤ LỤC 4 (b): ECOPs CHO HOẠT ĐỘNG XÂY LẮP NHỎ

1. Phụ lục này trình bày Bộ ECOP được áp dụng đối với các TDA liên quan đến việc xây lắp các công trình nhỏ. Các nội dung và yêu cầu của Bộ ECOP này tuân thủ hướng dẫn của WB (Phụ lục 5 của bộ công cụ hướng dẫn chuẩn bị ESMF).

B4.1.Mục tiêu

2. Bộ ECOPs này được chuẩn bị để quản lý tác động môi trường trong quá trình xây dựng nhỏ. Bộ ECOPs này sẽ được áp dụng để quản lý quy mô nhỏ đầu tư cơ sở hạ tầng dự án. ECOPs sẽ là một phần bắt buộc của hợp đồng xây dựng, tài liệu đấu thầu để nhà thầu tuân thủ các yêu cầu về môi trường. PPMU/ICBM10 và CSC sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc tuân thủ ECOPs và chuẩn bị các báo cáo cần thiết.

3. Có một số quy chuẩn kỹ thuật quốc gia liên quan đến môi trường, sức khỏe và an toàn được áp dụng cho hoạt động xây dựng dưới đây:

- *Chất lượng nước* (QCVN 01:2009/BYT, QCVN 02:2009/BYT, QCVN 08:2008/BTNMT, QCVN 09:2008/BTNMT, QCVN 10:2008/BTNMT, QCVN 14:2008/BTNMT);
- *Chất lượng không khí và đất* (QCVN 05:2008/BTNMT, QCVN 06:2008/BTNMT, QCVN 07:2008/BTNMT);
- *Quản lý chất thải rắn* (QCVN 03:2008/BTNMT, TCVN 6438:2001, TCVN 6696:2009, QCVN 07:2009);
- *Tiếng ồn và rung* (QCVN 27:2010/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT);
- *Sức khỏe và an toàn lao động*: Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT của Bộ Y tế ban hành ngày 10/10/2002 về các ứng dụng của 21 tiêu chuẩn sức khỏe và an toàn lao động liên quan đến khí hậu, tiếng ồn, độ rung, hóa chất – ngưỡng cho phép trong môi trường làm việc.
- Hướng dẫn về Môi trường, Sức khỏe và An toàn của Nhóm WB tại:
http://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/ifc+sustainability/our+approach/risk+management/ehsguidelines

B4.2.Trách nhiệm thực hiện

4. Chủ Tiêu dự án PPMU/ICBM10 và Nhà thầu là đơn vị chính chịu trách nhiệm thực hiện các ECOPs này. Chi tiết như sau:

(a) PPMU/ICBM10

- PPMU/ICBM10 có trách nhiệm đảm bảo ECOPs được thực hiện có hiệu quả. PPMU/ICBM10 sẽ chỉ định một nhân viên có năng lực để chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ thực hiện của các nhà thầu, bao gồm: (a) giám sát việc tuân thủ kế hoạch quản lý môi trường và xã hội của nhà thầu, (b) hành động khắc phục hậu quả trong trường hợp không tuân thủ và/hoặc tác động tiêu cực xảy ra, (c) điều tra khiếu nại, đánh giá và xác định các biện pháp khắc phục; (d) tư vấn cho nhà thầu về biện pháp cải thiện môi trường, nâng cao nhận thức, biện pháp chủ động ngăn

ngừa ô nhiễm; (e) giám sát hoạt động của Nhà thầu đối với việc giải quyết khiếu nại (f) hướng dẫn và đào tạo cho các kỹ sư công trường về các biện pháp khác nhau để tránh/giảm thiểu tác động tiêu cực với môi trường và cộng đồng địa phương trong quá trình xây dựng.

(b) Nhà thầu

- Nhà thầu có trách nhiệm thi công công trình và thông báo cho PPMU/ICBM10, chính quyền và cộng đồng địa phương về kế hoạch xây dựng cũng như các rủi ro có thể xảy ra trong quá trình xây dựng. Như vậy, nhà thầu có trách nhiệm thực hiện các biện pháp giảm thiểu rủi ro môi trường liên quan đến việc xây dựng mà Nhà thầu đã cam kết.
- Nhà thầu được yêu cầu phải tuân thủ các luật lệ và quy định khác của Việt Nam.

Phần 1 – Trách nhiệm của Nhà thầu

7. Đây là một ví dụ và không nhất thiết phải là biện pháp để giảm thiểu tất cả các yêu cầu của một dự án cụ thể. Ví dụ, có thể cần phải thương thảo nhà thầu về các biện pháp giảm thiểu các bệnh lây truyền qua đường tình dục, chất thải y tế và nguy hại (ví dụ, dầu thải từ việc sửa chữa, bảo dưỡng xe cộ, máy móc hoặc các hoạt động tương tự và giẻ lau nhiễm dầu).

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu
1. Bụi và ô nhiễm không khí	<p>Nhà thầu thực hiện các biện pháp kiểm soát bụi để đảm bảo rằng việc phát thải bụi được giảm thiểu và không được coi là một mối phiền toái của người dân địa phương, duy trì một môi trường làm việc an toàn, chẳng hạn như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tại các tuyến đường và các công trường xây dựng; - Tại các kho dự trữ nguyên liệu; - Che chắn vật liệu cẩn thận để đảm bảo không phát tán đất, cát, vật liệu hoặc bụi trong quá trình vận chuyển; - Kho bãi phải được bảo vệ chống xói mòn do gió;
2. Òn và rung	<p>Tất cả các xe phải có “Giấy chứng nhận sự phù hợp về kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường” theo Quyết định số 35/2005/QĐ-BGTVT để tránh phát sinh tiếng ồn từ máy móc bảo trì kém.</p>
3. Ô nhiễm nước	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp nhà vệ sinh di động hoặc cố định trên công trường cho công nhân xây dựng. Nước thải từ nhà vệ sinh cũng như nhà bếp, phòng tắm, bồn rửa... sẽ đổ vào bể chứa di động và di chuyển ra khỏi công trường để xử lý hoặc xả vào hệ thống thoát nước của địa phương, không được thải trực tiếp vào nguồn nước. - Nước thải mà có nồng độ chất ô nhiễm cao hơn giới hạn cho phép của tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật có liên quan của Việt Nam phải được thu gom và di chuyển ra khỏi công trường bởi một đơn vị có chức năng thu gom. - Khi hoàn thành công trình xây dựng, các bể chứa nước thải và bể tự hoại phải được đậy nắp cẩn thận.
4. Thoát nước và trầm tích	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải thực hiện việc thiết kế hệ thống thoát nước chi tiết trong kế hoạch xây dựng, để đảm bảo hệ thống thoát nước luôn được đảm bảo không chứa bùn và các vật làm tắc nghẽn khác.

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	<ul style="list-style-type: none"> - Các công trường không bị biến động bởi các hoạt động xây dựng cũng như sẽ được duy trì như hiện trạng.
5. Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu phải cung cấp thùng để chứa chất thải và rác thải trên công trường. - Chất thải rắn có thể được lưu trữ tạm thời trên công trường tại khu vực đã được Tư vấn giám sát thi công và chính quyền địa phương chấp nhận trước khi thu gom và xử lý. - Thùng chứa chất thải được che chắn cẩn thận để tránh ảnh hưởng của thời tiết và của việc thổi rửa. - Không được đốt, chôn lấp hoặc đổ bỏ rác ra khu vực công trường. - Các vật liệu có thể tái sử dụng như tấm gỗ che chắn, thép, giàn giáo, vật liệu đóng gói,... từ các nguồn khác nhau trên công trường sẽ được thu gom và phân loại trên công trường để tái sử dụng, bán hoặc chôn lấp. - Nếu không được vận chuyển ra khỏi công trường, chất thải rắn và vật vụn xây dựng chỉ được thải bỏ ở các vị trí đã được Tư vấn giám sát xây dựng xác định, chấp thuận và đưa vào kế hoạch quản lý chất thải rắn. Trong mọi trường hợp, nhà thầu không được thải bỏ bất kỳ vật liệu nào trong khu vực nhạy cảm với môi trường, chẳng hạn như môi trường sống tự nhiên hoặc các nguồn nước.
6. Chất thải nguy hại	<ul style="list-style-type: none"> - Dầu thải và dầu mỡ sẽ được đưa ra khỏi công trường và bán cho công ty có chức năng sử dụng dầu tái chế đã được phê duyệt. - Dầu thải, dầu nhờn, vật liệu làm sạch... từ việc bảo trì các phương tiện và máy móc sẽ được thu gom trong thùng chứa và được công ty có chức năng xử lý chất thải nguy hại đã được phê duyệt di chuyển ra khỏi công trường. - Nhựa đường hoặc nhựa bitum không sử dụng sẽ được trả lại cho đơn vị cung cấp. - Lưu trữ hóa chất một cách an toàn, chẳng hạn như có mái che, có biển báo và hàng rào dán nhãn thích hợp.
7. Phá vỡ lớp phủ thực vật và tài nguyên sinh thái	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích cần giải phóng càng ít càng tốt - Nhà thầu chỉ bóc lớp phủ thực vật ở những khu vực cần cải tạo bao gồm các khu vực kho chứa nguyên vật liệu,...; lớp đất mặt đã bị bóc ra sẽ được lưu trữ và bảo vệ tại các khu vực đã thống nhất với Tư vấn giám sát xây dựng để sau này sử dụng cho việc khôi phục thảm thực vật. - Không được phép sử dụng hóa chất để giải tỏa, phát quang cây cối. - Cấm đốn chặt bất cứ cây nào trừ khi các loại xây dựng cho phép trong kế hoạch giải tỏa cây cối, thực vật. - Trong trường hợp cần thiết thì dựng hàng rào bảo vệ các loại cây cần bảo tồn trước khi bất cứ hoạt động nào trong khu vực. - Nhà thầu phải đảm bảo rằng không săn bắn, bẫy, dùng súng bắn hoặc đầu độc các loài động vật.
8. Quản lý giao thông	<ul style="list-style-type: none"> - Trước khi xây dựng, thực hiện tham vấn chính quyền, cộng đồng địa phương và cảnh sát giao thông về kế hoạch quản lý giao thông. - Việc gia tăng đáng kể các lượt phương tiện giao thông cần được giải quyết trong kế hoạch thi công và phải được phê duyệt trước. Việc phân tuyến giao thông, đặc biệt đối với các xe cơ giới hạng nặng, cần phải tính đến các khu vực nhạy cảm như trường học, bệnh viện và chợ. - Nếu cần thiết thì phải lắp đặt hệ thống chiếu sáng vào ban đêm để đảm bảo an

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	<p>toàn giao thông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lắp đặt các biển báo xung quanh khu vực xây dựng để đảm bảo an toàn giao thông, cung cấp chỉ dẫn đến các khu vực khác nhau của công trường và cung cấp các chỉ dẫn cũng như biển cảnh báo an toàn. - Sử dụng các biện pháp kiểm soát an toàn giao thông, bao gồm các biển báo hiệu đường bộ/sông/kênh và bố trí người cầm cờ để cảnh báo tình huống nguy hiểm. - Tránh vận chuyển vật liệu xây dựng trong giờ cao điểm. - Biển báo phải được lắp đặt cho cả đường thủy và đường bộ tại những nơi cần thiết.
9. Giảm đoạn các dịch vụ tiện ích	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho những người bị ảnh hưởng về kế hoạch thi công hoặc kế hoạch gián đoạn việc cung cấp dịch vụ ít nhất là trước khi làm gián đoạn. - Bất cứ các hư hại nào về các dịch vụ tiện ích phải được báo cáo cho các cơ quan chức năng và tiến hành sửa chữa càng sớm càng tốt.
10. Khôi phục các vùng bị ảnh hưởng	<ul style="list-style-type: none"> - Các khu vực bị phát quang như khu vực đổ thải, khu vực chứa máy móc thi công, nguyên vật liệu, lán trại của công nhân và bất cứ khu vực tạm nào được sử dụng cho quá trình thi công dự án sẽ khôi phục cảnh quan, hệ thống thoát nước và thảm phủ thực vật. - Trồng cây tại khu vực đổ thải và khu vực sườn dốc để ngăn ngừa hoặc giảm thiểu nguy cơ xói mòn và đảm bảo tính ổn định của mái dốc. - Đất bị ô nhiễm do hóa chất hoặc các chất nguy hại được loại bỏ và vận chuyển cũng như chôn lấp ở khu vực xử lý chất thải.
11. An toàn lao động và an toàn công cộng	<ul style="list-style-type: none"> - Tập huấn cho công nhân các quy định an toàn nghề nghiệp và trang bị thiết bị bảo hộ cho tất cả công nhân theo quy định của Việt Nam. - Lắp đặt các hàng rào, rào chắn, biển cảnh báo nguy hiểm/ biển báo khu vực cấm xung quanh khu công trường để chỉ rõ cho người dân nguy hiểm có thể xảy ra. - Nhà thầu phải cung cấp các biện pháp an toàn như lắp đặt hàng rào, biển báo cảnh báo, hệ thống chiếu sáng để hạn chế tai nạn giao thông cũng như rủi ro khác cho người dân và các khu vực nhạy cảm. - Nếu khu vực thi công có rủi ro bom mìn (UXO), việc rà phá bom mìn phải được đơn vị có trình độ thực hiện và theo tuân thủ đúng kế hoạch chi tiết do các kỹ sư xây dựng phê duyệt.
12. Truyền thông đến cộng đồng địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu sẽ phối hợp với chính quyền địa phương (lãnh đạo phường/xã, ấp) để thỏa thuận về lịch trình, kế hoạch thi công tại những khu vực gần khu vực nhạy cảm hoặc những thời điểm nhạy cảm (ví dụ, những ngày lễ hội tôn giáo). - Cung cấp bản sao tiếng Việt của ECOPs và của các tài liệu an toàn môi trường liên quan khác cho cộng đồng địa phương và người lao động tại công trường. - Phổ biến các thông tin về dự án cho các bên bị ảnh hưởng (ví dụ chính quyền, doanh nghiệp và các hộ dân bị ảnh hưởng của địa phương,...) thông qua họp cộng đồng trước khi khởi công. - Cung cấp thông tin liên lạc, tiếp xúc với cộng đồng để các bên quan tâm có thể nhận được thông tin về các hoạt động trên khu vực, tình hình và kết quả thực hiện dự án. - Dán bảng thông báo tại tất cả các vị trí thi công để cung cấp thông tin về dự án, cũng như chi tiết để liên lạc với quản lý công trường, cán bộ môi trường, cán bộ an toàn và sức khỏe, số điện thoại và thông tin liên lạc khác để bất cứ người bị

Các vấn đề môi trường – xã hội	Biện pháp giảm thiểu
	ảnh hưởng nào cũng có nơi để nói lên mối quan tâm và kiến nghị của mình.
13. Thủ tục đối với các phát hiện ngẫu nhiên	<p>Nếu nhà thầu phát hiện thấy các khu vực khảo cổ, các khu lịch sử, di tích và vật thể, bao gồm khu mộ hoặc các ngôi mộ riêng lẻ trong quá trình đào hoặc xây dựng, nhà thầu sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dừng các hoạt động xây dựng trong khu vực phát hiện tình cờ; - Khoanh vùng khu vực có phát hiện; - Bảo vệ khu vực tránh bất cứ thiệt hại hoặc mất mát các vật thể. Trong trường hợp phát hiện các vật thể di động hoặc các di tích nhạy cảm, bố trí người bảo vệ ban đêm cho đến khi chính quyền địa phương có thẩm quyền hoặc Sở Văn hóa và Thông tin tiếp quản; - Báo cáo cho Tư vấn giám sát xây dựng, Tư vấn giám sát xây dựng có trách nhiệm báo cho chính quyền địa phương hoặc trung ương có thẩm quyền về tài sản văn hóa của Việt Nam (trong vòng 24h hoặc sớm hơn); - Chính quyền địa phương hoặc trung ương có liên quan sẽ chịu trách nhiệm bảo vệ và cách ly khu vực trước khi quyết định thủ tục tiếp theo. Việc này sẽ đòi hỏi một đánh giá sơ bộ về phát hiện này. Ý nghĩa và tầm quan trọng của những phát hiện được đánh giá theo những tiêu chí khác nhau liên quan đến di sản văn hóa; bao gồm giá trị thẩm mỹ, giá trị lịch sử, giá trị khoa học hay nghiên cứu, giá trị xã hội và kinh tế; - Quyết định về cách xử lý các phát hiện là trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền. Điều này có thể bao gồm thay đổi bố trí mặt bằng (khi tìm thấy một di tích văn hóa hoặc khảo cổ quan trọng mà không thể di chuyển), bảo tồn, cách ly, phục hồi và thu hồi; - Nếu khu văn hóa và/hoặc di tích có giá trị cao và được các nhà chuyên môn cũng như các cơ quan quản lý các di tích văn hóa kiến nghị bảo tồn tại chỗ thì chủ dự án sẽ tiến hành thay đổi thiết kế để đáp ứng kiến nghị này; - Các quyết định liên quan đến việc quản lý các phát hiện sẽ được các cơ quan có liên quan thông báo bằng văn bản; - Các công việc xây dựng chỉ được tiếp tục sau khi được sự cho phép của các cơ quan chính quyền địa phương chịu trách nhiệm về an toàn của di sản.

Phần 2 – Quy tắc thực hành môi trường đối với công nhân thi công

8. Đây là một ví dụ cho dự án điển hình, nhưng đối với mỗi dự án khác nhau thì có thể có thêm các yêu cầu khác. Ví dụ, yêu cầu về cách thức rửa tay hoặc tham dự hội thảo các bệnh liên quan đến đường tình dục.

ĐƯỢC LÀM	KHÔNG ĐƯỢC LÀM
<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng toilet đã được Nhà thầu trang bị - báo cáo toilet bị bẩn hoặc bị đầy. - Dọn dẹp khu vực thi công - đổ rác xây dựng cuối mỗi ngày - sử dụng thùng rác được cung cấp và đảm bảo rằng rác sẽ không bị bay đi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Di dời hoặc chặt các loại cây mà không có hướng dẫn. - Gây cháy. - Câu trộm, làm bị thương, bẫy động vật hoang dã, bao gồm cả chim, ếch, rắn... - Xâm nhập vào có hàng rào hoặc biển báo. - Lái xe bất cẩn, vượt tốc độ cho phép. - Thải rác, dầu và các vật liệu khác vào sông, kênh. - Xả rác hoặc thức ăn ở xung quanh.

<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo nhiên liệu hoặc sự cố tràn dầu ngay lập tức và dừng việc tràn này. - Hút thuốc trong khu vực quy định (xả rác là một hành vi vi phạm). - Làm việc và lưu trữ thiết bị trong phạm vi công trường. - Sử dụng tất cả trang thiết bị an toàn và tuân thủ tất cả các quy định về an toàn. - Ngăn ngừa việc ô nhiễm nước sông suối và kênh rạch. - Đảm bảo bình chữa cháy có ngay tầm tay khi thi công các hoạt động có nguồn nhiệt cao như hàn, mài, cắt bằng gas, ... - Báo cáo khi xảy ra bất kỳ thương tích đối với người lao động hoặc động vật. - Chỉ được lưu thông xe trên tuyến đường quy định. - Ngăn ngừa bụi và tiếng ồn quá mức 	<ul style="list-style-type: none"> - Chặt cây bừa bãi bên ngoài khu vực quy định. - Mua động vật hoang dã để ăn. - Sử dụng hóa chất độc hại ngoài quy định, kể cả sơn có chì, amiăng, ... - Ảnh hưởng đến công trình kiến trúc hoặc lịch sử. - Sử dụng các loại súng (trừ nhân viên bảo vệ được cho phép). - Uống rượu trong giờ làm việc. - Rửa xe ô tô, máy móc thi công ở sông, kênh, rạch. - Bảo trì (thay và lọc dầu) xe cộ và thiết bị ngoài khu vực cho phép. - Vứt rác ngoài khu vực cho phép. - Nhốt động vật hoang dã (đặc biệt là chim) ở lán trại. - Làm việc khi không có thiết bị an toàn (kể cả ủng và nón bảo hộ). - Giặt giũ tại sông, kênh, rạch. - Vứt rác thải xây dựng bừa bãi. - Tràn các chất ô nhiễm ra môi trường, chẳng hạn như dầu. - Thu gom gỗ đốt. - Đánh cá bằng chất nổ hoặc hoá chất. - Sử dụng nhà vệ sinh bên ngoài khu vực cho phép. - Đốt chất thải hoặc cây cối do phát quang mặt bằng.
--	---

PHỤ LỤC 5. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ VẬT HẠI

1. Phụ lục này cung cấp hướng dẫn kỹ thuật cho Chủ đầu tư TDA và các đơn vị tư vấn của Chủ đầu tư trong quá trình hành động của mình khi TDA liên quan đến phát triển/cải thiện chức năng của các hệ thống thủy lợi và/hoặc hoạt động NTTS/nuôi tôm có thể dẫn đến việc gia tăng sử dụng thuốc trừ sâu và/hoặc hóa chất nông nghiệp độc hại khác dẫn đến chính sách OP/BP 4.09 (Quản lý dịch hại) được áp dụng và bắt buộc phải chuẩn bị một kế hoạch quản lý dịch hại (PMP). Nội dung của phụ lục này bao gồm: mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của PMP (Phần A5.1), chính sách và các quy định quan trọng liên quan đến quản lý thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp độc hại (Phần A5.2) và xem xét kỹ thuật của một PMP (Phần A5.3). PMP sẽ được áp dụng và/hoặc được xem xét trong quá trình sàng lọc chính sách an toàn và đánh giá tác động tiềm tàng (xem Phụ lục 2) và chuẩn bị ESIA và/hoặc ESMP cho TDA (xem Phụ lục 3).

A5.1. Mục tiêu và nguyên tắc cơ bản của PMP

2. Dự án MD-ICRSL không có ý định mua hay thúc đẩy việc sử dụng các loại phân bón, thuốc trừ sâu hay hoá chất nông nghiệp độc hại trong quá trình thực hiện. Tuy nhiên, việc xây dựng/nâng cấp các cơ sở hạ tầng thủy lợi và phát triển sinh kế do dự án tài trợ được dự kiến sẽ tăng diện tích sản xuất nông nghiệp (bao gồm cả việc nuôi trồng thủy sản và nuôi tôm) có thể gián tiếp làm tăng việc sử dụng các loại phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp độc hại khác trong khu vực TDA. Để giảm thiểu những tác động tiềm năng này như là một “thực hành tốt”, chủ TDA sẽ chuẩn bị và thực hiện một PMP nhằm nâng cao kiến thức nông dân về các quy định, chính sách và/hoặc hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến việc sử dụng an toàn (sử dụng, lưu trữ và xử lý) thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp độc hại có thể được nông dân sử dụng cũng như thúc đẩy việc thực hành IPM thích hợp cho sản xuất nông nghiệp (lúa, tôm, NTTS, ...) trong vùng dự án thông qua các hoạt động đào tạo và nâng cao năng lực.

3. Cần lưu ý rằng nhiều các tỉnh dự án (An Giang, Kiên Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng) đã và đang thực hiện một chương trình IPM và một số chương trình thí điểm để giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và phân bón thông qua 1 dự án khác do WB tài trợ¹⁹. Do đó, các hoạt động PMP sẽ được các tỉnh thiết kế trong quá trình chuẩn bị ESMP của các TDA dựa trên những kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn này. Các nỗ lực đang được thực hiện để phát triển một chiến lược truyền thông và chuyển giao công nghệ để thúc đẩy việc áp dụng các thực hành IPM ở ĐBSCL bao gồm: xây dựng các tài liệu tập huấn, chương trình phát thanh/truyền hình địa phương, sản xuất vật liệu công cộng và báo địa phương. Các quy trình IPM được áp dụng ở ĐBSCL gồm có: Hệ thống thâm canh lúa cải tiến (SRI) và Chương trình “3 Giảm, 3 Tăng” hoặc “3G3T” và Chương trình “1 Phải, 5 Giảm” hoặc “1P5G” và một số hoạt động thí điểm liên quan đến việc áp dụng “VietGap” trong nuôi tôm, nuôi trồng thủy sản và các sản phẩm nông nghiệp khác (xem Phần A5.2 và A5.3).

¹⁹ Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long đang được thực hiện đến tháng 03/2017.

4. **Mục tiêu:** Mục tiêu chính của PMP là hỗ trợ chính sách của Quốc gia về giảm thiểu việc sử dụng thuốc trừ sâu và hóa chất trong sản xuất nông nghiệp ở vùng dự án thông qua việc tiếp tục nâng cao kiến thức và hiểu biết của nông dân trong việc sử dụng thuốc trừ sâu và hóa chất độc hại trong quá trình sản xuất cũng như giảm thiểu những rủi ro đối với sức khỏe con người và ô nhiễm môi trường (đất, nước) tại các tỉnh dự án. *Mục tiêu cụ thể của PMP là:*

- Hỗ trợ của các cơ quan có liên quan ở các tỉnh dự án trong việc tăng cường quản lý dịch hại và quản lý thuốc trừ sâu phù hợp với các kế hoạch hành động quốc gia về vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu của Quốc gia và các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.
- Nâng cao kiến thức và năng lực cho nông dân trong việc sử dụng thuốc trừ sâu và các hoá chất độc hại một cách an toàn trong quá trình sản xuất lúa, nuôi tôm và các loài thủy sản khác cũng như các sản phẩm nông nghiệp khác bao gồm thúc đẩy áp dụng IPM và các hoạt động xây dựng năng lực khác đang được áp dụng ở các khu vực TDA.

5. **Các nguyên tắc cơ bản và cách tiếp cận:** Để đạt được các mục tiêu đã đề ra ở trên, các nguyên tắc sau đây sẽ được áp dụng trong việc chuẩn bị của ESMP/PMP của các TDA:

- Các TDA sẽ không tài trợ cho việc mua phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất nông nghiệp độc hại khác. Trong điều kiện bình thường, nếu cần thiết phải sử dụng thuốc trừ sâu, thì chỉ có thuốc trừ sâu được chính phủ và quốc tế công nhận mới được sử dụng và dự án sẽ cung cấp các thông tin kỹ thuật và kinh tế về chủng loại cũng như số lượng của các hoá chất được sử dụng. Các TDA cũng sẽ xem xét các phương án lựa chọn khác (bao gồm cả việc quản lý các hóa chất không độc hại) mà phương án này có thể làm giảm sự phụ thuộc vào việc sử dụng thuốc trừ sâu. Các biện pháp này sẽ được đưa vào thiết kế của TDA để giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc xử lý và sử dụng thuốc trừ sâu của nông dân.
- Trong quá trình chuẩn bị ESMP/PMP cho các TDA, chủ TDA và tư vấn sẽ xác định nhu cầu đào tạo và xây dựng năng lực thông qua kết quả tham vấn chính quyền địa phương và các bên liên quan khác bao gồm cả các đơn vị cung cấp hóa chất để tăng cường hợp tác chặt chẽ và sự hiểu biết lẫn nhau. Các TDA sẽ thực hành IPM của TDA phù hợp với chương trình IPM quốc gia và các chương trình quản lý nuôi trồng thủy sản/tôm do MARD thực hiện như là cách thức để giảm thiểu tác động tiêu cực của việc tăng sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu và các hóa chất độc hại. Các hoạt động chính có thể bao gồm: đào tạo, chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm trong việc sử dụng phân bón và hóa chất thông qua các cuộc điều tra nghiên cứu, tham quan học tập, sử dụng hóa chất không độc hại và các kỹ thuật khác. Xem xét sử dụng các chính sách, quy định và hướng dẫn kỹ thuật chính được mô tả trong mục A5.2 và A5.3.
- Các PMP sẽ xác định cơ quan chịu trách nhiệm thực hiện bao gồm: nguồn kinh phí và chế độ báo cáo. DARD sẽ chịu trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện các hoạt

động PMP với sự tham gia tích cực của nông dân. CPMU sẽ chịu trách nhiệm giám sát và theo dõi ESMP trong đó, có cả các hoạt động PMP sau khi đã được WB chấp thuận. Trong quá trình lập và thực hiện kế hoạch này sẽ tham vấn chặt chẽ nông dân, chính quyền, tổ chức cộng đồng địa phương đặc biệt là phụ nữ. Ngân sách thực hiện kế hoạch này sẽ làm 1 phần ngân sách ESMP và các hoạt động, kết quả đầu ra cũng như các tác động sẽ được giám sát như là một phần của việc thực hiện ESMP.

A5.2. Các chính sách, quy định và tổ chức có liên quan đến thuốc trừ sâu và IPM

6. **Chính sách và kế hoạch của Quốc gia:** Khái niệm áp dụng IPM ở Việt Nam đã được giới thiệu lần đầu tiên là vào những năm 1990. Chương trình IPM quốc gia đã được chuẩn bị và thực hiện cũng như Ban Chỉ đạo về IPM, do Thứ trưởng MARD, được thành lập và chịu trách nhiệm giám sát của chương trình. Trong thời gian này, một số chính sách và quy định hỗ trợ IMP được phát triển bao gồm cả các lệnh cấm, hạn chế thuốc trừ sâu độc hại và sự vận hành của một hệ thống kiểm tra. Sau đó các biện pháp bổ sung để giảm thiểu rủi ro do sử dụng thuốc trừ sâu trong sản xuất lúa đã được thực hiện khắp cả nước, trong đó có cả ĐBSCL. Chính sách của MARD nhằm thúc đẩy ứng dụng “3G3T” và “1P5G” trong sản xuất lúa cũng như các “VietGAP” trong sản xuất nông nghiệp đã được triển khai thực hiện ở An Giang và các tỉnh miền tây của ĐBSCL.

7. Kiểm soát thuốc trừ sâu:

Năm 1990, Việt Nam chính thức phê duyệt và thông qua *Bộ luật quốc tế về phân phối và sử dụng thuốc trừ sâu* của Tổ chức Nông Lương của Liên Hợp Quốc (FAO) và một hệ thống các quy định đã được phát triển phù hợp với hướng dẫn của FAO vào giữa những năm 1990. Pháp lệnh Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật được ban hành vào tháng 02/1993, theo sau đó Nghị định 92-CP về hướng dẫn thi hành pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật được ban hành vào tháng 11/1993. Các quy định này được cập nhật định kỳ và đang được áp dụng bởi các cơ quan có liên quan. Trong thời gian 1995-1997, tổng cộng 45 loại thuốc trừ sâu đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam (Xem Hộp A5.1) và 30 loại bị giới hạn (một lượng không vượt quá 10% tổng số thuốc trừ sâu bán tại Việt Nam). Chúng bao gồm các thuốc trừ sâu có độc tính cao như carbofuran, endosulfan, methamidophos, monocrotophos, methyl parathion và phosphamidon. Năm 1998, Việt Nam ngừng việc đăng ký mới đối với thuốc trừ sâu cuốn lá lưu hành trong nước do các hoạt động IPM đã cho thấy thuốc trừ sâu sử dụng chống lại sâu cuốn lá là không cần thiết.

8. Dưới đây là các văn bản chính có liên quan đến việc kiểm soát thuốc trừ sâu và hoá chất độc hại sử dụng trong nông nghiệp ở Việt Nam:

- Quyết định số 50/2003/QĐ-BNN ngày 25 tháng 03 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật nhằm mục đích đăng ký tại Việt Nam.

- Quyết định số 89/2006/QĐ-BNN ngày 02/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy định về thủ tục đăng ký; sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói; xuất khẩu, nhập khẩu; buôn bán; bảo quản, vận chuyển; sử dụng; tiêu hủy; nhãn thuốc; bao bì; hội thảo, quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật ở Việt Nam. Đây là tài liệu cơ bản của Chính phủ để giám sát và lưu trữ thuốc trừ sâu. *Hộp A5.1* trình bày danh mục và *Hộp 5.2* trình bày các thủ tục chính trong việc vận chuyển, lưu trữ và sử dụng thuốc trừ sâu.
- Quyết định số 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 06/09/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP); Quyết định số 4835/QĐ-BNN-TCTS ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành hướng dẫn áp dụng VietGAP đối với nuôi thương phẩm tôm chân trắng (*P.vannamei*), tôm sú (*P.monodon*). Quyết định số 72/QĐ-TT-QLCL ngày 04/03/2013 của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định Trung tâm Chứng nhận Phù hợp - QUACERT đã được là Tổ chức chứng nhận sản phẩm trồng trọt được sản xuất, sơ chế phù hợp VietGAP đối với các sản phẩm rau, quả, chè, lúa và cà phê. *Hộp A5.3* nêu một số yêu cầu chính của VietGAP đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản.

<i>Hộp A5.1: Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm ở Việt Nam</i>		
TÊN CHUNG - TÊN THƯƠNG MẠI		
<i>Thuốc trừ sâu, chất bảo quản thực vật</i>		
1	Aldrin (Aldrex, Aldrite)	
2	BHC, Lindane (Gamma - BHC, Gamma - HCH, Gamatox 15 EC, 20 EC, Carbadan 4/4G Sevidol 4/4G)	Lindafor,
3	Cadmium compound (Cd)	
4	Chlordance (Chlorotox, Octachlor, Pentichlor)	
5	DDT (Neocid, Pentachlorin, Chlorophenothane)	
6	Dieldrin (Dieldrex, Dieldrite, Octalox ...)	
7	Eldrin (Hexadrin)	
8	Heptachlor (Drimech, Heptamul, Heptox)	
9	Isobenzen	
10	Isodrin	
11	Lead compound (Pb)	
12	Methamidophos: (Dynamite 50 SC, Filitox 70 SC, Master 50 EC, 70 SC, Monitor 50 EC, 60 SC, Isometha 50 DD, 60 DD, Isosuper 70 DD, Tamaron 50 EC)	
13	Methyl Parathion (Danacap M25, M40; Folidol - M50 EC; Isomethyl 50 ND; Metaphos 40 EC, 50 EC; (Methyl Parathion) 20 EC, 40 EC, 50 EC; Milion 50 EC; Proteon 50 EC; Romethyl 50 ND; Wofator 50 EC)	
14	Monocrotophos: (Apadrin 50SL, Magic 50 SL, Nuvacron 40 SCW/DD, 50 SCW/DD, Thunder 515 DD)	SCW/DD,
15	Parathion Ethyl (Alkexon, Orthophos, Thiopphos)	
16	Sodium Pentachlorophenate monohydrate (Copas NAP 90 G, PDM ₄ 90 powder,	P-NaF 90,

	PBB 100 powder)	
17	Pentachlorophenol (CMM 7 liquid oil, Oil eradicate termites M-4 1.2 liquid)	
18	Phosphamidon (Dimeccron 50 SWC/DD)	
19	Polychlorocamphene (Toxaphene, Camphechlor)	
20	Stroban (Polychlorinate of camphene)	
<i>Thuốc diệt nấm cho cây trồng</i>		
1	Arsenic compound (As) except Dinasin	
2	Captan (Captane 75 WP, Merpan 75 WP)	
3	Captafol (Difolatal 80 WP, Folcid 80 WP)	
4	Hexachlorobenzene (Anticaric, HCB)	
5	Mercury compound (Hg)	
6	Selenium compound (Se)	
<i>Thuốc diệt chuột</i>		
1	Talium compound (TI);	
2	2.4.5 T (Brochtox, Decamine, Veon)	

<i>Hộp A5.2 Thủ tục Vận chuyển, lưu trữ và sử dụng thuốc trừ sâu</i>	
<ul style="list-style-type: none"> - <i>Thủ tục an toàn vận chuyển thuốc trừ sâu:</i> Các thủ tục sau đây sẽ được áp dụng trong khi vận chuyển thuốc trừ sâu theo PMP: thuốc trừ sâu sẽ được đựng trong một thùng có khóa an toàn và có dán nhãn chỉ dẫn thích hợp; chỉ được vận chuyển thuốc trừ sâu trong container có dán nhãn, đặc biệt vận chuyển riêng thuốc trừ sâu với thức ăn và nước uống, đồ dùng an toàn và con người; làm sạch thiết bị trước và sau khi vận chuyển; các tài liệu hoạt động và bảng chỉ dẫn an toàn hoá chất (MSDS) phải có trong các phương tiện vận chuyển và sử dụng thuốc trừ sâu. - <i>Quy định an toàn lưu trữ thuốc trừ sâu:</i> Các khu vực lưu trữ phải: được thông gió với bên ngoài; khi không có người giám sát thì phải khoá lại; chỉ có người có chức năng mới được ra vào khu vực này; luôn duy trì tấm bảng bên ngoài của mỗi cánh cửa dẫn vào khu lưu trữ, trên đó nêu tên các loại thuốc trừ sâu được lưu trữ và dòng "CẢNH BÁO - KHU LƯU TRỮ THUỐC TRỪ SÂU - KHÔNG PHẬN SỰ CẤM VÀO" viết bằng chữ in hoa rõ ràng. Ngoài ra, người chịu trách nhiệm của khu vực lưu trữ có trách nhiệm thông báo cho đơn vị cứu hỏa gần nhất về sự hiện diện của thuốc trừ sâu trong khu vực lưu trữ nếu được lưu trữ ở đây trên 60 ngày. Người chịu trách nhiệm phải đảm bảo rằng tất cả các loại thuốc trừ sâu được lưu trữ trong một khu vực có khoá và tách biệt với khu vực của tài xế vận chuyển và trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân. - <i>Quy định an toàn trong quá trình phối trộn, nạp và sử dụng:</i> Các công đoạn trộn, nạp và phun thuốc trừ sâu được thực hiện bởi thiết bị có chứng nhận hoặc người có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện; Trộn thuốc trừ sâu luôn luôn phải được tiến hành một cách an toàn; chuẩn bị sẵn bộ dụng cụ tràn an toàn, kế hoạch ứng phó sự cố tràn và nguồn cung cấp viện trợ đầu tiên; Môi trường vệ sinh và quần áo bảo hộ cần được chuẩn bị theo khuyến cáo trên nhãn sản phẩm 	

tương ứng; nhãn sản phẩm và Bảng hướng dẫn an toàn vật liệu sẽ có sẵn trên hoặc gần nơi thực hiện để đảm bảo rằng lượng thuốc trừ sâu được pha trộn và sử dụng phù hợp với quy định; Không pha trộn thuốc trừ sâu trong vòng 15 mét gần khu vực môi trường nhạy cảm.

- *Quy định xử lý an toàn chai lọ, bao bì đựng thuốc trừ sâu và thuốc trừ sâu chưa sử dụng:* bao bì, chai lọ đựng thuốc trừ sâu sẽ được xử lý theo hướng dẫn của nhà sản xuất ghi trên sản phẩm hoặc hướng dẫn và khuyến nghị của tỉnh. Tối thiểu, chúng sẽ được gửi trả lại cho nhà phân phối để tái chế; hoặc rửa bằng nước có áp lực lớn hoặc nếu không có áp lực lớn thì rửa bằng lượng gấp 3 lần thể tích của chúng và sau đó được sửa đổi để tái sử dụng và xử lý tại bãi chôn lấp hoặc bãi thải theo quy định.
- *Thủ tục ứng phó với sự cố tràn thuốc trừ sâu:* Thiết bị xử lý sự cố phải được trang bị ngay hoặc gần nơi lưu trữ (đối với kho lưu trữ di động), tại khu vực trộn và nạp thuốc trừ sâu; bao gồm các thiết bị bắt buộc như: thiết bị bảo hộ cá nhân; chất hấp thụ như mùn cưa, cát, than hoạt tính, đất sét khô, khoáng chất bón cây, cát vệ sinh cho mèo, chất hấp thụ; trung hòa chất như vôi, clo hoặc soda và chổi vệ sinh dạng dài, xẻng và thùng chứa có nắp đậy. Quy trình thực hiện: tất cả các nhân viên phải được bảo vệ khỏi bị nhiễm độc thuốc trừ sâu bằng cách mặc quần áo bảo hộ và thiết bị an toàn thích hợp; di chuyển người bị tiếp xúc với thuốc trừ sâu ra khỏi vị trí xảy ra tràn; thực hiện sơ cứu nếu cần thiết; tìm và ngăn chặn nguồn gốc của sự cố; ngăn việc lan rộng của các chất bị tràn bằng cách đắp bờ bao; chủ sở hữu có trách nhiệm đảm bảo các hoạt động cho đến khi ngừng tràn; rải chất hấp thụ trên khu vực bị tràn để hấp thụ các chất bị tràn dạng dung dịch; các vật liệu hấp thụ được thu gom trong các túi hoặc thùng rác trên đó được đánh dấu rõ ràng; đất bị ô nhiễm hoặc vật liệu khác sẽ được loại bỏ và được đặt trong túi hoặc thùng chứa rác; chủ sở hữu có trách nhiệm liên hệ với đơn vị có chức năng của tỉnh để được hướng dẫn vận chuyển và xử lý theo yêu cầu; khi có hơn một kg thuốc trừ sâu tràn vào nguồn nước, chủ sở hữu cần báo khẩn cấp cho tỉnh qua số điện thoại 115 hoặc cho cảnh sát địa phương và thông báo cho đại diện của Cục Bảo vệ thực vật về các chi tiết liên quan ngay khi xảy ra vụ tràn.

Hộp A5.3 Nguyên tắc cơ bản của VietGAP đối với Nuôi trồng thủy sản

- Nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm bằng cách tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định của Việt Nam cũng như các quy định của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) của Liên Hợp Quốc và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).
- Nuôi trồng thủy sản phải đảm bảo điều kiện sống và sức khỏe cho động vật thủy sinh bằng cách tạo điều kiện tối ưu cho sức khỏe, giảm căng thẳng, hạn chế nguy cơ mắc bệnh và duy trì môi trường nuôi tốt trong tất cả các giai đoạn của chu kỳ nuôi.
- Các hoạt động NTTS phải được thực hiện theo kế hoạch chi tiết và không ảnh hưởng đến môi trường theo quy định của Việt Nam cũng như các cam kết và quốc tế. Cần có đánh giá tác động môi trường của việc lập kế hoạch, phát triển và thực hiện NTTS.

- NTTS phải được thực hiện kèm với trách nhiệm xã hội, tôn trọng văn hóa của cộng đồng địa phương, chấp hành đúng quy định của Nhà nước và các thỏa thuận liên quan của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) về quyền lao động, không ảnh hưởng đến sinh kế của người dân và cộng đồng xung quanh. Nuôi trồng thủy sản phải đóng góp tích cực cho sự phát triển nông thôn, mang lại lợi ích, bình đẳng và góp phần xóa đói giảm nghèo đồng thời tăng cường an ninh lương thực trên địa bàn. Do đó, vấn đề kinh tế-xã hội phải được xem xét trong tất cả các giai đoạn của hoạt động nuôi từ khi lập cho đến khi triển khai hoạt động nuôi.

9. **Tổ chức và năng lực thực hiện:** MARD, thông qua Cục Bảo vệ thực vật (PPD), Tổng cục Nuôi trồng thủy sản (FAD) và các trung tâm/viện nghiên cứu là các cơ quan của Bộ chịu trách nhiệm chính trong việc đảm bảo quản lý hiệu quả sử dụng thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp độc hại trong sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam. PPD được vận hành thông qua Trụ sở chính tại Hà Nội cũng như các văn phòng khu vực và Chi cục BVTV của các tỉnh (PPDs). Đối với vùng ĐBSCL, Văn phòng đại diện của Cục ở phía Nam tại TP.HCM có phòng phân tích thuốc trừ sâu trong các sản phẩm nông nghiệp, bên cạnh đó, Trung tâm Bảo vệ thực vật phía Nam của Cục đặt tại Tiền Giang đã đóng một vai trò tích cực trong việc cung cấp chính sách và hướng dẫn kỹ thuật về hoạt động nghiên cứu và làm việc chặt chẽ với các Chi cục BVTV các tỉnh trong khu vực dự án. Tổng cục Thủy sản ít nhiều cũng có tổ chức tương tự. Tổng cục Thủy sản được vận hành qua Văn phòng FAD tại Hà Nội cũng như Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản 2 (có trụ sở tại Tp.HCM), Chi cục Nuôi trồng thủy sản của các tỉnh. Các trường đại học, trung tâm/viện nghiên cứu khác cũng như các tổ chức quần chúng và các đoàn thể/hiệp hội địa phương cũng tham gia trong việc thúc đẩy thực hành IPM và quản lý các hóa chất nông nghiệp sử dụng trong canh tác lúa, nuôi tôm, nuôi trồng thủy sản.

10. Chi cục Bảo vệ thực vật của các tỉnh, các trường đại học và trung tâm nghiên cứu tại các tỉnh dự án đã khá quen thuộc cũng như có kinh nghiệm tham gia vào nghiên cứu và đào tạo IPM trước đây. *Tuy nhiên, sự phối hợp và hợp tác cũng như năng lực kỹ thuật và quản lý liên quan đến giám sát và phân tích có thể sẽ không phù hợp. Hơn nữa, việc thiếu ngân sách đã làm hạn chế hiệu quả của Chính phủ cũng như của các tỉnh trong việc quản lý thuốc trừ sâu và hóa chất nông nghiệp độc hại ở ĐBSCL.*

A5.3. Cân nhắc kỹ thuật

10. **Nguyên tắc IPM và các mô hình trình diễn IPM:** Để phù hợp với Chính sách OP/BP 4.09 các TDA sẽ áp dụng IPM, nếu hiệu quả và thích hợp thì các hoạt động PMP bao gồm thực hành IPM có thể được thực hiện ở quy mô thí điểm và cần cân nhắc các vấn đề sau:

- Các mô hình IPM nên thực hiện theo các nguyên tắc IPM chung (xem Hộp A5.4), trong quá trình lập kế hoạch và thiết kế mô hình cần tham vấn chặt chẽ các cơ quan kỹ thuật trung ương và địa phương cũng như nông dân; xây dựng năng lực thể chế các bên tham gia mô hình bao gồm các lãnh đạo nhóm và nông dân. Do điều kiện

môi trường và điều kiện của các loại cây trồng khác nhau, kích thước mỗi mô hình nên dao động từ 5-10 ha.

- Ngoài việc đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật, dự án cũng nên hỗ trợ thêm các nguyên vật liệu và các ưu đãi khác để khuyến khích sự tham gia có hiệu quả của các hộ gia đình trong các mô hình trình diễn.
- Phát triển các tài liệu hướng dẫn IPM cho các đối tượng chính (lúa, rau, tôm, nuôi trồng thủy sản,...) và thúc đẩy những nỗ lực để nhân rộng mô hình.

11. **TOT (đào tạo giảng viên) và tập huấn đầu bờ (FFS):** TDA có thể hỗ trợ:

- *Hội thảo và đào tạo cán bộ IPM:* Nội dung đào tạo bao gồm: Phân biệt các loài gây hại chính và các loài gây hại thứ cấp; Xác định những loài khắc tinh của sâu bệnh và dịch bệnh trong loại hình sản xuất; Điều tra các phương pháp để phát hiện sâu bệnh; Hiểu được tác động và sử dụng thích hợp thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ; kỹ thuật kiểm soát sâu bệnh theo các nguyên tắc IPM và kỹ thuật canh tác chuyên sâu.
- *Tập huấn đầu bờ:* để tăng cường sự hiểu biết cả về lý thuyết và ứng dụng thực tế trong lĩnh vực này. Việc đào tạo có thể được thực hiện thông qua các nhóm chuyên đề: kỹ thuật nuôi, phương pháp nhận dạng, phát hiện sâu hại và thiên địch cũng như các kỹ thuật IPM trong sản xuất.

12. **Trao đổi thông tin và tham quan học tập:** Các hoạt động có thể được xem xét khi tìm thấy các mô hình có liên quan được thực hiện có hiệu quả. Xây dựng các kết nối và mạng lưới giữa người nông dân và hợp tác xã cũng như sự hợp tác giữa chính quyền địa phương với nhau có thể đóng góp đáng kể vào việc nâng cao năng lực thích ứng với BĐKH.

Hộp A5.4 Các nguyên tắc IPM

- “*Phát triển cây trồng khỏe mạnh*”. Trọng tâm hoạt động là giữ cây trồng khỏe mạnh. Lựa chọn các giống có khả năng kháng hoặc chống chịu sâu bệnh là một vấn đề quan trọng. Chú ý đến chất lượng đất, chất dinh dưỡng và quản lý nước cũng góp phần giúp cây trồng tăng trưởng khỏe mạnh. Vì vậy, nhiều chương trình IPM áp dụng một cách tiếp cận toàn diện và xem xét một phạm vi rộng lớn hơn các thông số sinh thái nông nghiệp liên quan đến sản xuất cây trồng.
- “*Quản lý các hệ sinh thái nông nghiệp*” bằng cách quản lý này sâu bệnh vẫn tồn tại nhưng chúng không ảnh hưởng đến sự phát triển cây trồng, chứ không phải cố gắng để diệt trừ sâu bệnh. Phòng chống dịch hại bằng thiên địch là mục tiêu quốc gia trong việc bảo vệ cây trồng. Các hoạt động sản xuất không sử dụng hóa chất được áp dụng để tạo môi trường không thích hợp cho các loài sâu bọ và thích hợp cho các loài thiên địch ngăn ngừa việc tạo môi trường thích hợp cho các loài cỏ dại và dịch bệnh phát triển.
- Quyết định áp dụng các yếu tố bên ngoài như các kiểm soát bổ sung được thực hiện mang tính địa phương, dựa vào việc theo dõi các trường hợp xảy ra dịch hại và tại vị trí cụ thể. Các chất bổ sung bên ngoài bao gồm: các loài động vật săn mồi hay ký sinh (kiểm soát sinh học), nhân công để loại bỏ sâu bệnh bằng tay, mồi nhử và bẫy để bắt côn trùng như bẫy để bắt sâu, bẫy côn trùng hoặc thuốc trừ sâu. Việc lựa chọn các đầu vào bên ngoài này tùy thuộc vào mỗi tình huống khác nhau. Thuốc trừ sâu thường

được sử dụng nếu các biện pháp kiểm soát dịch hại không dùng hoá chất có hiệu quả kinh tế không có hoặc không thể kiểm soát dịch hại. Thuốc trừ sâu chỉ được áp dụng khi khảo sát thực địa cho thấy rằng, lượng sâu bệnh đã đạt đến một mức độ có khả năng gây thiệt hại lớn về kinh tế và việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu sẽ hiệu quả tích cực về mặt lợi nhuận của người nông dân. Lựa chọn các sản phẩm và kỹ thuật ứng dụng nên nhằm mục đích để giảm thiểu tác động bất lợi đối với các loài không gây hại, con người và môi trường.

- *IPM không phải là một đầu vào hoặc công nghệ mà là cách tiếp cận theo điều kiện thực tế của mỗi địa phương.* IPM khuyến khích nông dân tìm ra giải pháp cụ thể cho các vấn đề dịch hại mà họ gặp phải trong quá trình sản xuất dựa trên sự hiểu biết về các nguyên tắc sinh thái nông nghiệp, theo dõi các tương tác giữa các loại cây trồng, sâu bệnh và thiên địch của sâu hại và lựa chọn thực hiện các biện pháp kiểm soát thích đáng. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, IPM cũng kêu gọi áp dụng lựa chọn thay thế là không dùng hóa chất tránh gây hại cho môi trường đất sau thu hoạch. Điều này đặc biệt quan trọng vì việc sử dụng quá liều hóa chất chính là nguyên nhân chủ yếu gây thoái hóa đất và gây ngộ độc cho các khách hàng sử dụng các sản phẩm này.
- *Các hoạt động tăng cường áp dụng IPM mở rộng và đào tạo nông dân* nên được xem là yếu tố cốt lõi của một chương trình IPM, tuy nhiên, những hoạt động này cần được thiết kế phù hợp với năng lực hiện có, cơ cấu tổ chức và hệ thống canh tác. Nâng cao kiến thức và kỹ năng của người nông dân có thể được tiến hành bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp sau: (a) mô hình thí điểm và thử nghiệm mang tính truyền thống trong công tác khuyến nông, (b) cung cấp thông tin qua truyền hình và phát thanh, bản tin và dịch vụ internet cũng như đào tạo cho từng cá nhân hoặc nhóm nông dân. Cách tiếp cận tập huấn đầu bờ²⁰ (FFS) và /hoặc đào tạo và nghiên cứu (FPTR) có sự tham gia của nông dân được áp dụng tùy trường hợp. Hiện tại, trung tâm nghiên cứu nông nghiệp trong và ngoài nước đang sử dụng FPTR như một cách để thu hẹp khoảng cách giữa nghiên cứu và thực tiễn.
- *Liên lạc và chia sẻ kinh nghiệm* cũng là một yếu tố quan trọng của IPM. Chương trình phải được thiết kế để nâng cao kiến thức về các thực hành tốt trong khu vực dự án/TDA phù hợp với các điều kiện kinh tế xã hội của nông dân. IPM không nhất thiết liên quan đến việc thu thập thông tin và ra quyết định. Tiếp cận IPM có thể được giới thiệu trong bất kỳ mức độ phát triển nông nghiệp nào. Ví dụ, cải thiện cách thực hành quản lý cây trồng cơ bản, chẳng hạn như thời gian và khoảng cách trồng cây, thường có hiệu quả trong việc làm giảm sự tấn công của dịch hại. IPM là chương trình năng động. Lúc bắt đầu thực hiện thì sẽ có hạn chế về thông tin chuyên môn và quản lý. Sau đó, trong quá trình thực hiện sẽ phát triển thêm thông tin, công nghệ và cơ chế để nâng cao hiệu quả của hệ thống.
- *Nghiên cứu và phát triển cũng như hỗ trợ kỹ thuật:* Không có thiết kế chi tiết nào cho từng tình huống áp dụng chương trình IPM. Việc áp dụng này cần được xem xét thông qua các nghiên cứu đang được thực hiện, các hoạt động khuyến nông và đào tạo cho

²⁰ Khái niệm của FFS là một chương trình đào tạo thực hành cho một nhóm nông dân ở vị trí hiện trường, đặc biệt tập trung vào phân tích sinh thái nông nghiệp. Đây là một phương pháp để thu nhận kiến thức về quản lý môi trường trong khi học tập. FFS đã được sử dụng trong nhiều quốc gia châu Á để giải quyết vấn đề dịch hại gây ra bởi sử dụng không đúng cách, lạm dụng thuốc trừ sâu, đặc biệt cho lúa gạo tưới. Phương pháp này được thúc đẩy bởi chương trình Systemwide về IPM (SP-IPM) của FAO và hỗ trợ bởi ngân hàng. Ở Việt Nam, không nhiều nông dân được đào tạo nhưng không rõ ràng về tác động kinh tế và sự bền vững tài chính của khái niệm FFS bởi chi phí trên mỗi nông dân có thể là đáng kể..

cán bộ khuyến nông cũng như nông dân các thông tin liên quan đến IPM trong các lĩnh vực và chương trình IPM thích hợp phải được xây dựng dựa trên ưu điểm và giải quyết được hạn chế của từng địa phương.

- Nếu có thể, cung cấp hỗ trợ cho việc nghiên cứu là một yếu tố quan trọng của một chiến lược IPM vì vẫn còn thiếu các giải pháp thích ứng về dịch hại tại địa phương. Ngoài ra, khi thay đổi hệ thống canh tác thì các loại sâu bệnh mới sẽ liên tục xuất hiện. Mọi quan hệ giữa các dịch vụ nghiên cứu và mở rộng phải được đảm bảo. Sự tham gia của khu vực tư nhân để thúc đẩy phi hóa học và/hoặc các tùy chọn IPM "màu xanh lá cây và an toàn" cũng nên được xem xét.
- Mọi quan hệ giữa các hoạt động nghiên cứu và dịch vụ khuyến nông phải được đảm bảo. Ngoài ra, cần tính đến sự tham gia của tư nhân để thúc đẩy sản xuất không hoá chất và/hoặc sản xuất "xanh và an toàn" trong các lựa chọn của chương trình IPM.
- Có nhiều kỹ thuật có thể được áp dụng trong cách tiếp cận IPM. Khả năng ứng dụng kinh nghiệm riêng lẻ này phụ thuộc vào các yếu tố sau: loại cây trồng, hệ thống cây trồng, các vấn đề sâu bệnh, khí hậu, điều kiện sinh thái nông nghiệp,... Nói chung, IPM liên quan đến áp dụng kết hợp các kỹ thuật. Một số ví dụ về các kỹ thuật đó bao gồm:
 - Áp dụng kỹ thuật canh tác có thể giúp ngăn ngừa việc tích tụ các loài gây hại như luân canh, xen canh, vệ sinh ruộng và vệ sinh luống đất để gieo giống, sử dụng các giống kháng sâu bệnh, quản lý ngày xuống giống, ngày thu hoạch, quản lý nước/tưới tiêu, quản lý đất và dinh dưỡng (bao gồm phủ rơm, không làm đất, quản lý phân bón), thực hành để nâng cao sự tích tụ của các loài săn mồi tự nhiên hiện có, bắt loài gây hại hoặc nhổ cỏ bằng tay, sử dụng bẫy hoặc loài cây có khả năng bẫy các loài gây hại và ngăn chặn thiệt hại sau thu hoạch;
 - *Sử dụng đầu vào sinh học* - gồm kiểm soát sinh học thông qua việc đưa vào các loài động vật ăn thịt, ký sinh trùng hoặc các mầm bệnh; Kiểm soát sinh học thông qua cá, vịt, ngỗng, dê, ...; đưa vào các côn trùng đực vô sinh; thuốc trừ sâu sinh học và các chế phẩm sinh học.
 - *Sử dụng đầu vào hóa chất* như hóa chất gây rối loạn hành vi côn trùng (ví dụ: pheromones) và chất kiểm soát tăng trưởng.
- *Thuốc trừ sâu thông thường*: Việc sử dụng này cần được cân nhắc kỹ lưỡng về mặt kinh tế và kỹ thuật.
- *Lựa chọn cẩn thận loại thuốc trừ sâu và kỹ thuật áp dụng là quan trọng để giảm thiểu* đến mức thấp nhất tác động đến sinh vật có lợi, con người và môi trường. Có một loạt các loại thuốc trừ sâu với mức độ tác động đến sinh vật có lợi, con người và môi trường khác nhau. Khi lựa chọn thuốc trừ sâu người nông dân tìm kiếm các sản phẩm: (a) có hiệu quả trong việc kiểm soát dịch hại; (b) có tác dụng đối loại dịch hại và không ảnh hưởng đến sinh vật có lợi; (c) có độc tính thấp đối với con người. Ngoài ra, điều quan trọng là phương pháp sử dụng mà tùy thuộc vào phương pháp này mà lượng thuốc trừ sâu thay đổi đáng kể. Sử dụng bẫy côn trùng (chất hấp các loài côn trùng với một loại thuốc trừ sâu) thì lượng thuốc trừ sâu cần sử dụng sẽ ít hơn (ví dụ đòi hỏi thuốc trừ sâu ít hơn so với áp dụng phun thuốc lên lá cây trồng).

A5.4. Hướng dẫn kỹ thuật IPM cho lúa và ngô

13. Lúa và ngô là các cây trồng chính ở ĐBSCL. Phần dưới đây sẽ cung cấp hướng dẫn áp dụng các thực hành IPM cho lúa và ngô:

(a) Thực hành IPM:

- **Năm nguyên tắc cơ bản của thực hành IPM cho việc trồng lúa là:**

- Trồng và chăm sóc sức khỏe của cây trồng: Chọn giống tốt, phù hợp với điều kiện địa phương; Chọn cây khỏe mạnh và đủ điều kiện; trồng, chăm sóc đúng kỹ thuật để cây trồng phát triển tốt có sức chống chịu và năng suất cao;
- Kiểm tra ruộng thường xuyên, nắm được diễn biến của sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng, sâu bệnh, thời tiết, đất, nước để có biện pháp khắc phục kịp thời;
- Nông dân trở thành chuyên gia: cần phổ biến kiến thức và kỹ năng quản lý rộng rãi đến nhiều người nông dân;
- Phòng trừ sâu bệnh bao gồm: Sử dụng các biện pháp phòng ngừa thích hợp, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của bệnh, tùy thuộc vào từng giai đoạn ký sinh của thiên địch; Sử dụng các loại thuốc hóa học có kỹ thuật hợp lý và đúng đắn;
- Bảo vệ thiên địch: Bảo vệ các sinh vật có lợi giúp nông dân diệt sâu bệnh;

- **Đối với trồng lúa**, tùy thuộc vào giống lúa, vị trí của TDA, các phương pháp IPM sau sẽ được cân nhắc áp dụng:

- *Phương pháp canh tác*: đất, vệ sinh đồng ruộng, luân canh, xen canh, mùa vụ, thời vụ gieo sạ và mật độ trồng hợp lý, sử dụng phân bón hợp lý và các biện pháp chăm sóc phù hợp;
- *Sử dụng giống*: hạt giống truyền thống và các hạt giống được đề xuất sử dụng;
- *Các biện pháp sinh học*: tận dụng các loài thiên địch có sẵn trên ruộng, sử dụng chế phẩm sinh học;
- Xác định mức độ tác hại và hiệu quả của việc ngăn ngừa;
- *Các biện pháp hóa học*: an toàn với thiên địch, sử dụng đúng thuốc, ngưỡng kinh tế và sử dụng đúng loại thuốc;

- **Phương pháp canh tác:**

- *Chuẩn bị đất sớm và vệ sinh đồng*: Làm đất và vệ sinh đồng ngay sau khi trồng để phòng chống sâu bươm và sâu đục thân lúa cũng như không để nơi cư trú và nguồn thức ăn cho rầy nâu, rầy xanh,... Đây chính là vật trung gian để truyền các bệnh nguy hiểm đối với lúa như bệnh vàng lá, bệnh đạo ôn. Nguyên tắc tác động của các biện pháp vệ sinh môi trường và xử lý tàn dư cây trồng sau khi thu hoạch là làm gián đoạn chu kỳ sinh của sâu bệnh từ cây trồng sang cây trồng khác và sâu bệnh bị hạn chế lây lan rộng và tích lũy ở đầu vụ.
- *Luân canh*: trồng xen lúa với các cây trồng khác để tránh tích tụ mầm bệnh trên lúa từ cây trồng khác.

- *Gieo trồng thích hợp*: Trồng lúa để đảm bảo tăng trưởng và phát triển tốt, đạt năng suất cao, tránh được nguy cơ của thời tiết. Việc xác định phải dựa vào các đặc điểm của sâu bệnh phát sinh để đảm bảo phòng tránh dịch bệnh tối đa.
- *Sử dụng hạt giống khỏe mạnh, kháng sâu bệnh*: Hạt giống khỏe mạnh, kháng sâu bệnh giúp tạo điều kiện cho cây lúa phát triển; Sử dụng hạt giống lúa kháng bệnh tốt để giảm sử dụng thuốc trừ sâu, giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ thiên địch; giữ gìn hệ sinh thái nông nghiệp; Giống lúa với thời kỳ sinh trưởng ngắn khoảng 100-110 ngày có thể tránh được sâu đục thân. Giống lúa ngắn ngày (80-90 ngày) là biện pháp phòng chống rầy nâu hiệu quả. Thời gian ngắn không đủ cho rầy nâu sinh trưởng và phát triển.
- *Mật độ trồng hợp lý*: Mật độ và kỹ thuật gieo, tùy thuộc vào các giống lúa cấy, cây trồng, đất và dinh dưỡng, chất lượng cây lúa, quá trình thâm canh nông nghiệp; Mật độ quá dày hoặc quá ít sẽ ảnh hưởng đến năng suất, trong khi cũng ảnh hưởng đến các thể hệ và phát triển của sâu bệnh, cỏ dại; Các cánh đồng lúa thường được gieo quá dày gây ra độ ẩm cao, tạo điều kiện cho bệnh khô vằn và rầy nâu phát sinh ở cuối vụ.
- *Sử dụng phân bón hợp lý*: Bón phân quá mức hoặc không hợp lý sẽ làm cho cây phát triển không bình thường và dễ bị sâu bệnh. Khi lúa thụ phấn dễ bị nhiễm bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bạc lá.

- **Phương pháp thủ công:**

- Bẫy đèn bắt bướm, phá ổ trứng, chà tước lá, làm hàng rào, đào đất để bắt chuột.

- **Phương pháp sinh học**

- Tạo ra một môi trường thuận lợi cho sinh vật có lợi là kẻ thù tự nhiên của sâu bệnh phát triển để đóng góp vào diệt sâu bệnh.
- Bảo vệ thiên địch để tránh hóa chất độc hại bằng cách sử dụng các loại thuốc chọn lọc, các loại thuốc phổ hẹp, thuốc dùng khi thật cần thiết và phải dựa vào điều kiện kinh tế, ...
- Tạo môi trường sống cho các loài thiên địch sau khi trồng bằng cách trồng xen, trồng cây họ đậu...
- Áp dụng các kỹ thuật canh tác thuận lợi cho phát triển thiên địch.

- **Các loại thuốc sinh học ưu tiên sử dụng để bảo vệ thực vật**

- Các loại thuốc kiểm soát dịch hại sinh học có hiệu quả, không độc hại cho sinh vật có lợi, an toàn cho sức khỏe con người và môi trường.

(b) **Định mức sử dụng phân bón:** định mức sử dụng phân bón cần thực hiện như sau:

- **Đối với lúa gieo sạ:**

- Lượng phân bón là 1 ha (8-10 tấn) phân chuồng, 250 kg urê, 500 kg supe lân, K clorua 150kg.

- Bón lót, tổng số phân chuồng, phân lân + 20% urê + 30% K.
 - Bón thúc đẻ nhánh 60-70% urê + 20% K.
 - Lưu ý: Các vụ xuân chỉ bón phân khi thời tiết không quá lạnh và phân bón nitơ giới hạn khi lúa trở bông để tránh rơi vào cuối của dịch hại cây trồng.
- **Đối với lúa cấy:** Lượng phân bón cho 1 ha: 4-5 kg phân hữu cơ bị phân hủy, 8-12 kg phân ure, 6-12 kg phân kali, supe lân Lâm Thao 15-25 kg. Phân bón cụ thể tùy thuộc vào giống lúa, tính chất của đất:
- Nâng cao năng suất giống lúa lai trồng trên đất cát, màu bạc.
 - Giống lúa thuần, đất giàu dinh dưỡng với một lượng phân bón tối thiểu.
 - Đất cát, đất bạc màu, bón với tỷ lệ phân khoáng 1 N: 1 K₂O: 1 P₂O₅
 - Đất đầm lầy, ngập nước thường xuyên, thường có tính axit, giàu protein, thiếu thời gian, thiếu phân bón kali, vôi bột trước khi cấy 7-10 ngày và giảm phân đạm, tăng phospho, K,...
 - Khuyến nghị về sản xuất: đối với đất giữ nước, tổng lượng phân chuồng bón lót, 30-40% protein + phosphate, Kali trước khi cấy bừa. Đất không giữ nước không bón lót phân bón có tính đạm để tránh lúa chết.
 - Bón tiếp khi cây lúa đã bén rễ (15-20 ngày sau khi cấy). Áp dụng 50-80% protein 20-40% + K, mực nước ngập 5cm.
 - Tiếp tục bón lần 2: Khi lúa cứng, khoảng 1-4 đến 10-4 hàng năm, 10% phân đạm và kali khác. Chú ý đến màu sắc của lá, nếu lá màu xanh đậm, không áp dụng phân bón nitơ để tăng lượng K, vì vậy, cho đến khi ra lúa trở bông, lá xanh là tốt, giữ đất luôn ẩm (đất mềm).
 - Ngoài việc đảm bảo năng suất cao và ổn định cần phải kiểm soát tốt hơn một số sâu bệnh hại lúa như rầy nâu, sâu đục thân, bệnh khô vằn, bệnh đạo ôn, ...
 - Lưu ý: Chỉ bón phân và nitơ khi nhiệt độ ngoài trời lớn hơn 15⁰C.
- **Cây ngô lai:**
- Lượng hạt giống cho 1 ha: 15 kg
 - Phân hữu cơ: vùng đồng bằng tối thiểu đạt 4-5 tấn và các khu vực vùng cao 3-4 tấn trở lên.
 - Urea: 300 kg
 - Phosphate: 400-500 kg
 - Phân bón kali: 150 kg
- **Cây ngô thuần:**
- Lượng hạt giống cho 1 ha: 25 kg
 - Phân hữu cơ: vùng đồng bằng tối thiểu đạt 4-5 tấn và các khu vực vùng cao 3 tấn trở lên.

- Urea: 200-250 kg
- Phosphate: 350-400 kg
- Phân bón Kali: 100-120 kg

(Nếu sử dụng phân bón các loại khác để áp dụng, phải được thực hiện để đảm bảo những quy định về số lượng theo 3 loại phân bón NPK)

(c) Yêu cầu hướng dẫn kỹ thuật chuyên sâu để trồng lúa

- Về hạt giống: trồng bằng các giống lúa lai mới, hạn chế sử dụng các giống lai cũ, đồng thời chỉ đạo gieo thời vụ, độc canh trên cùng lĩnh vực, do thời gian tăng trưởng, dẫn đến đặc điểm khác nhau quản lý bệnh khó, kiểm soát nước và chăm sóc.
- Về kỹ thuật:
 - Đối với gieo sạ: Tiếp tục áp dụng các khu vực gieo với điều kiện thuận lợi để đảm bảo nước tưới, đất bằng phẳng (có kèm theo các quy trình kỹ thuật).
 - Đối với cấy lúa: một kỹ thuật mới được áp dụng là cấy mật độ cao 55-60 cụm/m² để tiết kiệm hạt giống và rút ngắn thời gian đẻ nhánh, áp dụng đủ phân bón theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.
 - Áp dụng tập trung từ khâu giống, tiết kiệm hạt giống, áp dụng IPM, giảm thuốc trừ sâu thực vật để giảm chi phí đầu vào.

(d) Yêu cầu hướng dẫn kỹ thuật chuyên sâu để trồng ngô:

- Về hạt giống: vùng đồng bằng và vùng cao trồng một số giống ngô lai. Khu vực này không được canh tác ngô, ngô thuần. Ngô phải có nguồn gốc rõ ràng, giống có chất lượng tốt, các cơ quan chuyên ngành phải kiểm tra trước khi cung cấp cho nông dân.
- Kỹ thuật: Mật độ trồng 5,5-6 nghìn cây/ha, chỉ có 1 cây/lổ, các huyện vùng cao ở mật độ từ 5-5,5 nghìn cây/ha (1-2 cây/hố), bón đủ phân bón hữu cơ và phân vô cơ, Arlier bón bổ sung theo hướng dẫn.

PHỤ LỤC 6. MẪU ĐĂNG KÝ KHIẾU NẠI

Phụ lục này áp dụng cho tất cả các TDA được tài trợ bởi MD-IMSLP. Chủ TDA (PPMU/ICMB 10) sẽ chịu trách nhiệm thực hiện quy trình GRM (xem Mục 10), điền vào mẫu đăng ký GRM và báo cáo kết quả xử lý sẽ là một phần của các báo cáo giám sát an toàn và nộp cho CPMU và WB. Theo dự kiến, Ban Phát triển Cộng đồng (CDC) sẽ được thành lập để có thể giải quyết tốt các vấn đề liên quan đến GRM. Các cán bộ chịu trách nhiệm sẽ được tập huấn cách thức thực hiện.

Mẫu đăng ký khiếu nại

Khiếu nại số: _____			
Vị trí : huyện: _____		xã : _____	
Tên Ban phát triển cộng đồng: _____			
Tên của người khiếu nại: _____			
Địa chỉ: _____		Số	điện thoại: _____
Ngày nhận khiếu nại: _____			
Phân loại khiếu nại (đánh dấu (x) vào các ô dưới đây)			
<input type="checkbox"/> Sử dụng nước	<input type="checkbox"/> Tranh chấp với nhà thầu		
<input type="checkbox"/> Thành lập CDC	<input type="checkbox"/> Tranh chấp liên cộng đồng		
<input type="checkbox"/> Thu hồi đất và bồi thường	<input type="checkbox"/> Vấn đề kỹ thuật/vận hành		
<input type="checkbox"/> Tài chính	<input type="checkbox"/> Chậm tiến độ		
<input type="checkbox"/> Chất lượng nước	<input type="checkbox"/> Tiếng ồn		
<input type="checkbox"/> Vệ sinh môi trường	<input type="checkbox"/> Sử dụng nước		
<input type="checkbox"/> Khác (nêu rõ) _____			
Mô tả khiếu nại:			
Nguyên nhân khiếu nại?			
Đề xuất (của người khiếu nại) để giải quyết khiếu nại:			

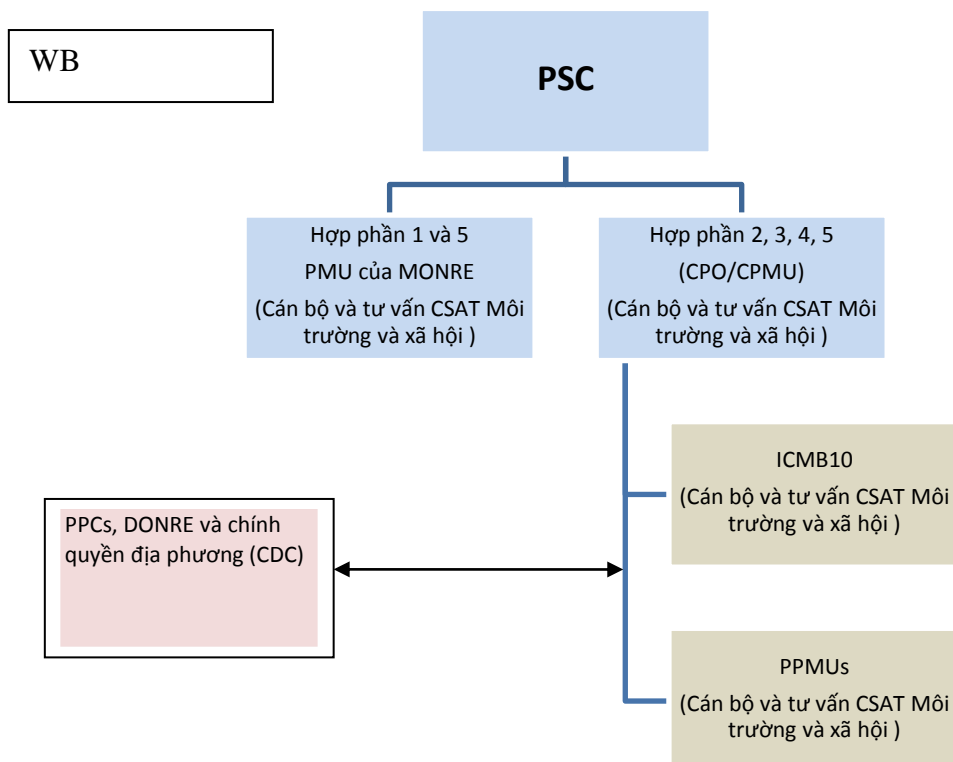
PHỤ LỤC 7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

1. Phụ lục này trình bày về tổ chức và trách nhiệm của các tổ chức chính liên quan đến việc thực hiện giám sát CSAT (Phần A7.1) cũng như các biểu mẫu báo cáo ở cấp TDA (mục A7.2) và cấp dự án (mục A7.3). Đối với TDA/hoạt động, các cán bộ CSAT của chủ TDA/hoạt động (PPMU, ICMB10 hoặc PMU MONRE) sẽ chịu trách nhiệm giám sát và báo cáo hàng tháng. Ở cấp độ dự án, các nhân viên CSAT của CPMU/CPO cũng như PMU MONRE sẽ rà soát tiến độ thực hiện ESMF và CSAT, tiến hành các hành động can thiệp khi cần thiết và báo cáo kết quả giám sát CSAT của dự án để trình lên WB mỗi 6 tháng cũng như mỗi năm. Ban chỉ đạo Dự án (PSC) và PPC sẽ chịu trách nhiệm tương ứng cho những vấn đề liên quan đến CSAT ở cấp độ dự án và TDA. Kiến nghị các tổ chức này cần tham vấn với WB trong quá trình thực hiện.

A7.1. Tổ chức thực hiện việc giám sát chính sách an toàn

2. Dự án sẽ được triển khai tại 9 tỉnh: Đồng Tháp và An Giang (Vùng thượng nguồn), Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long và Sóc Trăng (Vùng cửa sông) và Bạc Liêu, Kiên Giang và Cà Mau (Vùng bán đảo). Các cơ quan thực hiện dự án sẽ là MARD, MONRE và PPC của 9 tỉnh dự án. Song song với tổ chức thực hiện dự án (xem ở Mục 2.4 của báo cáo chính) thì tổ chức thực hiện việc giám sát chính sách an toàn sẽ được trình bày trong *Hình A.6* và *Bảng A.10*.

Hình A.6: Tổ chức thực hiện giám sát chính sách an toàn



Bảng A.10: Trách nhiệm giám sát chính sách an toàn của dự án và tiểu dự án

Cộng đồng/Tổ chức	Trách nhiệm
<p>Cơ quan thực hiện dự án (IA) và PMU (Tổ chức thực hiện dự án là MARD và MONRE và PMU là PMU MONRE và CPMU, ICMB10 của MARD và PPMUs của các tỉnh)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - IA sẽ chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện dự án bao gồm thực hiện ESMF và hoạt động quản lý môi trường của Nhà thầu. - PMU, đại diện của IA, sẽ chịu trách nhiệm giám sát tổng thể việc thực hiện dự án, bao gồm cả việc tuân thủ môi trường của dự án. PMU sẽ có trách nhiệm cuối cùng trong việc thực hiện ESMF và hiệu quả môi trường của dự án trong cả giai đoạn thi công và vận hành. - Cụ thể, PMU sẽ: i) phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để đảm bảo sự tham gia của cộng đồng trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án; ii) theo dõi và giám sát việc thực hiện ESMP, bao gồm cả việc tích hợp ESMP vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và hồ sơ thầu cũng như hợp đồng; iii) đảm bảo việc thiết lập và vận hành hiệu quả của hệ thống quản lý môi trường và iv) có nhiệm vụ báo cáo về tình hình thực hiện ESMP với IA và WB. - Để có được hiệu quả trong quá trình thực hiện, PMU sẽ thành lập một Bộ phận Môi trường và xã hội với tối thiểu là 2 cán bộ (1 môi trường và 1 xã hội) để hỗ trợ các vấn đề môi trường của dự án.
<p>Bộ phận Quản lý môi trường và xã hội (ESU) của PMU</p>	<ul style="list-style-type: none"> - ESU chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện chính sách an toàn môi trường của WB ở tất cả các giai đoạn và quá trình của dự án. Cụ thể, đơn vị này sẽ chịu trách nhiệm: (i) sàng lọc tính hợp lệ của TDA, kiểm tra tác động môi trường và xã hội, các CSAT được áp dụng và các sàng lọc các tài liệu an toàn cần phải chuẩn bị; ii) rà soát EIA/EPP và ESIA/ESMP của TDA nhằm đảm bảo chất lượng của các tài liệu này; iii) hỗ trợ PMU tích hợp ESMP vào thiết kế kỹ thuật chi tiết và hồ sơ mời thầu cũng như hợp đồng xây lắp; iv) hỗ trợ PMU tích hợp trách nhiệm theo dõi và giám sát thực hiện ESMP vào TOR, hồ sơ mời thầu và hợp đồng cho CSC cũng như tư vấn CSAT khác (SSC, ESC, IMA và EMC); v) đóng góp ý kiến liên quan trong quá trình tuyển chọn tư vấn; vi) rà soát các báo cáo do CSC và tư vấn chính sách an toàn nộp; vii) tiến hành kiểm tra công trường định kỳ; viii) tư vấn cho PMU về các giải pháp đối với các vấn đề môi trường của dự án và ix) chuẩn bị phần báo cáo thực hiện CSAT môi trường trong Báo cáo tiến độ và báo cáo rà soát sẽ được nộp cho Cơ quan thực hiện dự án, WB.
<p>PPMUs, DARDs, ICMB10, PMU MONRE</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Với vai trò là chủ TDA/hoạt động PPMU/ICMB10/PMU MONRE sẽ chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các hoạt động ESMP thuộc dự án bao gồm duy trì phối hợp và hợp tác hiệu quả giữa nhà thầu, chính quyền và cộng đồng địa phương trong giai đoạn xây dựng. PPMU/ICMB10/PMU MONRE sẽ được hỗ trợ bởi các cán bộ môi trường của mình, tư vấn môi trường và CSC/hoặc kỹ sư công trường.
<p>Tư vấn giám sát xây dựng (CSC) và/hoặc Kỹ sư công trường</p>	<ul style="list-style-type: none"> - CSC sẽ chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát hàng ngày mọi hoạt động thi công và đảm bảo Nhà thầu tuân thủ các yêu cầu của hợp đồng và ECOP. CSC sẽ tuyển dụng đủ cán bộ có năng lực (ví dụ: Kỹ sư Môi trường) với kiến thức đầy đủ về bảo vệ môi trường và quản lý dự án thi công nhằm thực hiện được nghĩa vụ theo yêu cầu và giám sát hoạt động của Nhà thầu. - CSC cũng sẽ hỗ trợ PMU/PPMU/ICMB10/PMU MONRE báo cáo và duy trì phối hợp chặt chẽ với cộng đồng địa phương.

Cộng đồng/Tổ chức	Trách nhiệm
Nhà thầu	<ul style="list-style-type: none"> - Trên cơ sở các điều khoản môi trường (ECOP) được phê duyệt, Nhà thầu có trách nhiệm xây dựng ESMP (CESMP) trong quá trình thi công cho từng khu vực công trường thi công, đệ trình kế hoạch cho PPMU/ICMB10/PMU của MONRE và CSC xem xét, phê duyệt trước khi khởi công. Bên cạnh đó, nhà thầu cần phải có được đầy đủ các giấy tờ thủ tục cấp phép thi công (kiểm soát và phân luồng giao thông, công tác đào, an toàn lao động v.v.) trước khi thi công các công trình theo đúng quy định hiện hành. - Nhà thầu sẽ phân công các cá nhân có trình độ là Cán bộ an toàn và môi trường (SEO), chịu trách nhiệm giám sát sự tuân thủ của nhà thầu với các yêu cầu về sức khỏe và an toàn, các yêu cầu trong CESMP và ECOP. - Đưa ra những hành động nhằm giảm thiểu tất cả các tác động tiêu cực tiềm tàng phù hợp với mục tiêu được mô tả trong CESMP. - Chủ động liên hệ với người dân địa phương và có những hành động để ngăn chặn sự xáo trộn trong quá trình xây dựng. - Đảm bảo rằng tất cả cán bộ và công nhân hiểu các thủ tục và nhiệm vụ của mình trong chương trình quản lý môi trường. - Báo cáo cho PPMU/ICMB10/PMU của MONRE về bất kỳ khó khăn nào và các giải pháp. - Báo cáo với chính quyền địa phương PPMU/ICMB10/PMU của MONRE nếu xảy ra sự cố môi trường và phối hợp với các cơ quan cũng như các bên liên quan chính để giải quyết những vấn đề này.
Tur vấn giám sát môi trường độc lập (IEMC)	<ul style="list-style-type: none"> - IEMC sẽ hỗ trợ cho PPMU/ICMB10/PMU của MONRE theo hợp đồng nhằm thiết lập và vận hành hệ thống quản lý môi trường, đưa ra những khuyến nghị cho việc điều chỉnh và nâng cao năng lực cho các bên liên quan trong quá trình thực hiện và giám sát việc thực hiện CESMP trong cả hai giai đoạn xây dựng và vận hành. IEMC cũng sẽ có trách nhiệm hỗ trợ GTP PMU chuẩn bị các báo cáo giám sát về việc thực hiện ESMP. - IEMC có kiến thức và kinh nghiệm rộng trong công tác giám sát và kiểm toán môi trường, sẽ đưa ra các chỉ dẫn chuyên môn, khách quan và độc lập đối cho các hoạt động liên quan đến môi trường của dự án.
Chính quyền địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Cộng đồng: Theo thông lệ Việt Nam, cộng đồng có quyền và trách nhiệm thường xuyên giám sát hiệu quả môi trường trong quá trình thi công để đảm bảo quyền lợi và sự an toàn của họ được bảo vệ đầy đủ và các biện pháp giảm nhẹ được nhà thầu và PPMU/ICMB10/PMU của MONRE thực hiện hiệu quả. Trong trường hợp có vấn đề đột xuất, cộng đồng sẽ thông báo cho PPMU/ICMB10/PMU của MONRE.
Tổ chức xã hội, NGOs và tổ chức xã hội dân sự	<ul style="list-style-type: none"> - Những tổ chức này đóng vai trò cầu nối giữa UBND Tỉnh/Huyện, cộng đồng, nhà thầu và PPMU/ICMB10/PMU của MONRE bằng cách hỗ trợ trong giám sát cộng đồng. - Huy động cộng đồng tham gia vào các tiểu dự án, đào tạo cho cộng đồng và tham gia giải quyết các vấn đề môi trường nếu có.
UBND tỉnh và huyện	<ul style="list-style-type: none"> - Giám sát việc thực hiện các tiểu dự án theo khuyến nghị của DONRE và PPMU/ICMB10/PMU của MONRE để đảm bảo tuân thủ với chính sách

Cộng đồng/Tổ chức	Trách nhiệm
(PPCs/DPCs), DONRE	và quy định của Chính phủ. DONRE chịu trách nhiệm giám sát sự tuân thủ với các yêu cầu môi trường của Chính phủ.

A7.2. Báo cáo tiến độ hàng tháng của các TDA/hoạt động

3. **Hướng dẫn:** Mẫu này được hoàn thành và gửi cho Giám đốc dự án liên tục hàng tháng. Trong trường hợp mẫu này không đủ chỗ thì đính kèm thêm thông tin khi cần thiết.

Báo cáo tiến độ của tháng: _____

Tên TDA: _____

Mã số của TDA: _____

Xã/khu vực: _____

Huyện: _____

Tiến độ: (Liệt kê tất cả các hợp phần của TDA/hoạt động và tiến độ cho đến ngày báo cáo)

Hợp phần/TDA	Miêu tả kết quả thực hiện tính đến ngày báo cáo	Ghi chú
1.		
2.		
3.		
4.		

Ý kiến về các vấn đề chính sách an toàn của TDA/hoạt động:

(chỉ báo cáo nếu có bất cứ vấn đề về chính sách an toàn cần sự hỗ trợ của Giám đốc dự án hoặc cán bộ/chuyên gia tư vấn chính sách an toàn).

Vấn đề	Kiến nghị

A7.3 Báo cáo chính sách an toàn của dự án

4. Mẫu dưới đây sẽ được sử dụng cho báo cáo việc thực hiện chính sách an toàn mỗi 6 tháng và mỗi năm của dự án. Đính kèm thêm thông tin khi cần thiết khi các mẫu dưới đây không đủ chỗ.

Báo cáo tiến độ cho giai đoạn: _____

Chủ tiêu dự án/hoạt động: _____

Nội dung của Báo cáo tiến độ thực hiện chính sách an toàn môi trường và xã hội

STT	Nội dung đầu tư của Dự án (TDA/ Hoạt động)	Các vấn đề về môi trường và xã hội chính	Thực hiện các biện pháp giảm thiểu	Thực hiện và giám sát ESMP	Thực hiện chương trình đào tạo & nâng cao năng lực	Bài học kinh nghiệm	Ghi chú